NĂM THỨ MƯỜI BỐN • # 160 • AUGUST 2002

THẾ KỶ 21

14771 MORAN ST., WESTMINSTER CA 92683 - USA • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@kicon.com

NỖI ĐAU HIỆN SINH TRONG BƯỚM TRẮNG THỤY KHUÊ

SỰ HIỆN HỮU CỦA CÁI RỐN NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

GIA PHẢ TRẦN TRỊ CHI

Quê hương lam lũ, dấu yêu!

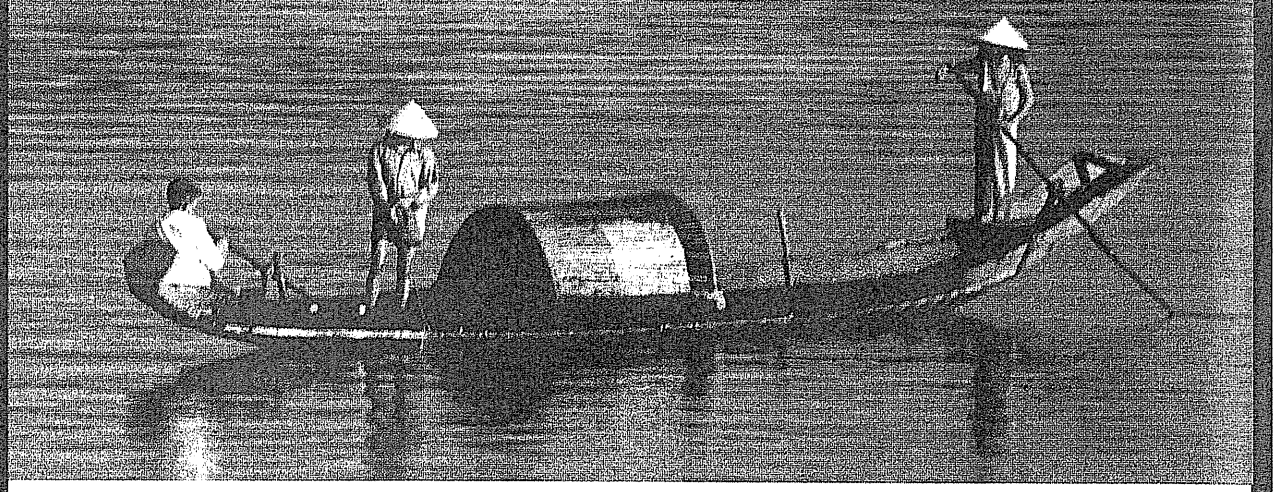

Người Việt chúng ta nổi tiếng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó để xây dựng một tương lai sáng lạn không chỉ cho mình mà còn cho những thế hệ mai sau. Công ty New York Life hiểu được truyền thống cao quý đó của dân tộc Việt và từng gia đình người Việt. Chính vì vậy, để cùng cộng đồng Việt mưu cầu cho đời sống tương lai tốt đẹp, công ty New York Life – một công ty đã được bao thế hệ người Mỹ đặt niềm tin vào hơn 150 năm qua – mong muốn được chia xẻ cùng quý vị trong việc thực hiện niềm mơ ước cao quý và chính đáng đó.

Chúng tôi có những sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chánh như:

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance)
- Niên kim* (Annuities)
- Bảo hiểm săn sóc tàn phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ về hưu (Retirement Funding)
- Quỹ đại học (College Funding)
- Kế hoạch truyền thừa tài sản (Estate Planning)

Tương lai đang nằm trong tay của quý vị. Hãy gọi cho các văn phòng và những đại diện của chúng tôi theo các số điện thoại dưới đây.

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

www.newyorklife.com

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

FOUNTAIN VALLEY:	17330 Brookhurst St., Ste. 220	Fountain Valley, CA 92708	(714) 962-4440
IRVINE:	2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
LONG BEACH:	6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste.180	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
POMONA:	3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
BREA:	3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
LA PALMA:	6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

* Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware) Phát Hành.

©2001 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved.

Phi Ma™

ĐÀI TRANG

hân hạnh giới thiệu

白蓮茶

Bạch Liên Trà

100% *Natural Herb Tea*

- *Bạch Liên Trà là loại trà độc đáo nhất bảo vệ sức khỏe hữu hiệu nhất.*
- *Bạch Liên Trà được bào chế tại Hoa Kỳ 100% dược thảo thiên nhiên.*
- *Bổ Gan*
- *Tống Độc*
- *Kích thích tiêu hóa và tiêu thải mỡ thừa*
- *Tinh khiết, đúng tiêu chuẩn vệ sinh*
- *Dễ sử dụng, chế nước sôi vào là uống được ngay.*

Ca Sĩ Đài Trang

Các đại lý xin liên lạc sớm với chúng tôi để có những ưu đãi đặc biệt. Cơ sở thương mại của quý vị sẽ cùng được quảng cáo trên các đài truyền hình, đài phát thanh và trên các báo.

Quý vị có thể tìm mua dầu San Ling và Bạch Liên Trà ở các tiệm thuốc Bắc, các nhà thuốc Tây, các siêu thị, các chợ vải, các tiệm tạp hóa, các tiệm bán quần áo trong vùng quý vị cư ngụ.

SỨC KHỎE CỦA MỌI GIA ĐÌNH

Distributed by PHI-MA, Inc. U.S.A.

Mọi chi tiết xin liên lạc Đại Lý Độc Quyền Phúc An Đường Inc.

Tel: (714) 775-4172 / (714) 534-6528 Fax: (714) 534-6597

SAN LING®

EFC
EASTERN FALCON Corp.

MEDICATED OIL
DẦU GIÓ

三靈油
DẦU NÓNG

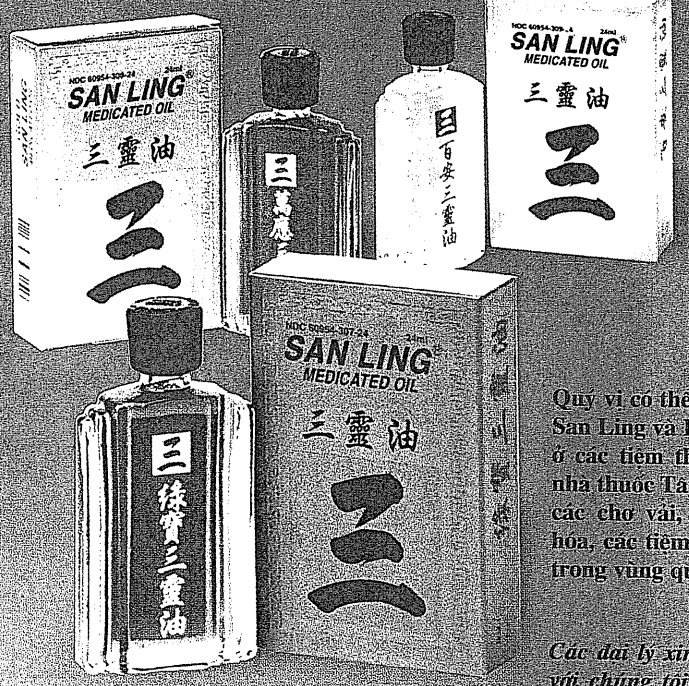

ĐÀI TRANG hân hạnh giới thiệu đến quý đồng hương khách hàng 3 loại dầu nóng đặc biệt hiệu SAN LING do Công Ty Phi Mã và Phúc An Đường độc quyền phân phối:

Quý vị có thể tìm mua dầu San Ling và Bạch Liên Trà ở các tiệm thuốc Bắc, các nhà thuốc Tây, các siêu thị, các chợ vải, các tiệm tạp hóa, các tiệm bán quần áo trong vùng quý vị cư ngụ.

Các đại lý xin liên lạc sớm với chúng tôi để có những ưu đãi đặc biệt. Cơ sở thương mại của quý vị sẽ cũng được quảng cáo trên các đài truyền hình, đài phát thanh và trên các báo.

- Dầu Xanh
- Dầu Vàng
- Dầu Trắng

Ca Sĩ Đài Trang

Cả 3 loại dầu nóng SAN LING đều có công hiệu như: trị nhức đầu, giảm đau lưng, nhức mỏi, xoa dịu cơn đau bụng, chữa nghẹt mũi, cảm cúm, tê thấp, trúng gió, bị côn trùng chích...

Distributed by PHI-MA, Inc. U.S.A. & EASTERN FALCON Corp.

Mọi chi tiết xin liên lạc Đại Lý Độc Quyền Phúc An Đường Inc. Tel: (714) 775-4172 / (714) 534-6528 Fax: (714) 534-6597

Dầu San Ling đem cảm giác thoải mái, ấm áp đến với mọi người.

Thúy Nga HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

VIDEO Paris by Night 65

Chủ đề: YÊU

Phát hành ngày 1 tháng 8 năm 2002

** Xuất sắc hơn Paris by Night (Thất Tình Ca) mà quý vị yêu thích*
** Tuyệt vời hơn Paris by Night (Âm Nhạc Không Biên Giới) mà đa số khán giả cho là hay nhất.*
** Paris by Night 65 (Yêu) công phu, nghệ thuật, gồm song ca, tam ca, tứ ca... thật tốn kém sẽ cống hiến cho quý vị một chương trình Ca, Vũ, Nhạc, Kịch thật vui, thật nóng bỏng của mùa hè 2002*

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với sự góp mặt của các ca sĩ tên tuổi:

KHÁNH HÀ, NHƯ QUỲNH, LƯU BÍCH, PHI NHUNG, THÁI THẢO,
THANH HÀ, TRÚC LINH, TRÚC LAM, BẢO HÂN, LOAN CHÂU, LYNDA,
PHƯƠNG DIỄM HẠNH, NGỌC HẠ, NGỌC ÁNH, TÂM ĐOAN, THỦY TIÊN,
TÚ QUYÊN, NHƯ LOAN, MINH TUYẾT,
TUẤN NGỌC, NGUYỄN HƯNG, THẾ SƠN, TOMMY NGÔ,
MẠNH QUỲNH, QUỐC HÙNG, TRƯỜNG VŨ,
TRẦN THÁI HÒA, DON HỒ, LƯƠNG TÙNG QUANG, LAY MINH.
Ban nhạc Liberty & Vũ đoàn Paris by Night

Vở hài kịch "NHỮNG TỜ DI CHÚC", với:
Hồng Đào, Quang Minh, Trang Thanh Lan, Calvin Hiệp & Trúc Lam

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA: 714-894-5811

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 9796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

PHIẾU MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Giá áp dụng từ 1 tháng 8 năm 2002

Quà tặng đầy ý nghĩa

Ngày..... Tháng..... Năm.....

Họ Tên Độc giả:(người nhận tạp chí).:.....

Địa Chỉ:.....

Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:.....Quốc gia.....

Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )..... Sở Làm:( )*.....

MUA THẾ KỶ 21 : *từ số* ----------đến ----------

☐ 6 tháng ☐1 năm ☐ 2 năm bắt đầu số ---------

	6 Tháng		12 Tháng		24 Tháng		
	Media Mail	1st Class Air mail	Media Mail	1st Class Air mail	Media Mail	1st Class Air mail	Tên Quốc Gia
Giá	*US$ 25.00*	*US$32.00*	*US$ 50.00*	*US$68.00*	*US$ 90.00*	*US$120.00*	Hoa kỳ & Canada
Giá		*US$48.00*		*US$90.00 85 Euro*		*US$170.00 160 Euro*	Pháp Đức Bỉ Hòa-Lan..Tây âu
Giá		*US$35.00*		*US$65.00*		*US$112.00*	Nga, Tiệp, Ba lan.. Đông âu
Giá		*US$55.00*		*US$100.00*		*US$194.00*	*Á châu, Úcchâu, Việt nam*

Qúi Vị có thể trả bằng chi phiếu, ngân phiếu hoặc bằng thẻ tín dụng để mua báo Tạp Chí Thế Kỷ 21 theo ba cách:

Chi phiếu, ngân phiếu , thẻ tín dụng xin ghi trả cho Tạp Chí Thế Kỷ 21 và gửi về địa chỉ :

14771 Moran St. Westminster CA.92683. USA. (mới)

Liên lạc Ban trị sự: / Phát hành, gửi báo, báo thất lạc,trả tiền bằng Visa, Master Card.. Phone: (714) 425-7965 (12am-7pm PCT) Fax=714-775-0891 (24/24) Liên Lạc đăng quảng cáo : (714)775-6301 .

Liên Lạc về bài vở tòa soạn: (714) 839-8746 (Chủ bút)

. ĐIỆN THƯ: Xin điền đầy đủ vào các chi tiết trong phiếu và FAX về số (714) 775-0891

. ĐIỆN THOẠI: Tổ chức, phát hành: 714-585-4666 (Chủ nhiệm) ; Billing/ Ads 714-425-7965(Kế-toán)

NGỌC NỮ LADY BELLE *Beauty Clinic*

Là 1 trung tâm làm đẹp lớn và sang trọng nhất; Đã được tín nhiệm của quí thân chủ trong suốt 15 năm qua

*Chuyên tẩy xóa nám,tàn nhang,mụn cóc,nốt ruồi,hột thịt dư,bớt bẩm sinh, đồi mồi.Tẩy vết thâm của mụn.Tẩy trắng da mặt,da cổ,da cơ thể.

* Chữa mụn kinh niên,thẹo lồi,lỗ chân lông to,vết nứt của bụng trước và sau khi sanh.Làm mờ vết thẹo của mụn,vết nhăn trên mặt.Chữa da dầu,da khô.

* Xóa xâm mình,xóa xâm chân mày bị hư.

*CHỈ CẦN 90 PHÚT SĂN SÓC DA,QÚI VỊ SẼ HÀI LÒNG VỚI QUẢ TRÔNG THẤY:

- % những vết nhăn,lỗ chân lông mờ đi,khuôn mặt thon,gọn
- 35% những vết nám,tàn nhang mờ đi
- 40% mụn cám,mụn mủ bị diệt
- 50% những đường gân máu đỏ biến mất.

FACIAL-ACNE (Treatment)

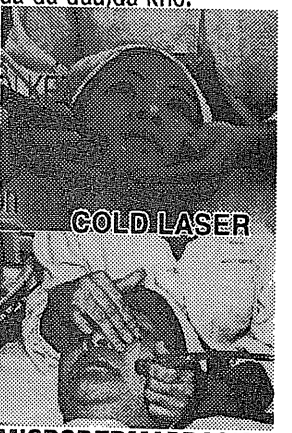

COLD LASER

MICRODERMABRASION

XÂM THẨM MỸ

- XÂM CHÂN MÀY,MÍ MẮT,VIỀN MÔI....

Xăm rất đẹp,tự nhiên,dùng mực tốt,thay kim và dụng cụ cho mỗi lần xăm

Lady Belle NHẬP CẢNG TRỰC TIẾP NHỮNG LOẠI KEM DANH TIẾNG CỦA PHÁP,ĐỨC,NHẬT RẤT CÔNG HIỆU KẾT QỦA NHANH CHÓNG

SACHIKO - BIODERMA - ROSANCE X 18 - CLAIRISSIME
F&W PARIS - OBAGI - DERMALOGICA

BẢO ĐẢM VIỆC CHỮA TRỊ NÁM,TÀN NHANG,MỤN TRONG VÒNG 4 ĐẾN 12 TUẦN - LÀM CAM ĐOAN TRÊN GIẤY TỜ:
CHỮA KHÔNG KẾT QỦA SẼ HOÀN TIỀN LẠI.

FREE
Được làm thử:Tẩy 1 vết đồi mồi hoặc 1 tàn nhang hay 1 gân máu
DM

LỘT DA MẶT BẰNG DƯỢC THẢO
Lột dậy chỉ cần trong vòng 5 ngày sẽ lột,tẩy hết lớp da cũ-Trang điểm,sinh hoạt bình thường.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ
-Cắt mắt hai mí,lấy mỡ,cắt da mí dưới
-Sửa mũi cao thon gọn, đẹp tự nhiên
-Căng da mặt,trán,cổ,nâng chân mày
-Hút mỡ dưới cằm,mặt,Hút mỡ và căng da bụng
-Sửa và nâng ngực mềm mại tự nhiên

ĐỘI NGŨ BÁC SỸ VIỆT,MỸ TRÊN 20 NĂM KINH NGHIỆM ĐẢM TRÁCH.Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ CHỖ Ở

COUPON
ĐẶC BIỆT-Chỉ có $20 cho FACIAL với coupon này
DM

13872 BROOKHURST ST.,GARDEN GROVE,CA 92843 (Cạnh Century TV)
Tel: (714) 534-4500 Toll free: 1(888) 270-1234
Mở cửa hàng ngày từ 10AM đến 6:30 PM (nghỉ thứ ba)

GOLDEN E.Z. TRANSLATOR INC.

Chuyên bán các loại máy tự điển điện tử và computer software Vietnam.
Điện tử Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh.
Có bán Video tự học tiếng Anh.

9200 Bolsa Ave. #226, Westminster, CA 92683
(Trong khu vực Phước Lộc Thọ, lầu 2)

714 897 9808

EV-2001

3 bộ tự điển căn bản:
Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh

10 bộ tự điển chuyên ngành:
Toán - Kinh Tế - Pháp Luật
Du Lịch - Vật Lý - Y Khoa
Kiến Trúc - Thẩm Mỹ
Tin Học - Điện Tử

7 Đại Tự Điển trong một máy

ANH - VIỆT
VIỆT - ANH
PHÁP - VIỆT
VIỆT - PHÁP
HOA - VIỆT
VIỆT - HOA
ANH - ANH

EV 586

Với 2 bộ tự điển chính yếu
Anh Việt (200.000 từ)
Việt Anh (100.000 từ)

Và nhiều tính năng ưu việt
không máy nào có được
<u>Đặc biệt:</u> Luyện thi TOEFL,
Luyện thi nhập tịch Mỹ,
Luyện thi thẩm mỹ,...

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

XÓM CẦU MỚI

Bộ trường thiên tiểu thuyết đắc ý nhất của văn hào **NHẤT LINH**, đã được viết đi viết lại 5 lần từ năm 1940 đến 1958. Đây là bộ tiểu thuyết giá trị nhất của văn học Việt Nam mà mỗi gia đình Việt Nam đều phải có. Gần 600 trang, giá 25 Mỹ kim

TUYỂN TẬP VŨ TRỌNG PHỤNG

Tập hợp đầy đủ tác phẩm của nhà văn kỳ tài **VŨ TRỌNG PHỤNG**, đã từng bị vùi dập cấm đoán trong mấy mươi năm dưới chế độ cộng sản. Chỉ riêng cuốn **Số Đỏ** của ông, một nhà văn đã phát biểu: *"Cuốn sách ghê gớm có thể làm vinh dự cho mọi nền văn học."* Trọn bộ hai cuốn 1248 trang, giá 26 Mỹ kim

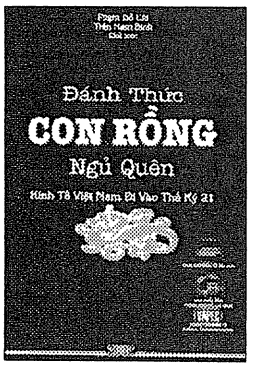

ĐÁNH THỨC CON RỒNG NGỦ QUÊN

PHẠM ĐỖ CHÍ và **TRẦN NAM BÌNH** chủ biên Gồm bài viết của 24 tác giả trong và ngoài nước, với chủ đề: *Kinh tế Việt Nam đi vào thế kỷ 21.* Đây là một hợp tác đầu tiên của những nhà trí thức Việt Nam đang ở rải rác khắp thế giới để vạch ra hướng phát triển cho đất nước trong thời gian trước mặt. Giá 19 Mỹ kim

TẬP LÀM VĂN

Sách dạy Việt ngữ của **BÙI VĂN BẢO** và **NGUYỄN HỮU BẢO**, từ lớp Hai đến lớp Sáu. Cuốn sách được soạn theo phương pháp mới, rất cần cho lớp trẻ Việt Nam tại hải ngoại trong việc trau dồi tiếng mẹ đẻ. Giá 10 Mỹ kim

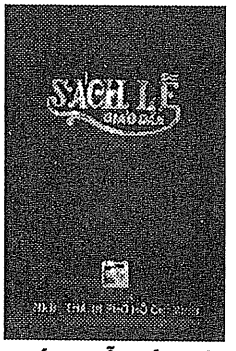

SÁCH LỄ GIÁO DÂN

Một cuốn Kinh Thánh thu ngắn, giúp giáo hữu Công giáo có thể thường xuyên đọc và suy ngẫm Lời Chúa. Sách gồm 1742 trang khổ nhỏ, bìa plastic, rất tiện để mang theo khi đi dự Thánh Lễ. Giá 29 Mỹ kim

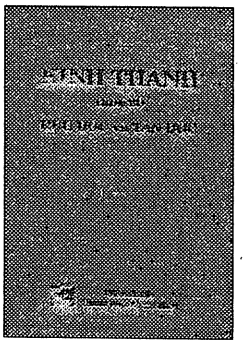

KINH THÁNH TRỌN BỘ CỰU ƯỚC VÀ TÂN ƯỚC

Dày 2446 trang, bìa cứng, bọc simili, cỡ trung. Có lời giới thiệu của Đức Tổng Giám Mục Phạm Minh Mẫn với mục đích "Mở rộng lối vào Kinh Thánh cho các Ky Tô Hữu." Giá 25 Mỹ kim

CA DAO NGỤ NGÔN NGƯỜI VIỆT

của **TRIỀU NGUYỄN**

Sưu tầm và giảng giải các câu ca dao mang tính cách ngụ ngôn. Một phương tiện tốt để hiểu biết văn hóa Việt Nam qua văn học truyền khẩu. Giá 8 Mỹ kim

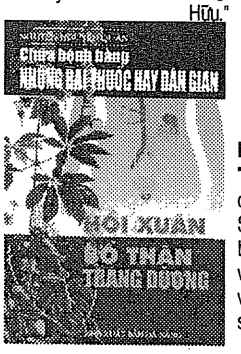

HỒI XUÂN BỔ THẬN TRÁNG DƯƠNG

của **NGUYỄN NGUYÊN QUÂN**

Sưu tầm cách chữa bệnh bằng những bài thuốc hay dân gian, đặc biệt những vị thuốc hồi xuân bổ thận cường dương và dược tính một số thức ăn trong đời sống hàng ngày. Giá 8 Mỹ kim

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn:
Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Bìa: *Phố Lạ*, tranh của **Nguyễn Đồng**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Anh Thành**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 160 Tháng Tám 2002

KINH TẾ – CHÍNH TRỊ
11. Trung Quốc và Nhật Bản trên bàn cờ WTO – **Nguyễn Xuân Nghĩa**
14. Hồ Chí Minh và chủ nghĩa xã hội – **Võ Nhân Trí**

LỊCH SỬ – KHOA HỌC
24. Về bài viết "Một số sử liệu..." của Từ Mai – **Trương Nhân Tuấn**
33. Phụ chính Nguyễn Trọng Hiệp, Phụ chính Nguyễn Thân – **Nguyễn Thị Chân Quỳnh** *dịch*
36. Bộ gene cây lúa và triển vọng – **Nguyễn Văn Tuấn**
45. Sức sống Đông Sơn hay giới quý tộc VN thời Bắc thuộc – **Kiều Quang Chẩn**
78. Sự hiện hữu của cái rốn – **Nguyễn Đức Tường**

ĐỌC SÁCH
39. Túi khôn Anh quốc và chuyển hóa thế giới – **Lưu Văn Vịnh**
65. Nỗi đau hiện sinh trong Bướm Trắng – **Thụy Khuê**
102. Đọc Huyệt Tuyết – **Bùi Bích Hà**

VĂN
82. Gia phả – **Trần Trị Chi**
92. Những ngày cuối cùng và những ngày đầu tiên – **Đoàn Viết Hoạt**
98. Hà Nội, Bướm Trắng – **Nguyễn Chí Kham**
105. Vọng tưởng – **Trần Thị Diệu Tâm**
109. Ba chàng ngự lâm pháo thủ của Ti Vi – **Dương Như Nguyện**

THƠ
77. Đổi cả thiên thu tiếng mẹ cười – **Trần Trung Đạo**. 81. Sài Gòn – **Cổ Ngư**. 85. Đêm – **Nguyễn Tường Giang**. 95. Trở lại – **Lý Thừa Nghiệp**. 101. Phượng – **Nguyễn Nam An**. 104. Thở – **Trần Mộng Tú**. 107. Mưa đêm và những âm thanh – **Thảo Chi**. 111. Yểu điệu thục nữ – **Trần Huy Sao**

MỤC THƯỜNG LỆ
7. Thư Chủ nhiệm – **Hoàng Ngọc Tuệ**
8. Bạn đọc viết
10. Tòa soạn và Bạn đọc – **Phạm Phú Minh**
10. Hộp thư Trị sự – **Phan Mỹ Sương**
52. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
58. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Quỳnh Anh, Trần Quán Niệm**
114. Vòng Chân trời VHNT – **Anh Thành, Thy Thy**
118. Sách báo trong tháng – **Đỗ Hải Minh, Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
BÙI BÍCH HÀ, NGÔ NHÂN DỤNG, HOÀNG CHIỀU NHÂN, HOÀNG KHỞI PHONG, LAN HƯƠNG, NGUYỄN ÁI NHÂN, NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG, NGUYỄN HÙNG VŨ, PHẠM PHÚ MINH, THANH THẢO, TRẦN DOÃN NHO, TRẦN MỘNG TÚ, TRẦN NGỌC TUẤN, TRẦN QUÁN NIỆM.

Thư Chủ Nhiệm,

Bạn đọc thân mến,

Việc quan trọng mà chúng tôi thấy cần thông báo ngay đến quý vị là Tạp chí Thế Kỷ 21 sẽ dọn nhà trong tháng Tám này. Địa chỉ mới: ***14771 Moran St. Westminster CA 92683, USA,*** *cùng chung trụ sở với nhật báo Người Việt. Kể từ sau ngày 30 tháng Tám 2002, mọi liên lạc với Thế Kỷ 21 xin theo địa chỉ này. Số điện thoại và địa chỉ E-mail tạm thời vẫn giữ như cũ.*

Về hoạt động của tờ báo, có hai việc mới:

Thứ nhất là chuyện phát hành. Kể từ số này, chúng tôi quyết định bỏ lối gửi Bulk Rate để tránh báo đến tay độc giả quá chậm và thường xảy ra việc báo bị rách nát hoặc mất mát. Trong hiện tại chúng tôi quyết định dùng qui chế Media Mail thay thế Bulk Rate mà không tăng giá. Với lối gửi mới này, báo sẽ được cho vào phong bì, đến tay độc giả sớm hơn và an toàn hơn. Cùng lúc, mạng lưới phát hành sẽ dần dần được mở rộng. Trong các số báo sắp tới chúng tôi sẽ đăng địa điểm bán báo trên toàn thế giới để tiện cho độc giả tìm mua.

Theo đề nghị của nhiều độc giả, kể từ số 161 trở đi chúng tôi sẽ ghi giá báo theo tiền tệ của một số nước. Việc này nhằm làm dễ dàng việc mua báo và để giúp đại diện ở các nước đó khỏi phải theo tiêu chuẩn đồng Mỹ kim có khi tính ra tiền địa phương quá cao.

Thứ hai là vấn đề biên tập. Để nội dung tờ báo ổn định và vững chắc hơn, Thế Kỷ 21 đã mời một số văn hữu cộng tác để thành lập Ban Biên Tập. Với sự tham gia hoàn toàn tự nguyện và thiện chí, tất cả thành viên của Ban Biên Tập sẽ tùy theo hoàn cảnh, thì giờ mà đóng góp ý kiến, bài vở theo đường lối rộng rãi mà tờ Thế Kỷ 21 vẫn theo đuổi bấy lâu.

Điều sau hết: Chúng tôi rất biết ơn sự gắn bó lâu bền mà một số Thân chủ kinh doanh đã quảng cáo trên tạp chí. Chắc rằng sự cải tiến của Thế Kỷ 21 sẽ càng mang lại tính chất hữu hiệu cho công cuộc kinh doanh của quý vị.

Với số nhân lực mới dồi dào cùng phối hợp làm việc để nội dung tờ báo được phong phú và hệ thống phát hành được cải thiện, hy vọng rồi đây tạp chí Thế Kỷ 21 sẽ càng có được sự hấp dẫn và thuận tiện để ngày càng có nhiều người đọc hơn.

Thân ái chúc Quí vị độc giả, văn hữu và thân chủ một mùa hè an lành hạnh phúc.

Hoàng Ngọc Tuệ

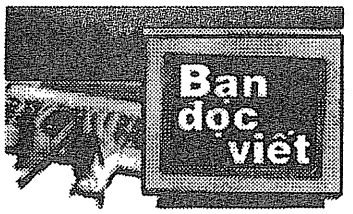

Bình thơ Khánh Hà

Vừa mới đọc tựa đề "Mỗi ngày một bài thơ" của Khánh Hà (trang 111, Thế Kỷ 21 số 159) tôi có hơi chán, vì sợ phải nghe cái giọng "mỗi ngày tôi chọn một niềm vui" đầy khắc kỷ cha chú, hoặc cái kiểu kẹt nói cho đỡ khổ, ù lì chờ thời. Nhưng nào có phải vậy, vừa vào là nhịp thơ bay nhảy ngay, dù cái khung cảnh mà *người đàn bà tóc đen mắt nâu* đang *tất tả* đi về là *chiều, tuyết rơi, dòng xe lạ lẫm*. Người đàn bà ấy *tất tả*, nhưng là một *tất tả* hạnh phúc; cái hạnh phúc ấy Khánh Hà không nói rõ bàng chữ, mà lồng trong nhịp thơ.

Rồi cái hạnh phúc tôi đoán mò trên mà lại đúng, vì nó được dàn trải qua 13 câu thơ khổ giữa. Nhưng năm câu đầu của khổ thơ này nhịp điệu vẫn còn vội vã lắm, nóng ruột lắm, với những cái chuyện *mở cửa, sưởi ấm, thắp sáng, làm thức dậy những mùi hương quen thuộc*, những việc ấy phải làm vội vã, làm mà nóng ruột, vì chúng không phải là những ưu tiên hàng đầu của bà chiều ấy, vì chuyện bà đang náo nức để làm sau mấy cái chuyện nhỏ đó là *làm một bài thơ*; và nhờ không có cái dấu phết (,) sau chữ *thơ*, tôi mới à ra: những bài thơ đó là *bát cơm thơm tho gió nội hương đồng, tô canh ngọt lịm dòng sông thơ ấu, đĩa rau xanh mượt mà thềm cũ*. Cha mẹ ơi, *người đàn bà tóc đen mắt nâu* đó lại còn đưa cả cái quê hương vào trong từng bát cơm, tô canh, đĩa rau! Cái quê hương trong lòng bà chiều ấy âm thầm lộ hình lộ tướng. Và khi làm công việc dọn một bữa cơm lồng bóng quê xưa ấy, lòng bà hạnh phúc thấy rõ, vì nhịp thơ an hòa, câu thơ dàn trải độ lượng (nơi những câu 6 đến câu 13 của khổ thơ giữa). Đàn bà chỉ hạnh phúc thực sự khi họ có dịp để độ lượng, không phải vậy sao?

Những người đàn bà ấy đang ở Paris, London, Amsterdam và những nơi nào khác không phải quê hương mình. Biết rồi, nói mãi, Khánh Hà ơi, vì có như thế mới làm cho Thà này rơi lệ. Giọt lệ những muốn trôi về *dòng sâu thơ ấu* đã xa. Xa thời gian. Xa không gian.

Những người đàn ông xứ Việt ở nước ngoài, như Thà này, có những *người đàn bà mắt đen tóc nâu* dọn cho những bữa cơm thơ như thế, thế nào mà chẳng nước mắt chan chan!

Mà không phải chỉ một bữa, mà là *ngày ngày*. Mỗi Ngày Mỗi Bài Thơ. Mỗi ngày một dòng nước mắt.

Nguyễn Văn Thà
(Oslo, 17/7/02)

Tú Mỡ và Nguyễn Tường Tam

Rất xúc động khi đọc tạp chí Thế Kỷ 21 số 159, tháng Bảy 2002. Đây có lẽ là cuốn tưởng niệm Nhất Linh chân thực và sâu sắc nhất, qua các bài như của Võ Phiến, Anh Thơ, Phạm Phú Minh...

Tuy nhiên mới đọc qua thì thấy có hai điểm không đúng cần nói lại cho rõ:

- Bà Nguyễn Tường Tam qua Pháp vào tháng 4/1981 do anh Việt về đón, chứ không phải là năm 1982 như bài Nắm Cỏ Đưa Về Tấc Đất Xưa đã nói ở trang 84,

- Ông Nguyễn Gia Trí bị chính quyền Bảo Đại an trí tại Thủ Dầu Một (Bình Dương) chứ không phải Thủ Đức như chú thích ở bức hình trang 35.

Tôi cũng rất tiếc là tạp chí Thế Kỷ 21 không có trích đăng bài của nhà thơ Tú Mỡ trong cuốn "Tiếng Cười Tú Mỡ," thật là khí khái và can đảm khi Đảng chỉnh huấn văn nghệ trước năm 1952 ở Việt Bắc. Theo cuốn hồi ký của Tô Hoài "Cát Bụi Chân Ai" mà tôi đang có trong tay thì Tú Mỡ đã nói: "Nguyễn Tường Tam phản bội, là kẻ thù của dân tộc... tôi cũng thấy như thế nên tôi lên án. Nhưng tôi không quên được Nguyễn Tường Tam đã có ơn lớn với tôi. Nói thẳng là không có Nguyễn Tường Tam thì không có Tú Mỡ. Chỉ lo trước một điều là chẳng may lịch sử lại xoay vần một ngày kia ta bắt sống được Nguyễn Tường Tam lại có Tú Mỡ ở đó thì xin chính phủ đừng cử Tú Mỡ ra chém Nguyễn Tường Tam. Tôi đề nghị các anh như thế..."

Phải sống dưới chế độ cộng sản mới thấy những lời như trên là cực kỳ can đảm!

Nguyễn Tường Thạch
(Garland, TX)

Đừng sốt ruột

Tôi đã đọc lá thư "Phần văn nghệ của Thế Kỷ 21" trên mục bạn đọc Thế Kỷ 21 số 157, và bức thư "trả lời" (Sốt Ruột) cũng mục này, số 158. Cả hai là những ý kiến về văn chương Tự Lực Văn Đoàn, một cái có phần chê *("Thời đó đọc văn chương đó thì thích, chứ thời này thì sốt ruột")*, một cái bênh vực *("Viết được như TLVĐ đâu có dễ nhỉ?")*. Riêng tôi chưa kịp có ý kiến gì thì như một tình cờ thú vị, số báo kế tiếp lại tưởng niệm Nhất Linh, người sáng lập và

chủ trương Tự Lực Văn Đoàn!

Thực ra tưởng niệm là một chuyện, còn việc người bây giờ có còn thích đọc văn Tự Lực Văn Đoàn không thì là chuyện khác. Người khác tôi không biết thế nào, ở đây tôi chỉ xin nói về trường hợp của tôi. Khoảng 40 năm trước tôi đang ở lứa tuổi thanh niên, thì bắt đầu thấy sách Tự Lực Văn Đoàn không còn thích hợp mấy với mình nữa rồi. Ở miền Nam lúc bấy giờ đang có một không khí xã hội văn nghệ mới, người ta hô lên: 'những tảng đá chặng đường (ý nói những nhà văn trước 1945) hãy xê qua một bên cho chúng tôi đi!' và một đội ngũ những nhà văn nghệ 'bây giờ ở đây' rần rộ lên đường với tí ti 'hiện sinh' tí ti 'phi lý' nghe rất hợp tì vị lớp trẻ có học chúng tôi. Quả nhiên lúc bấy giờ mà đọc lại cảnh những ông Tuần, bà Phán, những luận đề theo mới bỏ cũ thời Pháp thuộc thì thấy lỗi thời rồi thật, thấy "sốt ruột" không kém gì hai bạn Đỗ Quang Nghĩa và Lê Minh Hà bây giờ.

Nhưng còn bây giờ, 40 năm sau, "tôi" thấy thế nào? Bây giờ tôi lại thấy Tự Lực Văn Đoàn "hay" mới chết chứ! Tôi đã ra khỏi ảnh hưởng thời của mình cũng như tuổi trẻ của mình từ lâu rồi, quan niệm về cái hay của tiểu thuyết nơi tôi cũng đã thay đổi ít nhiều, tôi đọc lại, và thấy nhiều điều thú vị (giữa những cái không thú vị), và đặc biệt những gì trước kia làm cho mình sốt ruột thì nay lại không thấy sốt ruột nữa. Có lẽ tôi đã hết cái tuổi khai phá tìm cái mới lạ, cái thời trang; bây giờ lòng đủ khoan dung bình tĩnh để tìm ra và thưởng thức cái hay của mọi thời nằm ẩn trong khung cảnh của một thời. Ông Tuần, bà Phán thì đã sao nếu họ được mô tả đúng với con người muôn thủa dưới cái vỏ ông Tuần bà Phán một thời của họ?

Xin quý vị bình tĩnh. Đừng sốt ruột. Cái hay thực sự, nếu có, thì luôn luôn vẫn còn đó. Một ngày kia, qua cơn say đổi mới, quý vị sẽ tìm thấy lại những giá trị vĩnh cữu nằm trong các tác phẩm trong văn học sử của ta cũng như nước khác, và sẽ mỉm cười nhè nhẹ cho cái hăng hái hơi ngông trong một thời tuổi trẻ của mình.

Lê Quang Bình
(Australia)

Bức thư ngày xưa

Thế Kỷ 21 số tưởng niệm Nhất Linh đầy đủ phong phú hơn tôi chờ đợi rất nhiều. Đó là một số tưởng niệm rất xứng đáng, tài liệu hình ảnh độc đáo và quý giá, ý kiến dồi dào mới mẻ, ít có những bài sao chép tài liệu cũ đã được xuất bản mà nhiều người đã được coi rồi.

Tôi gửi đến để đóng góp một cách muộn màng cùng quý báo một bức thư gửi ông Nhất Linh mà từ lâu tôi vẫn coi là một áng văn rất hay, tôi giữ mãi từ thời Văn Hóa Ngày Nay cho đến bây giờ. Thư như sau:

Sở Trà, ngày 14 tháng 7 năm 1958

Kính gửi ông Nhất Linh,

Bao giờ ông cảm thấy bực bội giữa bốn bức tường vôi với thành phố Sài Gòn.

Bao giờ ông thấy ngộp thở vì hơi người, hơi bụi, hơi dầu.

Bao giờ ông cảm thấy mệt mỏi với cuộc sống quay cuồng nơi đô thị.

Bao giờ ông cảm thấy rã rời cả tâm hồn lẫn thể xác, xin mời ông lên đây để hưởng không khí trong lành và nghỉ ngơi ít bữa.

Để thay đổi, ở đây có gió ngàn, nắng tươi, có mây trôi, suối chảy, có chim hót, có mùi trà trộn lẫn mùi nhựa thông, mùi đất xới, và rất nhiều, thật nhiều yên tĩnh!

Tầm mắt ông có thể phóng rộng ra khoảng đồi núi bao la, tai ông sẽ lắng nghe tiếng lá rừng, người ông sẽ tẩm hơi sương núi, và mỗi sáng ông có thể tắm trong ánh nắng dịu hiền. Vì khí trời lạnh, nên nắng không thấy nóng đâu ông ạ! Nhưng vẫn làm đen người.

Buổi trưa ông có thể nằm dài trong nhà mái lợp tranh mà làm một giấc ngon lành.

Chiều đến, ông có thể xem mặt trời lặn. Mặt trời miền núi khi sắp lặn giống như một trái cầu bằng nước đá, trong suốt và đỏ ửng như ngọc lựu, khi chạm phải đỉnh núi lam sẽ từ từ tan dần cho đến khi một phần chảy ra thành suối hồng bên kia triền núi, và một phần bốc lên thành hơi, lưu luyến mãi trên không trung giờ lâu mới tắt hẳn.

Bao giờ ông lên? Chúng tôi mong ông nhé! Có điều tôi cần dặn kỹ ông là trước khi lên, xin ông viết thư hoặc đánh điện cho chúng tôi biết để dự bị đồ ăn uống sẵn, kẻo ở xứ rừng, sở trà mà đãi khách cứ dọn mãi những trà xào, trà luộc, trà ninh, trà hầm, sợ quý khách nuốt không trôi!

Kính chào ông.
THU VÂN ***(Blao)***

Tôi không biết gì về tác giả của bức thư, nhưng tôi tin những điều nói trong thư là thật chứ không phải chỉ là một tác phẩm hư cấu để đăng báo. Sự chân thật và vẻ đẹp của lời lẽ khiến người đọc cảm động, và tự nhiên tôi bỗng muốn chia sẻ cùng mọi người...

Trần Bảo Lộc ***(Internet)***

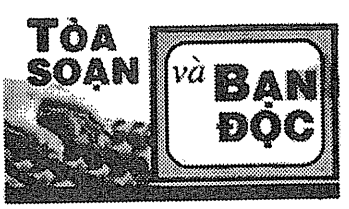

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Tô Hồng Đức, Lý Thừa Nghiệp, Chu Vương Miện, Lý Nguyễn Thiên Quý, Lưu Văn Vịnh, Lô, Trần Vấn Lệ, Trần Huy Sao, Đặng Trần Huân, Trần Trị Chi, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Song Nhi, Trần Thị Vĩnh Tường, Trương Nhân Tuấn,Phạm Quân Khanh, Thế Dũng, Tưởng Năng Tiến, Cổ Ngư, Cao Xuân Tứ, Ngọc An, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Văn Thà, Xuân Đỗ, Lê Thanh Nam.

Các bạn **Trần Huy Sao, Xuân Đỗ:** Đã nhận được truyện các bạn gửi (THX, MM). Sẽ đăng.

Bạn đọc thân mến,

Số tưởng niệm Nhất Linh vừa rồi được độc giả đón nhận rất nồng nhiệt. Báo phát hành đầu tháng Bảy, vậy mà đến những ngày cuối tháng các nhà sách vùng Little Saigon vẫn còn kêu Tòa báo đưa báo thêm để đáp ứng nhu cầu người hỏi mua, một điều từ trước đến nay chưa từng xảy ra. Có lẽ do tiếng đồn lan xa, Tòa soạn cũng nhận nhiều điện thoại từ các tiểu bang khắp nước Mỹ hỏi mua số báo đặc biệt này; hy vọng từ đấy Thế Kỷ 21 sẽ có thêm một số bạn đọc dài hạn nữa.

Ý kiến về số báo này cũng nhiều. Tất cả đều khen về tài liệu phong phú, ý tưởng mới mẻ, và cho rằng đây là số báo đầy đủ nhất về Nhất Linh từ trước đến nay. Một số thân hữu góp ý vạch ra những điểm hoặc không chính xác về tài liệu, hoặc cần bàn thêm về quan điểm. Thậm chí có người còn gửi thêm bài viết về Nhất Linh. Vì thế quý vị sẽ có cảm tưởng một phần âm hưởng của số trước còn vang vọng đến số báo tháng Tám này.

Thế Kỷ 21 xin tỏ lòng biết ơn sự đón nhận nồng nhiệt cũng như các ý kiến đóng góp của tất cả quý vị và các bạn về số báo vừa qua.

Với sự thành lập Ban Biên Tập kể từ số này, chúng tôi hy vọng có thể thường xuyên thực hiện những số báo chủ đề, để đem lại cho người đọc những vấn đề được đào sâu, hoặc những nhân vật đặc biệt với chân dung được khắc họa một cách đầy đủ và mới mẻ. Không tới một nửa số thành viên của Ban Biên Tập hiện cư ngụ trong vùng Quận Cam California là nơi Tòa báo Thế Kỷ 21 đang đóng đô, số còn lại sống tại nhiều nơi khác nhau, trong các tiểu bang khác của nước Mỹ, hoặc xa hơn, ở Canada, ở Đông Âu, hoặc có thể tuốt bên nước Nga. Nhưng trong thời buổi Internet này, cách xa nhau muôn dặm không thành vấn đề, trong nháy mắt các vị trong Ban Biên Tập vẫn có thể hội họp, trao đổi ý kiến, gửi bài vở về Tòa soạn... Miễn là có tấm lòng muốn "ngồi lại" với nhau để cùng xây dựng nên một tờ báo hay hơn, đẹp hơn — trước sau đây vẫn là một điều kiện cần thiết hơn cả — còn chuyện xa cách núi sông, đến người ngày xưa còn coi không ra gì (*mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội*...), nói gì đến phương tiện hô phong hoán vũ của thời đại ngày nay, phải không các bạn?

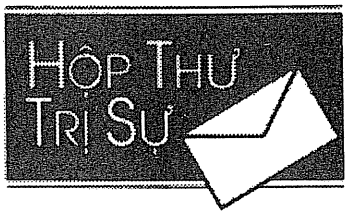

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Nguyen Chi Thiep (Houston, TX), Nguyen Xuan Hiep (Rch Sta Margarita, CA), Le Chi Toai (Hartford, CT), Bui Thi Ngoc Nga (San Jose, CA), Nguyen Tam (San Diego, CA), Chi Huu Le (Anaheim, CA), Thu Doan (Plano, TX), Le Khac Ngoc Tuy (San Jose, CA), Tran Van Tien (Gardena, CA), Cung D Nguyen (Keary, NJ), Lib: Paul Bechtold (Chicago, IL), Danny Bui (Santa Ana, CA), Dau T Le MD (Virginia Beach, VA), Chanh H Trinh (Houston, TX), Phuong Cham T Tran (San Jose, CA), Hong T Mai (Long Beach, CA), Huong Cuc Hoang (Santa Ana, CA), Ngoc Tu H VU (Quincy, MA), Nguyen Van Trung (Annandale, VA), Do Kim Bang (Westminster, CA), Nguyen Hieu De (Holland, MI), Minh Ha (Stockton, CA), Pham Cong Hien (Lakewood, CA), Joseph N Duc Minh (Camarillo, CA), Nguyen Tuong Thach (Garland, TX), Viet Nguyen Tuong (Seaford, VA), Lib: Chinatown Branch (Los Angeles, CA), BS Truong Ngoc Tich (Dallas, TX), Minh Q Le (Monterey Park, CA), Lai Q Trang (Los Angeles, CA), VH: Le Thanh Nam (Staten Island, NY), Hai Duong (Canada), Nguyen Thi Thu Huong (Canada), Vinh Ha (Canada), Nguyen Hung Vu (Chino Hills, CA), Chau Le (Palmspring, CA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Diep Luu (Centerville, OH), Chi Huu Le (Anaheim, CA), VH: Le Dai Lang (Australia), Divine SCE Express CAFS (Norwood, MA), Nghiem Xuan Hy (Garden Grove, CA), BS Nguyen Hoang Hai (San Jose, CA), Hoang Tho Luu (Denver, CO), Lan Nguyen (San Jose, CA), VH: Dr Quan Dinh (FPO-AP), Pham Quoc Phu (Oklahoma, OK).

TRUNG QUỐC VÀ NHẬT BẢN TRÊN BÀN CỜ WTO

NGUYỄN XUÂN NGHĨA

Thế Kỷ 21 xin cám ơn tác giả Nguyễn Xuân Nghĩa, Chủ bút tuần báo Viet Tide, đã vui lòng chia sẻ bài viết dưới đây cùng độc giả Thế Kỷ 21 về cái thế dài lâu trong thế trận kinh tế chính trị mới tại Á châu.

Khi Trung Quốc được nhận vào WTO năm ngoái, các xứ Đông Á đều hiểu ràng tình hình giao thương trong khu vực sẽkhác hẳn những gì đã thấy từ vài chục năm qua. Trong số này, ngoài các nước Đông Bắc Á như Đại Hàn hay Đài Loan hoặc Đông Nam Á như Nam Dương, Mã Lai Á hay Phi Luật Tân và Thái Lan, còn có đệ nhất cường quốc kinh tế Á Châu là Nhật Bản. Với tình huống đó, Việt Nam sẽ xoay trở thế nào giữa khối ASEAN, trong vùng Đông Á và bên cạnh một quốc gia có nhiều tham vọng lẫn thế lực?

Theo sau Trung Quốc, giới lãnh đạo Hà Nội có thể học phép cải cách Đặng Tiểu Bình, là lấy chân lần đá dưới mặt nước mà tìm đường đi. Nghĩa là cải cách theo lối tiệm tiến thay vì nhảy ùm xuống nước, cho nên họ rón rén đi sau Bắc Kinh và coi đó là khôn.

Nhưng họ quên rằng vì kích thước kinh tế, nhân khẩu và trình độ hiểu biết lẫn thâm thúy nếu không nói là thâm độc của lãnh đạo, Trung Quốc có cái thế của anh khổng lồ cao thước tám. Trong khi đó, dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản, Việt Nam như người lùn thước hai. Trung Quốc có thể vượt đá ngầm mà đi an toàn, và Việt Nam có khi chết sặc nếu cứ ngoan ngoãn đi sau họ. Vấn đề đã rõ ràng khi người ta xét đến ảnh hưởng của việc Trung Quốc gia nhập tổ chức WTO năm ngoái, trong khi Hà Nội do dự chưa dám ký Hiệp định Thương mại song phương với Mỹ từ năm 1999, chỉ vì sợ qua mặt đàn anh.

Sau khi Trung Quốc là thành viên WTO, các nước Đông Á đều nghĩ lại về tương quan kinh tế giữa Hoa Lục và các nước thuộc vòng cung Á châu Thái bình dương. Gần đây, Hiệp hội ASEAN vừa quyết định "mạnh ai người ấy chạy" để đối phó với sức cạnh tranh của Hoa Lục, thay vì đợi cả 10 hội viên cùng tiến tới chế độ tự do mậu dịch trong khuôn khổ dự trù của Thỏa ước tự do mậu dịch Á châu AFTA. Đối diện với Trung Quốc là nước đông dân và có đà tăng trưởng cao nhất, thì cường quốc kinh tế số một Á châu là Nhật Bản cũng phải xét lại thế cạnh tranh đôi bên. Những tính toán đó bắt buộc Việt Nam phải suy nghĩ lại về vị thế của mình.

Nếu có so sánh thì giữa Trung Quốc và Nhật Bản ta thấy có nhiều tương đồng bất ngờ và dị biệt bất ngờ không kém. Về căn bản, do trình độ phát triển lẫn tình hình tài nguyên nhân vật lực khác nhau, mỗi quốc gia có thể tận dụng một sở trường riêng, để cạnh tranh hoặc hợp tác cùng nhau. Nếu nói cho ngắn gọn, Trung Quốc sẽ tận dụng việc xuất cảng sản phẩm thuộc loại thâm dụng nhân công (*labor intensive*) và Nhật Bản chú trọng tới loại thâm dụng tư bản (*capital intensive*), hai bên mua bán của nhau theo lối phân công lao động và kỹ thuật đó. Việt Nam kẹt ở giữa và kém về cả hai mặt đó. Nhưng, cũng vì cái thế quá lớn của Trung Quốc, một vựa người từ một xứ dù sao cũng giàu tài nguyên, nên sức cạnh tranh của xứ này đang làm giá thành ngày càng hạ và đây là một quy luật mới mà các xứ Đông Á đành chấp nhận và ứng phó. Có lẽ Việt Nam chưa thấy ra điều này.

Trên căn bản đó, ta xét tới sự tương đồng và dị biệt giữa hai xứ khổng lồ về cả thế lẫn lực là Nhật Bản và Trung Quốc. Cả hai nước đều giống nhau ở bốn điểm căn bản là 1) tư bản bị sung dụng sai chỗ nên đầu tư có tỷ lệ sanh lời thấp vì dồn vào các dự án hay doanh nghiệp nhà nước coi là "chủ đạo," "xương sống"; 2) hệ thống ngân hàng của cả hai đều chìm dưới một núi "nợ không sinh lời" và hết dám mạnh tay cho vay; 3) cả hai đều phải đối phó với nguy cơ thất nghiệp và nhu cầu tái phối trí nhân lực; và sau cùng, 4) cả hai

nước đều có cơ chế luật pháp thiếu minh bạch, dễ gây ra tham nhũng và khó giúp cho việc sửa đổi ba loại vấn đề kể trên. Việt Nam có đủ bốn vấn đề đó, mà không có cái thế hay cái lực của hai xứ kia.

Về dị biệt, Nhật là nước rất giàu, nên ở vào cái thế trường vốn với hạ tầng cơ sở nhân vật lực dồi dào, trình độ dân trí cao, lại là một xứ dân chủ nên có thể tiến hành cải tổ hoặc cải sửa mà không bị loạn. Ngược lại, Trung Quốc có tương lai tương đối khả quan về trường kỳ vì mới bước vào tiến trình phát triển với tốc độ cao, dân số trẻ hơn Nhật, nhưng, ngay trước mắt, trong tương lai trung hạn, thì có thể gặp loạn vì cải cách kinh tế càng thành công càng gây sức ép cho việc cải tổ chính trị. Trung Quốc có tiền để thanh toán được núi nợ của ngân hàng nhưng thiếu cái vốn tự do dân chủ như Nhật để vượt qua khủng hoảng xã hội do nạn thất nghiệp và tham nhũng gây ra. Việt Nam giống Trung Quốc hơn là Nhật Bản ở điểm đó.

Sau khi điểm qua tình hình đôi bên, ta hãy thử xét xem là nếu vào trận thì hai nước sẽ ứng xử ra sao. Thứ nhất, chẳng đợi cảnh "cờ trong bạc ngoài," các nước trong cuộc trên khắp vùng Đông Á và ở xa hơn nữa, đều ý thức được là cục diện đã đổi khác so với sự thể mấy chục năm trước, khi Trung Quốc còn bế quan tỏa cảng vì say đòn với tư tưởng Mao Trạch Đông: việc cải cách ở Hoa Lục và việc Trung Quốc gia nhập WTO đã dẫn tới sự xuất hiện của một thế lực kinh tế mới, với loại sản phẩm đệ nhất đẳng gốc nông thương phẩm rẻ hẳn hơn trước. Vì vậy các nước đã mở trận tuyến phòng thủ để bảo vệ sản phẩm của mình: Đại Hàn với tỏi, Nhật Bản với nấm và tỏi tây; xa xôi như Mễ Tây Cơ còn hăm dọa sẽ kiện Trung Quốc trên diễn đàn WTO tội dùng trợ cấp để khuyến dụ tới 5.000 công ty rút khỏi Mexico đầu tư vào Hoa Lục. Việt Nam thì vẫn còn đứng ngoài giám trận, có khi còn chưa hiểu gì về trận thế này nữa.

Thứ nhì, nếu nhìn vào ưu thế tương đối của hai nước Nhật Bản Trung Quốc thì ta có thể đoán là Trung Quốc sẽ bước lên ngành chế biến với đặc tính thâm dụng nhân công, để bán ra các mặt hàng hoặc sử dụng nguyên liệu của mình hoặc sử dụng nhập liệu nước khác, kể cả từ Nhật. Thí dụ các loại hàng gia dụng điện cơ hay điện tử ráp chế bằng thiết bị và công nghệ nhập cảng, hoặc các mặt hàng dệt sợi, quần áo giày dép với nguyên liệu và mẫu mã du nhập từ nước ngoài. Những loại hàng đó sẽ thành sở trường của Hoa Lục trong năm mười năm tới. Nhật có thể bán cho họ các loại trang bị hay kỹ thuật có tính chất thâm dụng tư bản, để họ chế biến các mặt hàng trên và bán ra ngoài, kể cả bán lại cho Nhật. Đó là giả thuyết đôi bên hợp tác cùng có lợi căn cứ trên ưu thế tương đối đôi bên. Ở giữa, Việt Nam có lợi thế tương đối là gì và làm được gì mới là những bài toán nan giải về các mặt sách lược, tổ chức, giáo dục và đào tạo.

Ở vòng ngoài, ta phải chờ đợi Bắc Kinh là ưu tiên nhập cảng trang bị và học thuật của nước ngoài chứ không nhập cảng tiêu thụ phẩm. Vả lại, với mãi lực gia tăng còn chậm vì lợi tức còn thấp, phần nhập cảng loại hàng tiêu dùng đó của Hoa Lục vẫn không bù đắp được những mất mát của các nước Đông Nam Á khi bị hàng Trung Quốc cạnh tranh lên các thị trường Âu Mỹ. Trong các nước Đông Á, may ra có Nhật, Đại Hàn, Đài Loan và Singapore, là khả dĩ bán những gì Bắc Kinh muốn mua và tìm thấy mối lợi nhờ việc Trung Quốc gia nhập WTO, chứ các xứ Đông Á còn lại chưa đủ khả năng đó mà còn bị sức cạnh tranh kịch liệt của Hoa Lục. Một thí dụ khác mà Hà Nội có thể thấy là việc sản xuất nhu liệu điện toán, một ngành thâm dụng nhân công và đòi hỏi hạ tầng kỹ thuật cao. Hoa Lục sẽ khai thác khu vực đó nhờ đã đầu tư khá nhiều vào giáo dục và nhờ tiếp nhận đầu tư của các công ty Nhật lập chi nhánh tại đây. Hà Nội khai thác được gì trên loại thị trường đó nếu còn kiểm soát Internet và chưa dám cho người dân được tự do học hỏi?

Nếu có thể tạm tổng kết, người ta thấy Nhật Bản đang nằm dưới đáy của một vụ khủng hoảng kéo dài 12 năm và phải sớm cải tổ cả cơ chế chính trị, xã hội lẫn kinh tế để đối phó với sự lớn mạnh của Hoa Lục và nạn lão hóa của dân số Nhật. Có lẽ, năm nay là năm đầu tiên mà ngân sách quốc phòng Hoa Lục (ước lượng khoảng gần 70 tỷ đô la) đã vượt ngân sách quân sự Nhật Bản (khoảng 50 tỷ) cho nên lãnh đạo Nhật càng quan tâm nhiều hơn về đối ngoại và càng có nhu cầu cải cách sớm sủa hơn. Ngược lại, Trung Quốc chưa bị khủng hoảng nhưng có thể bị khủng hoảng, kể cả một vụ bể bóng đầu tư như Nhật 12 năm trước, lần này có khi tại Thượng Hải nếu ta theo dõi giá cả địa ốc tại đây, hoặc một vụ khủng hoảng vì lệ thuộc vào tư bản nước ngoài như Argentina, là những điều người ta có thể sẽ thấy

trong thập niên tới.

Nhưng, ngay trước mắt là nguy cơ động loạn vì các vấn đề xã hội đầy dẫy sau hơn 20 năm cải cách kinh tế mà chặn đà cải cách chính trị. Với việc chuyển giao quyền lực đang được chuẩn bị tại Trung Quốc, người ta không tin là thế hệ lãnh đạo mới đã dám bắt tay vào việc cải tổ chính trị này.

Trong cuộc đua về ngoại thương của toàn khu vực, giả thuyết lạc quan là WTO dẫn tới nhu cầu minh bạch hóa tiến trình quyết định kinh tế và trao đổi cho tự do hơn: cả Nhật Bản lẫn Trung Quốc và các nước lân bang đều thực tế bãi bỏ phản ứng bảo hộ mậu dịch và cùng cạnh tranh trên lợi thế tương đối của đôi bên. Đa số các nhà quan sát Tây phương, nhất là Hoa Kỳ, có vẻ tin vào giả thuyết lạc quan đó và mong rằng việc cải cách không làm Trung Quốc bị nội loạn và mong Nhật sớm hồi phục hầu làm lực đối trọng bên cạnh Hoa Kỳ để phòng xa Bắc Kinh có những tính toán phiêu lưu ngay giữa đà chuyển hướng ra một xã hội văn minh và hiếu hòa.

Giả thuyết bi quan là Trung Quốc sẽ bị tuột tay trên đà cải cách vì không dám tiến hành cải tổ hệ thống chính trị và lui về giải pháp hung hăng đối ngoại để trấn áp mầm mống nội loạn ở trong. Nhiều nhà quan sát Á châu có kinh nghiệm về cảnh ngộ "nước Tầu có loạn" như vậy nên không đánh giá thấp giả thuyết đó, ít ra cũng có xác suất cao hơn cách nhận định của Tây phương.

Ở giữa hai trường hợp, Việt Nam chưa biết đi vào khung cửa hẹp nào: có một chút sở trường nhờ nhân lực đông và tài nguyên tạm gọi là đa diện thì lại bị lấn át bởi quốc gia khổng lồ phương Bắc. Ngay tại chỗ, nếu ASEAN phát triển theo hai tốc độ thì Việt Nam còn tụt hậu nhanh hơn trước hai tầng cạnh tranh, của ASEAN lẫn Hoa Lục. Kinh nghiệm cải tổ chậm lụt của Nhật có thể là bài học mà lãnh đạo Hà Nội nên học, và học sớm hơn kinh nghiệm nội loạn của Trung Quốc. Vì nếu điều đó xảy ra - nghĩa là nước Tầu có loạn - thì chính dân mình sẽ trả học phí chứ chẳng là ai khác.

Cho nên dù vào hoàn cảnh nào đi nữa mà cứ lần bước theo Bắc Kinh là dễ chết sặc!

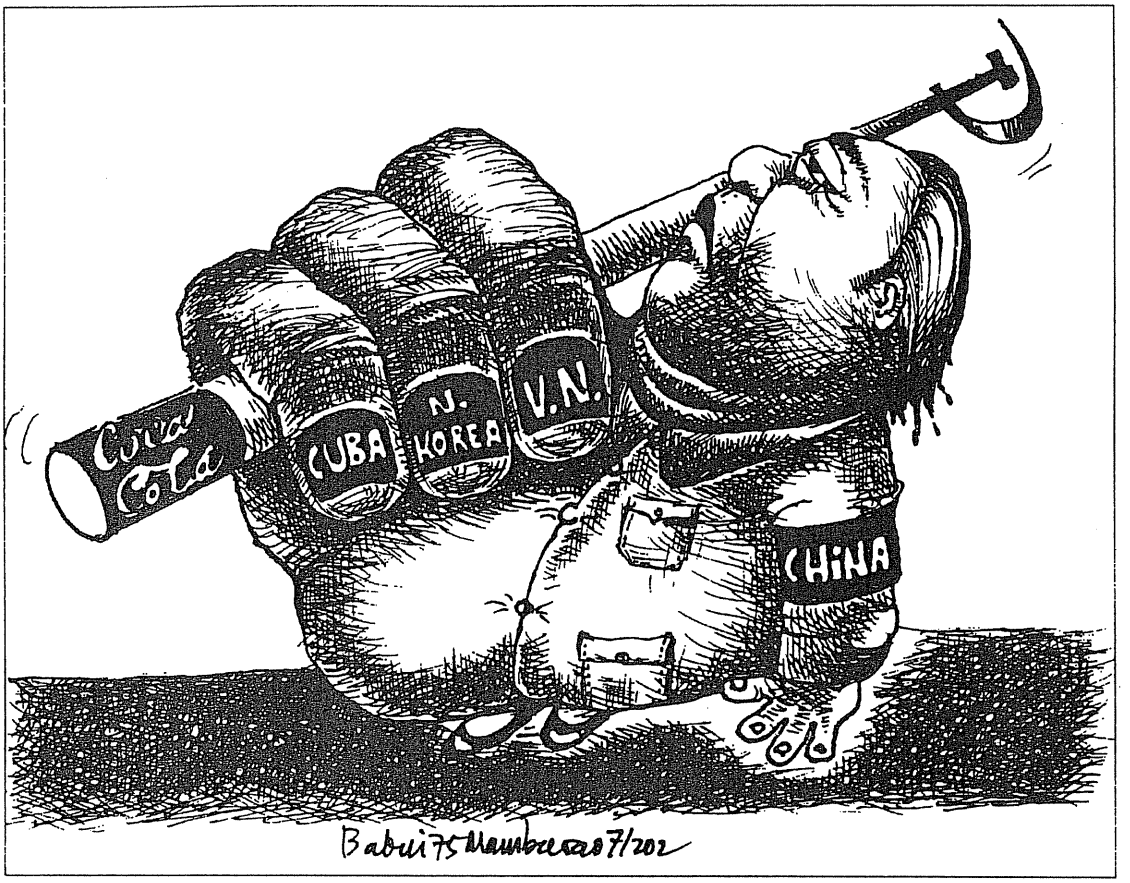

HỒ CHÍ MINH VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

VÕ NHÂN TRÍ

Khi bàn về cái gọi là "Tư tưởng Hồ Chí Minh" (TTHCM) đa số tác giả thường đề cập đến các khía cạnh chính trị nhưng ít ai đã động tới khía cạnh kinh tế của nó. Mặt khác, các tác giả nầy cũng bàn chủ yếu về hoạt động của ông Hồ Chí Minh trước năm 1958, tức là trước khi giai đoạn "cách mạng xã hội chủ nghĩa" bắt đầu.

Trong bài tham luận này, chúng tôi sẽ bàn về cả hai khía cạnh chính trị và kinh tế của "TTHCM" (1) và chủ yếu là những khía cạnh liên quan trực tiếp đến quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội (XHCN) theo kiểu Mác Lê ở Việt Nam, bắt đầu từ 1958.

Trong phần kết luận, chúng tôi bác bỏ luận điệu của ĐCS viện lý "TTHCM" để hỗ trợ cho chính sách "đổi mới" hiện nay.

Theo gương ĐCS Trung Quốc đã đề cao "Tư tưởng Mao Trạch Đông" Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN) cũng bắt đầu từ năm 1991 trở đi, đề cao một cách giả tạo cái gọi là "TTHCM" tại Đại hội 7 của họ (tháng 6/91) để có chút ít bản sắc dân tộc sau khi chủ nghĩa Mác Lê đã thất bại với sự sụp đổ của khối Liên Xô - Đông Âu. Giả tạo là vì chính ông Hồ cũng đã từng nói: "Tôi không có tư tưởng gì ngoài tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê cả" (2). Dưới đây chúng tôi sẽ lần lượt phân tích khía cạnh chính trị và kinh tế của "TTHCM."

1. Khía cạnh chính trị của "TTHCM"

Về vấn đề này thì có lẽ cần nhắc lại trước tiên là trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội 2 của Đảng Lao Động Viet Nam (tiền bối của ĐCSVN) hồi tháng 2/1951 trong kháng chiến, ông Hồ đã hết sức ca ngợi và đề cao cả Stalin lẫn Mao.

Quan điểm của Stalin mà ông Hồ rất tâm đắc là: ĐCS là công cụ của chuyên chính vô sản", và "chuyên chính vô sản về thực chất được thay thế bởi chuyên chính của ĐCS"; hơn nữa, trong thực tế, chuyên chính của ĐCS có nghĩa là chuyên chính của một người: Stalin (3). Boris Souvarine đã từng cho rằng ông Hồ là "một đồ đệ tuyệt trần của Stalin"(4).

Về ảnh hưởng của Mao đối với ông Hồ thì chúng tôi chỉ muốn trích dẫn ở đây câu nói điển hình trong Báo cáo chính trị mà ông Hồ đã đọc tại Đại hội 2 (tháng 2/51) vừa nhắc lại ở trên: "Cách mạng Việt Nam phải học... nhiều kinh nghiệm của cách mạng Trung Quốc. Kinh nghiệm [này] và tư tưởng Mao Trạch Đông đã giúp cho chúng tôi hiểu thấu đáo hơn học thuyết của Mác _Ăngheh - Lênin - Stalin. Những người cách mạng Việt Nam phải luôn luôn ghi nhớ và biết ơn Mao Trạch Đông về sự cống hiến to lớn đó"(5). Và cũng tại Đại hội 2 này, ông Hồ đã tuyên bố: "Ai đó có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể nào sai được"!!!(6). Một sự sùng bái đến độ mù quáng đến thế là cùng!

Theo Phạm văn Đồng, "TTHCM" bao gồm 5 yếu tố chủ yếu sau đây: Chủ nghĩa Mác Lê (CNML); sự lãnh đạo tuyệt đối của ĐCS; chuyên chính vô sản (CCVS); con đường đi lên XHCN; và tinh thần quốc tế vô sản (7).

Các yếu tố này đã được nhiều người cả trong lẫn ngoài nước- phân tích rồi. Ở đây chúng tôi chỉ muốn nêu lên một vài khía cạnh mà thôi.

Có một số Việt kiều cho rằng ĐCSVN hiện nay cố ý nêu bật "TTHCM" là vì họ muốn thay thế chủ nghĩa Mác Lê đã lỗi thời bằng "TTHCM", nhằm lừa phỉnh nhân dân dễ dàng hơn bởi vì nó còn có ít nhiều bản sắc dân tộc. Điều này không hoàn toàn đúng bởi vì chính cơ sở ý thức hệ của ông Hồ là chủ nghĩa Mác-Lê, và ông Hồ vẫn coi nó là "học thuyết đúng đắn nhất, cách mạng nhất," là "kim chỉ nam cho hành động" kia mà (có lẽ cũng cần nhắc lại ở đây: cụm từ CNML là do chính Stalin sáng tạo ra hồi năm 1938). ĐCSVN thường hay khẳng định rằng "TTHCM" là "một sự vận dụng và phát triển sáng tạo của CNML vào điều kiện cụ thể của nước ta," nhưng trong thực tế thì họ chỉ có rập khuôn một cách máy móc kinh nghiệm của Liên Xô và Trung Quốc mà không tính đến hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, do đó đã gây ra nhiều hậu quả vô cùng tai

hại cho nhân dân (như cải cách ruộng đất, cải tại xã hội chủ nghĩa đối với công, thương nghiệp tư doanh v.v... theo kiểu Mao chẳng hạn).

Về sự lãnh đạo tuyệt đối của ĐCS trong cách mạng Việt Nam thì chủ trương của ông Hồ, từ lúc đầu, là thủ tiêu bất cứ ai muốn cạnh tranh giành sự lãnh đạo đó. Ông Hồ đã từng tuyên bố: "Đảng ta không những đã giành được quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước, mà còn đập tan được mọi âm mưu của giai cấp tư sản hòng tranh quyền lãnh đạo cách mạng với Đảng ta"(8). Do đó, sau khi nắm chính quyền, Việt Minh (tức là ĐCS) đã tiêu diệt không những các đảng quốc gia(9) mà còn thủ tiêu các lãnh tụ troskit Viet Nam (như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh v.v...) mà ông Hồ gọi là "đàn chó troskít" và đã từng buộc cho họ tội "phản bội, gián điệp, tay sai đế quốc", "những kẻ đầu trâu mặt ngựa", "kẻ thù của nền dân chủ và tiến bộ", "bọn phản bội và mật thám tồi tệ nhất"(10). Có lẽ cần nhắc lại đây câu nói nổi tiếng của ông Hồ trong một cuộc đàm thoại với Daniel Guérin, một nhà báo Pháp: Khi bình luận về cái chết của Tạ Thu Thâu, cựu cố vấn tros-kít của Hội đồng thành phố Saigon, ông Hồ tuyên bố: "Ông ấy là một người yêu nước vĩ đại, và tôi thương xót (?) ông ấy"; nhưng liền sau đó, với một giọng rất cứng rắn, ông Hồ nói tiếp: "[Nhưng] tất cả những ai không theo đường lối của tôi đều sẽ bị bẻ gãy [tức là bị thủ tiêu-VNT]"(11).

Dưới thời đại ông Hồ, ĐCS thường nêu lên khẩu hiệu "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Dân làm chủ." Ai cũng thấy khẩu hiệu này là vừa mâu thuẫn vừa khôi hài, nhưng chẳng ai dám nói ra. Mâu thuẫn là vì: tại sao nhân dân làm chủ mà lại phải chịu sự lãnh đạo của đảng, thông qua sự quản lý (thực tế là cai trị) của nhà nước (do đảng dựng lên); như vậy là người dân ở trong tình cảnh một cổ hai tròng! Còn khôi hài là vì, về lý thuyết thì ĐCS nói một cách hoa mỹ và mỵ dân là dân làm chủ nhưng trong thực tế ai cũng thấy rõ là *đảng làm chủ dân*!

Nhà sử học và đảng viên Nguyễn Kiến Giang đã nhận xét như sau "... sự độc quyền lãnh đạo của đảng... được thực hiện thành sự thống trị tuyệt đối của đảng trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, thậm chí... cả đời sống cá nhân...; đảng có quyền quyết định tất cả...; và mọi người dân chỉ còn được phép nghĩ theo, nói theo và làm theo những quyết định của đảng, có khi chỉ là một cấp lãnh đạo, thậm chí một cá nhân lãnh đạo nào đó." (12)

Ông Hồ còn nhấn mạnh là trong lối sinh hoạt của đảng (và nhà nước) thì nhất thiết phải dựa trên nguyên tắc tổ chức cơ bản là "tập trung dân chủ" (democratic centralism) (13). Đấy là về lý thuyết chớ trong thực tế thì ai cũng biết chỉ có tập trung chớ không có dân chủ. Có người còn nói: "tập trung là căn bản, còn dân chủ chỉ là hình thức; nguyên tắc này bảo đảm sự tồn tại mãi mãi của một kẻ độc tài hay một nhóm độc tài toàn quyền thao túng công việc của đảng và nhà nước, độc tôn thống trị xã hội." (14) Đáng lẽ phải gọi nguyên tắc tổ chức này là "tập trung chuyên chính" (dictatorial centralism) thì đúng hơn!

Về vấn đề "chuyên chính vô sản" (CCVS) thì ông Hồ đã áp dụng triệt để khái niệm này của C.Mác, Lê-nin, và Stalin.

Ông Hồ đã từng nói: "Dân chủ cần phải có chuyên chính" (15) đúng theo định nghĩa của chuyên chính vô sản mà ĐCS nào cũng dạy cho đảng viên trong các lớp vỡ lòng. Dân chủ nói ở đây là phải hiểu theo định nghĩa của Lê-nin. "Chế độ dân chủ là một hình thức của nhà nước mà bản chất của nó là sự sử dụng một cách có tổ chức và có hệ thống sự cưỡng bức [coercion]... [đối với người dân]"(16). Cũng theo Lê-nin, nhân dân (phải hiểu ngầm là nhân dân lao động mà thôi) được quyền bày tỏ ý kiến của mình, miễn là trong khuôn khổ của đường lối, chính sách mà đảng đã vạch ra, chớ không thể đặt lại vấn đề. Về đường lối đó; nếu nhân dân ngoan ngoãn như vậy thì không có lý do gì mà sợ bị đàn áp (đó là dân chủ), còn nếu chống lại đường lối của đảng thì sẽ bị đàn áp ngay (đó là chuyên chính). Về lý thuyết thì đảng nói chỉ có chuyên chính với kẻ thù giai cấp, nhưng trong thực tế thì, theo nhận xét của anh Lữ Phương, một thiểu số cầm quyền (tập đoàn lãnh đạo ĐCS) đã thực hiện một sự chuyên chính nhằm "thống trị đại đa số dân cư: Không phải chỉ đối với đế quốc, tư sản phản động mà còn đối với cả nhân dân lao động, trong đó có cả giai cấp vô sản và những đảng viên bình thường nữa"(17). Như vậy là trong thực tế cái gọi là CCVS đã trở thành chuyên chính ***với*** giai cấp vô sản, chuyên chính ***với*** nhân dân. Một ví dụ: dưới thời đại ông Hồ có một quyết định của Bộ chính trị đã được "chính quyền hóa" bằng một nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 49/NQ/TVQH do Trường Chinh ký ngày 20/6/61 nó cho phép chính phủ bắt giam công dân vào trại tập trung được gọi là "trại cải tạo" mà không cần có tòa án xét

xử ở khắp miền Bắc trong thời hạn ba năm; và khi hết hạn đó thì chính quyền có thể gia hạn và cứ thế kéo dài vô thời hạn. Trong số nạn nhân đó không những có người thuộc đảng phái chống đối, sĩ quan và công chức "cũ" đã chịu quy phục chính quyền mới mà còn có những trí thức, nhà văn, nhà báo, giáo sư đã từng tham gia kháng chiến chống Pháp, cán bộ, đảng viên, quân nhân bất đồng ý kiến với chính sách của đảng. Hàng chục vạn người bị tù đày hầu như vô thời hạn; vợ con của ĐCSVN, thông qua bộ máy đàn áp khốc liệt của nhà nước, dưới thời đại ông Hồ và sau đó nữa, chúng tôi xin trích dẫn nhận xét sau đây của Thành Tín (bút danh của Bùi Tín, cựu phó Tổng biên tập báo Nhân Dân): "Đó là một bộ máy đàn áp rộng lớn và tinh vi theo kiểu KGB lộng hành, bất chấp luật pháp và dư luận, chà đạp quyền tự do của công dân, khống chế con người và xã hội, tạo nên nỗi sợ thường trực và dai dẳng [cho nhân dân]..."(20)

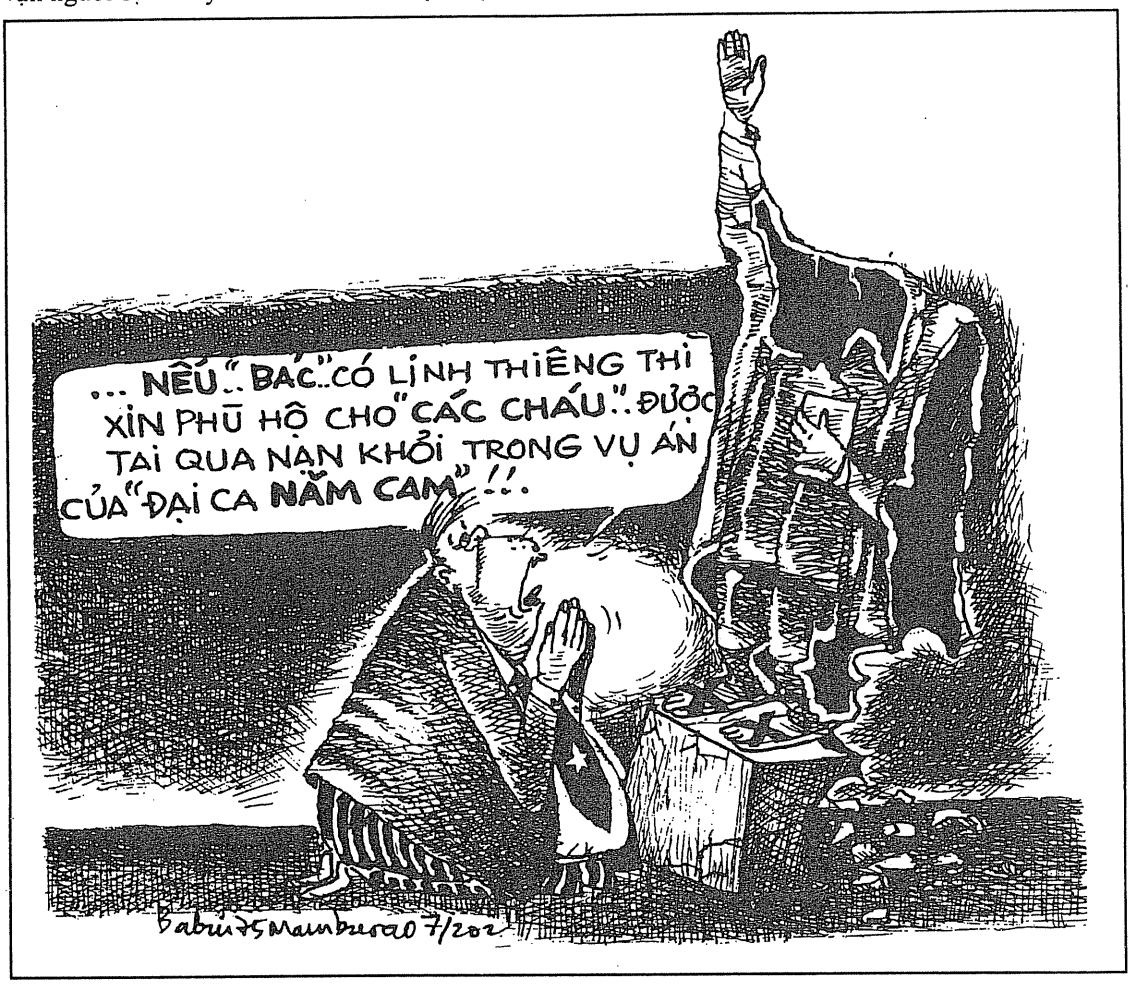

bị phân biệt đối xử tàn tệ; tình cảnh họ thật là bi đát. Bao nhiêu người khốn khổ đã phải bỏ mình ở các "trại cải tạo" này (18). Than ôi, nghị quyết 49 này lại được lập lại một lần nữa 36 năm sau, với một quy mô rộng lớn hơn, dưới tên gọi là nghị định 31/CP do ông Võ Văn Kiệt ký ngày 14/4/97. Cái CCVS mà ông Hồ chủ trương đã gây ra nhiều tội ác, và như nhà lão thành cách mạng quá cố Nguyễn Văn Trấn đã nói: ***"Tội ác chế độ này, từ 40 năm nay, thật nói không hết"*** (tác giả nhấn mạnh -VNT) (19).

Để hình dung được phần nào sự chuyên chính

Theo nhà văn nổi tiếng và rất dũng cảm Dương Thu Hương thì chế độ cộng sản ở miền Bắc là một chế độ "phong kiến và công an trị" (21) và bà này cho rằng chuyên chính vô sản và nguyên tắc tập trung dân chủ đã biến chế độ Hà Nội thành một chế độ "lạc hậu và man rợ" và "thiếu dân chủ" (22). Còn anh Nguyễn Chí Thiện, một nhà thơ và nhà văn đã từng bị cầm tù trong 27 năm trời, thì nhận xét chế độ Hà Nội như sau: "Đảng là một tổ chức siêu phát-xít, cực kỳ hung hiểm"; "... họ đương xây một con đường lên cái chân trời Cộng sản mù mịt đó bằng thây người, bằng nước

mắt, mồ hôi, rớt dải, cơ hàn, chiến tranh, lao tù, gian dối, thủ đoạn tàn bạo, bằng ngu tối, vô luân, vô sĩ, bằng nô lệ, kềm kẹp, bằng hủy diệt tất cả những gì mang tính người..." (23).

Jean Lacouture, một ký giả Pháp, thì cho rằng chế độ miền Bắc dưới sự thống trị của ông Hồ là "tàn nhẫn," "hung tợn," "có nhiều khía cạnh toàn trị"(24). Còn Olivier Todd, một nhà văn và nhà báo Pháp khác thì cho rằng ông Hồ "đã thiết lập một trong những quốc gia Stali-nít nhất trên thế giới" (25).

Yếu tố thứ tư mà ĐCSVN coi là "cốt lõi" của "TTHCM" là "con đường tiến lên CNXH" ở Việt Nam. Sao chép lại một cách máy móc học thuyết "cách mạng không ngừng" của Lê-nin và Mao Trạch Đông, ông Hồ cho rằng, sau cuộc "cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân" tức là sau cuộc đấu tranh giành độc lập chống thực dân Pháp và cải cách ruộng đất- thì đến ngay cuộc "cách mạng XHCN," và cả hai giai đoạn này gắn bó chặt chẽ với nhau và đều do ĐCS lãnh đạo (26).

Ngày 07/09/57, trong diễn văn khai mạc ở trường đảng Nguyễn Ái Quốc (Hà Nội), ông Hồ đề cập lần đầu tiên vấn đề "miền Bắc hoàn toàn giải phóng, ta đã bước vào thời kỳ quá độ tiến dần lên CNXH" (27). Nhưng vào đầu năm 1960, với ảnh hưởng của phong trào "đại nhảy vọt" của Trung Quốc (1958 - 62), ông Hồ đưa ra khẩu hiệu "tiến nhanh, tiến mạnh, *tiến thẳng* lên CNXH" (chúng tôi nhấn mạnh VNT)(28). Trong hoàn cảnh đó, ông Hồ trong một bài báo viết hồi năm 1960, đã đưa ra chỉ thị là miền Bắc "từ một nước nông nghiệp lạc hậu *tiến thẳng* lên CNXH [mà] không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa" (tác giả nhấn mạnh VNT) (29). Lúc đó, ông Hồ tin tưởng một cách tuyệt đối rằng cách mạng Việt Nam muốn thắng lợi triệt để thì không có con đường nào khác con đường cách mạng tháng 10 ở Nga: "Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mạng Nga là đã thành công... nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do (?) bình đẳng thật (?)...(30). Có lẽ cũng cần nhắc lại ở đây là, cũng trong năm 1960, tại Đại hội lần thứ ba của ĐCSVN ông Hồ đã tiên đoán là "CNXH cuối cùng nhất định toàn thắng khắp thế giới" (31), và "chế độ tư bản chủ nghĩa nhất định sẽ biến đổi thành chế độ XHCN" (38). Sự sụp đổ bức tường Bá Linh vào cuối những năm 80 đã phủ định hoàn toàn tiên đoán nói trên của ông Hồ như ai cũng thấy rõ.

Liên quan đến CNXH mà ông Hồ coi như là ngọn đuốc soi đường cho cả nước, ông này còn nhấn mạnh là "yêu tổ quốc... phải gắn liền với yêu CNXH, vì tiến lên CNXH thì... Tổ quốc ngày một giàu mạnh thêm" (33). Trong thực tế thì tình hình lại khác hẳn, như mọi người đã thấy!

Về việc "tiến thẳng lên CNXH", chúng tôi muốn nhắc lại đây nhận xét của nhà sử học và đảng viên Nguyễn Kiến Giang: ông Hồ và ĐCSVN "đã phạm sai lầm... khi đặt ra nhiệm vụ trực tiếp xây dựng CNXH ở miền Bắc sau 1954 khi vừa mới giải phóng; (...) khi đặt ra nhiệm vụ này, [ông Hồ và ĐCSVN] đã xuất phát từ một sơ đồ lý luận trừu tượng [lý thuyết "cách mạng không ngừng" - VNT] mà *không xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể lịch sử của nước ta lúc đó*" (tác giả nhấn mạnh VNT)"(34). Chính chủ trương "tiến thẳng lên CNXH" là "nguyên nhân" của cuộc "khủng hoảng toàn diện, khủng hoảng tổng thể của xã hội, khủng hoảng trên tất cả các lĩnh vực...: kinh tế và xã hội, tinh thần và đạo đức, tư tưởng và chính trị." (35)

Về yếu tố cuối cùng của "TTHCM," "tinh thần quốc tế vô sản," thì chúng tôi xin miễn bàn đến vì nó không còn có tính cách thời sự nữa.

*

Khách quan mà nói thì không phải cái gì ông Hồ chủ trương về mặt chính trị đều là tai hại cho dân tộc hoặc sai lầm cả. Ví dụ như khi ông Hồ tuyên bố: "Hễ chính phủ nào mà có hại cho dân chúng thì dân chúng phải đập đổ chính phủ ấy đi và gây nên chính phủ khác." (36)

Một ví dụ khác là khi rút ra từ chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn (ở Trung Quốc, trong những năm 20), ông Hồ đưa ra khẩu hiệu đấu tranh cho độc lập (cho đất nước) tự do - hạnh phúc (cho nhân dân) thì chúng ta chỉ có thể hoan nghênh mà thôi.

Trong bức thư gửi cho Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng hồi tháng 10/45 (tức là sau "Cách mạng tháng 8") ông Hồ đã khẳng định rằng "Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì" (37). Ai mà có thể chống lại quan điểm chí lý này? Nhưng rất tiếc là trong thực tế, trong suốt cả thời gian nắm chính quyền, ông Hồ chưa bao giờ thực hiện lời nói trên đây cả! Về tự do chẳng hạn thì những sự việc kể trên liên quan tới CCVS, dưới thời thống trị của ông Hồ cũng như sau đó, chứng tỏ nhân dân ở miền Bắc chưa bao giờ biết tự do là gì trong thực tế, dù rằng trong các Hiến

Pháp 1946 và 1959 các quyền tự do dân chủ được ghi rõ ràng, nhưng đó chỉ là "bánh vẽ" mà thôi (theo nhà thơ Chế Lan Viên). Còn về hạnh phúc thì người ta tự hỏi: làm sao nhân dân có được hạnh phúc khi, một mặt thì đời sống vật chất của nhân dân quá khó khăn trong những năm ông Hồ nắm chính quyền, mặt khác nhân dân chưa bao giờ hưởng được các quyền tự do dân chủ cơ bản như đã ghi trong các Hiến Pháp lúc đó? Đúng như anh Lữ Phương đã nhận xét: "mô hình XHCN [do ông Hồ] mang đến cho dân tộc Việt Nam suốt bao nhiêu năm qua là điều quá rõ ràng: độc lập đã có, *nhưng tự do, hạnh phúc thì không* (tác giả nhấn mạnh VNT) (38). Ông Trần Độ cũng nhận xét như thế (39) và còn nói thêm: "Muốn có tự do, hạnh phúc phải có dân chủ" (40). Ông Nguyễn Hộ cũng nói như ông Trần Độ: "rõ ràng ở Việt Nam.:. chỉ có độc lập... chớ không hề có dân chủ tự do, đặc biệt về chính trị, tư tưởng..." (41).

Gần đây có người ở Việt Nam cho rằng để thực hiện lời tuyên bố chí lý của ông Hồ như vừa nêu, thì phải "tiến lên CNXH [vì đó] là con đường... đem lại tự do hạnh phúc cho mọi người" (42). Đó là ngụy biện hoàn toàn vì kinh nghiệm trong bao nhiêu năm qua cho thấy là trong thực tế ở Việt Nam cũng như ở các nước đã từng đi theo con đường "xã hội chủ nghĩa hiện thực" - nhân dân chưa bao giờ được hưởng tự do và hạnh phúc cả!

Hiện nay, nếu ĐCSVN thật tình muốn "thực hành công cuộc đổi mới theo tư tưởng của Người [ông Hồ]" như họ từng nói thì họ hãy thực hiện đúng lời nói vừa nêu trên đây của ông Hồ!

2) Khía cạnh kinh tế của "TTHCM"

Về vấn đề này thì chúng ta cần trở lại chủ trương "tiến thẳng lên CNXH" của ông Hồ để có thể hiểu rõ hơn. Điều đáng chú ý là ý đồ "tiến thẳng lên CNXH" từ một nước nông nghiệp lạc hậu, lại vừa ra khỏi chiến tranh chống thực dân Pháp, là vừa không phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của đất nước vừa đi ngược lại quan điểm của Mác. Bởi vì như một đảng viên cao cấp đã nhận xét "theo Mác và Ăngghen, CNXH chỉ có thể thành công ở những nước có nền công nghiệp phát triển, nghĩa là đã qua giai đoạn cao của chủ nghĩa tư bản"(43). (Quan điểm này của Mác cũng là lý thuyết suông thôi vì cho đến nay dự đoán này chưa bao giờ được cụ thể hóa cả!)

Thẳng thắn mà nói thì chủ trương "tiến thẳng lên XHCN" nói trên là sai lầm to lớn nhất và tai hại nhất trong lĩnh vực kinh tế. Chính xuất phát từ đó mà, trong "Báo cáo về dự thảo Hiến Pháp sửa đổi" năm 1959, ông Hồ khẳng định "chế độ ta [phải] xóa bỏ các hình thức sở hữu không XHCN [tức là sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất của người lao động riêng lẻ và của nhà tư sản VNT] làm cho nền kinh tế gồm nhiều thành phần phức tạp trở nên một nền kinh tế *thuần nhất* dựa trên chế độ *sở hữu toàn dân* [tức là sở hữu quốc doanh] của nhà nước - VNT] và *sở hữu tập thể* [tức là của các hợp tác xã VNT]". (Chúng tôi nhấn mạnh - VNT). Và ông Hồ còn nói thêm: "... Kinh tế quốc doanh là hình thức sở hữu của toàn dân, nó lãnh đạo nền kinh tế quốc dân, và nhà nước phải bảo đảm cho nó phát triển ưu tiên; chúng ta phát triển thành phần kinh tế quốc doanh để tạo nền tảng vững chắc cho CNXH và thúc đẩy việc cải tạo XHCN." (44)

Hồi tưởng lại quá khứ, một đảng viên cao cấp đã thừa nhận là "vào giai đoạn trước đổi mới, chúng ta [ĐCSVN] đã phạm sai lầm là rập khuôn mô hình cứng nhắc [của Stalin và Mao - VNT] về CNXH, thuần nhất thành phần kinh tế XHCN dưới hai hình thức: quốc doanh và tập thể, ... thủ tiêu các thành phần khác. Những sai lầm này diễn ra ở nước ta trong một thời gian dài, và chúng ta phải trả giá quá đắt"(45).

Trong những năm 80, ông Trường Chinh(46) và ông Nguyễn Văn Linh(47) đều thừa nhận là việc xóa bỏ các khu vực kinh tế tư nhân theo chủ trương của ĐCS [và ông Hồ] lúc đó là một trong những sai lầm "ấu trĩ tả khuynh," "duy ý chí," bởi vì các thành phần kinh tế đó còn rất cần thiết cho sự phát triển kinh tế quốc dân.

Chính xuất phát từ chủ trương xóa bỏ các thành phần kinh tế tư nhân cho nên ông Hồ thúc giục thực hiện khẩn trương kế hoạch ba năm (1958-60) ở miền Bắc nhằm "thực hiện *cải tạo XHCN* đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh [mà] khâu chính là cải tạo... nông nghiệp" (chúng tôi nhấn mạnh VNT) (48). Không những tán thành chung chung thôi mà ông Hồ, theo một tài liệu của Ủy ban nghiên cứu lịch sử ĐCS, còn "theo dõi và chỉ đạo sát sao công cuộc cải tạo XHCN" đó nữa. (49)

*

Về vấn đề cải tạo XHCN đối với nông nghiệp tức là *hợp tác hóa nông nghiệp*, ông Hồ đã chỉ thị như sau: "... Đường lối cải tạo XHCN... đối với

nông nghiệp là đưa nông dân làm ăn riêng lẻ đi dần [nhưng trong thực tế thì thúc ép họ - VNT] từ tổ đổi công... tiến lên hợp tác xã cấp tiến... rồi tiến lên hợp tác xã cấp cao"; "các hợp tác xã, dưới sự lãnh đạo của đảng phải trở thành những đội quân vững mạnh của... nông dân lao động trong cuộc phát triển sản xuất"; "Yêu hợp tác xã như nhà, chống tư tưởng làm ăn riêng lẻ và những tư tưởng... có ảnh hưởng xấu cho việc củng cố và phát triển hợp tác xã"(50). Ông Hồ còn theo dõi và chỉ đạo cụ thể việc biên soạn điều lệ hợp tác xã nông nghiệp, và tự tay viết lời giới thiệu bản điều lệ đó(51). Điều này nói lên tầm quan trọng của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đối với ông Hồ.

Trong bài diễn văn đọc tại hội nghị trung ương ĐCS lần thứ 5 bàn về nông nghiệp (tháng 7/61) ông Hồ đánh giá phong trào hợp tác hóa nông nghiệp như sau: "Chúng ta nhất trí nhận định rằng phong trào hợp tác hóa nói chung là ***tốt*** (tác giả nhấn mạnh - VNT) (52), chính trong lúc đang xảy ra "những biểu hiện... nóng vội, gò ép [tức là thúc ép một cách thô bạo nông dân chuyển từ tổ đổi công lên hợp tác xã trong một thời gian rất ngắn - VNT], và các lệch lạc khác" như một đảng viên đã thú nhận (53).

Năm 1965, trong một bài báo tổng kết 20 năm cách mạng Việt Nam, ông Hồ đã khẳng định: "Với các hợp tác xã, nông nghiệp đã phát triển vững chắc" (54) trong lúc mà các số liệu chính thức cho thấy là sản lượng lương thực trong suốt thời kỳ 1960-64 chưa vượt qua nổi mức đạt được hồi năm 1954, năm mà ông Trường Chinh chỉ thị phải thúc đẩy phong trào hợp tác hóa lên mạnh hơn nữa (55).

Một điều quan trọng cần nhắc lại ở đây là, trong một thông điệp đề ngày 01/05/69, ông Hồ đã đứng hẳn về phía Trường Chinh chống lại kinh nghiệm khoán hộ "chui" do Kim Ngọc, bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phú đề xướng hồi năm 1968(56), nhằm kích thích lợi ích của xã viên để họ hăng hái tham gia sản xuất. (Lúc đó ĐCSVN cũng bắt chước ĐCS Trung Quốc phê phán việc khoán hộ "chui" trước đó vài năm). Phải đợi tới 13 năm sau thì kinh nghiệm khoán hộ đối với hợp tác xã nông nghiệp mới được ĐCSVN chấp nhận chính thức, và được áp dụng toàn quốc với chỉ thị 100 CT/TU nổi tiếng của Ban bí thư trung ương Đảng (tháng 1/81)(57).

Nhìn lại quá khứ, một số nhà kinh tế học Việt Nam, trong một tài liệu nội bộ, thừa nhận: "Phân tích diễn biến tình hình và hệ quả của 30 năm [từ năm 1958 trở đi VNT] đối với tình hình kinh tế - xã hội nông thôn nước ta... [ta thấy]... *Khuyết điểm và sai lầm trong nhận thức, trong chủ trương, trong chỉ đạo thực hiện, nhất là bước đi của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, là thực tế, rõ ràng.* Những sai lầm, khuyết điểm đó đã và đang gây hậu quả nặng nề đối với thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước... Trong 30 năm hợp tác hóa nông nghiệp bằng những cuộc cải tạo vội vàng và bất chấp quy luật, dẫn đến tập thể hóa mà *thực chất là tước đoạt một cách rộng khắp và mau lẹ quyền sở hữu ruộng đất của nông dân.* Chính sách đó đã biến... nông dân từ những người sản xuất tự do thành những người làm thuê ăn điểm cho những ông chủ tập thể vô hình [tức là chủ nhiệm hợp tác xã VNT]. Đó là sai lầm lớn nhất của 30 năm hợp tác hóa nông nghiệp mà đến nay hậu quả còn nặng nề..." (tác giả nhấn mạnh - VNT) (58). Một nhà kinh tế học khác ở Hà Nội cũng nhận xét: "Người nông dân... thực chất biến thành người lao động... [cho] hợp tác xã. Kiểu kinh tế này... đối lập với hoạt động sản xuất nông nghiệp, vì thế nông nghiệp và kinh tế nông thôn đi tới chỗ đình đốn, suy thoái và khủng hoảng." (59)

*

Song song với chủ trương cưỡng bách nông dân cá thể đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp, ông Hồ (và ĐCSVn) còn chủ trương *"cải tạo XHCN"* đối với giai cấp tư sản trong công, thương nghiệp [một uyển ngữ để nói việc đánh giai cấp tư sản tơi bời - VNT] theo mô hình của Lê-nin và nhất là của Mao.

Trong bản "Báo cáo về dự thảo Hiến Pháp sửa đổi" hồi năm 1959, ông Hồ đã viết: "Hiện nay chúng ta có điều kiện để cải tạo họ [giai cấp tư sản VNT] theo con đường XHCN... Nhà nước khuyến khích họ [trong thực tế là ép buộc họ - VNT] cải tạo theo XHCN bằng hình thức công-tư hợp doanh và những hình thức cải tạo khác" (60). Năm 1960, ông Hồ nhấn mạnh một lần nữa: "Một việc cần kíp là cải tạo... *giai cấp tư sản dân tộc*. Do bản chất của họ, họ vẫn luyến tiếc cách bóc lột và muốn phát triển theo chủ nghĩa tư bản. Nhưng trong điều kiện miền Bắc tiến lên CNXH, ý nguyện của họ không thể nào thực hiện được." (tác giả nhấn mạnh VNT) (61).

Để hồi tưởng lại cuộc "phát động quần chúng cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, chúng

tôi xin trích sau đây một đoạn trong quyển sách của Thành Tín: "Cuộc cải tạo công thương nghiệp, loại bỏ giai cấp tư sản dân tộc [trong thời kỳ 1958-60 ở miền Bắc -VNT] vẫn là theo kinh nghiệm của [Trung Quốc]..., vẫn là theo sự "giúp đỡ" của các... phái viên đặc biệt của Mao... về cải tạo công thương nghiệp... về tận diệt nền sản xuất tư doanh (...) Các cuộc tố khổ, tính sổ bóc lột của tư sản, kể lễ những thủ đoạn bóc lột, hà hiếp lao động, buôn gian bán lận, cân đo gian dối, buôn lậu... tham tiền bất nhân... được phơi bày. Những hóa đơn, giấy tờ kinh doanh quan hệ với các hãng, công ty ở Pháp, Hồng Kông... bị coi là tài liệu liên hệ với giai cấp tư sản đế quốc, cấu kết với bọn phản động quốc tế." (62). Trong đợt "cải tạo" này có trường hợp một cơ sở sản xuất trình độ thủ công với 10 người thợ, phần đông là con cháu họ hàng, cũng bị quy thành tư sản và cứ thế là bị kiểm thảo, truy bức, truy thu. Đáng thương hại là con cháu của các gia đình bị xếp vào loại tư sản thì không bao giờ có thể vào đại học, dù là khi thi vào thì được điểm rất cao; và khi đã tốt nghiệp rồi xin đi làm cho cơ quan nhà nước thì cũng bị khước từ. Thành phần lý lịch tư sản trở thành một cái bướu dính vào suốt đời họ.

Một nhân vật xuất hiện trong chiến dịch đánh tư sản từ cuối năm 1956 là ông Đỗ Mười. Ông này đã lập công lớn ở Hải Phòng, Hà Nội và Nam Định. Trong một hội nghị cán bộ toàn thành phố Hà Nội, ông Mười đã dặn dò cán bộ như sau: "bọn tư sản" giống như là chuột cống; khi thấy nó lú ở đâu thì đập cho nó chết ngay! (Chúng tôi không nhớ rõ nguyên văn, nhưng đại ý là như vậy). Nhờ "thành tích" đánh tư sản ở miền Bắc mà ĐCS liền xuất tướng ông này vào miền Nam sau 1975 để chỉ huy công cuộc "cải tạo XHCN" đối với công thương nghiệp tư doanh ở Sài Gòn.

Hậu quả của công cuộc "cải tạo XHCN" ở miền Bắc là, như nhà lão thành cách mạng Nguyễn Văn Trấn đã nhận xét:"Cải tạo tư sản... làm cho [nền] kinh tế... miền Bắc cứ nghèo, nghèo, nghèo!" (67). Nhìn lại quá khứ, các nhà sử học Việt Nam cho rằng việc "cải tạo XHCN" ở miền Bắc đã phạm sai lầm "chủ quan, nóng vội" (64). Và cựu ủy viên Bộ chính trị Nguyễn Đức Bình cũng thừa nhận là: "Chúng ta [ĐCSVN] đã phạm sai lầm..., nóng vội trong cải tạo XHCN, [muốn] xóa bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần..." (65).

*

Ngoài chủ trương "cải tạo XHCN" nói trên, ông Hồ còn "luôn luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của nhiệm vụ *công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa* nước nhà" [lẽ dĩ nhiên là theo mô hình công nghiệp hóa của Stalin - VNT](66). Tại hội nghị trung ương lần thứ bảy (tháng 04/62) bàn về công nghiệp hóa miền Bắc, ông Hồ đã chỉ thị: "Để đạt mục đích công nghiệp hóa XHCN, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức thực hiện đầy đủ nghị quyết của hội nghị thứ bảy của Trung ương" (67), tức là thực hiện chính sách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng dù ở miền Bắc không có đủ điều kiện để làm việc đó- nhằm biến nền kinh tế miền Bắc thành một nền kinh tế hiện đại trong vòng 10 năm (68). Sau đó, năm 1964, trong một bài nói chuyện tại Bộ công nghiệp nặng, ông Hồ nhấn mạnh một lần nữa: "để xây dựng thắng lợi XHCN, chúng ta phải quyết tâm phát triển tốt công nghiệp nặng." (69)

Phải chờ tới tháng 10 năm 1986 ông Trường Chinh mới thừa nhận rằng việc ĐCSVN thiên về phát triển công nghiệp nặng ở miền Bắc từ năm 1962 trở đi vượt quá khả năng thực tế của đất nước là một trong những "sai lầm ấu trĩ tả khuynh" (70) của ĐCSVN; và ý kiến này được nhấn mạnh một lần nữa trong Báo cáo chính trị của ông Trường Chinh tại Đại hội 6 của ĐCSVN hồi tháng 12/86 (71).

Tiếp theo đó, ông Nguyễn Văn Linh, lúc đó là Tổng bí thư đảng, cũng thừa nhận, trong một bài diễn văn đọc tại hội nghị trung ương lần thứ 5 (tháng 6/88) rằng một trong những sai lầm có tính cách chiến lược của ĐCSVN trước đó là quá chú ý đến phát triển công nghiệp nặng trên quy mô rộng lớn, đồng thời bị coi nhẹ phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ (72).

*

Nhìn chung, chúng ta thấy nội dung kinh tế trong "TTHCM" như đã nói bên trên không khác gì lắm so với khía cạnh kinh tế trong tư tưởng của Mao Trạch Đông (73). Điều này không có gì là lạ vì chính ông Hồ (dưới bút danh Trần Lực) đã từng hô hào Việt Nam nên áp dụng kinh nghiệm xây dựng kinh tế XHCN của Trung Quốc (74).

Sở dĩ chúng tôi phân tích khá chi tiết các khía cạnh kinh tế của "TTHCM" liên quan tới XHCN là để bù lại phần nào sự thiếu sót về phương diện này trong các quyển sách xuất bản ở trong nước. Trong những sách đó người ta thường chỉ nêu lên mục tiêu chung mà ông Hồ đã vạch ra cho CNXH ở Việt Nam như là "mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng tự do" (75) mà cố ý không nhắc lại các chủ trương và chính sách cụ thể mà ông Hồ đã đề ra nhằm thực hiện mục tiêu nói trên. Hơn nữa, trong các quyển sách xuất bản trong nước, người ta tránh đối chiếu các chính sách của ông Hồ với hậu quả tai hại của nó cho đất nước, cho dân tộc. Và hậu quả tổng quát về mặt kinh tế là, như ông Võ Nguyên Giáp đã thừa nhận trong một hội nghị quốc tế về "TTHCM" tại Hà Nội năm 1990 là "nền kinh tế - xã hội [của Việt Nam] đang ở trong tình trạng trì trệ, nghèo khổ. Đời sống của nhân dân cũng như năng suất lao động... đang ở trong tình trạng thấp kém và lạc hậu hàng mấy thế kỷ, không những so với các nước phát triển mà so với cả những nước trong khu vực [Đông Nam Á - VNT] (76).

Tình hình thực tế này hoàn toàn bác bỏ luận điệu lừa bịp của bộ máy tuyên truyền của ĐCS khi họ khẳng định rằng ông Hồ "là một vĩ nhân..., là người mở đường cho nước ta xây dựng phồn vinh (?) của đất nước." (77)

*

Nhận xét một cách tổng quát về "TTHCM" cả về mặt chính trị lẫn kinh tế- anh Lữ Phương cho rằng "sự lựa chọn đường đi [tức là mô hình Stalinít-Maoít - VNT] của Hồ Chí Minh cho Việt Nam... là chọn lựa bất toàn: nó có thể giành được độc lập cho dân tộc qua các hình thức đấu tranh bạo lực, nhất là chiến tranh, nhưng đã thất bại toàn diện trong xây dựng hòa bình. Điều này đã được chứng thực rất hiển nhiên qua hơn nửa thế kỷ thực hành (...)

Khoác lác về cái gọi là "dân chủ gấp triệu lần" [ám chỉ cái gọi là "dân chủ XHCN" - VNT] nhưng lại đè đầu cỡi cổ nhân dân một cách rất tự nhiên như những cường hào. [Mặt khác] làm mất hoàn toàn động lực về phát triển kinh tế qua chủ trương nhà nước hóa toàn bộ hoạt động sản xuất. Nói chung: giam hảm dâm tộc trong cái ao tù chuyên quyền độc đoán [về mặt chính trị- VNT] và lạc hậu nghèo nàn [về mặt kinh tế - VNT]..." (78).

Bàn về trách nhiệm của ông Hồ trước lịch sử dân tộc, anh Lữ Phương nêu lên câu hỏi sau đây:... [Ông Hồ] đem ra thực hiện một cách toàn diện cái mô hình XHCN phi thị trường và chuyên chính vô sản trong suốt một thời gian đằng đẵng làm cho dân tộc cất đầu dậy không nổi... Chẳng lẽ Cụ là người sinh ra đảng; người lập ra nước... mà không [có] trách nhiệm gì trước những chuyện tày đình đó hay sao?" (79).

Trong nhiều năm qua, ĐCSVN thường xuyên

hô hào là phải dựa vào "TTHCM" để đẩy mạnh công cuộc "đổi mới." Nhưng làm sao có thể dựa vào chủ trương, chính sách kinh tế của ông Hồ chẳng hạn (như đã phân tích bên trên) để "đổi mới" kinh tế khi nó trái ngược hẳn với chính sách đổi mới hiện nay? Vả lại chính sách kinh tế của ông Hồ trong những năm 50 và 60 đã bị Đại hội lần thứ 6 của ĐCS (tháng 12/86) gián tiếp phê phán là "sai lầm ấu trĩ tả khuynh" vì nó "kìm hãm lực lượng sản xuất và triệt tiêu động lực phát triển." (80) Khẳng định rằng "ngày nay những luận điểm của chủ tịch Hồ chí Minh về... CNXH ở nước ta vẫn giữ nguyên ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới"(81), hoặc nói rằng "TTHCM" vẫn là "đúng đắn, sáng tạo" (82) trong sự nghiệp "đổi mới" kinh tế hiện nay như ĐCS đang làm là ngược đời hoàn toàn! Viện lý "TTHCM" để hỗ trợ cho chính sách "đổi mới" kinh tế hiện nay là một nghịch lý.

Còn về mặt chính trị, việc ĐCSVN tiếp tục áp đặt chủ nghĩa Mác-Lê, độc quyền cai trị gần 80 triệu dân thông qua "chuyên chính vô sản" (dưới hình thức của cái gọi là "nhà nước của dân, do dân, vì dân," hoặc "nhà nước XHCN"), và vẫn "tiến lên XHCN" như ông Hồ đã từng chủ trương thì, ai cũng nhận ra là, dưới lá cờ "đổi mới" chính trị, chỉ có đổi chút ít về hình thức thôi, nhưng về nội dung cơ bản thì không có gì là mới cả. Tóm lại, nếu dựa vào "TTHCM" để hỗ trợ cho chính sách "đổi mới" chính trị thì phải nói thẳng ra là có ***đổi*** nhưng không có gì ***mới***!

Do đó cần đấu tranh mạnh mẽ hơn nữa, gây áp lực tối đa và liên tục đối với ĐCS trong nước cũng như ở ngoài nước, để buộc họ phải *đổi mới một cách triệt để*, cả về mặt chính trị lẫn về mặt kinh tế, nhằm mục tiêu cuối cùng là thực hiện một nền *dân chủ đa đảng*, song song với một nền *kinh tế thị trường thực sự*.

Paris tháng 6/2002

Chú thích:

(1) Thư mục chọn lọc về "Tư tưởng Hồ chí Minh":

- Võ Nguyên Giáp (chủ biên), *Tư tưởng Hồ chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, NXBCTQG, Hànội, 2000
- Phạm văn Đồng, *Ho chi Minh, un home, une nation...*, Ele, Hanoi, 1990.
- *Ho Chi Minh*, Ed.Thế giới, Hanoi 1997 (ouvrage collectif rédigé par la Commission de l'histoire du Parti Communiste Vietnamien traduit en francais)
- Nguyễn Khánh Bật, *Những bài giảng về môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXBCTQG, Hanoi 1999.
- Pierre Brocheux, *Ho Chi Minh*, Presses de Sciences Po, Paris, 2000.
- William Duiker, *Ho Chi Minh*, New York, Hyperion Press, 2000.
- Jean Lacouture, *Ho Chi Minh*, Ed. Seuil, Paris, 1967. Du même auteur, *Mes Héros et Nos Monstres ou Le Temps des Déminurces*, Ed.Seuil, Paris, 1997 (xem chương nói về Ho chi Minh)
- Lữ Phương, Huyền thoại về Hồ chí Minh, tạp chí *Thế Kỷ 21* (sẽ gọi tắt *TK21*) (Mỹ) tháng 12/2001, tr.63-71)
- Thanh Phong, Phê phán tư tưởng Hồ chí Minh, *TK21*, tháng 12/2001, t-15
- Tôn Thất Thiện, Luận bàn về "Tư tưởng Hồ chí Minh", *Tin Nhà*, Paris số 27, Avril 1997.
- Võ Nhân Trí, "Tư tưởng Hồ chí Minh" có mâu thuẫn gì với chính sách 'đổi mới' không?", trong quyển sách tập thể: *Đảng Cộng Sản trước thực trạng Việt Nam*, NXB Đường Mới, Paris, 1994, tr.63-94.

(2) Nguyễn Văn Trấn, *Viết cho Mẹ và Quốc hội*, NXB Văn Nghệ, California (Mỹ), 1995, tr.151.

(3) Xem trích dẫn Nguyễn Minh Cần, *Đảng Cộng Sản Việt Nam qua những biến động trong phong trào cộng sản quốc tế*, NXB Tuổi Xanh (Mỹ), 2001, tr.36. Về Stalin nói chung, xem Dimitri Volkogonov, *Staline, Triomphe et Tragédie*, Flammarion, Paris, 1991.

(4) Trích theo P.Brocheux, *Ho Chi Minh*, s.đ.d., tr.93.

(5) Ho chi Minh, *Oeuvres Choisies*, t.2, Ele, Hanoi 1962, tr.221-22. Chúng tôi dịch lại từ bản tiếng Pháp này bởi vì đoạn quan trọng này đã *bị cắt xén* trong Hồ Chí Minh, *Toàn Tập* (bản tiếng Việt), NXBST, t.6, Hanoi, 1986, tr.12. Xem thêm về Tư Tưởng Mao Trạch Đông:

- Stuart R. Schram, *The Thought Of Mao Tse Toung*, New York, Cambridge University Press, 1989.
- Marie Claire Bergère, *La Chine De 1949...*, s.đ.d., tr.172 và tiếp theo.
- Dr.Li Zhi Sui, *La Vie Privée Du Président Mao*, Plon, Paris, 1994.

(6) Trích theo Nguyễn Minh Cần, *Đảng Cộng Sản Viet Nam...*, s.đ.d., tr.63. Cùng xem phỏng vấn của Bùi Tín, tạp chí *Thông Luận* (sẽ gọi tắt *TL*), Paris tháng 10/01, tr.9.

(7) Phạm Văn Đồng, *Ho chi Minh, Un homme...*, s.đ.d., tr.84.

(8) Ho chi Minh, *Toàn tập*, NXBCTQG, Hanoi, 1995, t.10; tr.17.

(9) Trần Gia Phụng, *Án Tích Cộng Sản Việt Nam*, NXB Non Nước, Toronto (Canada), 2001, chương 3.

(10) Hồ chí Minh, *Toàn tập...*, trích theo Nguyễn Minh Cần, *Đảng Cộng Sản...*, s.đ.d., tr.97.

(11) Daniel Guérin, *Au Service Des Colinies* do Jean Lacouture trích dẫn, *Ho Chi Minh*, s.đ.d., tr.123.

(12) *Tuyển tập Nguyễn Kiến Giang*, NXB Trăm Hoa (Mỹ), 1993, tr.72 và 129-30.

(13) Ho Chi Minh, *Ecrits 1920 - 1969*, Ele, Hanoi, 1971, tr.1230.

(14) Nguyễn Minh Cần, *Đảng Cộng Sản Việt Nam...*, s.đ.d., tr.82.

(15) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, NXBST, Hanoi, 1989, tr.7, tr.548.

(16) Trích theo Dimitri Volkogonov, *Le Vrai Lénine*, Lafront, Paris, 1995, tr.314. Ở một chỗ khác, ông Hồ còn nói: "Tập thể lãnh đạo là dân chủ", Hồ chí Minh, *Toàn tập*,

NXBCTQG, Hanoi, 1995, t.5, tr.505.
(17) Lữ Phương, tạp chí *Diễn Đàn* (sẽ gọi tắt là *DĐ*), Paris, tháng 11/1993, tr.19 và 22.
(18) Nguyễn Minh Cần, *Đảng Cộng Sản Việt Nam*..., s.đ.d., tr.125-26.
(19) Nguyễn Văn Trấn, *Viết cho Mẹ*..., s.đ.d., tr.345.
(20) Thành Tín (bút danh của Bùi Tín), *Mặt Thật*, Saigon Press (Mỹ) 1993, tr.3
(21) Dương Thu Hương trong Reader's Digest, trích theo tạp chí *Viet Nam Dân Chủ* (sẽ gọi tắt là *VNDC*), Paris, tháng 1/1999, tr.20.
(22) Trích theo tạp chí *Quê Mẹ*, Paris, tháng 4-5, 1990, tr.38 và theo TH21, tháng 6/2000, tr.53.
(23) Nguyễn Chí Thiện, *Hòa Lò*, NXB Tổ Hợp xuất bản miền Đông Hoa Kỳ, 2001, tr.153 và 169.
(24) J.Lacouture, *Ho Chi Minh*, s.đ.d., tr.178; 181.
(25) Bài của Oliver Todd, *Ho Chi Minh, L'Homme et Son Héritage* (sách tập thể), NXB Đường Mới, Paris 1990, tr.182.
(26) Ho chi Minh, *Ecrits 1920 - 1969*, Ele, Hanoi 1971, tr.215-19 và tr.239-42.
(27) Hồ chí Minh, *Toàn Tập*, NXBST, Hanoi, 1984, t.7; tr.783.
(28) Song Thành, *TCCS*, số 5, 1991, tr.4.
(29) Hồ chí Minh, *Tuyển Tập*, NXBST, Hanoi, 1980, t.2; tr.159.
(30) Hồ chí Minh, *Tuyển Tập*, NXBCTQG, Hanoi 1995, t.2, tr.280.
(31) Hồ chí Minh, *Toàn Tập*, t.2, s.đ.d., tr.186-87.
(32) Hồ chí Minh, *Toàn Tập*, NXBCTQG, Hanoi, 1995; t.9; tr.156-57.
(33) Võ Nguyên Giáp (chủ biên), *Tư Tưởng Hồ chí Minh và con đường*..., s.đ.d., tr.138.
(34) *Tuyển Tập Nguyễn Kiến Giang*, s.đ.d., tr.131.
(35) *ibid*, tr.125; 131; 133.
(36) Hồ chí Minh, *Toàn Tập*, NXBCTQG, Hanoi, 1995, t.2; tr.270.
(37) Hồ chí Minh, *Toàn Tập*,. NXBCTQG, Hanoi, 1995, t.4, tr.56-57.
(38) Lữ Phương, *DĐ*, tháng 11/1993.
(39) Trần Độ, *TL*, tháng 02/1999, tr.15.
(40) Trần Độ, *TL*, tháng 03/1998, tr.34.
(41) Nguyễn Hộ, *Quan Điểm và Cuộc Sống*, thành phố Hồ chí Minh, 1993, ronéo, tr.29.
(42) Võ Nguyên Giáp (chủ biên), *Tư Tưởng Hồ Chí Minh*..., s.đ. d., tr.371.
(43) Thành Duy, *TCCS* số 3/1990, tr.44.
(44) Hồ chí Minh, *Tuyển Tập*, NXBST, Hanoi, 1980, t.2, tr.130-31.
(45) Vũ Xuân Kiều, *TCCS*, số 3/1993, tr.49.
(46) Trường Chinh, *ND*, 20/10/86.
(47) Nguyễn Văn Linh, *ND*, 25/10/86 và ND 31/3/89 (diễn văn tại hội nghị Trung ương lần 6, tháng 3/99).
(48) Hồ chí Minh, *Tuyển Tập*, t.2, s.đ.d., tr.161.
(49) *Hồ Chí Minh*, Ed. Thế Giới, Hanoi, 1997, tr.188 (bản dịch tiếng Pháp).
(50) Hồ chí Minh, *Tuyển Tập*, t.2, s.đ.d., tr.131, 170, 173.
(51) Song Thành, *TCCS*, số 5/1992, tr.4.
(52) Hồ chí Minh, *Tuyển Tập*, t.2, s.đ.d., tr.227.
(53) Song Thành, *TCCS*, số 5/91, tr.4 và
Vo Nhan Tri, *Vietnam's Economic Policy Since 1975*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 1990, tr.14-15.
(54) Hồ chí Minh, *Tuyển Tập*, t.2, s.đ.d., tr.386.
(55) Trường Chinh, *Resolutely Taking The North Vietnam Countryside to Socialism Through Agricultural Cooperatives*, FLPH, Hanoi, 1959, tr.21 và
Vo Nhan Tri, *Vietnam's Economic*..., s.đ.d., tr.11 và 19.
(56) *ND*, 09/08/69.
(57) Võ Nhân Trí, *Vietnam's Ecomic*..., s.đ.d., tr.132.
(58) *Thực Trạng Kinh Tế Xã Hội Việt Nam. Giai Đoạn 1986 - 90*, Tạp chí Thống Kê xuất bản, Hanoi 1990, tr.55-56 (Tài liệu tham khảo nội bộ).
(59) Lê Cao Đoàn, *NCKT*, tháng 2/1999, tr.39.
(60) Hồ Chí Minh, *Tuyển Tập*, t.2, s.đ.d., tr.128; 131-32.
(61) Hồ Chí Minh, *ibid*, tr.162-63. Về vấn đề "cải tạo XHCN" ở miền Bắc, xem chi tiết: Võ Nhân Trí, *Vietnam's Economic*..., s.đ.d., tr.26-28.
(62) Thành Tín, *Mặt Thật*, s.đ.d., tr.75-78.
(63) Nguyễn Văn Trấn, *Viết cho Mẹ*..., s.đ.d., tr.211.
(64) Viện Sử Học, *Lịch Sử Việt Nam 1954 - 65*, NXBKHXH, Hanoi 1995, tr.90.
(65) Nguyễn Đức Bình, *TCCS*, số 4, tháng 2/2000, tr.17.
(66) Xem bài của Lê Thi trong quyển sách tập thể, *Tìm Hiểu Một Số Vấn Đề Trong Tư Tưởng Của Chủ Tịch Hồ chí Minh*, NXBST, Hanoi 1982, tr.77.
(67) Hồ chí Minh, *Tuyển Tập*, t.2, s.đ.d., tr.267. Về nghị quyết của hội nghị Trung ương lần thứ 7, xem *Le Chemin Du Bonheur et De La Prospérité*, Ele, Hanoi, 1963.
(68) Vo Nhan Tri, *Vietnam's Economic*..., s.đ.d., tr.30
(69) Hồ chí Minh, *Tuyển Tập*, t.2, tr.347.
(70) *ND*, 20/10/86 và *ND*, 5 & 6/tháng 11/86.
(71) *6th National Congress Of The Communist Party Of Vietnam. Documents*, FLPH, Hanoi, 1987, tr.18-19.
(72) *ND* 23/06/88.
(73) Về khía cạnh tiêu cực của chủ nghĩa Mao, xem Marie-Claire Bergère, *La Chine de 1949*..., s.đ.d., tr.172 và tiếp theo.
(74) Trần Lực (bút danh của Hồ chí Minh), *Mấy Kinh Nghiệm của Trung Quốc mà chúng ta nên học*, NXBST, Hanoi (không ghi rõ năm).
(75) Hồ chí Minh, *Toàn Tập*, NXBST, Hanoi, 1996, t.8; tr.396.
(76) Võ Nguyên Giáp, *Tư Tưởng bác Hồ soi sáng sự nghiệp đổi mới của chúng ta*, NXBST, Hanoi, 1990. tr.34-35.
(77) *TCCS*, số 3, tháng 2/1999, tr.3.
(78) Lữ Phương, *TK21*, tháng 2/2201, tr.67 và 68.
(79) Lữ Phương, *DĐ*, tháng 11/1993.
(80) ĐCSVN, *Chiến lược ổn định phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, NXBTS, Hanoi, 1991, tr.9. Cùng một quan điểm xem Trần Bá Đệ, tạp chí *Nghiên Cứu Lịch Sử*, Hànôi, số 6/1991, tr.67-68.
(81) Tạp chí *Khoa Học Xã Hội*, thành phố Hồ chí Minh, số 25, III/1995, tr.6.
(82) Võ Nguyên Giáp (chủ biên), *Tư tưởng Hồ chí Minh*..., s.đ.d., tr.147

VÀI HÀNG BÊN LỀ VỀ BÀI "MỘT SỐ SỬ LIỆU LIÊN QUAN TỚI BIÊN GIỚI VIỆT HOA" CỦA TỪ MAI

(Thế Kỷ 21 số 158)

TRƯƠNG NHÂN TUẤN

A. NÓI THÊM VỀ CỔNG NAM-QUAN

I. Cái nhìn tổng-quát

Suy-luận logique thì cái tên Nam-Quan chỉ có thể có từ khi Tàu xây-dựng một tòa kiến-trúc ở bên kia một cái ẢI (0) của nước ta. ẢI nầy tọa-lạc phía bắc Lạng-Sơn, ở vùng biên-giới Việt-Nam và Trung-Hoa. Việc xây-cất CỔNG nầy xảy ra dưới triều Gia-Tĩnh nhà Minh (1552-1566). Vì thế Tàu mới gọi kiến-trúc đó là Trấn-Nam-Quan. Ải nầy có lẽ cũng vì vậy mà gọi thành ra là ẢI Nam-Quan. Tên Việt trước đó của ải là ải Pha-Lũy hay Phá-Lũy (***Việt Sử Toàn-Thư*** của Phạm Văn Sơn).

Rất có thể ngoài cái tên Pha-Lũy, ải nầy còn có một vài tên Việt khác nữa. Trong khi chờ các sử-gia tìm tòi, thiển nghĩ nên gọi lại cho trúng: CỔNG Nam-Quan và ẢI Pha-Lũy. Cổng Nam-Quan của Tàu. Ải Pha-Lũy của ta. Gọi Ải Pha-Lũy là ải Nam-Quan là gọi theo lối Tàu. Nhưng không sao, vấn-đề là thói quen. Ta đã có nhiều thói quen của Tàu.

Theo ***Việt-Nam Sử Lược*** của Trần Trọng Kim, quyển hai, trang 318 (I.D.A.S.E), vào ngày mồng tám tháng giêng năm Ất-Dậu (1885), cổng Nam-Quan đã bị quân Pháp do tướng De Negrier (1) cầm đầu, phá sập. Theo bài phóng-sự từ tờ báo ***La République Illustrée*** ra ngày 2 tháng 10 năm 1886 (2) thì Nam-Quan đã được *«recontruit d'une façon monumentale,»* được xây-dựng lại một cách hùng-vĩ, bằng đá tảng đẽo. Vì thế cổng nầy được xây lại khoảng từ tháng giêng 1885 cho đến trước tháng mười 1886 và theo lối kiến-trúc mái cong. Theo tấm hình Porte de Chine (hình 1) mà Dr Néis (3) đăng trong ***Le Tour du Monde*** (4), ta chỉ thấy một thành-lũy có vẻ vững chắc, xây chắn ngang một con đường mòn, hai bên là sườn núi và không thấy một «tòa kiến-trúc» nào cả. Hình nầy có thể là Trấn-Nam-Quan trước khi bị Pháp phá-hủy. Tức trước năm 1885.

Dưới thời Pháp-thuộc, phía bên ta có cổng của ta. Cổng của Tàu kiến-trúc mái cong, có hai bức tường chạy lên núi. Cổng phía bên ta kiến-trúc mái thẳng, cũng có hai bức tường rào chạy dài lên núi. Cổng này nay đã bị phá hủy (hình 2).

Tuy-nhiên, vị-trí của cổng Nam-Quan rất có thể đã thay đổi nhiều lần theo các biến-cố lịch-sử. Người viết bài nầy hy-vọng trong bài tới sẽ đưa ra một giả-thuyết về các vị-trí có thể của cổng Nam-Quan cũng như chứng-minh chủ-quyền Việt-Nam tại thác Bản-Giốc.

Ông Từ-Mai có viết trong phần chót «Mấy lời nói thêm của người viết»: *«Khi đưa ra một dẫn chứng cho thấy chiếc cổng 'Trấn Nam quan' của Trung Hoa, người viết những dòng này tuyệt không có ý phủ nhận quan niệm 'đất nước chúng ta từ ải Nam quan đến mũi Cà mâu.' Quan niệm ấy chính xác: vùng 'ải' Nam quan thuộc lãnh thổ nước ta.»*

Xin được đồng-ý với tác-giả Từ-Mai là VÙNG ải Pha-Lũy thì thuộc nước ta. Nhưng thiển nghĩ câu nói « *nước ta chạy dài từ ải Nam-Quan đến mũi Cà-Mau*» thì tương-đối không chính-xác vì tính quá tổng-quát. Ải Nam-Quan, đâu ai biết được là từ điểm nào? Hợp lý thì có lẽ phải nói là: «nước ta chạy dài từ chân CỔNG Nam-Quan đến mũi Cà-Mau.» Hoặc: «nước ta chạy dài từ phía bắc ẢI Pha-Lũy đến mũi Cà-Mau.» Và cũng nên nhắc lại, vùng ải Pha-Lũy (Nam-quan) chưa phải là vùng cực bắc của nước ta. Trên vĩ-tuyến của Pha-Lũy còn có các vùng đất Cao-Bằng, Hà-Giang v.v...

Về nguồn-gốc thì dường như chưa ai biết câu nói nầy là của ai, trích ra từ sách nào và có từ hồi nào. Có người nói rằng đây là câu nói của tổ-tiên ta. Nhưng cũng thiếu chính-xác, vì tổ-tiên ta là ai, tên gì? Khó tin rằng các nhà văn-học-sử Việt-

Nam lại không tìm ra tác-giả của câu nói nầy.

Tạm chấp-nhận đây là câu nói của ông cha ta. Thì điều mà ai cũng phải công-nhận là không phải việc gì ông cha ta nói ra cũng đúng. Điển-hình nhất, nếu tổ-tiên ta đã nói cái gì cũng đúng và làm điều gì cũng đúng, thì ít ra, dân ta cũng phải khá như là dân Nhật. Nếu không bằng Nhật, thì tệ lắm cũng phải như dân Nam-Hàn. Và ta, người trong nước, tránh được kiếp trâu-ngựa lầm-than; người ra khỏi nước, tránh được kiếp sống lưu-vong như hôm nay.

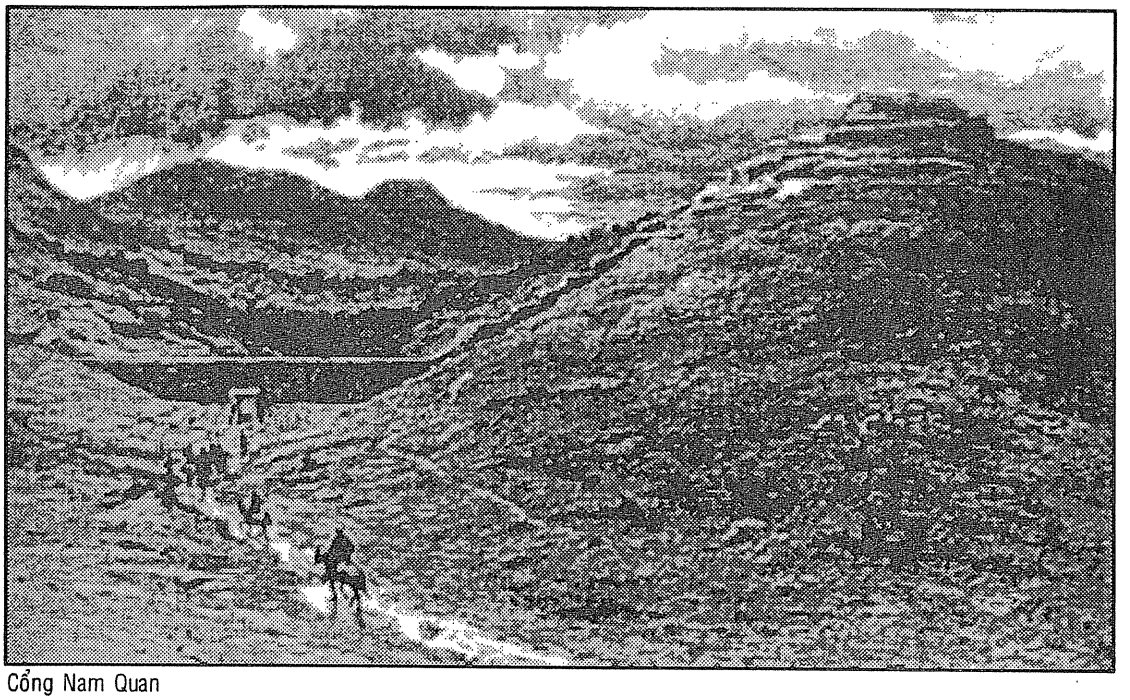

Cổng Nam Quan

«Nước ta chạy dài từ ải Nam-Quan...» là câu nói sai. Nhưng chỉ là một cái sai rất không đáng kể trong những cái sai to như trời biển của ông cha.

Đề-nghị cá nhân : Khi đã công-nhận là của Tàu, kiến-trúc do Tàu xây gọi là cổng Nam-Quan, thiển-nghĩ chúng ta ở hải-ngoại nên điều-chỉnh lại một hai cái sai lầm vì hấp-tấp của mình trong những lúc gần đây.

1/ Thứ nhứt: nên lấy ra những tấm hình của cổng Nam-Quan trên các web site, trong những sách báo đã in. Cổng Nam-Quan của Tàu chứ không phải của ta. Những người phổ-biến hình ảnh của cổng Nam-Quan có thể sẽ bị rắc-rối với Trung-Cộng vì đã sử-dụng những hình-ảnh có chủ một cách trái phép.

2/ Thứ hai: Nên gác lại việc vận-động xin UNESCO trùng-tu tòa kiến-trúc nầy. Ta không có một bằng-chứng nào để cho rằng cổng Nam-Quan là của ta. Nếu nói rằng để xin trùng-tu những cái nhà phụ-thuộc cổng Nam-Quan gọi là *«Ngưỡng-Đức Đài,»* vấn-đề là ta không có một hình-ảnh nào của Ngưỡng-Đức Đài. Cũng nên nghĩ đến việc có thể làm thương-tổn danh-dự của cả dân-tộc ta khi phải giải-thích ý nghĩ của đài Ngưỡng-Đức trước các đại-diện tại UNESCO.

3/ Thứ ba, cũng nên suy-nghĩ lại việc sử-dụng sự hiện-hữu của đài Ngưỡng-Đức như là một bằng-chứng để chứng-minh rằng biên-giới Việt-Nam ở tại cổng Nam-Quan. Nghĩ rằng ta có những bằng-chứng cụ-thể hơn để chứng-minh. Tàu có thể dựa vào việc nầy để chứng-minh ngược lại rằng Việt-Nam là một nước «chư-hầu, thuộc-địa» của Tàu. Ý nghĩa của «ngưỡng-đức» hoàn-toàn là như vậy.

Đọc lại bài của Từ-Mai, trong phần nói về Tụ-Long, suy-gẫm về cái «khẩu-khí thiên-triều» của vua Ung-Chính : *"Trẫm thống trị thiên hạ. Phàm những nước đã liệt vào phiên phong, thì dầu một thước đất* ***không chỗ nào không phải đất đai do trẫm chủ tể****, can chi phải so đo 40 dặm đất nhỏ bé ấy làm gì?... 40 dặm đất ấy nếu thuộc vào Vân Nam thì là nội địa của trẫm, nếu thuộc vào An Nam thì vẫn là ngoại phiên của trẫm, không có một chút gì phân biệt cả.* ***Vậy chuẩn đem đất ấy ban thưởng cho quốc vương được đời đời giữ lấy****."*

Ta có thể tìm đọc lại bằng tiếng Pháp nội-dung toàn bài, dịch từ ***Đông-Hoa-Lục*** của Tưởng Lương Kỉ do tác-giả R. Deloustal, qua tác-phẩm «**Les**

Mines de Tụ-Long» (5), nxb Hà-Nội Hải-Phòng, năm 1925.

Người viết nghĩ rằng, công-nhận đài Ngưỡng-Đức trên toàn ý-nghĩa của nó, thì ta sẽ phải chịu hậu-quả từ tất-cả những ý-nghĩa mà nó đem lại. Hậu-quả nầy không hẳn hoàn-toàn thuận-lợi. Trên trường quốc-tế, Tàu luôn tìm cách chứng-minh và nhấn mạnh vị-trí «chư-hầu, thuộc-địa» của VN để lấn-ép nước ta. Dưới biển cũng như trên đất liền, họ «ban thưởng» cho ta vùng nào thì ta được vùng đó. Nhưng thực-tế thì không phải vậy.

II. Quan-niệm về biên-giới Việt-Trung và biên-giới tại vùng Nam-Quan

1. Đã hiện-hữu một đường biên-giới lịch-sử

Trên thực tế, dân ta chưa bao giờ khuất-phục, chịu nhận làm «chư-hầu» của nước Tàu. Tàu công-nhận nước ta là một nước «văn-hiến chi-bang,» một nước có nền văn-hóa. Lý Thường Kiệt, khi đánh trận Như-Nguyệt chống lại quân Tống năm 1077 đã có những câu thơ chứng-minh sự độc-lập của nước ta. Xin ghi lại :

Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như Hà nghịch lổ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Và được dịch ra tiếng Pháp do tác-giả Tâm-Quách Langlet qua bài «*La perception des frontières dans l'Ancien Vietnam à travers quelques cartes vienamiennes et occidentales*,» trong cuốn ***Les Frontière du Vietnam***, nxb Harmattan, 1989. (6)

Au royaume du Sud, reside l'Empereur du Sud
Dans le livre céleste, ceci est clairement inscrit
Pourquoi, ô ennemis, venez-vous l'envahir
Vous serez détruits et anéantis jusqu'au dernier.

Ý-nghĩa của bài dịch bằng chữ Pháp trong-sáng, dễ hiểu và người ngoại-quốc khi đọc có thể cảm-nhận ngay tính độc-lập của nước Việt. Nó đã hiện-hữu tự ngàn xưa. Một nước Việt độc lập với biên-cương đã được phân-định rõ-ràng : Nam-Quốc Sơn-Hà, Royaume du Sud, được Hoàng-Đế nước Nam trị-vì. Phân-biệt với nước Tàu phương Bắc (Royaume du Nord), từ trước năm 1077 rất xa. Để ý ở chữ «Đế» từ chữ Hoàng-Đế trong bài thơ. Hoàng-Đế là ngôi cao, là thiên-tử, con trời. Khi dùng chữ Hoàng-Đế, Lý Thường Kiệt nhấn-mạnh về sự ngang hàng giữa ta và Tàu. Vì hoàng-đế chỉ được dùng cho vua Tàu, các nước chư-hầu chỉ được xưng là Quốc-Vương. Nước ta vì thế đã khẳng-định là ngang hàng với Tàu và không phải là nước chư-hầu của Tàu. Biên-cương giữa hai nước vì thế cũng đã được định-phân.

Chịu đựng qua nhiều lần xâm-lăng của Tàu, đương-nhiên phải có nhiều mất mát, đường biên có nhiều thay đổi. Vua Tự-Đức có than trước quần-thần trong vụ Pháp chiếm nước ta, đòi vua nhượng các tỉnh Nam-Kỳ, rằng nước ta đã mất về Tàu hơn một nửa lãnh-thổ. Các vùng Quảng-Đông, Quảng-Tây là đất cũ của Việt-Nam.

Để qua một bên các yếu-tố đó, từ đông sang tây, các tỉnh cực bắc của nước ta giáp-ranh với Tàu là các tỉnh : Quảng-Ninh, Lạng-Sơn, Cao-Bằng, Hà-Giang, Lào-Cai và Lai-Châu. Các tỉnh của Tàu tiếp-giáp với nước ta, từ đông sang tây là các tỉnh : Quảng-Đông, Quảng-Tây và Vân-Nam.

GS Nguyễn Thế Anh trong bài «*Établissement par le_Vietnam de sa frontière dans les confins occidentaux*» (7) trang 186 có viết : «*La notion de ligne de démarcation contenue dans le terme moderne de Biên-Tuyến (ligne frontalière) était du reste inconnue dans le passé. Au contraire, la terminologie traditionnelle, riche en expressions vagues telles que «confin» (biên-cương, cương-dịch, biên-thùy, biên-viễn), «périphérie» (biên-cảnh, biên-giới, biên-viên), «régions de bordures» (biên-bi, biên địa, biên-duệ, biên-ngung), dénotait bien cette imprécision.*» Tạm dịch : «*Quan-niệm về đường phân-giới có nội-dung theo nghĩa mới của «biên-tuyến» (đường biên) không được biết tới trong quá-khứ. Ngược lại, thuật-ngữ cổ-truyền, có nhiều phát-biểu mông-lung như «confin, giáp-giới» (biên-cương, cương-dịch, biên-thùy-biên-viễn), «périphérie, ngoại-biên» (biên-cảnh, biên-giới, biên-viên), «vùng bìa rào, régions de bordures» (biên-bi, biên-địa, biên-duệ, biên-ngung), đã biểu-thị rõ-ràng việc thiếu chính-xác nầy.*»

Tuy-nhiên, theo ***Kiến-Văn Tiểu-Lục*** của Lê Quí Đôn, bản Pháp-Ngữ, ***Les Mines de Tụ-Long*** (8) , có ghi rằng :

« *Tables de pierres .- On érigera sur les deux rives Nord et Sud du cours d'eau qui longe le teritoire du village de Tu-Long dans le Huyện de Vĩnh-Tuy des tables de pierres.*»

Celle érigée sur la rive sud portait l'inscription suivante :

«Le cours d'eau Đổ-Chú a été choisi pour marquer la limite du Châu de Vị-Xuyên de la province de Tuyên-Quang du royaume d'Annam.

Le 18 e jour du 9e mois de la sixième année

Yong-Tcheng (20 Octobre 1728)

Nguyễn Huy Nhuận, Thị-Lang de gauche du Ministère de la Guere et Nguyễn Công Thể, Tế-Tửu, désignés à cet effet, ont érigé cette table de pierre.»

«La table de pierre de la rive Nord portait l'inscription suivante :

«Le territoire lointain de Khai-Dương est contigu au pays de Giao-Chỉ et d'après les géoghaphies serait à une distance Sud de 240 lý du siège du Phủ (de Khai-Hóa) et limité par le cours d'eau Đổ-Chú ...»

Tạm dịch : *«Các bia đá. Người ta sẽ dựng lên ở hai bên Bắc-ngạn và Nam-ngạn của con sông chảy dài trong vùng Tụ-Long, thuộc huyện Vĩnh-Tuy các bia đá.*

Bia dựng lên ở nam-ngạn có ghi-chú như sau :

Con sông Đổ-Chú đã được lựa chọn để làm dấu giới-hạn châu Vị-Xuyên thuộc tỉnh Tuyên-Quang của vương-quốc An-Nam.

Ngày 18 tháng thứ 9 năm Ung-Chính thứ sáu (20-10-1728)

Nguyễn Hữu Nhuận, Binh-Bộ Tả Thị-Lang và Nguyễn Công Thể, Tế-Tửu, được chỉ-định vì mục-đích đó, cùng dựng tấm bia đá nầy.

Bia đá bên bờ bắc ngạn có ghi-chú như sau:

Vùng đất xa-xăm Khai-Dương thì tiếp-giáp với xứ Giao-Chỉ và theo địa-dư-chí thì cách 240 lý về hướng Nam của phủ Khai-Hóa, giới-hạn bằng con sông Đổ-Chú...»

Có nghĩa là con **sông Đổ-Chú là biên-tuyến, tức đường biên-giới, của nước ta và Tàu, vùng phủ Khai-Hóa, phía nam tỉnh Vân-Nam (Tàu) với Châu Vị-Xuyên, tỉnh Tuyên-Quang (Việt-Nam).** Vùng đất phong-phú quặng-mỏ nầy (có mỏ đồng, mỏ thiếc, mỏ chì, mỏ bạc và có cả mỏ vàng) vào năm 1887 đã bị Pháp nhượng cho Tàu. Nguyên-nhân vụ nầy thế nào, tác-giả sẽ trở lại khi nói thêm về phần Tụ-Long.

Ý-kiến mà người viết bài nầy muốn trình-bày, ý-niệm về đường biên-giới giữa nước ta và Tàu không hẳn là mơ-hồ và mông-lung như GS Nguyễn Thế Anh đã ghi. Vì nếu mơ-hồ, mông-lung và thiếu chính-xác, không biết «biên-tuyến» chỗ nào, thì ông cha ta làm sao biết được mình bị mất đất chỗ nào mà đi đòi lại đất? Vụ tên Thổ-Ti phủ Khai-Hóa (Vân-Nam) chiếm đất Tụ-Long, ông cha ta đã biết ngay là bị mất đất và đòi lại được. Đường biên-tuyến nhân vụ nầy đã xác-định rõ-ràng giữa hai nước Việt-Hoa. Lê Quí Đôn có ghi lại trong Kiến-Văn Tiểu-Lục.

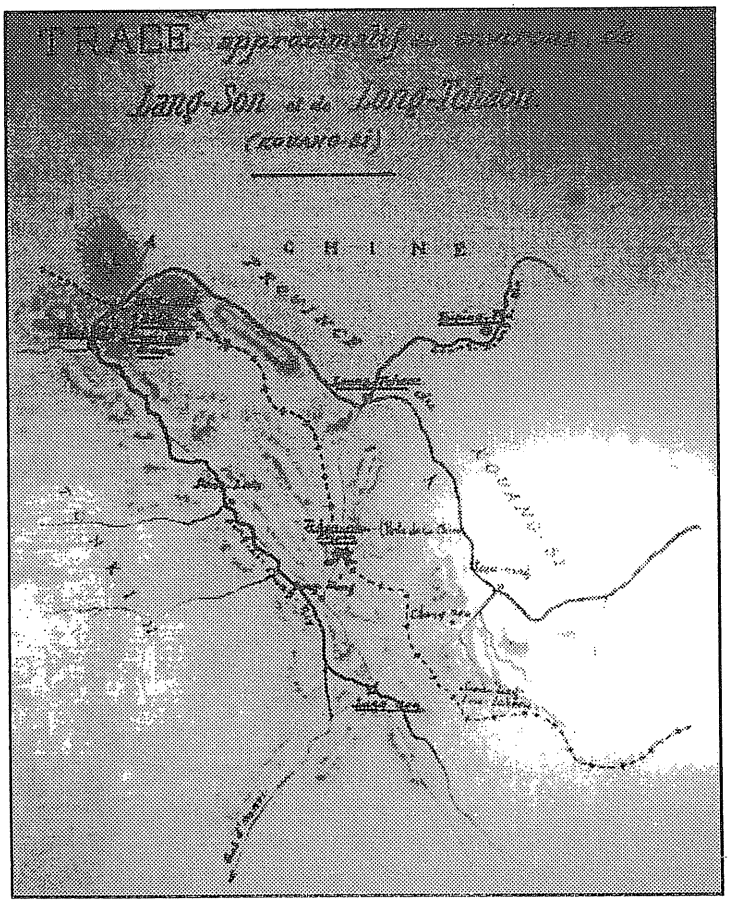

Bản đồ vùng Lạng Sơn - Long Châu (Quảng Tây) có đường biên giới Việt-Hoa chạy qua.

Trong bài «*La frontière Sino-Vietnamienne du XVIIIe au XIXe siècle*» (9), Philippe Langlet viết: «*Une frontière sino-vietnamienne, traditionnelle, au moins depuis le Xe siècle, et déjà très précise par endroits, a donc continué de se stabiliser du XVIII au XIX e siècles, par le consentement mutuel des deux États semble-t-il, sauf accident de 1789.*» *«Một biên-giới Việt-Hoa, cổ-truyền, ít nhất là từ thế-kỷ thứ X, tùy theo chỗ đã rất rõ-rệt, như vậy liên-tục ổn-định từ thế-kỷ thứ XVIII đến thế-kỷ thứ XIX, dường như bằng sự thỏa-thuận hỗ-tương của hai nước, ngoại trừ biến-cố năm 1789.»*

Lieutenant-Colonel Bonifacy trong ***Le Canton de Tu-Long et la frontière Sino-Tonkinoise*** (10) có phê-bình việc phân-định lại biên-giới Việt-Trung của chính-phủ Pháp như sau: « *... cette idée de délimitation de frontière, qui n'aurait jamais du^ être acceptée, était posée. On n'aurait eu qu'à prendre exactement la délimitation existant déjà entre les deux pays. Nous savons maintenant que les frontières étaient parfaitement fixées et que les Annamites savaient, au besoin, défendre leurs droits.*» *«Cái ý-kiến về phân-định biên-giới đáng lẽ không bao giờ được chấp-nhận, lại được đặt ra. Người ta chỉ cần lấy cho đúng cái biên-cương đã có sẵn giữa hai xứ. Bây giờ chúng ta biết rằng đường biên-giới (Việt-Trung) đã được qui-định một cách hoàn-hảo và người An-Nam đã biết cách, khi cần-thiết, bảo-vệ quyền-lợi của họ.*»

Charles Fourniau qua bài *«La frontière sino-vietnamienne et le face à face franco-chinois à l'époque de la conquête du Tonkin»* (11) viết: *«Il est donc claire que l'établissement de la frontière sino-vietnamienne à l'époque coloniale ne créa pas une 'frontière coloniale,' c'est-à-dire une ligne arbitraire surgie ex nihilo de l'intervention étrangière mais ne fit qu'entérimer une réalité historique fortement enracinée.» «Như vậy rõ ràng là việc thiết-lập đường biên-giới vào thời-kỳ thuộc-địa đã không tạo ra một đường 'biên-giới thuộc-địa,' có nghĩa là một đường áp-đặt từ một sự can-thiệp của ngoại-bang, mà nó chỉ chuẩn-nhận một thực-tế lịch-sử đã bắt rễ sâu xa.»*

«Một biên-giới Việt-Hoa, cổ-truyền, ít nhất là từ thế-kỷ thứ X, đã rất rõ-rệt tùy theo chỗ, như vậy liên-tục ổn-định từ thế-kỷ thứ XVIII đến thế-kỷ thứ XIX» ; ***«Đường biên-giới đã được qui-định một cách hoàn-hảo»; «đường biên-giới... là một thực-tế đã bắt rễ sâu xa,» bia đá phân-giới bên bờ sông Đổ-Chú trong Kiến-Văn Lục***... cho phép ta tạm kết-luận là **đã có một biên-giới lịch-sử giữa hai nước Việt-Nam và Trung-Hoa trước khi nước Pháp nhân-danh là nước bảo-hộ Việt-Nam để phân-định biên-giới Việt-Trung vào các năm 1887-1896**.

Tuy-nhiên, nhận-xét của GS Nguyễn Thế Anh không thể phản-bác được nếu áp-dụng cho các vùng biên-cương mà các dân-tộc thiểu-số như Nùng, Dao, Thái, Mán, Mèo... sinh-sống. Thật vậy, tùy theo các yếu-tố ngoại-tại chi-phối, các tù-trưởng của các dân-tộc nầy lúc thì thần-phục Tàu, lúc thì thần-phục triều-đình Việt-Nam. Triều-đình Việt-Nam quan-niệm đây là các vùng «phên, dậu» để bao-bọc và bảo-vệ vương-quốc. Và những vùng đất nầy lúc thì thuộc về Tàu, lúc thì trở lại về ta. GS Nguyễn Thế Anh đã giải-thích rất cặn-kẽ việc nầy trong bài khảo-cứu.

Việc phân-định lại biên-giới tại các vùng nầy do nhà nước bảo-hộ Pháp thực-hiện xét ra là một điều cần-thiết. Charles Fourniau có phê-bình là Pháp *đã không có đầu-óc thực-tiễn như người Anh trong việc phân-định biên-giới giữa Tàu và Miến-Điện*. Tại đây, người Anh đã để cho người bản-xứ phụ-trách việc phân-giới. Người Pháp đã dành toàn-quyền trong việc phân-định biên-giới với Tàu trong khi họ không nắm vững về biên-giới, nói như Charles Fourniau, về *«một thực-tế lịch-sử đã bắt rễ sâu-xa»* của dân-tộc Việt-Nam. Sự khiếm-khuyết sử-liệu về biên-cương và lãnh-thổ Việt-Nam, đã có thể làm chọ Pháp bị Tàu gạt. Cũng có thể vì những âm-mưu chính-trị, vì trao đổi quyền-lợi kinh-tế, vì tham-vọng tiềm-ẩn của cá-nhân, việc phân-định biên-giới đã làm nước ta bị thiệt-hại nhiều vùng đất tổ-tiên để lại. Người viết sẽ trở lại việc nầy trong phần góp thêm ý về các vùng Tụ-Long, Đèo-Lương, Phong-Thổ, Hoành-Mô, Pak-Lung...

2. Đường biên-giới tại vùng Nam-Quan:

Địa điểm này nằm trên con đường Pháp gọi là «la route mandarine,» con đường quan-lại («con đường cái quan» do đây mà ra?) Quan-lại Việt-Nam đi sứ sang Tàu phải đi ngang đây. Đương-nhiên đường biên-giới lịch-sử của nước ta tại vùng nầy cũng đã được phân-định: là ngay tại cái cổng Nam-Quan. Các bài khảo-cứu của các sử-gia, và bài của Từ-Mai đã nói rõ. Thậm-chí trên các bản-đồ của Tàu, các bản-đồ dùng để phân-định biên-giới 1887, cũng đã vẽ đường biên-giới đi ngang giữa cổng. Tức là phân nửa cổng nầy đã xây trên đất nước ta (xem hình 3). Thiển-nghĩ không cần nhắc lại. Tác-giả viết những dòng nầy chỉ thử tìm hiểu **vì sao biên-giới đang tại ở cổng Nam-Quan lại tụt về 100 thước,** như đã ghi qua biên-bản phân-giới để cắm cột mốc ký ngày 19-6-1894: «1e borne sur le chemin de Nam-Quan à Dong-Dang (à 100m au S de la Porte).» *«Cột thứ nhất trên đường từ Nam-Quan về Đồng-Đăng, cách cửa 100 thước.»* (12)(xem phóng-ảnh biên-bản đính-kèm)

a/ Tham-vọng bành-trướng của Tàu : Không ai có thể phủ-nhận rằng lúc nào Tàu cũng có sẵn ý-đồ đồng-hóa, xâm-lăng, tranh-lấn đất nước ta. Họ luôn tìm mọi phương-cách để đạt mục-tiêu nầy. Đây là một thực-tế lịch-sử.

Antoine Dauphin, trong bài «*La frontière sino-vietnamienne de 1895-1896 à nos jours*» (13) viết : «*De nouveau la frontière livra passage à l'invasion chinoise, la 93e armée yunanaise arrivait par Lào-Cai et descendait le Fleuve Rouge; la 62e centrale entrait par Lạng-Sơn et Cao-Bằng; la 52e centrale arrivait par le nord-est en direction de Hải-Phòng, et la 62e avait l'Annam pour objectif... Les visées annextionnistes de la Chine étaient alors avouées au moins officieusement le Zhenyi Bao, paraissant à Kuming annonçait 14 avril 1946 «L'Indochine nous a appartenu pendant 1091 ans; elle a été notre vassale pendant 985 ans et indépendante 22 ans. Chez les 16 millions d'habitants du Vietnam il y a une tres forte proportion de sang chinois.» «Lần nữa biên-giới mở đường cho sự xâm-lăng của Tàu. Đạo quân Vân-Nam thứ 93 qua Lào-Cai, xuôi theo Sông Hồng ; Đạo-quân trung-ương thứ 62 vào ngả Lạng-Sơn và Cao-Bằng ; đạo-quân trung-ương thứ 52 đến ngả đông-bắc hướng đến Hải-Phòng và đạo-quân thứ 62 có mục-tiêu là miền Trung. Những mục-đích chủ-nghĩa thôn-tính của Tàu đã thú-nhận, ít nhất một cách chính-thức qua tờ báo Zhenyi, phát-hành tại Côn-Minh vào ngày 14-4-1946: «Đông-Dương thuộc về chúng tôi (Tàu) 1091 năm; là chư-hầu 985 năm và độc-lập 22 năm. Trong số 16 triệu dân Việt, có một tỉ-lệ rất lớn mang dòng máu Tàu.»*

Tình-trạng tranh-chấp hiện nay giữa Tàu và Việt-Nam tại vùng biên-giới trên bộ và trên biển cũng là một thí-dụ cho «***chủ-nghĩa thôn-tính***» của Tàu. Nhưng việc phân-định lại biên-giới và lãnh-hải trong vịnh Bắc-Bộ, chính CSVN là tác-giả.

Trong bài «*La frontière maritime du Vietnam*» (14) của tác giả Pierre-Bernard Lafond có viết: «*C'est après avoir contraint les Américains à quiter le Sud-Vietnam qu'Hanoi voulut délimiter officiellement la frontière avec la Chine dans le golf du Tonkin. Pour ce faire, la R.D.V. proposa le 26 Décembre 1973 au gouvernement de Pékin d'ouvrir des négociations «en vue de délimiter officiellement la frontière entre le Vietnam et la Chine dans le golf du Bắc-Bộ.» «Chỉ sau khi ép được Hoa-Kỳ rút khỏi Nam Việt-Nam thì Hà-Nội mới muốn phân-định một cách chính-thức lãnh-hải với Tàu trong vịnh Bắc-Bộ. Để làm việc nầy,* ***Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa đề-nghị với chính-quyền Bắc-Kinh vào ngày 26-12-1973 mở những cuộc thương-thuyết*** *«để phân-định một cách chính-thức ranh-giới giữa Việt-Nam và Tàu trong vịnh Bắc-Bộ.»*

Người cộng-sản Việt đương-nhiên đã biết sự hiện-hữu về một đường biên-giới pháp-lý. Đó là đường biên-giới theo hiệp-ước Thiên-Tân. Biên-giới lịch-sử cũng hiện-hữu rõ-ràng qua các sử-liệu. Trên biển cũng vậy, đường biên đã định.

Pierre-Bernard Lafont trong bài «*La frontière maritime du Viêtnam*» (15) viết : «*Dès leur implantation au Vietnam, les Français eurent le souci de délimiter la frontière maritime entre leur nouveau domaine et la Chine. Car le golfe du Tonkin, parsemé de multiples iles, servait de refuge à des pirates, qui non seulement attaquaient et pillaient les navires de commerce en haute mer, mais qui menaient aussi des incursions devastatrices sur le littoral. Aussi désireuse d'éloigner les côtes de son nouveau territoire ces hors-la-loi dont le pullulement était favorisé par les désordres qui, à l'époque, ébranlaient la Chine, la France voulut que soit rapidement précisée la limite des eaux vietnamiennes et chinoises dans ce golfe. Cette question fut donc incluse dans les négociations frontalières franco-chinoise qui aboutirent le 26 juin 1887 à la signature d'une convention, connue sous le nom de convention Constans, qui précise dans son article 2, que le méridien 105° 45' de longitude est par rapport au méridien de Paris _ c'est-à-dire le méridien 108° 03' 18» de longitude est par rapport à celui de Greenwich _ constitue la frontière entre les deux pays dans le golfe du Tonkin.» «Vừa khi chiếm-đóng Việt-Nam, Pháp đã có những lo-lắng về phân-định lãnh-hải giữa vùng đất mới của họ với Tàu. Vì vịnh Bắc-Bộ, rải-rác có nhiều đảo, làm nơi trốn tránh cho bọn cướp biển. Bọn nầy không những tấn-công những thương-thuyền giữa đại-dương, mà còn mở những cuộc đổ bộ tàn-phá vùng ven biển. Mong muốn cho vùng bờ biển của lãnh-thổ mới xa lánh những tên cướp nầy, mà sự đông-đảo dễ tạo hỗn-loạn, thời đó, làm rúng-động nước Tàu, Pháp muốn xác-định giới-hạn vùng biển của Tàu và Việt-Nam một cách nhanh chóng trong vịnh Bắc-Bộ. Vấn-đề nầy đã được đưa vào trong cuộc thương-thảo biên-giới. Kết cuộc ngày 26 tháng 6 năm 1887 đã ký một hiệp-ước được biết dưới tên là hiệp-ước Constans. xác-định theo điều 2, đường đông kinh-tuyến Paris 105 độ 45 phút, tức là đường kinh-tuyến Greenwich 108 độ 03 phút 18 giây, là đường biên-giới hai nước trong vịnh Bắc-Việt .»*

CSVN đề-nghị phân định lại biên-giới. Nhưng không biết để làm gì. Nếu muốn phân-định lại biên-giới, tức là ta đã thấy có sự thiệt-hại của đất nước vì người Pháp đã phân-định không đúng. Việc phân-định lại phải có lợi cho ta. Không có lợi thì đề-nghị để làm gì ? Thực-tế đã cho thấy là CSVN đã làm cho đất nước ta thiệt hại rất nhiều, về chủ-quyền của nước ta trên biển cũng như trên đất liền. Tại sao CSVN đề-nghị phân-định lại biên-giới ? Tại sao CSVN đã luôn thỏa-mãn những đòi hỏi phi-lý của Tàu ?

Trong lúc nước ta bị thực-dân Pháp chiếm đóng, Tàu cũng đã tìm cách xen vào để chia-chác đất nước ta. Trong bài «*Le Canton de Tu-Long et la frontière Sino-Tonkinoise*» của Lieutenant-Colonel Bonifacy (16) có viết rằng: «*En 1880, le 10 Novembre, Le marquis Tseng (17) fit, à Saint Péterbourg, une première déclaration au sujet de notre action en Annam, cet ambassadeur, mis au courant de la diplomatie européenne, interprétait la suzeraineté de la Chine sur l'Annam comme une sorte de protestorat.*» «*Ngày 10 tháng 12 năm 1880, Hầu-Tước Tseng ở Saint Péterbourg, ra một tuyên-bố đầu tiên về việc can-thiệp của ta (Pháp) tại An-Nam, viên sứ-thần nầy đã cho giới ngoại-giao tây-phương biết rằng, quyền thượng-quốc của Tàu đối với An-Nam cũng như là một hình-thức bảo-hộ.*»

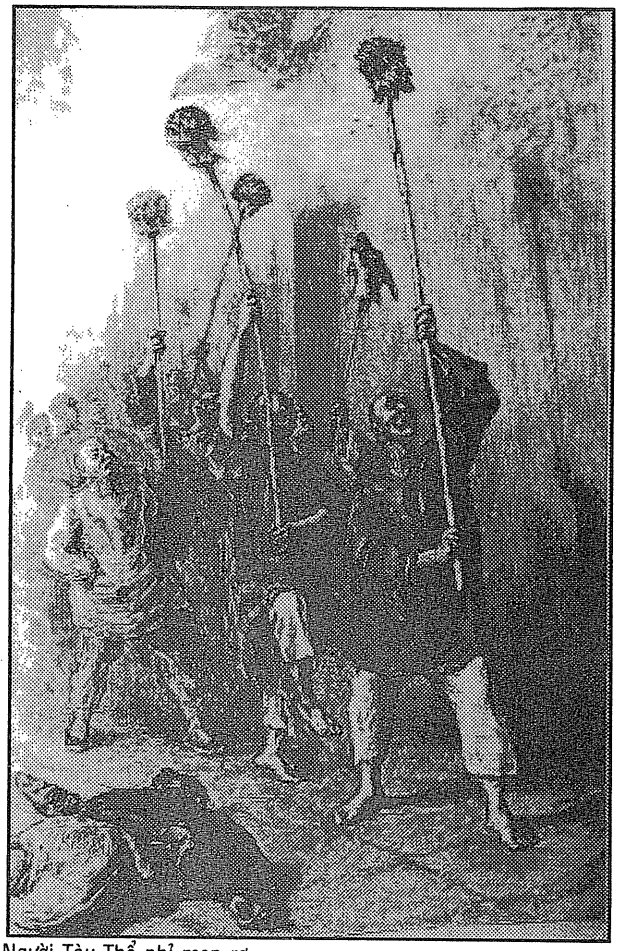
Người Tàu Thổ phỉ man rợ

Hầu-Tước Tseng nói điều nầy hoàn-toàn sai. Tàu chưa bao giờ là nước «bảo-hộ» của Việt-Nam đúng nghĩa. Tseng tuyên-bố như thế với tham-vọng chỉ muốn xen vào Việt-Nam để «chia-chác» nước VN với Pháp. Cũng trong tài-liệu nầy, Trung-Tá Bonifacy có ghi lại rằng Tàu đòi hỏi một đường biên-giới Trung-Việt **ở khoảng giữa hai vĩ-tuyến 21 và 22, bắt đầu từ Lào-Cai kéo dài ra biển**. Có nghĩa là Tàu muốn cắt hoàn-toàn phần cái chóp nón lá trên bản-đồ phía Bắc Việt-Nam. Cũng trong tài-liệu nầy, có lúc **Tàu đòi lấy Việt-Nam cho tới Quảng-Bình**. Có nghĩa là toàn thể Việt-Nam cũ, lúc chưa mở mang về phía Nam, hoàn-toàn vào tay Tàu. Tseng muốn cho giới tây-phương hiểu lầm về vai trò «bảo-hộ» của nước Tàu đối với nước Việt. Việc triều-cống (bổn-phận chư-hầu đối với thượng-quốc) thực ra, chính Tàu cũng biết, chỉ là một hình-thức hối-lộ để Tàu không quấy-nhiễu nước ta. Ngoài những lúc đô-hộ, Tàu chưa bao giờ xen vào việc nội-trị của triều-đình Việt. Không phải họ không muốn can-thiệp mà họ đã không can-thiệp được. Vì thế hình-thức triều-cống là một hình-thức «thí của để được yên thân,» để tránh cảnh cá lớn nuốt cá bé, không thể xem như là «bảo-hộ» được.

Trường-hợp hiện nay dưới triều CSVN thì khác. Không ai biết vì những lý-do nào mà CSVN đã nhượng đất và biển cho Tàu. Hành-động nầy rất phù-hợp với thái-độ ngoan-ngoãn trong tinh-thần «ngưỡng-đức» đối với thiên-triều. Nhưng đối với quốc-dân, đây là một hành-động phản-quốc, không thể tha-thứ được. Đài Ngưỡng-Đức, như người viết có đề-cập phần trên, vì thế cũng nên được loại bỏ trong ý-nghĩ sĩ-phu Việt. Ta khó có thể chấp-nhận tính-cách phách-lối, khẩu-khí thiên-triều, thí cho ta vùng đất nào thì ta được vùng đất ấy. Vùng biển không thí thì ta không được. Nhắc lại, nước ta là một nước độc-lập từ lâu. Nước ta cũng không phải là nước chư-hầu như Tàu đã hy-vọng. Ta có đất và biển riêng-biệt, đã «định-phận tại thiên-thư,» sách trời đã ghi như vậy.

b/ Những khó khăn của người Pháp:

* ***Ngoại-tại*** : Trong bài bút-ký «*Sur les frontières du Tonkin*» của bác-sĩ Néis (**Le Tour Du Monde** xuất-bản năm1888) (18), có ghi lại diễn-tiến việc phân-giới tại Đồng-Đăng năm 1887. Nam-Quan cách Đồng-Đăng khoảng hai cây số rưỡi. Nhân-viên phái-bộ Tàu lúc nào cũng tìm cách lường-gạt nhân-viên phái-bộ Pháp. Có nhiều khi nói láo chỉ để dành vài trăm thước đất. Khi việc lường-gạt bị khám-phá ra, theo lẽ người có sĩ-diện phải biết hổ-thẹn, phải biết xin lỗi, thì phái-viên người Tàu chỉ phá lên cười, xem như không có gì. Cũng trong bài viết nầy, bác-sĩ Néis có kể lại vụ phục-kích tại Lung-Po, phía bắc Lào-Cai, và vụ tấn-công Móng-Cái, đã làm thiệt mạng nhiều nhân-viên Pháp và tùy-tùng. Người Pháp quả-quyết rằng các việc nầy do Zhan Zhi Dong (Trương Chi Động ?) âm-mưu. Nhưng họ không có bằng-chứng. Việc đáng chú-ý trong bút-ký nầy, là bác-sĩ Néis đã ghi lại thái-độ của Teng-tcheng-Sieou (Tăng Thành Siêu?) lúc ký biên-bản với Bourcier de Saint-Chaffray. Thái-độ vùng-vằng lúc ký tên, cũng như không bắt tay và chào hỏi nhân-viên phái-đoàn Pháp, cho thấy Tăng không bằng lòng. Thử hỏi vì sao họ Tăng không bằng lòng? Vì việc phân-định không như ý Tàu mong muốn, hay vì lý-do nào khác? Mặc dầu lúc đó đường biên-giới tại Nam-Quan được qui-định là con suối nhỏ, cách cổng khoảng 150m, tức Tàu đã lợi được 150 m. **Nhưng việc đáng để chúng ta suy-nghĩ là Tàu lúc nào cũng tìm mọi cách để lấn chiếm đất nước ta. Kể cả những âm-mưu đê-tiện như việc tổ-chức giết người.**

Sau các vụ thiệt-hại nhân-mạng nặng-nề, cộng với phong-thổ độc-địa, lại không có đường đi dọc theo biên-giới, cho nên việc phân-định biên-giới sang thời ông Dillon (thay thế ông Chaffray bị bịnh) chỉ phân-định trên bản-đồ mà không đi vào chi-tiết trên thực-địa. Các bản-đồ thì lấy lại từ các bản-đồ của Tàu, hoàn-toàn sai khi so-sánh trên thực-tế. Xin gởi theo đây bản đồ dùng để phân-định vùng hữu-ngạn sông Hồng, tức vùng hiện nay là Lai-Châu, Sơn-La... (Phong-Thổ, Hưng-Hóa...) (hình 4, nên so-sánh các điểm A,B,C,D,E... trên bản-đồ với nội-dung Hiệp-Ước Thiên-Tân 1887, đã công-bố trên net) để tất-cả có một khái-niệm về mức-độ sai lầm của các bản-đồ đã sử-dụng trong việc phân-định biên-giới. Nhưng may-mắn là sau này, việc phân-giới giao cho quân-đội, nên đã có điều-chỉnh lại một vài trong vô số những sai-lầm cố ý một cách lố-bịch của phía Tàu. Phần thiệt-hại đương-nhiên là về phía của Việt-Nam.

Về phong-thổ thì khí-hậu, nước nôi độc-địa. Trong bút-ký của Dr Néis có ghi lại, là vùng Lào-Cai, tất-cả người Pháp có mặt tại đây, từ lính cho tới nhân-viên, thảy đều bị bệnh. Dr Néis bị bệnh phải về Hà-Nội, sau đó đến Đồ-Sơn nằm dưỡng bệnh mấy tháng. Cũng nhờ bệnh mà ông mới thoát chết trong vụ phục-kích tại Móng-Cái. Vì nếu ông không bệnh, thì chắc-chắn ông đã tháp-tùng với bạn ông là ông Haitce, cùng là nhân-viên chính-thức phụ-trách việc phân-định biên-giới, để đến Móng-Cái. Dr Néis cũng có kể vụ những người bị giết tại Móng-Cái bị chặt đầu, gan mật moi ra dầm vào rượu. Những người Tàu tham-dự vào vụ nầy tay cầm giáo dài, đầu trên gắn thủ-cấp người bị giết, uống rượu pha gan, mật hò hét man-rợ như thế cả đêm và kéo dài mấy ngày. (hình 5)

Người thì nham-hiểm và ác-độc như thế, đất đai phong-thổ độc-địa như thế, Pháp lại còn bị các thế-lực yêu nước Việt-Nam chống-cự. Hơn nữa, các nhân-viên trong phái-bộ phân-định biên-giới Pháp, hoàn-toàn không có một khái-niệm nào về đường biên-giới Việt-Hoa.

* ***Nội-Tại***: Trung-Tá Bonifacy có ghi lại (19) một giác-thư của bộ Ngoại-Giao Pháp viết ngày 15-9-1883, trao lại cho Phái-bộ Tàu tại Paris ngày 27, nội-dung như sau: «*Le Gouvernement français s'engagerait à n'occuper aucun point de la frontière et à n'exercer aucune action dans la région délimitée au Nord par la frontière de Chine et au Sud, par une ligne à déterminer partant d'un point sur la côte entre 21^e et le 22^e degré de latitude pour aboutir au Fleuve Rouge, en amont de Lao-Kay. La Chine devait s'engager de même à n'occuper aucun point et à n'excercer aucune action sur cette région.*» «*Chính-phủ Pháp sẽ cam-kết không chiếm một điểm nào thuộc biên-giới và không thực-hành một công-tác nào trong vùng giới-hạn phía bắc bằng biên-giới của Tàu và phía nam bằng một đường định sau, khởi từ một điểm ở khoảng vĩ-tuyến 21 và vĩ-tuyến 22, để nối tới Sông Hồng, thượng-lưu của Lào-Kay. Nước Tàu phải cam-kết giống vậy, không chiếm một điểm và không làm một công tác nào trong vùng nầy.*» Như vậy, theo Trung-tá Bonifacy, là Pháp đã bỏ trống vùng Cao Bắc-Việt (Haut-Tonkin) cho bọn cướp Tàu. Thật vậy, đọc bút-ký của Dr Néis về vùng Móng-Cái, để thấy rằng trong khoảng thời-gian «tiền» hiệp-ước Thiên-Tân (về phân-định

biên-giới), không có một người Việt nào sống ở thị-trấn Móng-Cái. Vùng nầy trở thành khu Tàu, chuyên buôn bán các phẩm-vật do bọn cướp Tàu đánh cướp được. Bọn nầy, theo Dr Néis, buôn bán cả đàn-bà và trẻ con Việt. Một tài-liệu là lá thư của một tướng-lãnh Pháp, phụ-trách Đông-Dương, có nói rằng, muốn bình-định khu nầy, phải «raser,» tức là bào láng Móng-Cái. Tất-cả những vùng biên-giới Việt-Nam, từ tỉnh Hải-Ninh (Móng-Cái) phía đông xuyên sang các tỉnh phía Tây, Lạng-Sơn, Cao-Bằng, Hà-Giang, Lào-Kay... đều là nơi của giặc Tàu hoành-hành. Lào-Cai là vùng của giặc cờ đen Lưu Vĩnh Phúc. Cho tới năm 1897, với sự-hợp tác của dân địa-phương, nhà-nước bảo-hộ Pháp mới tạm bình-định được các vùng sào-huyệt của bọn cướp Tàu nầy.

Dr Néis có kể lại, đường đi lên Lạng-Sơn là bình-địa. Lạng-Sơn, Đồng-Đăng chỉ rải-rác vài bóng người. Mùi tử-khí vẫn còn vướng-vất. Việc nầy là hậu-quả của chiến-tranh giữa Pháp và Tàu trong khoảng thời-gian trước (với tướng De Négrier).

Trung-Tá Bonifacy viết (20): «Nos commission locale ont protesté, mais nos Ministres à Pékin ont toujours et partout accordé, sans en donner les raisons, tout ce que les Chinois revendiquaient.» «*Ủy-Ban địa-phương của ta đã phản-đối, nhưng những Bộ-Trưởng của ta ở Bắc-Kinh thì luôn luôn và chỗ nào cũng chấp-thuận, không cho biết lý-do, tất-cả những đòi-hỏi của Tàu.*» Tại sao? Những nhân-viên nầy đã bị mua chuộc?

III. Kết-luận

Pháp đã thay mặt triều-đình Việt-Nam để phân-định biên-giới với Tàu trong những điều-kiện bất-lợi đến như vậy, thì việc mất 100m đất tại Nam-Quan không thể là một điều ngoại lệ. Ta sẽ thấy mọi nơi của đường biên-giới, trước hay sau khi phân-định kết-thúc, đều là như vậy (21). Nhưng người Pháp phải chịu trách-nhiệm về những việc mất đất nầy. Điều 15 của Hiệp-Ước Patenôtre ghi rằng: «***Nước Pháp bảo-đảm từ nay sự vẹn-toàn lãnh-thổ của Vua xứ An-Nam, bảo-vệ xứ nầy chống lại những gây-hấn đến từ bên ngoài và chống lại những phản-loạn ở trong nước...*** »

Nước Pháp đã không tôn-trọng điều-ước đã ký nầy. Lãnh-thổ An-Nam không còn toàn-vẹn. Người viết bài nầy sẽ bàn sâu vào đề tài nầy khi viết về trường-hợp đất đã mất khác.

Và để tạm kết-luận cho phần tiểu-luận «nói thêm,» nhưng chưa đủ, về Nam-Quan, xin tất-cả cùng nhớ một điều, tham-vọng bành-trướng của Tàu là một thực-tế lịch-sử và đây là một đe-dọa cho sự tồn-tại của dân-tộc Việt-Nam. Họ sẽ dùng mọi cách để làm việc nầy. Và từ nay ta sẽ không ngạc-nhiên khi có những tổ-chức «chống cộng» hải-ngoại, lại được sự trợ giúp của Trung-Cộng. Cũng như trong bộ chính-trị đảng CSVN có đầy dẫy những người Tàu. Đó mới là mầm tai-họa của tương-lai.

Tạm hết phần A. Kỳ tới sẽ nói thêm về Hiệp-Ước Thiên-Tân, và các vùng Tụ-Long, Đèo-Lương, Hoành-Mô, Nam-Lý, Pak-Lung, Phong-Thổ ..., đồng-thời sẽ công bố những tài-liệu về vị-trí các cột mốc biên-giới theo hiệp-ước nói trên.

Chú thích

(0) Xem bài «*Từ Ải Nam-Quan đến Cổng Nam-Quan*» của tác-giả gởi lên Net tháng 4 năm 2002.

(1) François-Oscar de Négrier sinh tại Belfor ngày 2 Octobre 1839, tử-trận trên biển Cap Nord, ngày 23-8-1913. Học trò trườngVõ-Bị Saint Cyr 1856, ra trường 1859. Đại Úy năm 1868. Thiếu-tá năm 1875. Lên Thiếu-Tướng (Général de brigade) năm 1883. Sang Tonkin tháng 1-1884 lập nhiều chiến-công. Ngày 24 tháng 3 chiếm cổng Nam Quan, và làm nổ sập cổng nầy. Cầm đầu 900 quân, đuổi theo quân Tàu dưới sự chống cự mãnh-liệt của họ. Nhưng sang ngày 27, Tàu được viện binh, Pháp bị thiệt hại 1200 quân. Négrier bị thương nặng phải trao quyền chỉ huy lại cho Trung-Tá Herbinger. Ông nầy ra lệnh rút quân. Négrier lên chức Trung-Tướng (Général de division) 29 Mars 1885. Trở về Pháp năm 1886. Lính bản xứ gọi ông là Tướng «Mau-Lên» (Vite-vite).

(2) Báo *République Illustrée*, tài-liệu Văn-Khố Đông-Dương (CAOM: Centre des Archives d'Outre-Mer), Aix-En-Provence.

(3) Bác-Sĩ Paul-Marie Néis sinh ngày 28 tháng 2 năm 1852 tại Quimber (Pháp). Tốt nghiệp trường y-sĩ Hải-Quân Brest. Đến Tonkin năm 1879 với tư-cách Bác-Sĩ hạng hai (médécin seconde classe).

(4) *Le Tour Du Monde*, năm 1888, CAOM.

(5,8) CAOM ; code B 6326.

(6,7,10,11,13,14) *Les Frontières du Vietnam*, nxb Harmattan, 1989.

(9,15,17,19,20) *Revue Indochinoise* số 5,6 , năm 1924, CAOM.

(12)Tài-liệu CAOM, hồ-sơ phân-định biên-giới gồm 9 cartons, dưới những số mã : 65361.....65360.

(16) Tseng, không thấy ghi họ.

(21) Theo Trung-Tá Bonifacy, năm 1911, thời-gian mà ông nầy phụ-trách một tỉnh vùng biên-giới, những cột mốc biên-giới thường-xuyên bị dời đi về hướng Nam. Nhiều khi cả cây-số.

PAUL DOUMER viết về
PHỤ CHÍNH NGUYỄN TRỌNG HIỆP
PHỤ CHÍNH NGUYỄN THÂN

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH *trích dịch*

[Paul Doumer là Toàn quyền Đông Dương từ 1897 đến 1902, sau khi về Pháp đã viết hồi ký **L'Indo-Chine Francaise (Souvenirs)** (1), có dành mấy trang ghi những nhận xét về khí phách, phong độ hai ông Phụ chính đại thần là Nguyễn Trọng Hiệp và Nguyễn Thân. Tuy P. Doumer khen cả hai nhưng cách khen rất khác nhau. Sau đây tôi trích dịch những đoạn liên quan đến chân dung hai ông Phụ chính Nguyễn Trọng Hiệp và Nguyễn Thân dưới con mắt của Toàn quyền P. Doumer.]

NGUYỄN TRỌNG HIỆP

"Viên Phụ chính thứ hai (2), Nguyễn Trọng Hiệp, là một trong những nhân vật tao nhã bậc nhất mà tôi được gặp ở Đông Dương, một trí tuệ rất cao, có lương tri, tế nhị, với lòng trung trực tuyệt trần.

Nguyễn Trọng Hiệp

Những người Pháp ở Huế công nhận ông ta thông minh, khôn khéo nhưng nghi kỵ ông về tất cả những phương diện khác.

Mối quan hệ lâu năm với viên quan phi thường, xuất chúng này cùng với lòng thiện cảm và sự tín nhiệm của tôi khiến ông ta tỏ ra cởi mở đối với tôi và khiến tôi có thể làm chứng cho phẩm hạnh cao quý cùng sự bền chặt trong giao tình của ông.

Đây là một viên quan xuất thân từ cử nghiệp, một nhà nho đã thi đỗ những khoa thi cổ truyền, vững chãi. Ông được thăng chức dần dần theo quan chế. Khi nước Pháp chiến thắng thì ông đang giữ chức Tổng đốc ở Bắc kỳ, Kinh lược sứ trong một thời gian rồi trở lại Huế làm Phụ chính đại thần, một chức vụ cao nhất. Ta có thể xếp ông vào nhóm người lúc đầu hết sức chống cự cuộc chinh phục của chúng ta, phản kháng sự xâm phạm của nước Pháp vào chủ quyền nước Nam, tìm đủ mọi cách bảo toàn cho những đặc quyền của hoàng gia. Trái với nhiều người tưởng, ông ta đã thẳng thắn chấp nhận một tình trạng mà ông biết mình bất lực, không cưỡng nổi. Ông tỏ ra có tư cách trong vai trò éo le của một người thủ lãnh trong một chính phủ *bảo hộ*, biết lên tiếng phản đối những biện pháp áp bức của kẻ thắng trận nếu nhận ra nó nguy hiểm hay không tốt; làm trạng sư bênh vực cho những quyền lợi của dân tộc An-Nam mỗi khi thấy là cần thiết. Thái độ này có thể làm cho những công chức Pháp, muốn có một sự phục tùng thụ động, không vừa ý; nó phục vụ cho cả nước Pháp lẫn nước Nam hơn tất cả. Người ta không hiểu rõ nó và hẳn Nguyễn Trọng Hiệp đã vấp phải những nỗi nghi ngờ, đã chịu đựng những niềm khinh mạn khiến ông ta đau khổ và tuyệt vọng. Mặc dầu ông hết sức dè dặt trong buổi hội kiến đầu, mặc dầu có sự hiện diện của viên Thống sứ và viên Phụ chính thứ ba khiến câu chuyện tẻ nhạt, vẩn vơ, tôi nhận ra ngay tâm trạng của con người mà bề ngoài đã chinh phục tôi dẫu tôi chưa có dịp tìm hiểu.

Năm 1894 Nguyễn Trọng Hiệp được cử vào phái đoàn theo ông de Lanessan (Toàn quyền)

sang chào Tổng thống Pháp, thay mặt Hoàng đế. Ông ta đã thán phục quan cảnh nước Pháp và bởi ông không những là một nhà nho tế nhị mà còn là một thi sĩ có tài, ông đã sáng tác "Ba-lê, thủ đô nước Pháp," một bài thơ trường thiên gồm 36 đoạn (3).

Nguyễn Trọng Hiệp thuộc loại quan hoàn hảo, dòng giống một dân tộc thông minh, tế nhị, đã được hun đúc, phát triển và héo mòn với nền văn hóa Trung quốc nhưng đã tự biết hồi sinh, bằng cách tìm hiểu, học hỏi và thực hành."

(P. Doumer kết thúc đoạn tả Nguyễn Trọng Hiệp bằng bài thơ "Ba-lê, thủ đô nước Pháp" mà khuôn khổ bài này không cho phép tôi trích đăng.)

NGUYỄN THÂN

"Viên Phụ chính thứ ba, Nguyễn Thân, có một khuôn mặt thực thà, cởi mở, tính tình giản dị, ngay thẳng. Ông ta không phải là một nhà nho tế nhị như Nguyễn Trọng Hiệp song cũng thuộc một gia đình nền nếp miền Bắc Trung phần. Thân phụ ông mất sớm, đã từng giữ những chức vụ cao của triều đình.

Nguyễn Thân là một tay giúp việc đắc lực cho nước Pháp ở những giai đoạn khó khăn nhất. Thoạt tiên, vào năm 1885, khi vua Hàm Nghi xuất bôn, rời Huế đi ẩn lánh ở miền Bắc, thành lập một chính phủ phản nghịch, rồi đến năm 1894 Nguyễn Thân lại dẹp yên được đám giặc lớn ở miền Bắc. Sau này tôi có dịp hiểu biết và mến mộ ông ta. Khi tôi từ giã Đông Dương, năm 1902, ông trao cho tôi một bản kê khai những phẩm tước cùng công trạng của ông ta đối với nước Pháp."

(Ở trên, P. Doumer kết thúc đoạn tả Nguyễn Trọng Hiệp bằng bài thơ "Ba-lê, thủ đô nước Pháp"của Nguyễn Trọng Hiệp, và ở đây P. Doumer kết thúc đoạn tả Nguyễn Thân bằng trích đăng bản lịch trình quân công của Nguyễn Thân do chính Nguyễn Thân viết.)

"Tôi rất cảm ơn quan lớn về những công trình quan lớn đã thực hiện giúp cho triều đình nước tôi và những cử chỉ thân thiện của quan lớn đối với riêng tôi trong thời gian quan lớn tại chức ở Đông Dương. Tôi kính trình quan lớn một bản ghi chi tiết những công lao lâu dài của tôi phục vụ cho nước Pháp và tấm lòng tận trung của tôi với nước Pháp.

Trong thời gian xảy ra vụ đánh úp quân Pháp ở Huế và vụ quan Phụ chính Tôn Thất Thuyết đem theo Hoàng đế Hàm Nghi để dấy động lòng dân nổi lên chống Pháp, tất cả miền Trung lâm vào tình trạng rối loạn, giặc giã, lệnh trên truyền ra là những hành động đối nghịch nổi lên, vừa chống lại những giáo đồ, vừa chống lại người Âu Tây.

Nguyễn Thân

Lúc bấy giờ tôi đang nối nghiệp cha tôi, giữ chức Tư lệnh kiêm Chánh Sơn phòng những miền rừng núi Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định. Mặc dù triều đình Huế đã ra chỉ thị, tôi vẫn chỉ lo cho sự an ninh ở những khu vực thuộc quyền kiểm soát của tôi.

Hai tên giặc Cu Dinh và Tu Tan (4) đem quân phản nghịch đông đảo chiếm đóng Quảng-ngãi. Tôi từ miền cao nguyên dẫn 2000 quân xuống đánh dẹp, thu phục được thành trì, bắt sống 14 tên tướng giặc đem chặt đầu tại chỗ để làm gương. Thế là Quảng-ngãi được ổn định.

Tôi lại phụng chỉ của Hoàng đế Đồng Khánh phái đến Bình-định mở cuộc hành quân, lập lại trật tự và chỉnh đốn việc trị an. Tên tướng giặc cuối cùng Mai Xuân Thưởng (5) trốn lên An-khê, bị tôi đốc quân truy tầm.

Cùng lúc ấy ông Đốc phủ Lộc (6) tiến quân từ Saigon ra để chỉ huy một trận càn quét. Hoàng đế triệu tôi từ Quảng-nam đến ủy thác việc chinh phạt những đám giặc do tên Huong Hieu (7) làm thủ lĩnh, quân Pháp đã phải thiết lập tới 36 đồn lũy để phòng ngự ở vùng này. Căn cứ vào những tin tức dò được của quân chỉ điểm, tôi tìm ra sào

huyệt của nó ở An-lâm, bắt sống 25 tên tướng tá của nó, toàn thể quân giặc đã quy đầu. Huong Hieu trốn thoát lên Ngũ Hành Sơn nương náu, bị tôi bắt, đóng cũi gửi về Huế.

Để tưởng thưởng sự tận trung của tôi đối với lợi ích cho nước Pháp, chính phủ cộng hòa Pháp đã ban cho tôi huân chương Ngũ đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh (Chevalier de la Légion d'Honneur).

Một thời gian sau, giặc giã lại nổi lên ở Bình-định. Lại một lần nữa tôi xuất chinh tiêu diệt quân giặc, và lần này dẹp yên vĩnh viễn. Theo đề đạt của quan Toàn quyền Piquet và quan Thống sứ Hector, tôi được thăng lên Tứ đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh (Officier de la Légion d'Honneur).

Ít lâu sau tôi giữ chức Thượng thư bộ Binh, rồi nhờ sự can thiệp của quan Toàn quyền de Lanessan, tôi được thuyên chuyển đi làm Tổng đốc Bình-định trong nhiều năm. Chính trong thời gian này tôi được đặc sung chức Khâm sai Tiết chế quân vụ, Chiêu Thảo Sứ Nghĩa Định (Quảng-nghĩa/ngãi, Bình-định), Cảnh sát trưởng vùng Nghệ Tĩnh. Theo yêu cầu của quan Toàn quyền Rousseau và quan Thống sứ Brière, triều đình giao phó cho tôi quân vụ quan trọng là tiễu trừ tên giặc già Phan Đình Phùng từ mười năm nay vẫn dấy quân kháng chiến ở các vùng Nghệ-an, Hà-tĩnh. Tôi đốc 1400 quân đánh dẹp không ngừng nghỉ, truy kích lên tận miền cao nguyên. Trong một trận kịch chiến tên Phan Đình Phùng bị thương phải uống thuốc độc tự tử. Tất cả các tướng tá của nó đều sa vào tay tôi, hàng ngàn phỉ tặc ra đầu thú. Thế là các miền Bắc Trung phần đều hoàn toàn bình định.

Để tưởng thưởng công lao ấy, chính phủ cộng hoà Pháp ban cho tôi huân chương Tam đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh (Commandeur de la Légion d'Honneur) và hoàng đế An-nam chuẩn cho tôi làm Phụ chính đại thần kiêm Thượng thư..."

Tôi (P. Doumer) chỉ trích đến đoạn này vì đoạn sau tả những sự việc xẩy ra khi tôi đã có mặt ở Đông Dương.

Tôi biết ông Phụ chính thứ ba này rất được lòng tin của những người tiền nhiệm của tôi và ông ta đã tỏ ra xứng đáng với sự tín nhiệm ấy. Bằng vào kinh nghiệm những người đi trước tôi cũng tin ông và ông đã được tôi hoàn toàn tin cậy trong những trường hợp khác với trên đây bởi vì xứ An-Nam không còn giặc giã nữa. Nguyễn Thân đã phục vụ cho cả nước Pháp lẫn nước Nam. Sau đó tôi xin cho ông ta được giữ chức thủ tướng và thăng lên Nhị đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh (Grand Officier de la Légion d'Honneur)."

Châtenay-Malabry tháng 7, 2002

CHÚ THÍCH

1- Paul DOUMER, *L'Indo-Chine francaise (Souvenirs)*, Paris: Vuibert & Nony, 1905.

2- P. Doumer cho biết ông Phụ chính thứ nhất quá già, chỉ ngồi làm vì, không nắm giữ thực quyền.

3- Tôi lược bỏ mấy dòng giới thiệu loại thơ cổ, dùng nhiều điển tích, không ăn nhập với mục đích tả chân dung Nguyễn Trọng Hiệp.

4- "Cu Dinh" và "Tu Tan": Theo Phan Trần Chúc (*Vua Hàm Nghi*, tr. 103, nhà xuất bản Thuận-hóa tái bản năm 1995) thì có Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân khởi quân Cần Vương ở Bình-định, không rõ có phải là "Cu Dinh" và "Tu Tan" hay không? (Lê Trung Đình còn thường được gọi là Cử Đình - Ghi thêm của Thế Kỷ 21)

5- Lúc ấy trường Bình-định đang thi, học trò nghe tin kinh thành thất thủ, phá trường thi, hô hào khởi nghĩa. Mai Xuân Thưởng xưng là Nguyên soái. Năm 1887 Mai Xuân Thưởng bị bắt và bị chém (Phan Khoang, Việt-Nam Pháp thuộc sử (1884-1945), 1961, không đề nhà xuất bản; tái bản ở Mỹ, không đề năm).

6- Trần Bá Lộc.

7- "Huong Hieu" chắc là Nguyễn Hiệu thủ lĩnh Văn thân ở Quảng-nam năm 1885. (Nguyễn Hiệu thường gọi là Hường Hiệu - Thế Kỷ 21)

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags).
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

BỘ GENE TRONG CÂY LÚA VÀ TRIỂN VỌNG

NGUYỄN VĂN TUẤN

Đối với người Việt chúng ta, hay phần lớn dân Á châu nói chung, cây lúa (tên khoa học là *Oryza sativa*) và hạt gạo là một loại thực phẩm hết sức gần gũi và đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong dinh dưỡng. Ngay từ khi còn trong lòng mẹ, chúng ta đã làm quen với cơm gạo, và lớn lên theo cây lúa cùng hạt gạo. Với bản sắc văn hóa nông nghiệp, cây lúa và hạt gạo còn là một biểu tượng của cuộc sống. Ca dao, khẩu ngữ chúng ta có câu "*Người sống về gạo, cá bạo về nước,*" hay "*Em xinh là xinh như cây lúa,*" v.v... Đối với người Trung Quốc, vật quí nhất không phải là ngọc trai hay đá quí, mà là hạt gạo.

Quê hương của cây lúa, không như nhiều người tưởng là ở Trung Quốc hay Ấn Độ, mà là ở vùng Đông Nam Á, vì vùng này khí hậu ẩm và là điều kiện lí tưởng cho phát triển nghề trồng lúa. Theo kết quả khảo cổ học trong vài thập niên qua, quê hương đầu tiên của cây lúa là vùng Đông Nam Á và Đông Dương, những nơi mà dấu ấn của cây lúa đã được ghi nhận là khoảng 10.000 năm trước Công Nguyên [1]. Còn ở Trung Quốc, bằng chứng về cây lúa lâu đời nhất chỉ 5.900 đến 7.000 năm về trước, thường thấy ở các vùng xung quanh sông Dương Tử [2]. Từ Đông Nam Á, nghề trồng lúa được du nhập vào Trung Quốc, rồi lan sang Nhật Bản, Hàn Quốc, những nơi mà cư dân chỉ quen với nghề trồng lúa mạch. Ở Trung Quốc và Nhật Bản ngày xưa, chỉ có giai cấp quí tộc hay võ sĩ mới có gạo ăn thường xuyên. Ở Hàn Quốc, người ta có danh từ "annam mi" để chỉ loại gạo nhập cảng từ Việt Nam và các nước Đông Nam Á.

Á châu là một trung tâm sản xuất lúa gạo lớn nhất thế giới. Theo thống kê của Cơ quan Thực phẩm Liên hiệp quốc, trên thế giới có khoảng 147,5 triệu ha đất dùng cho việc trồng lúa, và 90% diện tích này là thuộc các nước Á châu [3]. Các nước Á châu cũng sản xuất khoảng 92% tổng sản lượng lúa gạo trên thế giới. Ngày nay, Thái Lan và Việt Nam là hai nước xuất cảng gạo hàng đầu trong thị trường lúa gạo thế giới.

Lúa gạo còn là nguồn lương thực quan trọng cho khoảng 3 tỷ người [hay khoảng 2 phần 3 cư dân] trên thế giới. Trong khi dân số thế giới tiếp tục gia tăng thì diện tích đất dùng cho trồng lúa lại không tăng, nếu không muốn nói là giảm theo thời gian. Do đó, vấn đề lương thực từng được đặt ra như là một mối đe dọa đến sự an ninh và ổn định của thế giới trong tương lai. Theo dự đoán của các chuyên gia về dân số học, nếu dân số thế giới tiếp tục gia tăng trong vòng 20 năm tới, thì sản lượng lúa gạo phải tăng 80% mới đáp ứng cho nhu cầu sống còn của cư dân mới. Trong điều kiện eo hẹp đó, người ta phải suy nghĩ đến một chiến lược để tăng sản lượng lúa gạo. Một trong những chiến lược quan trọng là ứng dụng công nghệ sinh học vào việc gây giống mới và qua đó, hi vọng sẽ đem lại cho thế giới một nguồn thực phẩm mới, an toàn hơn, và có giá trị dinh dưỡng cao.

Nhưng muốn gây giống mới một cách an toàn, người ta cần phải biết cấu trúc sinh học của cây lúa. Ngày nay, qua tiến bộ của khoa học sinh học phân tử, người ta đã biết được rằng, cũng giống như con người, cái đơn vị sinh học cơ bản nhất trong mỗi cây lúa là *tế bào* (cells). Mỗi cây lúa được cấu tạo bằng hàng tỷ tế bào. Tất cả các tế bào đều có cấu trúc giống nhau: trong mỗi tế bào đều có một cái *nhân* (nucleus) nằm chính giữa. Cái nhân này có chứa những chất liệu di truyền mà ta thường gọi là DNA (viết tắc từ chữ deoxyribonucleic acid). Mỗi nhân thường có hàng triệu DNA. DNA gồm có bốn yếu tố hóa học: A (adeline), C (cytosine), G (guanine), và T (thymine). Một mảng DNA tạo thành một gene. Và nhiều gene tạo thành một bộ di truyền, còn gọi là *chromosome*. Có thể nói một cách ví von bằng cách dùng quyển sách như là một ví dụ: (a) trong sách có 23 chương (chromosome); (b) mỗi chương có nhiều câu chuyện (genes); (c) mỗi câu chuyện có nhiều đoạn văn (exons); (d) mỗi đoạn văn có nhiều chữ (codons); và (e) mỗi chữ được viết bằng các mẫu tự (bases).

Do đó, cũng như con người, gene đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc điều hành sự

sinh trưởng, tồn tại, và bảo vệ thực vật, kể cả cây lúa, chống lại các mối đe dọa từ thiên nhiên. Gene có chức năng gửi các tín hiệu hóa học đi đến tất cả các nơi trong cây lúa. Những tín hiệu này có chứa đầy đủ các thông tin, các chỉ thị cụ thể cho các cơ quan trong cây lúa phải hoạt động ra sao. Việc tìm hiểu số lượng gene cũng như cơ cấu tổ chức của gene trong cây lúa là một điều tất yếu để mang lại những tiến bộ mới và quan trọng của bộ môn sinh học.

Vài tuần trước, hai nhóm nghiên cứu (Viện Nghiên cứu Di truyền Bắc Kinh (Beijing Genomic Institute, viết tắt là BGI) và Công ty sinh học Syngenta (San Diego, Mỹ), công bố rằng họ đã gần hoàn tất công trình tìm hiểu cơ cấu tổ chức của hệ thống di truyền trong cây lúa [4]. Nhóm Bắc Kinh cộng tác cùng một nhóm gồm các nhà khoa học thuộc Trung tâm Nghiên cứu Di truyền thuộc Trường Đại học Washington (Seattle) nghiên cứu giống lúa có tên là *indica*, trong khi Công ty Syngenta thì tập trung vào nghiên cứu một giống lúa *japonica* có hình dạng ngắn hơn giống indica [5]. Đây là một công trình nghiên cứu quan trọng trong khoa học, vì là lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, con người có thể hiểu toàn bộ cấu trúc di truyền của cây lúa. Khám phá của công trình nghiên cứu này còn có ý nghĩa mang tầm vóc thế giới, vì trong tương lai các ứng dụng dựa vào các dữ kiện này sẽ có ảnh hưởng đến hàng tỷ người trên toàn cầu. Một số điểm nổi bật trong công trình của hai nhóm nghiên cứu này có thể được tóm gọn như sau:

Thứ nhất, số lượng gene trong lúa còn nhiều hơn cả trong con người. Theo nhóm nghiên cứu BGI, giống lúa *indica* (còn có tên là *bulu* ở Nam Dương) có khoảng 45.000 đến 56.000 genes. Còn nhóm Syngenta thì ước lượng rằng giống lúa *japonica* (còn có tên là *sinica*) có khoảng 32.000 đến 50.000 genes. Đây là một sự ngạc nhiên, bởi vì từ lâu người ta vẫn nghĩ con người phức tạp hơn thực vật, và do đó số lượng genes trong con người phải cao hơn số lượng gene trong thực vật. Tuy nhiên, qua công trình Human Genome Project (HGP) vừa được công bố năm qua thì con người chỉ có khoảng 30.000 đến 39.000 genes, hay có ước đoán mới đây là 34.000 đến 35.000 genes [6]. Do đó, đứng trên phương diện sinh học, có thể nói rằng con người có cấu trúc di truyền đơn giản hơn cây lúa!?

Thực ra, chưa thể kết luận như thế được, vì cần phải hiểu thêm những khác biệt về cấu trúc di truyền trong con người và trong cây lúa. Kết quả nghiên cứu của nhóm BGI và Syngenta cho thấy cấu trúc di truyền trong con người có vẻ phức tạp hơn cấu trúc trong cây lúa. Tính trung bình, mỗi gene trong cây lúa có khoảng 4.500 mẫu tự DNA, trong khi gene trong con người dài đến cả bảy lần (tức khoảng 30.000 mẫu tự).

Tại sao cây lúa có nhiều gene hơn con người? Câu hỏi này đã là một đề tài suy luận lí thú của giới làm khoa học. Theo một thuyết đang được lưu truyền hiện nay thì quả là như cây lúa không có khả năng đi lại (chúng chỉ đứng một chỗ!) và trong hoàn cảnh này, cây lúa là đối tượng, là con mồi của nhiều kẻ thù kể cả sâu rầy và môi trường chung quanh. Do đó, cây lúa được tiến hóa có nhiều genes để chống trả lại những đe dọa này và tự bảo vệ lấy mình. Trong khi đó, con người, khi đối đầu với một sự hiểm nguy, có thể bỏ chạy hay ít ra là di chuyển được. Có lẽ sự khác nhau này giải thích một phần nào về sự khác biệt giữa con người trong cấu trúc di truyền.

Thứ hai, so sánh với loại cải xoong *Arabidopsis* mà cấu trúc di truyền mới được khám phá thì cây lúa có nhiều genes hơn. Cải xoong *Arabidopsis* có khoảng 25.500 genes, và mỗi gene, tính trung bình chỉ có khoảng 1.000 mẫu tự. Khoảng 81% các genes tìm thấy trong cải xoong *Arabidopsis* cũng được tìm thấy trong giống lúa *indica*, nhưng chỉ có 49% genes trong giống lúa *indica* được tìm thấy trong cải xoong *Arabidopsis*. Một kết quả tương tự cũng được ghi nhận khi so sánh giữa giống lúa *japonica* và cải xoong *Arabidopsis*.

Thứ ba, mặc dù giữa con người và cây lúa có một số genes có cấu trúc DNA giống nhau, nhưng chưa có bằng chứng nào cho thấy gene được luân chuyển giữa cây lúa và con người. Kết quả này có ý nghĩa quan trọng trong cuộc tranh luận gần đây về thực phẩm được thay đổi gene, bởi vì nó phủ nhận giả thuyết rằng khi con người tiêu thụ thực phẩm được thay đổi gene, như gạo chẳng hạn, thì những genes trong hạt gạo không có khả năng truyền vào con người. Nói một cách khác, các thực phẩm hay trái cây được thay đổi gene có thể không làm thay đổi cấu trúc gene của con người.

Tuy nhiên, dù công bố này thể hiện một một bước tiến dài trong lịch sử nghiên cứu di truyền, nhưng nó cũng chỉ là một bước đầu, vì từ giai đoạn này đến giai đoạn kế tiếp như ứng dụng gene vào việc chế biến hay tạo giống mới là một thách thức lớn. Thực vậy, dù cho công trình này có hoàn tất nay mai, thì chúng ta chỉ mới biết được cấu trúc di truyền mà thôi. Nói một cách ví

von, chúng ta chỉ mới biết được bản đồ, nhưng chưa biết trong từng vùng (trên bản đồ) có chứa gì và hoạt động ra sao. Do đó, giai đoạn kế tiếp là tìm hiểu mối tương tác giữa genes và môi trường, hay giữa quan hệ genes và genes mới là một thách thức lớn và đòi hỏi tri thức trong nhiều lĩnh vực khác nhau, kể cả tin học và toán học. Theo chúng tôi, giai đoạn thứ hai này, còn gọi là *thời đại sau bộ di truyền* (post-genomic era), mới là một thời kỳ hấp dẫn và huy hoàng của di truyền học.

Trong nghiên cứu y học, sau khi bộ di truyền trong con người được công bố hơn một năm qua, các nhà khoa học trên khắp thế giới đã và đang tiến sâu vào lĩnh vực nghiên cứu các chức năng cơ bản của genes. Nhưng dù thế giới đã chi ra một ngân sách khổng lồ và hàng vạn nhà nghiên cứu bỏ ra nhiều năm làm việc, kết quả vẫn còn rất khiêm tốn. Cho đến nay, người ta vẫn chưa tìm được tất cả các genes có liên quan đến các bệnh phức tạp như ung thư, suyễn, tiểu đường, loãng xương, v.v... Qua kinh nghiệm nghiên cứu trong con người, có thể nói việc phát triển các giống lúa mới bằng công nghệ di truyền học là một vấn đề lâu dài và thách thức lớn.

Đối với Việt Nam, một nước nông nghiệp, đứng vào hàng thứ hai trên thế giới về xuất cảng gạo, những vấn đề được đặt ra sau bộ di truyền lúa được công bố cũng là những thách thức lớn. Vấn đề cần được đặt ra là phải tận dụng những kết quả nghiên cứu này như thế nào để đem lại lợi ích kinh tế cho nước nhà. Chúng tôi thấy có thể phát họa một vài phương hướng như sau:

Thứ nhất, cần phải đầu tư nhân lực và cơ sở vật chất vào việc nghiên cứu chức năng của genes (còn gọi là functional genomics). Nói một cách khác, đây là cơ hội để các nhà khoa học Việt Nam nghiên cứu tìm hiểu chức năng của genes trong việc tăng trưởng và sản phẩm. Chẳng hạn như tìm hiểu xem genes nào có khả năng đề kháng sâu rầy, genes nào có khả năng chịu nước/khô, v.v. Tất nhiên, genes cũng không thể vận hành một mình, mà cần phải phối hợp với các genes khác hay môi trường để gây tác động; do đó tìm hiểu mối tương tác này cũng là một hướng nghiên cứu rất cần thiết. Hiện nay, với sự phát triển của công nghệ sinh học, các nhà nghiên cứu có thể thử nghiệm chức năng của hàng vạn genes trong một con chip điện toán.

Thứ hai, cần phải chú trọng đến bộ môn Thông tin Sinh học (còn gọi là bio-informatics). Đây là một bộ môn mới kết hợp các kỹ thuật máy tính, toán học và di truyền học, để tìm hiểu cấu trúc và hoạt động của các genes trong mạng lưới sinh học. Với một bản đồ genes, cộng với sự tiến bộ về kỹ thuật thông tin học, bộ môn nghiên cứu này có mục đích lâu dài là "cá nhân hóa" gene cho từng đặc điểm hay bệnh lí. Có thể nói đây là một cơ hội cho Việt Nam, vì song song với việc phát triển tin học như hiện nay, cần phải phát triển cả công nghệ thông tin sinh học.

Thứ ba, cần phải đầu tư nhân lực và xây dựng cơ sở vật chất vào việc nghiên cứu di truyền. Phải nói ngay rằng lực lượng khoa học gia Việt Nam làm việc trong sinh học và công nghệ sinh học còn quá mỏng, chưa có khả năng cạnh tranh cao với các nước khác trong vùng. Do đó, cần phải có chính sách khuyến khích học sinh, sinh viên theo đuổi sự nghiệp nghiên cứu di truyền học, và từ đó đẩy mạnh việc đào tạo thêm các chuyên viên có trình độ cao trong ngành công nghệ sinh học.

Nói tóm lại, việc công bố bản đồ genes của cây lúa đang mở ra một kỷ nguyên mới cho công nghệ sinh học, và cung cấp một cơ hội cho những ai thích [hay có ý định] dấn thân vào một ngành nghiên cứu hấp dẫn trong thế kỷ 21, thời đại từng được mệnh danh là thế kỷ của công nghệ sinh học./.

Tài liệu tham khảo và chú thích:

[1] Xem, chẳng hạn như, "Southeast Asia and Korea: from the beginning of food production to the first states" của Wilhelm Solheim, trong sách "*The history of humanity: Scientific and cultural development,*" quyển 1: "*Prehistory and the beginning of civilisation*", UNESCO/Routledge, London: 1994, trang 468-81.

[2] Sách "*Eden in the East: the Drowned Continent of Southeast Asia,*" của Stephen Oppenheimer, Nhà xuất bản Phoenix (London), 1998, trang 65-71.

[3] Xem các báo cáo sau đây của FAO: (a) "Rice processing industries," FAO/UNDP Regional Workshop, Jakarta, 15-20 July 1985. Bangkok, FAO Regional Office for Asia and the Pacific. 293 pp.; (b) FAO "Rice" FAO Q. Bull. Stat., 3(1): 20-28, 55, 73; và (c) "FAO production yearbook," 1989, FAO Stat. Ser. No. 88, Vol. 43. Rome, FAO.

[4] Xem báo cáo khoa học của J. Yu và đồng nghiệp, "A draft sequence of the rice genome (oryza sativa L. ssp. *Indica*), Tập san Science 2002; 296:79.

[5] Xem báo cáo khoa học của S. A. Goff và đồng nghiệp, "A draft sequence of the rice genome (oryza sativa L. ssp. *japonica*), Tập san Science 2002; 296:92.

[6] Xem báo cáo khoa học của Ewing B, Green P., "Analysis of expressed sequence tags indicates 35,000 human genes," Tập san Nature Genetics 2000; 25:232-4.

NHÂN ĐỌC SÁCH STATECRAFT CỦA
CỰU THỦ TƯỚNG ANH MARGARET THATCHER :

TÚI KHÔN ANH QUỐC VÀ CHUYỂN HÓA THẾ GIỚI

LƯU VĂN VỊNH

Suốt thời Pháp thuộc, trí thức Việt Nam được đào tạo theo khuôn mẫu Pháp, thiên về suy tưởng triết lý, nhưng ngay từ thế kỷ 18, nước Pháp đã ngày một thua kém Anh, ở Anh tinh thần dân chủ đã tiến trước Pháp hàng trăm năm, với Đại Hiến Chương Magna Carta giới hạn vương quyền từ năm 1215 (so với tinh thần dân chủ Diên Hồng bên ta vào thế kỷ 13), với tư tưởng J.Locke từ thế kỷ 17 đã đặt vấn đề dân quyền trước cả Montesquieu và JJ Rousseau (tk 18). Truyền thống trí thức Anh thiên về khoa học kỹ thuật kinh tế thương mại, không nặng về lý thuyết tranh luận như Pháp, Đức... từ Francis Bacon (1561-1626) với tư tưởng khoa học trước Descartes (1596- 1650), Hobbs (1588- 1679) rồi tới một loạt các tư tưởng gia duy nghiệm (*empiricists*) như Locke, Berkeley, Hume, Burke... suốt tk 17, 18 đã từ Anh chống lại phong trào triết học Duy lý (*rationalism*) Âu châu... Anh quốc không có triết gia *philosophers* trên mây nhưng có *worldly philosophers* là những nhà tư tưởng thực tiễn biết suy luận sát thực tế sinh hoạt xã hội như Adam Smith (tk 18) với thị trường tự do, luật cung cầu, cạnh tranh thương mại và giá trị lao động. Sau này, tk 20, J.M. Keynes đưa ra lập luận kinh tế chú trọng về phần chính quyền phát triển công ăn việc làm tối đa cho dân, lợi nhuận luân lưu trong xã hội tiêu thụ làm tăng trưởng, dây chuyền sản xuất và kinh tế do đó phồn thịnh. Kế sách này từ sau đệ nhị thế chiến được hầu hết các nước Âu Mỹ áp dụng.

Tới thập niên 1980, nữ Thủ Tướng Thatcher cương quyết khai mở lối đi mới: bỏ "quốc doanh" sang tư doanh, áp dụng môn phái kinh tế thị trường tự do của F.Von Hayeks, song song với tám năm TT Reagan cũng chủ trương giảm thiểu luật lệ gò bó thị trường, giảm thuế, tư doanh... công cuộc cách mạng kinh tế chuyển đổi cả thế giới, đẩy lui biên cương xã hội chủ nghĩa, làm tan rã khối Cộng, chấm dứt chiến tranh lạnh... nhìn kỹ cũng do Anh quốc dẫn khởi và Hoa Kỳ sát cánh.

Anh cũng có cách mạng, nhưng cách mạng kỹ nghệ không đổ máu như Pháp thời 1789, không có loại Robespierre chém giết cả ngàn người (500,000 bị bắt và 17,000 người-đa số quí tộc- bị trảm!), không có loạn động xã hội như Pháp hậu bán tk 19, đặc biệt là hai ông Do Thái Đức K.Marx và F.Engels tuy nằm ở London viết sách sách động, chỉ trích cảnh lao động lam lũ hầm mỏ Manchester bên Anh, nhưng chẳng tạo nên biến động. Dấy loạn thời 1848 chỉ xảy ra ở Ý, Pháp, Đức, Đông Âu, còn trí thức Anh, già dặn, trầm tĩnh, không vướng mắc vào loạn động điên đảo ấy, đòi hỏi cải cách chính trị dân chủ diễn ra rất sớm và ôn hòa tại nghị trường từ năm 1838 (*People's Charter*).

Bảng lược kê sau đây cho thấy **diễn tiến chuyển hóa kinh tế xã hội thế giới hiện đại** với sự đóng góp tiên phong của Anh và Mỹ :

1936: Kinh tế gia Anh, M. Keynes xuất bản sách "*General Theory of Employment, Interest and Money* (Lý thuyết Tổng quát về Việc làm, Lời lãi và Tiền tệ), đặt định lý thuyết vĩ mô và phép điều hành mới cho nền kinh tế tư bản. Sách lược kinh tế của Keynes được các nước Âu Mỹ áp dụng suốt từ Đệ Nhị Thế chiến, qua 1945 tới 1971 với chính quyền Nixon. Ngay từ năm 1944 tại hội nghị kinh tế quốc tế ở Bretton Woods N.H., Keynes đã đề ra kế hoạch vĩ mô ổn định kinh tế thế giới hậu chiến, World Bank và IMF được đẻ ra từ đây.

1944: Kinh tế gia Hayek (từ Áo qua Anh) đối lại bằng sách "*Road to Serfdom*" (Đường tới lệ thuộc), chỉ trích sách lược chính quyền hoạch định chỉ huy kinh tế. Tư tưởng thị trường tự do của Hayek suốt 30 năm không được áp dụng. Năm 1947 Hayek họp một số kinh tế gia đồng quan điểm (như Milton Friedman) ở Mt Pelerin chống

lại quan điểm kinh tế chỉ đạo từ trung ương. Năm 1974 Hayek đoạt giải Nobel Kinh Tế, hai năm sau 1976 Milton Friedman cũng lãnh giải Nobel.

1945- Nga và Đông Âu áp dụng kinh tế chỉ huy, theo sách lược "chỉ huy thượng tầng" (*commanding heights*) của Lenin từ 1922. Anh quốc với đảng Lao động quốc hữu hóa hầu hết các kỹ nghệ và lập chương trình an sinh xã hội (*welfare state*)- Pháp dung hợp vừa tự do vừa chỉ huy kinh tế- Đức được viện trợ kế hoạch Marshall, năm 1948 bộ trưởng Erhard bãi bỏ việc kiểm soát giá cả, *tạo thị trường tự do* làm kinh tế Đức phục hoạt như một phép lạ.

1947- Được trả độc lập, Ấn Độ dung hòa chế độ tự do với kinh tế hoạch định theo hướng xã hội.

1949- Tầu Cộng bắt đầu hợp tác xã (*collectivization*) phá đổ xã hội Trung Hoa với nền kinh tế tư sản gia đình làng xã mấy ngàn năm.

1949- Sáu nước Âu Châu hợp tác trong chương trình Than đá và Kỹ nghệ Sắt Thép, mở đầu tự do giao thương Tây Âu.

1957- Khởi đầu Cộng đồng Kinh tế Âu châu (EEC) họp ở Rome.

1958- Tầu Cộng trong bước tiến Nhảy Vọt Kỹ nghệ hóa dẫn tới thảm trạng xã hội đói kém suốt mấy năm sau. Năm 1966 lại mở cuộc Cách mạng Văn hóa làm mất cả thế hệ thanh niên sinh viên học sinh vào giáo điều chính trị. Số người chết vì đói, vì đấu tố, lên tới 30 triệu người. Việt Nam CS, tuân theo CS Tầu, đấu tố giết hại trả thù khoảng trên 230,000 đảng viên quốc gia, trí thức, trung lưu, điền chủ... ở miền Bắc.

1961- Phác Chính Hy nắm quyền ở Nam Hàn, bắt đầu kế hoạch kỹ nghệ hóa.

1964- Chính quyền Johnson ở Mỹ mở Chiến dịch chống Nghèo đói (War on Poverty).

1968- Tiệp Khắc với ý định đổi mới Xã hội chủ nghĩa, bị Nga Sô đánh dẹp.

1971- TT Nixon theo thuyết Keynes, kiểm soát giá cả thị trường không thành, tạo thêm khan hiếm đắt đỏ lạm phát- Mỹ bỏ kim bản vị (*gold standard*), dùng ngân bản vị.

1973- Pinochet, ở Chile, thất bại trong chương trình kinh tế, quay ra cầu cứu nhóm kế hoạch gia kinh tế Đại Học *Chicago* chủ trì, theo Hayek và M. Friedman, kinh tế thị trường tự do.

1978- Đặng Tiểu Bình bãi bỏ hợp tác xã nông nghiệp, nới dần dây xích CS.

1979 Bà Margaret Thatchet, tân Thủ Tướng Anh Quốc, từng tán thưởng kinh tế sách lược thị trường tự do của Hayek từ thời sinh viên, bắt đầu cuộc cách mạng kinh tế toàn cầu hóa. Năm 1984 tư doanh hóa các kỹ nghệ quốc doanh như British Telecom, đóng các hầm mỏ thua lỗ mặc dù bị nghiệp đoàn công nhân chống đối mạnh.

1979 Lạm phát ở Mỹ lên 13.3%. Paul Volcker, tân Chủ tịch Quỹ Dự Trữ Liên Bang, thắt chặt tiền tệ, tạo suy thoái kinh tế (*recession*) có dự tính.

1981 tại Pháp, phe tả Mitterand thử nghiệm quốc hữu hóa và không kết nối với các nước Âu Mỹ tư bản (delinking). Được hai năm, 1983, phải bỏ quốc hữu hóa, trở lại hợp tác với khối Âu Mỹ.

1981 Đồng chí hướng với Thatcher, TT Reagan đề ra sách lược kinh tế "*cung ứng*" (*supply side economics*), giảm thuế khuyến khích cạnh tranh đầu tư, tự do hóa thị trường, giảm thiểu phép tắc quy điều phiền phức, chấm dứt đình công của nghiệp đoàn kiểm soát không lưu (*air controller*), cũng như bà Thatcher chấm dứt đình công xuống đường liên tiếp của công nhân hầm mỏ do phe tả dật giây.

1985 Bolivia: lần đầu tiên thử phương pháp *cấp cứu chấn động* chữa lạm phát phi mã bằng cách triệt để tạo thị trường tự do "*shock therapy.*" Phương pháp này cũng áp dụng hữu hiệu cho Ba Lan năm 1990.

1986 Gorbachev đổi mới (*glasnost-perestroika*), đưa tới chuyển biến lịch sử chấm dứt Chiến tranh Lạnh 1989- Nhân tố quan trọng là cuộc thăm viếng nghiệp đoàn công nhân *Solidarity* ở Ba Lan của bà Thatcher năm 1985, và quyết tâm giải tỏa độc tài CS của TT Reagan, đã thổi làn gió tự do dân chủ khắp thế giới. Khi bức tường Bá Linh sập thì Tầu lại dập tắt cuộc tranh đấu cho tự do của quần chúng, gồm sinh viên, giáo sư, nhà văn, báo chí, cả công nhân thợ thuyền như tài xế taxi trong vụ Thiên An Môn 1989 v.v... Rút cục Tầu Cộng mở cửa thị trường nhưng không mở cửa chính trị, buộc VN, Bắc Hàn, vào chế độ nửa này nửa kia, một loại quân phiệt đảng trị nhân danh dân tộc, lèo lái quần chúng khao khát tự do theo định hướng *xã hội CS Bắc Kinh*!

1988 Thị trường chứng khoán Tokyo lên ngang hàng với thị trường chứng khoán Nữu Ước NYSE- Nhưng hai năm sau, 1990, Nhật Bản bắt đầu xuống dốc do hệ thống ngân hàng lỏng lẻo và thị trường nội địa được trợ cấp quá mức. Phải 12 năm sau, 2002, thị trường Nhật mới vững mạnh lại.

1991 Tân Thủ Tướng Ấn, N. Rao cải cách kinh tế theo hướng thị trường tự do, đạt kết quả tốt.

1992 Nga bãi bỏ kinh tế chỉ huy, thả giá hàng hóa tự do, tư doanh hóa kỹ nghệ.

1994 Hoa Kỳ cải cách chương trình trợ cấp xã hội và đẩy mạnh thị trường tự do toàn cầu hóa-

1996 TT Clinton quân bình ngân sách, thu giảm chính quyền (*Big goverment is over*).

1997 Tầu Cộng bãi bỏ khu vực kỹ nghệ quốc doanh.

1997 Các nước Á Đông bị khủng hoảng tài chính, từ Thái, Nam Dương, tới Đại Hàn, lan tới Nga 1998, tới Mỹ 1999.

1999 Hội nghị thượng đỉnh kinh tế WTO ở Seattle bị phe chống đối toàn cầu hóa lên án. Lần sau họp ở Qatar 2001.

2001 Khủng bố Ả Rập phá hủy WTC trung tâm thương mại thế giới ở Nữu Ước, ngày 9- 11- 2001, làm thị trường tài chính Mỹ và thế giới bị ảnh hưởng. TT Bush trở lại phương sách Keynes, đặt thêm phủ bộ trong chính quyền liên bang, nhằm bảo vệ an ninh quốc nội.

2002 Tiền EURO thay thế tiền 12 nước Âu châu.

*

Nhìn diễn tiến trên, hai nhân vật nổi bật Margaret Thatcher và R. Reagan, hai vị nguyên thủ Anh Mỹ, của thập niên 1980 đã lèo lái thế giới sang một khúc rẽ mới, chấm dứt chiến tranh lạnh, làm sụp đổ thể chế và ý hệ Cộng sản Mác Lê, Stalin, Mao, tạo làn gió tự do thổi mạnh khắp Đông Tây, gây cơ hội Toàn cầu hóa thị trường tự do khai phóng.

Gần đây, tháng 4- 2002, bà Thatcher nhận định về tương lai thế giới trong tập sách dầy, *Thuật Trị Nước – Sách lược cho thế giới đang chuyển biến– **Statecraft- Strategies for a changing world*** (do Harpes Collins xb) (1), với một số chương dành cho Á Đông, đặc biệt là bảng so sánh giữa hệ thống Kinh tế tự do và sản lượng GDP: cột Kinh tế ít tự do nhất (*least free economies*) cho thấy Việt Nam đứng hàng 12 với lợi tức 1850 USD, trong khi ở cột Kinh tế tự do nhất (*freest economies*), thì Hồng Kông có GDP cao tới 25,257 USD, bảng này cho thấy lợi ích của nền tự do thị trường đem lại sung túc cho dân chúng trong nước.

Bà Thatcher, chịu ảnh hưởng sách lược Kinh tế tự do của Hayek hơn là của Keynes. Trong sách "Lập pháp Tự do" (*The Constitution of Liberty*- 1960) Hayek viết về một trật tự xã hội mới "không có quyền lực lớn mạnh từ trung ương xen vào" (*without the interventions of omnipotent central authority* p. 159- 160), với năm điểm định nghĩa cho tự do dân quyền :

1- Tư hữu (private property)
2- Luật pháp (rule of law)
3- Thái độ tâm lý (attitudes)
4- Văn hóa (cultures)
5- Thuế khóa

Về phần **Tâm lý và Văn hóa**, bà Thatcher phân tích khác biệt giữa văn hóa Do Thái Thiên chúa giáo (*JudeoChristian*) nghiêng về tự do cá nhân, quyền năng sáng tạo và đặc thù của mỗi người (*emphasize the creativity of man and the uniqueness of individual*) với các khối văn hóa như Á Phi nghiêng về định mệnh (*fate*) và coi nhẹ ý chí tự do (*very limited role for free will*... p. 415). Văn hóa Do Thái Thiên Chúa giáo đánh giá cao sự làm việc, con người là nhân chủ của ngoại cảnh sinh sống- *man is to be the master of environment*- và có nhận thức thời gian như một đường thẳng tiến chứ không tin vào vòng định mệnh với các chu kỳ trở đi trở lại (*sense of linear time, not a deterministic belief in cycles and repeating stages*...p. 418). tuy nhiên cũng có trường hợp ngoại lệ như Nhật Bản, một nước Á Đông, mà tác giả Statecraft phải nhận là không thua kém gì Âu Mỹ mặc dù với văn hóa tôn giáo khác hẳn Judeo Christian. Ở đây giá trị Đông Phương được đề cao nhưng phải nhận là sự thành công phồn thịnh của Á Đông cũng nhờ vào phương pháp và kỹ thuật Tây phương (tr. 419) . Trung Hoa, theo bà Thatcher, phải còn lâu lắm mới đạt được địa vị đại cường quốc về cả mọi mặt kinh tế lẫn xã hội và trước sau chế độ Cộng Sản Tầu cũng *sẽ* thất bại như CS đã suy sụp ở các vùng khác (*In due course Communism* will *fail in China, as it has elsewhere* p. 178). Nhật Bản và Ấn Độ là hai cường quốc đứng thế quân bình lực lượng với Tầu ở châu Á. Âu Châu, sở dĩ tiến bộ trước tiên là vì , bà Thatcher dựa theo nhận định của J. Stuart Mill, biết chấp nhận đa phương tiến bộ và đa diện phát triển (*plurality of paths for its progressive and many sides of development- On Liberty* p.138).

Một nhận định khác, rất sâu sắc của bà Thatcher, về vấn đề **công bình xã hội** (*social justice*) : cái gọi là công bình xã hội từ căn để là bất công (*social justice, fundamentally unjust*), bất bình đẳng là cái giá không tránh khỏi của tự do (*inequalities are the inevitable price of freedom*...p.432), tác giả nhấn mạnh và giải thích thêm: công bình xã hội có thể đẩy một xã hội tự do xuống dòng nước sâu và hiểm nghèo nếu ngoài việc tạo cơ hội đồng đều lại muốn tạo luôn cả kết quả đồng đều (*social justice can take a free society into deeper and more treacherous water if it is applied not only to equality of opportunities but also to equality of outcome...p.432),* hệ quả

tai hại, cá mè một lứa, dép lớn dép nhỏ bằng nhau, vàng thau lẫn lộn, là khuyết điểm trầm trọng của thể chế Cộng sản và của tất cả mọi thể chế mệnh danh là xã hội chủ nghĩa, dù ôn hòa đi chăng nữa (xem tr.432). Phân tích của bà Thatcher về công bình xã hội thật chí lý: cái gọi là cách mạng xã hội theo chiều hướng cộng sản hoặc xã hội chủ nghĩa trong thực tế chỉ là tạo tình trạng "*con tôm đít lộn đầu*" như nhà Nho Học Lạc từng nhận định, hay như chính Lenine cũng phải gọi là bọn vô sản đầu đường xó chợ lưu manh *lumpen proletariat* dùng bạo lực, dùng số đông, dùng *chân lý nòng súng*, ăn trên ngồi chốc, một loại giai cấp mới, đảo lộn trật tự xã hội đưa mình lên và dìm người khác xuống. Một số không nhỏ trí thức, nhà văn nhà báo, sôi nổi hùa theo cộng sản, hùa theo tả phái, chống bất công xã hội theo cảm tính xúc động hời hợt, mà không ý thức sâu sắc rằng đi từ *bất công đầu* lộn xuống *bất công đuôi*, bất công đầu có thể do một nhóm nhỏ tư bản, phong kiến, độc tài tạo nên, nhưng bất công đuôi lại do bầy lũ mới, đảng trị, phe nhóm lao động bất chính... lật ngược thế cờ xã hội... cả hai, đều có thể tàn nhẫn và bất công như nhau! Cho nên khởi điểm của chính trị không phải là tạo cá mè một lứa mà là tạo cơ hội đồng đều: bình đẳng trước pháp luật, có cơ hội đi học, có công ăn việc làm... công bình không có nghĩa là xé áo của người này đắp lên người kia, không phải là trâu buộc ghét trâu ăn, giựt cơm giựt áo cướp nhà cướp ruộng của nhau! Công bình xã hội hiểu sai trở thành lối sống của kẻ cướp loại Lương Sơn Bạc, lấy chuyện cướp của người giầu chia cho người nghèo làm lý tưởng vui chơi, trong thực tế chỉ tạo thêm bất ổn định và không giải quyết được tận gốc vấn đề giầu nghèo trong xã hội. Bà Thatcher quyết liệt viết: *Từ bỏ trên nguyên tắc quan niệm công bình xã hội nào đặt nhẹ công bình thật sự* (*Reject in principle concept of social justice which undermine real justice*...p.435).

Một quan niệm đứng đắn về công bình xã hội không thể khởi đi từ lòng dạ sân hận, mọi cải cách xã hội, mọi cuộc cách mạng, không thể là những thử nghiệm đổ máu của thành phần này tạo ra cho thành phần khác, lại càng không thể là ý hệ bầy vẽ của các thầy lang băm chính trị, chưa học hỏi, chưa kinh nghiệm gì về cơ động kinh tế xã hội tâm lý... đã vội kê toa chữa trị, chữa bệnh không xong, loay hoay lúng túng, nên dùng cách tẩy não đấu tố triệt hạ bệnh nhân cho hả sân hận uất ức!

Một quan niệm sai lầm trầm trọng của giới chống đối tư bản là quan niệm **khinh rẻ kết án tiền tài**, bà Thatcher xác định: tiền bạc tự nó trung tính không xấu không tốt, vấn đề quan trọng là biết dùng nó vào việc gì (*money is morally neutral, it's what you do with it that counts*... p.435), tư bản có thể dị biệt về văn hóa nhưng tư bản không cần biết chủng tộc nào, ai cũng có thể làm giầu (*capitalism may not be culture blind, but it is colour blind*). Đây có thể giải thích tại sao ở một số nền văn hóa thiên về triết lý, tôn giáo... như ở Pháp, Nga, Tầu, Hàn, Việt... lại có khá nhiều trí thức thiên Cộng tả phái xã hội: nguyên nhân là do sự hiểu sai hoặc hời hợt về vận hành tiền tài kinh tế, do thiếu kinh nghiệm về chế độ tư bản đứng đắn dựa trên tự do dân chủ pháp trị thật sự, chưa biết rõ lợi hại của thể chế, chưa mang lên bàn cân suy xét trầm tĩnh, đã vội vã xúc động chống đối, đã hận thù đốt cháy kiến trúc cũ mà không biết xây kiến trúc nào thay thế! Bà Thatcher và trí thức Anh Mỹ, vốn không mắc vào những xúc động chính trị hời hợt ấy, đã thừa biết: "Lệ thường, các nhà tu hay các người làm chính trị hay phản đối hệ tư bản là tàn nhẫn bất công và kêu gọi những phương cách đối kháng" (*Traditionally, it has been the clergy as often as politicians who have denounce capitalism as harsh and unfair and call for counter measures.* p.433). Thật vậy, các thầy lang băm kinh tế như Marx đưa ra phán quyết loại "các tận sở năng, các tận sở nhu – làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu" (*From each according to his abilities, to each according to his needs*), hay như gần đây, phe tả thiên Cộng kết án Hoa Kỳ "*dân số có 6% thế giới mà tiêu thụ tới 60% tài nguyên thế giới*" đều là những phê phán dựa trên đạo đức không tưởng, mà quên rằng xã hội loài người cần giải đề tương đối tốt đẹp chứ không thể nói chuyện lý tưởng suông được... Nói chia đều miếng cơm manh áo thì dễ, nhưng bắt người này phải chia cho người kia thì khó và dễ đi tới độc tài, hơn nữa, ngay cả nhà tu, ngay cả các nhà hiền triết đạo đức... đã sống êm đẹp với nhau chưa, đã bình đẳng với nhau chưa, đã ngăn ngừa được kẻ tham người ác ngay trong giới mình chưa? Cho nên thực tế, tìm phương thức tương đối hữu hiệu nhân bản tiến tới một thế giới phồn thịnh, sáu tỷ đầu người đủ cơm ăn áo mặc, tránh cá lớn nuốt cá bé, muốn ăn chay thì tự do ăn chay, muốn ăn mặn thì tự do ăn mặn, thiết tưởng thế gian được như vậy cũng đã là *hoan hỷ địa* rồi vậy! Nói chính trị dựa trên tiền bạc là xấu, nhưng nhìn vào lịch sử thế giới, các chế độ dựa trên tôn giáo, dựa trên ý thức hệ, dựa trên phong kiến, quân phiệt, đảng trị... cũng không tốt đẹp gì hơn và cũng chưa thấy thể chế nào vững mạnh nếu không có ngân sách vàng bạc, kể cả các giáo quyền từ La Mã tới Tây Tạng!

*

Nước Anh và dân Anh, cho ta những bài học tổ chức xã hội quý báu: họ gồm nhiều bộ tộc sắc dân sống yên ổn với nhau cả mấy trăm năm, họ đã có thể chế dân chủ trước nhất từ thời Magna Carta 1215 mà không xô xát đổ máu dữ dội như cách mạng Pháp, Nga..., họ giải quyết dị biệt tôn giáo tương đối sớm và ôn hòa hơn các nước đại lục châu Âu... Họ không có loại độc tài hay anh hùng cá nhân như Nã Phá Luân, Hitler, Stalin... họ không đẻ ra loại trí thức không tưởng bàn chuyện trên trời dưới đất siêu hình vu khoát, họ xuất ra các nhà kinh tế học lừng danh như Adam Smith, Keynes... các nhà nghiên cứu thiết thực như Malthus, Darwin... các khoa học gia và kỹ thuật gia thượng thặng từ Newton đến Hawking... Thám hiểm Nam Bắc cực, lên đỉnh Everest, cho đến phi cơ chiến đấu lên thẳng, điện toán (2)... đều bắt đầu từ Anh. Dân số chỉ có mấy chục triệu người trên một đảo nhỏ mà cả thế giới phải học nói tiếng Anh, thậm chí đến nhạc mới Beatles, túc cầu, quần vợt, golf... cũng từ đảo quốc này lan ra khắp thế giới! Một mình Anh với Churchill đương đầu với Đức Quốc Xã, một mình Anh giữ tô giới Hồng Kông tới hết hạn trước Tầu Cộng hung hăng, chỉ có Anh mới nhả ra các thuộc địa đúng lúc, êm đẹp và không CS... ngần ấy ưu điểm cũng đủ làm thế giới phải khâm phục, nhất là các ưu điểm lại đạt được trong khoảng lịch sử tương đối ngắn: 1000 năm, như **bảng lược mốc sinh hoạt** sau đây cho thấy *Anh không nặng về bằng cấp khoa bảng, trọng thực tiễn thương mại kỹ thuật, mâu thuẫn tôn giáo được giải quyết rất sớm, không chịu lệ thuộc giáo quyền La Mã:*

827: La Mã chiếm Anh đảo từ thế kỷ I trước Tây lịch tới tk V sau TL. Sau thời La Mã (Roman) đảo Anh loạn lạc sứ quân mãi sau vua xứ Wessex hợp nhất bảy vùng trở thành vua toàn cõi Anh đảo, với sắc dân Celtic tụ tập ở Wales và Scotland, phía Bắc sắc dân từ Scandinavia (Viking), phía Nam bộ tộc Germanic xuất phát từ vùng Anglian và Saxon thuộc Bắc Đức, Hòa Lan, Đan Mạch ngày nay. Bộ tộc Norse định cư ở Scotland.

1066: bộ tộc Normans, gốc Viking Đan Mạch, định cư ở Bắc Pháp sang chiếm Anh quốc. Quần chúng Anglo Saxon thành lớp bình dân, giữ thổ âm cũ Germanic (thí dụ cow, lamb, pig), lớp thống trị Normans, ảnh hưởng Pháp ngữ (thí dụ beef, mutton, pork). Có học giả cho rằng dân Anh bị mang tiếng kênh kiệu kiêu kỳ là do sắc dân Normans này đem sang đảo Anh.

1190: Vua Richard đệ I dự Thập Tự Chiến.

1215: Vua John ký đại hiến chương **Magna Carta**, giới hạn vương quyền năm 1076.

1249 : **Cử Chủ tịch Dân Viện** (speaker of the House of Commons).

1384: Thánh kinh Thiên Chúa giáo Anh.

1497: phát hành đồng *pound.*

1531: Vua Henry VIII lập và đứng đầu **Anh giáo** (*Church of England*) thoát ly khỏi Vatican.

1532: Hội Nhà Văn (Society of Writers).

1534: Cơ sở sách báo Cambridge (Cambridge Uni.Press).

1540: Lập Quốc Vụ Khanh (Secretary of State).

1559: Nữ hoàng Queen Elizabeth I- Thời kỳ Anh bước vào kỷ nguyên quốc tế.

1571: Mở Nhà Giao dịch (Royal Exchange) ở Luân Đôn.

1600: Lập Hãng Đông Ấn East India Company.

1607: số dân di sang Mỹ, Virginia, ngày một tăng.

1611: Thánh kinh King James được phát hành.

1611: **Mọi độc quyền là bất hợp pháp**.

1639: Máy hơi nước dùng cho thương mại.

1642: Nội chiến – Vua Charles I bị giết, Charles II chạy sang Pháp, trở về năm 1660, sau khi giám quốc O.Cromwell mất. Đây là bất ổn nội bộ đổ máu cuối của Anh quốc cho đến nay.

1657: nhà thờ Do Thái Giáo đầu tiên ở Luân Đôn.

1669: Nhập cảng trà từ Ấn.

1673: Ra luật cấm các viên chức theo Catholic (First Test Act)

1678: Ra luật cấm Catholic trong Quốc hội (Second Test Act)

1682: William Penn sang Mỹ lập ra vùng Pensylvania.

1687: Sir I.Newton và luật trọng lực.

1688: Thi sĩ quốc đàn Poet Laureate J.Dryden bị truất phế vì theo đạo Catholic.

1689: Luật cởi mở cho Tin lành không theo Anh giáo (nonconformists).

1690: Ngân Hàng Anh quốc.

1701: Luật cấm Catholics làm vua Anh quốc.

1721: vị Thủ Tướng đầu tiên của Anh Robert Walpole nhậm chức ngày 3 tháng 4, 1732; vua George II cho nhà số 10 đường Downing làm trụ sở của Thủ Tướng chính phủ (tên mới đầu là the First Lord of the Treasury tức Prime Minister).

1744: Chiến tranh giữa Anh và Pháp. 1746 trận Culloden là trận đánh cuối cùng trên đất Anh.

1757: bảo hộ Ấn Độ- 1763 Giữ Canada.

1770: chiếm Úc Châu (trước đó do Portugal và Hòa Lan khai phá)

1772: chứa nô lệ là bất hợp pháp trên đất Anh.

1778: luật cởi mở cho Catholic. Catholic Relief Act.

1782: lập Bộ Ngoại giao (Foreign Office)- James Watt và máy hơi nước mới.

1783: Nghị hội tuyên bố chấm dứt tranh chấp ở Mỹ châu-Ký hòa ước Paris.

1785: Báo The Times ra mắt. Chế tạo máy dệt điện.

1795: Catholics và Tin lành đụng độ dữ dội ở Armagh Bắc Ái nhĩ Lan.

1801: Thống kê dân số đầu tiên. Ái Nhĩ Lan thuộc vào Đế quốc Anh. Chế bóng điện (electric arc lamp).

1802: Thị trường chứng khoán đầu tiên ở Capel Court-Luân đôn.

1805: Nelson thắng liên quân Pháp-Tây Ban Nha ở Trafalgar.

1807: cấm nô lệ trên toàn đế quốc Anh.

1815: Thắng Nã Phá Luân ở Waterloo.

1816: bãi bỏ thuế lợi tức.

1828: Tin Lành không ở trong Anh giáo được vào chính quyền.

1829: cho Catholics được tự do sinh hoạt.

1832: Luật Cải Tổ Great Reform Act mở rộng Dân chủ- Lập Đảng Tự Do (từ khối Whigs- sau đảng Thủ cựu từ khối Tory năm 1830).

1840: nhập Tân Tây Lan vào Đại Anh. 1838-1842 chiến tranh Nha phiến với Trung Hoa.

1842: tái lập thuế lợi tức.

1843: phát hành báo The Economist

1844: lập YMCA hội thanh niên Thiên Chúa giáo.

1853: chấm dứt việc chở tội phạm sang Úc châu.

1857: Anh chiếm Dehli, Ấn. 1860 bảo hộ Nigeria

1859: Darwin và thuyết Tiến hóa (*the origin of species*).

1868: chấm dứt việc treo cổ tội nhân trước công chúng.

1877: giải vô địch quần vợt Wimbledon đầu tiên.

1882: chiếm Ai Cập- 1886 chiếm Miến Điện- 1899 bảo hộ Sudan

1884: chế bút máy Waterman.

1891: Judson chế kẹp quần áo zip fastener.

1895: trường Kinh tế học London

1901: lập Hàn Lâm Viện Anh

1901: dao cạo an toàn Gillette

1908: Hội Hướng đạo the **Scouts** do Lord Baden Powell lập.

1918: phụ nữ được đi bầu cử. Lập Liên minh English speaking Union

1919: kháng chiến Ái Nhĩ Lan IRA –Chia đất Ái Nhĩ Lan.

1922: đài BBC phát thanh hàng ngày.

1925: Churchill đưa ra luật hưu trí (pensions act).

1931: trả độc lập cho các thuộc địa Úc, Gia Nã Đại, Tân Tây Lan, Nam Phi.

1932: Các hội thánh Methodists thống nhất. Thất nghiệp 25%.

1936: Sir Frank Whittle chế máy phản lực jet đầu tiên-

1944: miễn học phí cấp trung học.

1946: quân nhân Mỹ lấy 50,000 vợ Anh đưa về Mỹ.

1947: trả độc lập cho Ấn và Pakistan.

1948: bộ Lao động lập An Sinh Xã Hội (Welfare State)

1949: Ái Nhĩ Lan bỏ Cộng Đồng Anh (Commonwealth)

1963: cải tổ bằng tốt nghiệp trung học (Certificate of Secondary Education).

1966: Thuế đánh các Công Ty (Corporation Tax).

1971: tiền Anh theo thập phân (decimal).

1972: Anh gia nhập thị trường chung Âu Châu.

1975: lạm phát 25%.

1981: lập đảng Dân chủ Xã hội.

CHÚ THÍCH

(1) **Statecraft** do Harper Collins N.Y. xb tháng 4- 2002, giá 34.95 USD, bán trên hầu hết các nhà sách lớn như Borders, Barnes&Nobles...

(2) Charles Babbage (1791- 1871) được xem là cha đẻ điện toán với máy Difference Engine 1820 và máy Analytical machine, được cộng tác của con gái thi sĩ Lord Byron là Ada Byron Lovelace (1815- 1852). Năm 1991 máy này được chế tạo lại và mang ra thử nghiệm thành máy tính chính xác tới 31 con số digits! Riêng bà Ada Byron tới năm 1977 được bộ Quốc phòng Mỹ truy tặng là nhà tiền phong của thảo chương điện toán (programming language ADA)- Tiếp đến Alan Turin với máy Turin machine 1936, Colossus Computer 1941 và Mark II 1944, tới năm 1948 máy EDSAC ở Cambridge. (xem *The Machines that change the world* -WGBH-BBC-PBS website)- Anh, Mỹ rồi tới Đức (Konrad Zuse 1910- 1990) dẫn đầu trong lãnh vực này.

THAM KHẢO

1- Chronology of British History (Most Noble Order of the Sword-website)

2- Commandingheights- The Battle of ideas- www.pbs.com

3- The Worldly Philosophers- R.Heilbroner

4- The Last 1000 Years –Paragon 1999

5- The Story of Philosophy-Bryan Magee 1998

6- Les Doctrines Économiques – J.Lajugie-PUF

7- Philosophies de notre temps –J.F.Dortier-Editions 1999

8- La Philosophie économique-A.Leroux et A.Marciano-PUF 1998.

SỨC SỐNG ĐÔNG SƠN HAY GIỚI QUÝ TỘC VIỆT NAM TRONG THỜI BẮC THUỘC

KIỀU QUANG CHẨN

VN là một xã hội nông nghiệp, hoa màu chính là lúa gạo. Kể từ khi Solheim II thuộc đại học Hawaii, công bố trên *National Geographic* tháng 3 năm 1971 đến nay có đến không dưới mười học giả ngoại quốc cho rằngViệt Nam cũng như các nước Đông Nam Á có khả năng bắt đầu trồng lúa từ thời sơ khai như Hoà Bình, Bắc Sơn (8000 trước CN). Và gần đây nhất, Stephen Oppenheimer đưa ra luận án người Đông Nam Á là những người đầu tiên trồng lúa trên thế giới. Nhưng phải chờ đến thời cực thịnh của đồ đồng tức giai đoạn Đông Sơn, với các nông cụ bằng đồng thau, nghề nông mới phát triển mạnh. Với sự thặng dư của nông phẩm, các ngành nghề phát triển. Nền tảng văn hóa xã hội của văn minh Đông Sơn cũng đã được phác dụng. Đó là sản phẩm của nền văn minh lúa nước với sự hội nhập của văn hoá biển và một liều lượng nhỏ của văn minh đồng cỏ. Giới quý tộc, những chủ nông giàu có ra đời. Chính họ là những người đặt đúc những chiếc trống đồng có hình dáng cân đối và hoa văn thẩm mỹ. Mộ táng của họ với nhiều chậu thạp, vũ khí bằng đồng đúc với cảnh sinh hoạt linh động. Họ là những người cai quản, lãnh đạo những bộ tộc của người Việt Cổ. Ta gọi là các Lạc Hầu hay Lạc Tướng.

Hùng Vương

Các học giả Việt Nam, nhất là giới khảo cổ học cho thời đại Hùng Vương trùng hợp với thời đại đồng thau. Ta có rất nhiều truyền thuyết trong thời Hùng Vương nhưng các Lạc Hầu chỉ được nhắc đến một lần trong *Lĩnh Nam Chích Quái* hay *Việt Điện U Linh Tập*. Sách nói rằng tổ tiên của Thục Phán đòi vua Hùng gả con gái nhưng bị các Lạc Hầu ngăn cản, cho rằng họ Thục chỉ có ý do thám mà thôi. Nhiều học giả Tây Phương như Aurousseau hay Maspero nghĩ vua Hùng Vương chỉ là một người chỉ huy bộ lạc ở Phong Châu, có nhiều uy tín được các bộ lạc khác kính trọng.

Thục Phán

Việc chuyển giao quyền hành giữa vua Hùng và Thục Phán vào năm 257 trước CN có vẻ êm thấm. Sử sách không thấy nhắc đến địa danh, chiến trường, quân số và sự thiệt hại của đôi bên. Có người còn cho An Dương Vương là vua Hùng Vương thứ 19, cũng là vị vua đầu tiên của Việt Nam được ghi trong chính sử của Trung Hoa. Thục Phán là người khôn ngoan, thu phục dễ dàng các Lạc Hầu, đời sống trong xã hội đã không bị xáo trộn mà còn phát triển với đồng ruộng phì nhiêu. Bắc Việt lại là nơi dừng chân của các thương nhân Đông Nam Á đến từ các hải đảo xa xôi. Vua cho xây thành, chỉnh trang binh bị, chế tạo vũ khí để giữ nước. Số lượng vũ khí tiêu biểu cho Văn-Hoá Đông Sơn đào được rất nhiều tại Cổ Loa. Người ta cũng tìm được một số các vũ khí khác có hoa văn chịu ảnh hưởng của Văn Hoá Điền, một quốc gia láng giềng đương đại phía Tây Bắc.

Triệu Đà

Trong khi đó sát với ranh giới phía Đông Bắc, một quốc gia mới thành lập lấy tên Nam Việt. Nhận ra được khả năng thương mại của BắcViệt, vị vua tài ba và đầy tham vọng của Nam Việt quyết định chiếm Âu Lạc. Chiếc móng rùa của thần Kim Quy tặng cho Thục Phán bị lấy cắp trong huyền thoại không bao giờ được tìm thấy, nhưng người ta thấy hàng chục bộ cò lẩy của những nỏ thần, và hàng vạn mũi tên đồng ở Cổ Loa, kinh đô của Âu Lạc.

Trọng Thủy chồng của Mị Châu công chúa tuy không ăn cắp nỏ thần nhưng chắc chắn đã biết được hết các bí mật quân sự của Loa Thành. Có sách nói chàng đã gây chia rẽ được vua tôi cũng như hàng ngũ lãnh đạo của Âu Lạc. Âu Lạc

bị sát nhập dễ dàng vào Nam Việt năm 179 trước CN. (Phần lớn các sách sử ta chép năm 205 trước CN.)

Triệu Đà chia Bắc Việt làm hai quận, Giao Chỉ và Cửu Chân, do thái thú cai trị. Địa vị các Lạc Hầu không thay đổi. Loa Thành vẫn là nơi tập trung quyền lực. Vị vua đầu tiên của Nam Việt mất năm 136 trước CN, ông được dân Việt coi như một tướng tài và một ông vua có tinh thần chống Hán mãnh liệt. Đích thân vua cũng búi tó và ngồi xổm khi tiếp sứ giả Hán là Lữ Gia. Ông còn khuyến khích các quan lấy vợ Việt và sống theo phong tục Việt. Cháu nội ông, con của Trọng Thủy là Triệu Hồ lên thay, không chống đỡ nổi sự xâm nhập của văn hóa Hán trong vương quốc. Trong ngôi mộ của ông chỉ thấy có một vài chiếc thạp đồng Đông Sơn, vài món đồ gốm có hoa văn bản địa, các món đồ đồng quan trọng và nhất là hàng trăm món ngọc vô giá hoàn toàn nhập cảng từ Trung Nguyên.

Tây Hán

Cuối cùng thì nhà Hán cũng thôn tính được Nam Việt năm 111 trước CN. Khi tướng nhà Hán là Lộ Bá Đức đến gần biên giới Giao Chỉ quận, hai thái thú Nam Việt lên tiếp đón, dâng lễ vật và sổ đinh. Lộ Bá Đức hài lòng và cho tiếp tục giữ chức như cũ. Cũng như nhà Triệu, nhà Tây Hán đặt nặng vấn đề thương mại ở Bắc Việt. ***Việc cai trị trực tiếp vẫn do giới quý tộc đảm trách. Dân ta còn dễ thở, tiếp tục đúc trống đồng.*** *Các trống đúc vào thời này dáng không còn cân đối oai vệ, hoa văn đôi khi bị ảnh hưởng Hán như họa tiết trâm cài đầu v.v.* Nhà Hán đặt thêm ở Việt Nam một quận nữa tên là Nhật Nam, dưới Cửu Chân. Dinh thứ sử đặt ở Luy Lâu, gần Hà Nội ngày nay, coi luôn tất cả những quận ở Hoa Nam. Năm năm sau dinh thứ sử mới dời về Thượng Ngô, tức Nam Ninh ngày nay. Có sách nói quan thứ sử phải rút khỏi Luy Lâu vì vùng đồng bằng này quá đông đúc. Sức ép của các Lạc Hầu quá mạnh. (Chỉ ba quận ở Bắc Việt, dân chúng đã chiếm 67% của cả Giao Chỉ bộ tức gồm cả Hoa Nam. Luy Lâu trở thành quận do quan Thái Thú đứng đầu. Nơi đây có một trại quân để giữ an ninh vùng đồng bằng, một trại quân thứ hai ở Mê Linh để kiểm soát cửa ngõ vào vùng núi. ***Từ thời vua Hùng đến nhà Triệu, giới quý tộc tự cai trị dân chúng của mình, nay phải có sự chấp nhận của thái thú hay thứ sử nhà Hán.*** Về phương diện văn hoá khoảng thời gian từ thế kỉ thứ nhất trước CN, người ta thấy đồ đồng Đông Sơn có chiều hướng gia tăng, loại hình phong phú, chất liệu đa dạng và kĩ thuật hoàn hảo hơn. Phải chăng đó là mặt tích cực của sự gặp gỡ giữa nền văn minh của kẻ xâm lược và kẻ bị trị. Hàng loạt các di chỉ khảo cổ học đã được khai quật. Người ta nhận ra được sức sống của văn hoá Đông Sơn trong những thế kỉ đầu CN một cách có hệ thống.

Đầu tiên là nhóm di chỉ Đường Cồ. Nhóm Đường Cồ bao gồm các di chỉ Đường Cồ, gò Chiền Vậy (lớp trên), Vinh Quang (lớp trên), gò Chùa Thông (lớp trên), Nam Chính , Đường Mây... Nhóm di tích này thuộc loại hình đồng bằng và trung du Bắc bộ của văn hoá Đông Sơn, có niên đại chung từ thế kỷ II trước Công nguyên, đến thế kỷ III sau Công nguyên.

Di vật tìm được trong các di chỉ kiểu Đường Cồ đại đa số là các di vật đồng thau gần gũi với hiện vật Đông Sơn, chỉ có đồ gốm biểu hiện đặc điểm riêng của mình. Gốm Đường Cồ có màu trắng mốc, màu hồng nhạt, vàng nhạt, tuyệt đại đa số được trang trí hoa văn thừng thô.

Tại di chỉ Đường Cồ, đã tìm thấy 11 ngôi mộ, trong 11 ngôi mộ này chỉ có bốn ngôi: 1, 2, 3, 4 có hiện vật thuộc văn hóa Hán như bát, cốc đốt trầm... Nhưng ở ngay trong những ngôi mộ này cũng vẫn tìm thấy giáo, rìu Đông Sơn.

Cũng trong địa bàn đồng bằng Bắc bộ, một di chỉ khảo cổ học có tầm quan trọng của thời kỳ này là di chỉ Phú Lương (Hà Tây). Phú Lương cũng như Đường Cồ là loại hình di chỉ cư trú và mộ táng. Tầng văn hoá của di chỉ này có hai lớp:

- Lớp sớm thuộc giai đoạn văn hoá Đường Cồ với đồ gốm màu trắng mốc, thô, bở, hoa văn thừng là chủ đạo, chỉ có lác đác một vài mảnh gốm in ô vuông.

- Lớp hai từ độ sâu 0,50m trở lên, đồ gốm in ô vuông có tăng về số lượng, song gốm Đường Cồ vẫn là chủ đạo.

Các mộ táng trong di chỉ cũng chia làm hai lớp: ở lớp sớm chỉ thấy có mộ quan tài thân cây khoét rỗng. ở lớp muộn, chủ yếu là mộ đất, trong mộ còn tìm thấy một vài đồng tiền Ngũ Thù dùng làm đồ tùy táng.

Khung niên đại toàn bộ của di tích Phú Lương kéo dài từ 300 trước CN tới 100 sau Công nguyên. (1)

Sách vở, kể cả sách sử của ta, nhắc nhiều và ca ngợi hai thái thú cuối thời Tây Hán. Tích Quang thái thú Giao Chỉ dạy dân ta biết lễ nghĩa. Nhâm Diên thái thú Cửu Chân dạy dân ta biết trồng trọt. Tiểu sử và thành tích của hai ông đã được phóng đại. Lễ nghĩa của ta khác của Tàu chứ đâu

có sai mà phải đem ra dạy lại. Cửu Chân tức Thanh Hoá ngày nay có nền văn minh rực rỡ nhiều thế kỉ trước. Ta đã có lưỡi cầy, cuốc đồng, chẳng lẽ không biết làm ruộng hay trồng cấy? Vả lại khi mới chiếm Bắc Việt, nhà Hán làm kiểm tra dân số, họ đếm được 357,456 hộ gồm 166,013 người. Chỉ những làng chuyên nông mới có sẵn nóc gia để cho quan chức làm sổ sách dân cư và ruộng đất. (Hình 1- Mô hình nhà Hán Việt-) Có thể là một trang trại của Lạc Hầu với tháp canh (1).

Vào những năm đầu CN, nhất là những năm cải cách của Vương Mãn, nhiều quan lại Hán chạy xuống Bắc Việt. Nhận thấy các Lạc Hầu được hưởng sự trù phú về thương mại và của đồng ruộng phì nhiêu, họ bắt đầu siết chặt. *Các Lạc Hầu muốn giữ địa vị của mình đành phải è cổ nộp thêm cho quan chức nhà Hán.* Tầng lớp quý tộc Việt bắt đầu bị khống chế, đè nén, quyền hành bị thắt buộc. Mối bất hoà bắt đầu.

Đông Hán

Đó là nguyên nhân chính dẫn tới cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, con gái Lạc Hầu Mê Linh, đại diện cho giới quý tộc Lạc Việt đứng lên chống lại ách đô hộ Trung Hoa. Hậu Hán thư đã chép *"Thái thú Giao Chỉ là Tô Định dùng pháp thuật trói buộc, Trưng Trắc phẫn nộ, vì thế làm phản. Do vậy, những người Man, người Lý ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng. Gồm chiếm được 65 thành tự lập làm vua. Thứ sử Giao Chỉ và các Thái thú chỉ còn giữ được thân mình mà thôi. Thuỷ kinh chú chép: Trưng Trắc công phá châu quận, hàng phục được các Lạc tướng, họ đều xuy tôn Trắc làm vua."* Nhiều sách cho rằng sự thất bại của Hai Bà được xem là thời điểm đánh dấu sự giải thể của nền văn minh Đông Sơn.

Nhưng giáo sư Phạm Huy Thông đã quả quyết rằng nhờ cuộc đấu tranh của Hai Bà đã tạo ra sức sống Đông Sơn tồn tại mãi mãi trong lòng dân Việt. Thật vậy, bình định xong Giao Chỉ, năm sau Mã Viện mới xuống Cửu Chân, bắt hoặc giết hết giới quý tộc nào không theo Hán. Trên nguyên tắc, Mã Viện muốn xóa hết chế độ Lạc Hầu và nền Văn Hóa Đông Sơn. Tuy nhiên nền văn hóa này đã phát triển rực rỡ nhiều thế kỉ trước, đã ăn sâu bám rễ vào nhiều phong tục tập quán của người Việt. Cho dù Viện tịch thu hết trống đồng và vũ khí nhưng người Việt vẫn tiếp tục sản xuất. *Những chiếc trống loại II Heger hay còn gọi trống*

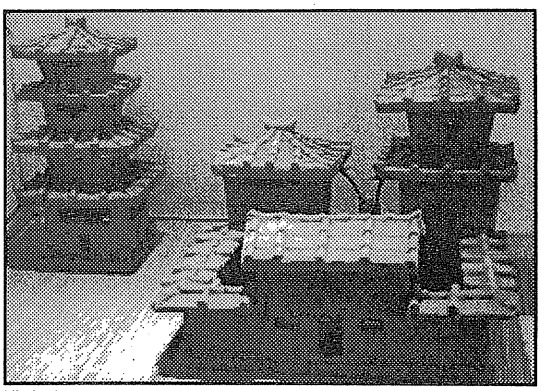

Hình 1

Mường vẫn còn được sản xuất đến thế kỉ thứ X. Tục Việt vẫn còn gìn giữ - quan tài bằng thân cây khoét rỗng vẫn còn được bảo lưu.

"Mộ thuyền phân bố trên một địa bàn khá rộng ở đồng bằng Bắc Bộ tại các tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Tây, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình... với một mật độ khá đậm đặc."

Qua nghiên cứu hệ thống mộ thuyền đã khai quật, người ta chia ra làm bốn loại dựa trên cấu trúc quan tài :

- Loại 1: Kiểu quan tài Châu Can gồm: Châu Can, Châu Sơn, Thanh Sơn, Sông Tô, Yên Từ, Thiên Khánh, Lật Phương...

- Loại 2: Kiểu quan tài Việt Khê gồm: Việt Khê, La Đôi, Nghĩa Vũ, Ngòi Hang... Loại này quan tài lớn về kích thước. Đầu và đuôi quan có tai, kỹ thuật ghép tấm khá tiến bộ.

- Loại 3: Kiểu quan tài Tam Đa gồm: Tam Đa, An Khê... với đặc trưng quan tài có hình khối hộp chữ nhật, đáy quan có chân.

- Loại 4: áo quan tìm thấy trong ngôi mộ Ngũ Hùng (Hải Dương). Đặc trưng của nó là áo quan được ghép bằng nhiều tấm với hình khối vuông vức.

Di vật chứa trong mộ thuyền được phân chia làm hai nhóm:

- Nhóm di vật bản địa mang đặc trưng Đông Sơn điển hình như giáo, chuông, lục lạc... rất giống với những hiện vật tìm thấy ở Làng Cả (Phú Thọ), Vinh Quang (Hà Tây), Thiệu Dương (Thanh Hoá), Làng Vạc (Nghệ An).

- Nhóm di vật mang phong cách Hán nhưng hoa văn lại đặc trưng của Đông Sơn như những chiếc bình và cây đèn ...

(Hình 2- Bình đồng dáng Hán, dây xích Hán có hai quai Đông Sơn, hoa văn hỗn hợp Đông Sơn và Hán.)

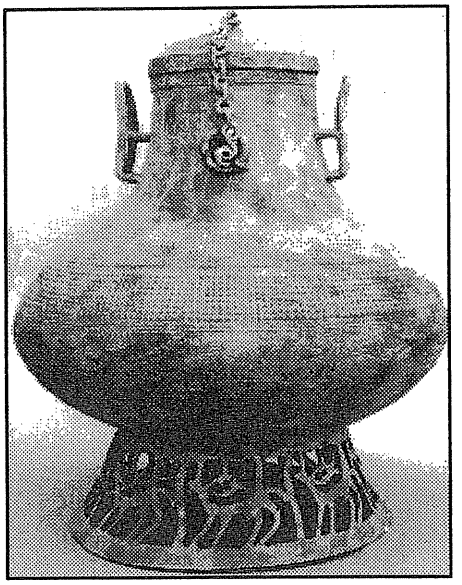

Hình 2

(Hình 3-chi tiết bình đồng trên. Hoa văn da cóc thời Chiến Quốc và thời Hán, hoa văn vòng tròn đồng tâm đặc trưng của Đông Sơn.)

Một khám phá mới rất quan trọng ở Thanh Hóa năm 2000, người ta tìm thấy hai mảnh giáp che ngực (hộ tâm kính) có hoa văn đặc trưng của văn hóa Hán. Đây là những mảnh giáp chỉ tìm thấy ở Bắc Việt và chỉ do người Lạc Việt sử dụng. Điều này chứng tỏ trong thời Hán thuộc ta vẫn còn quân đội.

(Hình 4- Mảnh giáp trụ).

(Hình 5- Chi tiết của mảnh giáp, hoa văn khắc vạch đặc trưng của Tây Hán).

Ý định của Viện là muốn cho các quan lại Tàu xuống tận các quận huyện, trực tiếp cai trị dân Việt, nhưng số người Trung Hoa biết chữ không nhiều nên đành phải "dùng người Việt để trị người Việt." Theo Keith Taylor con số này có thể lên đến hàng ngàn người.

Tinh thần Đông Sơn cũng như tinh thần của Hai Bà vẫn còn sống mãi, giới quý tộc Việt đã không bao giờ cho quân xâm lược được ngủ yên.

Còn phải kể đến các viên chức người Hán qua Bắc Việt làm việc lâu năm, quen với phong tục tập quán người mình. Họ lấy vợ hoặc thê thiếp người địa phương và bị Việt Hóa. Tới đời con cháu chỉ còn tên của dòng họ là người Hoa. Mã Viện đi rồi, theo sử gia Nhật Bản Osaki Sashusi, ***người Tàu chưa bao giờ thực sự thành công trong việc cai trị người Việt*** chỉ vì nhóm quý tộc Việt nói trên.

(Hình 6- Thạp đồng dáng Hán và ba chân đặc trưng của Hán, hoa văn thuyền người tiêu biểu Đông Sơn.)

(Hình 7- Chi tiết của thạp trên với thuyền và người cách điệu và những con thú đặc trưng của Đông Sơn.) Chú thích 3.

Năm 136, hàng ngàn người ở phía Nam Thượng Lâm tiến công, đốt nhậm sở và giết viên chức Hán. Lần lượt Nhật Nam và Cửu Chân cũng bị dân chúng nổi lên đốt phá. Thứ sử Giao Châu là Phàn Diễn cầm đạo quân hơn một vạn người, không những không cứu vãn được tình thế mà trái lại chính đạo quân này lại trở tay đốt phá các cơ sở Hán. Hung tin báo về vua Hán, bèn sai lập đạo binh hơn bốn vạn người đi dẹp loạn. Một viên quan tên Lý Cố nêu bảy lý do không nên đem quân đến Giao Chỉ:

1. Bốn châu dự định điều quân đều là nơi thường có giặc giã.
2. Nay huy động họ đi xa tất sinh họa như đào ngũ hay tạo phản.
3. Phía nam châu ẩm thấp, nóng nực, chướng khí, cơ bị bại mười phần chắc đến năm.
4. Đi xa hàng vạn dặm, quan lính mỏi mệt không chiến đấu được.
5. Sợ không đủ quân lương, phí tổn nuôi đạo quân quá cao.
6. Đóng quân ở chỗ đó ắt chết nhiều, phải bổ sung bằng người địa phương, có khác chi lấy lòng ruột mà vá chân tay.
7. Lính ở Cửu Chân và Giao Chỉ từ chối đánh giặc sao ta có thể bảo lính xa nhà vẫn chiến đấu được.

Lý Cố đề nghị gửi người tài đức xuống phủ dụ muôn dân. Vua sai Chúc Lương làm thái thú Cửu

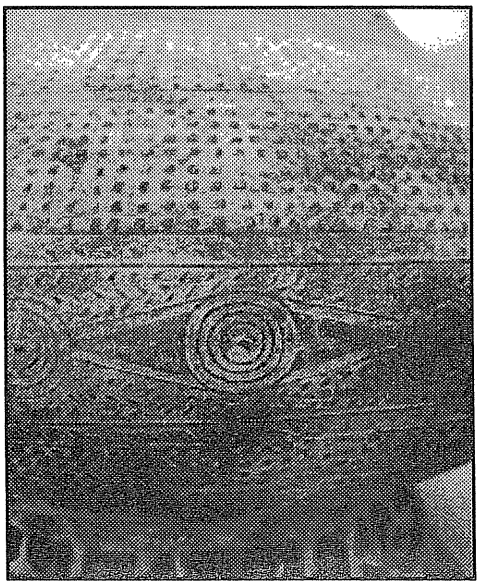

Hình 3

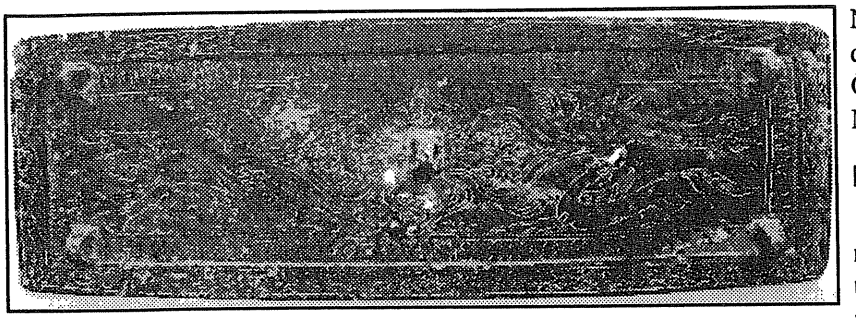

Hình 4

Chân và Trương Kiều làm thứ sử Giao Châu tới vỗ về dân chúng, mọi điều tốt đẹp trở lại.

Năm 157 tại huyện Cự Phong quận Cửu Chân, một thiếu nữ lại đứng lên viết bản anh hùng ca giữ nước. Cuộc khởi nghĩa của bà Triệu, em gái của một thủ lãnh Việt, với câu nói bất hủ: *"Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ chứ không khom lưng làm tì thiếp người ta."* Cảm phục ý chí hiên ngang của bà, toàn thể quận Cửu Chân đứng dậy triệt hạ thành ấp, quan lệnh từ Thái Thú đến huyện lệnh đều bỏ chạy. Rất tiếc cuộc khởi nghĩa của bà chỉ kéo dài được vài tháng.

Từ năm này đến khi Sĩ Nhiếp làm thái thú, người Việt không để lỡ cơ hội để nổi loạn kể cả việc giết Thái Thú Tàu.

Những người lính trong doanh trại Hán đều là con cháu trong đoàn quân viễn chinh do Mã Viện đem sang từ thế kỉ trước. Tiếng là người Tàu nhưng vợ, mẹ hoặc bà ngoại đều là người Việt. Vào thời kỳ này, tuy tinh thần quốc gia chưa phát hiện rõ rệt nhưng rất khó bảo họ làm những điều có hại cho dân Việt. Một số người giỏi thuộc gia đình dòng dõi lại trở thành giai cấp quý tộc mới. Đó là trường hợp Sĩ Nhiếp, tổ tiên ông sang nước Việt thời Vương Mãng. Năm 188, vua Hán cho ông làm thái thú Giao Chỉ. Sang đời Tam Quốc, nước Việt thuộc Ngô, Sĩ Nhiếp khôn khéo được vua

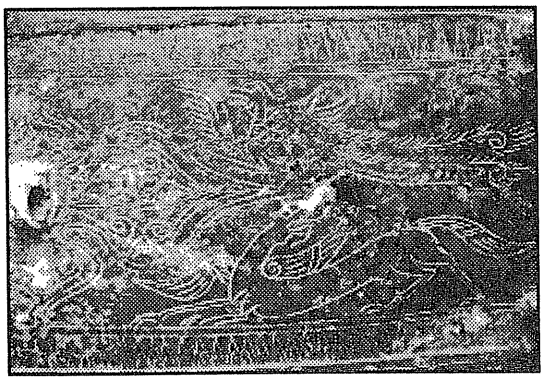

Hình 5

Ngô Tôn Quyền cho quyền hành còn lớn hơn. Ông cai trị cả miền Hoa Nam lẫn Bắc Việt.

Nhà Ngô

Cũng chính vào thời này nước ta kinh tế phát triển mạnh, nhờ vào đội thương thuyền của các hải đảo thuộc Indonesia ngày nay. Các học giả Indo đã tự hào cho chúng tôi biết thuyền của họ từng đi nửa vòng trái đất, từ Madagascar đến Hawaii. *Thương mại phát triển, ngành đúc đồng của ta cũng phát triển theo. Đây cũng là thời gian giới quý tộc Indo, các chúa đảo giầu có đã nhập cảng những chiếc trống Đông Sơn to và đẹp nhất thế giới. Theo giáo sư R. P. Soejono của viện khảo cổ Indonesia, người ta đã tìm thấy 80 trống ĐS loại I, phần lớn nhập cảng từ Bắc Việt và một số ít từ Hoa Nam.* Tại bảo tàng viện Pusat ở Jakarta, có tới năm chiếc trống đường kính trên 100 cm (2) có niên đại thế kỉ thứ II, thứ III. Phật giáo cũng phát triển mạnh, lúc Khương Tăng Hội từ Việt Nam sang Trung Hoa truyền giáo năm 247, Việt Nam đã có hơn 500 tăng sĩ và hai mươi ngôi chùa. Trong vòng 40 năm không có loạn. Con của Sĩ Nhiếp là Sĩ Huy có chí lớn, không muốn hàng phục nhà Ngô, thời Tam Quốc. Huy định chia nước Tàu thành "Tứ quốc" nhưng mộng không thành, sau phải chết thảm.

(Hình 8- Qua đồng: phổ thông từ thời Chiến Quốc bên Trung Hoa, còn sử dụng tới thời Đường. Là một vũ khí đánh xa rất lợi hại.)

(Hình 9- Chi tiết qua đồng với hoa văn Đông Sơn.)

Giai Đoạn Lục Triều và Nhà Đường

Cả ba thế kỷ sau, lịch sử cứ tái diễn. Nếu bên Tàu loạn lạc, bên ta dễ thở. Nếu vua Tàu mạnh, muốn xiết dân Việt, loạn lạc sẽ xảy ra. Vào thời này giới quý tộc có chút dòng máu Hán tuy được ưu đãi nhưng họ đã tự cho là người bản xứ rồi. Tiêu biểu là Lý Nam Đế người tỉnh Thái Bình. Tổ tiên ông sang lánh nạn cuối thời Hán, đến ông là đời thứ tám. Năm 544, ông đuổi thái thú Tàu dẹp yên Lâm Ấp, làm vua được tám năm.

Sau khi vua chết,Triệu Quang Phục, dũng tướng của ông lên thay, lập ngôi vua 24 năm ở Long Biên. Vua chia một nửa nước cho Lý Phật Tử cai trị, sau này làm thông gia với vua. Lợi

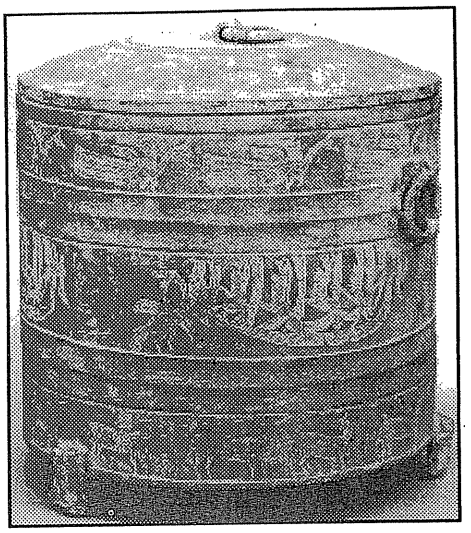

Hình 6

dụng kế như Triệu Đà, theo truyền thuyết, chàng rể họ Lý ăn cắp móng rùa của bố vợ. Họ Lý dứt họ Triệu, xưng hậu Lý Nam Đế, về Long Biên làm vua. Đến năm 602 bị Lưu Phương nhà Tuỳ bắt đem về Tàu giết.

Người Việt được tự chủ được gần 60 năm, chuẩn bị cho nền độc lập 300 năm sau. Giới quý tộc gốc Hán dễ thành công nhưng giới thuần Việt vẫn luôn cạnh tranh. Tuy họ không được hậu thuẫn của đế quốc phương Bắc nhưng lại được đám quần chúng trong tầng lớp thấp vẫn ngấm ngầm hỗ trợ khi cần thiết. Cũng có khi chính đám quần chúng tự ra tay như năm 687 đời Đường, Đinh Kiến nổi lên giết Đô hộ sứ Nghiêm Như. Điều này cho thấy nếu giới quý tộc ngần ngại vì còn e dè trước thế lực quá mạnh của vua quan nhà Đường, nông

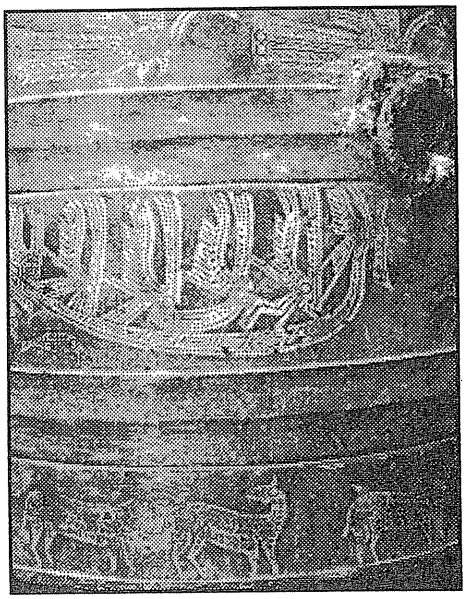

Hình 7

dân sẽ xử lí thay cho họ.

Năm 722 Mai Thúc Loan khởi đi từ Hoan Châu, kêu gọi được sự hợp tác của 32 quận huyện kể cả Lâm Ấp và Chiêm La. Với đạo quân 400,000 người (?), ông chiếm hết An Nam, xưng làm Mai Hắc Đế. Rất tiếc đội ngũ dân quân ô hợp, không thành công được lâu dài.

Năm 770, Phùng Hưng thuộc một gia đình có tiếng tăm ở gần núi Tản Viên (cùng một nơi với Hai Bà Trưng,) đã thu phục được hết làng này đến huyện khác nhờ biểu diễn sức mạnh hơn người. Ông vây phủ của An Nam Kinh Lược Sứ Đỗ Chính Bình, có sách nói Bình sợ quá bị bệnh chết. Phùng Hưng nắm quyền được bảy năm rồi mất, được mọi người thương tiếc gọi là Bố Cái Đại Vương. Phùng An lên kế vị cha làm vua đến năm 791. Sau thời Phùng Hưng, nhà Đường chính

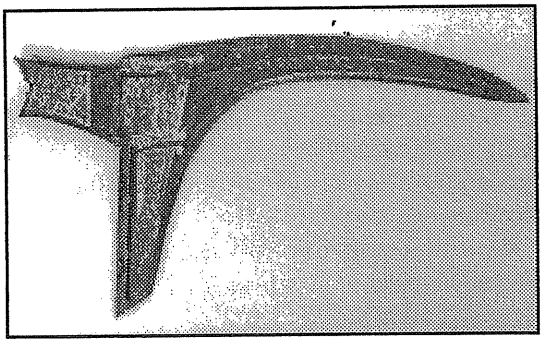

Hình 8

sự có phần khả quan hơn nhưng quan chức hãy còn thiếu để cai trị An Nam. Các quận huyện vẫn phải giao cho người Việt. Chính những người này luôn xách động dân chúng chống lại đô hộ sứ.

Vào những năm đầu thế kỉ thứ IX, nhà Đường cử những người khôn ngoan như Triệu Xương và Trương Chu, biết coi trọng văn hóa và tập quán của địa phương. Quan lại người Việt hợp tác. Nhưng khi đến Bùi Hành Lập và Tượng Cố sang thay, xung đột ý thức hệ giữa đô hộ sứ và dân chúng lại bùng nổ. Tượng Cố bị thứ sử Hoan Châu là Dương Thanh giết chết vì hống hách (819). Vào giai đoạn này, tiền thuế địa phương không đủ tiền nuôi quân lính. Vì muốn giữ uy tín nhà vua phải xuất kho lấy tiền nuôi đám quân viễn chinh. Về sau thêm nạn chiến tranh với Nam Chiếu, một nước nhỏ ở miệt Cao Bằng, nhiều lần xâm chiếm La Thành và quấy rầy cả miền Hoa Nam. Nhà Đường phải động viên hết công lực cũng như công quỹ mà vẫn không hết giặc. Một trong những lý do chánh làm nhà Đường mất ngôi.

Trên thực tế nhà Đường không còn quyền lợi

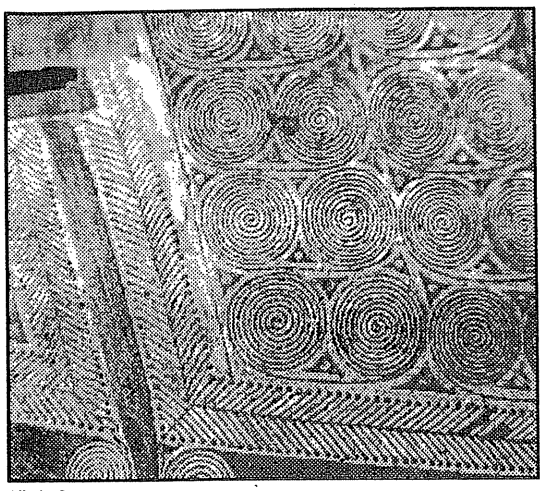

Hình 9

gì ở Bắc Việt sau khi Cao Biền thắng quân Nam Chiếu vào năm 866. An Nam đổi thành Tĩnh Hải mặc dù quan chức Tàu còn làm việc đến năm 880 nhưng giới quý tộc Việt hoàn toàn làm chủ đất nước. Đây là những người có các nông trại rộng lớn trên mảnh đất phì nhiêu với nhiều uy tín ở địa phương. Một người nổi tiếng trong thời kì này và cũng là người đầu tiên làm chủ Bắc Việt là Khúc Thừa Dụ. Con ông là Khúc Thừa Hạo, cháu ông là Khúc Thừa Mỹ. Ba thế hệ của họ Khúc đã tạo cho Việt Nam một xã hội an bình và phồn thịnh trên nửa thế kỉ, mở đường cho Ngô Quyền thắng một trận thủy chiến quyết định ở sông Bạch Đằng năm 935. Việt Nam được tự chủ gần như liên tục đến ngày nay.

Thay lời kết

Bài viết nhỏ này muốn mượn những thư tịch cổ và những khám phá mới về Khảo Cổ Học để chứng minh sau khi Mã Viện đánh tan Hai Bà đất

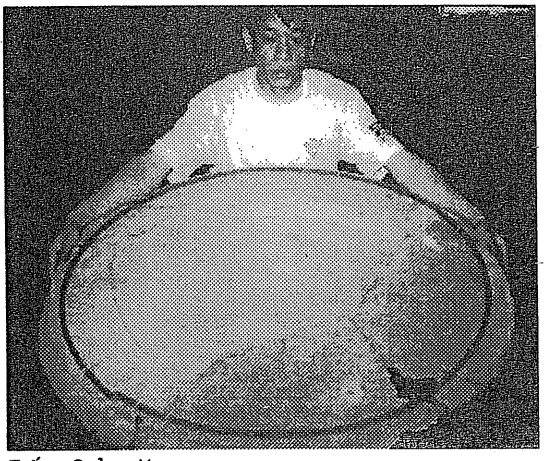

Trống Quảng Xương

nước không chìm trong đêm dài ngàn năm thê thảm. Trái lại nhờ "sức sống Đông Sơn" kinh tế và thương mại ta vẫn phát triển. Giới quý tộc ta cách này hay cách khác vẫn là người cai trị, dìu dắt dân Việt cho đến khi giành lại độc lập hoàn toàn.

Tháng 6, 2002

Chú Thích:

1. Vào đầu thế kỉ 20, các học giả Tây Phương cho rằng các mô hình nhà trong mộ gạch làm tại Trung Hoa và của quan lại Tàu. Càng ngày người ta càng có chứng cớ các mộ gạch không h1/4n của quan lại Tàu mà là của giới quý tộc Việt Nam. Các mô hình nhà Hán Việt đôi khi có men đặc trưng của Việt Nam giống như đồ gốm mà người Nhật gọi là gốm Kochi (Giao Chỉ.)

2. Giới Khảo Cổ Học Việt Nam không chú trọng đến những chiếc trống lớn và đẹp của Indonesia. Trống có kích thước rất lớn, trung bình từ 105cm trở lên. Trống Hữu Chung ở viện bảo tàng Hà Nội cùng hình dáng và hoa văn nhưng đường kính chỉ có 82 cm. Thêm một bằng chứng hết sức quan trọng, vào thế kỷ thứ 2, thứ 3 sau CN, việc đúc trống của ta khởi sắc trở lại. Gần đây tháng 4 năm 2002 người ta đã đào được một trống thuộc loại này ở huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa có đường kính 104 cm, có niên đại 200 trước Công Nguyên. Khám phá này chứng tỏ Việt Nam đã từng làm trống lớn từ nhiều thế kỷ trước. Trống đào được ở huyện Quảng Xương có đường kính 104 cm, đã bị vỡ nát nhưng còn đầy đủ các mảnh vụn, có thể phục chế).

3. Bình đồng và thạp đồng Hán Việt là những đồ dùng sang trọng của giới quý tộc Việt, tìm thấy rất nhiều ở Bắc Việt, nhiều nhất vẫn là ở Thanh Hoá, con số có thể lên đến hơn 100. Số lượng này còn nhiều hơn những cổ vật thuần Hán cùng niên đại đào được ở ba tỉnh Hoa Nam.

Sách tham khảo chính:

1. Aurousseau, Leonard. "Le Premier Conquete chinoise des pays annamites"

Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extreme-Orient 23 (1923).

2. Bezacier, L'Art Vietnamien, Paris 1955, "Manuel d'archeologie d'Extrême Orient, première partie: Asie du Sud Est" Vol 2 "Le Vietnam".

3. Đào Duy Anh: "Văn Hóa Đồ Đồng và Trống Đồng Lạc Việt", tập san đại học Văn Khoa, Hà Nội (1957).

4. Kempers, A.J Bernet. "The Kettledrums of Southeast Asia." Rotterdam Brookfield (1988).

5. Lý Tế Xuyên: "Việt Điện U Linh Tập" Sài Gòn (1960).

6. Ngô Sĩ Liên: "Đại Việt Sử Ký Toàn Thư".

7. Oppenheimer, Stephen: "The Drowned Continent of Southeast Asia." Phoenix London (1998).

8. Taylor,Keith Weller: "The Birth of Vietnam." University of California Press. (1983).

9. Trần Thế Pháp: "Lĩnh Nam Chích Quái" Sài Gòn (1921).

10. Trịnh Cao Tưởng, giáo sư Viện Khảo Cổ- nhật kí điền dã từ năm 1969 tới 1982.

NGÔ NHÂN DỤNG

Thị trường và tổng thống Mỹ

Ngày Thứ Ba 9 tháng Bẩy, thị trường chứng khoán New York tăng giá vào buổi sáng, trong lúc mọi người chờ đợi bài diễn văn của Tổng thống Bush, biết trước ông sẽ đưa ra những biện pháp làm sạch guồng máy quản lý các đại xí nghiệp ở Mỹ. Họ mong đợi tổng thống Mỹ sẽ tạo được niềm tin vào công việc điều hành lương thiện ở các xí nghiệp. Nếu guồng máy kinh doanh không sạch sẽ, thì người đầu tư sẽ mất tin tưởng. Sau khi tổng thống đọc bài diễn văn 36 phút, Chỉ số Công nghiệp Dow Jones (DJIA) tụt xuống 179 điểm, mất gần 2%. Dấu hiệu đó chứng tỏ Tổng thống Bush không thành công trong việc trấn an giới đầu tư. Ngày Thứ Tư 10/7, Chỉ số Công nghiệp Dow Jones lại tụt mất 284 điểm nữa, các cổ phần trong đó mất 3% giá trị. Một trong những lý do khiến giá cổ phần xuống là thêm một tin xấu về công ty Qwest, đã bị tai tiếng về sổ sách kế toán thiếu minh bạch, nay bắt đầu bị điều tra về tội hình. Những tên tuổi lớn: Ford, General Motors, Merck, Philip Morris, American Express v.v. đều xuống giá. Ông Al Mirman, một nhà phân tích chứng khoán ở Florida nhận xét: "Thị trường đã làm giới đầu tư mất tinh thần. Phải mất hàng năm nữa giới đầu tư mới lấy lại được tin tưởng." Ngoài nước Mỹ, chỉ số ở các thị trường London, Paris, Frankfurt cũng xuống giá, lần lượt 2.7%, 4.3% và 4%.

Đầu năm nay thị trường chứng khoán đã bắt đầu lên, lấy lại đủ những gì đã mất sau vụ khủng bố 11 tháng 9. Nhưng kể từ khi đại công ty Enron phá sản khiến người ta mất tin tưởng vào các bản kê khai tài chánh của các đại công ty thì thị trường xuống nhiều hơn là lên. Liên tiếp sau đó, nhiều công ty tiết lộ những lầm lẫn khác về bảng kê khai tài chánh, và Artgur Anderson, một đại công ty chuyên về kiểm toán có nhiệm vụ xác nhận tính chất trung thực của các bảng kê khai này thì bị truy tố và kết án, đang trên đường phá sản. Công chúng Mỹ, không cứ những người có tiền đầu tư mà tất cả mọi người bỗng nhiên thấy mất tin tưởng vào giới quản lý của các đại công ty. Và nay Dow Jones đã xuống dưới con số 9000, lần đầu tiên kể từ đầu tháng 10 năm ngoái, xuống gần mức giá trị cuối năm 1998. Một cuộc nghiên cứu dư luận sau tiết lộ WorldCom khai gian gần 4 tỷ mỹ kim cho thấy 71% dân Mỹ nghĩ rằng các công ty nhỏ hơn cũng vi phạm các quy tắc kế toán như vậy.

Ở một nước dân chủ như ở Mỹ, không có một thứ "Trung ương Đảng" nắm quyền quyết định những điều lớn lao ảnh hưởng đến đời sống người dân. Quyền hành đó được phân tản ra cho nhiều người ở khắp nơi, họ không nằm trong một Trung ương nào cả. Họ gồm những chính trị gia ở trong chính quyền và Quốc hội Mỹ. Nhưng phần lớn những người có quyền quyết định có ảnh hưởng cao nhất trên đời sống dân Mỹ thuộc giới tư doanh, như các vị quản đốc ngồi ở các đại xí nghiệp và ngân hàng.

Nhưng ngay tại một nước tư bản cực thịnh như nước Mỹ, chính phủ cũng như Quốc hội vẫn được trao cho vai trò trọng tài và cảnh sát quyết định trên giới lãnh đạo tư doanh. Đó là lý do người ta trông chờ bài diễn văn của ông tổng thống. Quốc hội làm luật bảo đảm quyền lợi của công chúng, của công nhân, của giới đầu tư. Chính phủ lo thi hành luật để bảo đảm tính chất công bằng và trong sạch của cả hệ thống. Những vụ xì căng đan về gian lận kế toán, về hành động vị lợi của các nhà quản đốc, mua,bán cổ phần dùng tin mật v.v., từ Enron đến WorldCom đã làm mất niềm tin. Người ta chờ đợi chính phủ ra tay chấn chỉnh hệ thống để gây lại niềm tin. Và niềm hy vọng đó có vẻ đã tiêu tan, khi người đầu tư bỏ chạy khỏi thị trường, người muốn bán các cổ phần nhiều hơn muốn mua. Đó là một phán quyết của công luận đối với chính quyền Bush.

Một lý do khiến người ta thất vọng là bài diễn văn của Tổng thống Bush chỉ có giọng hùng hồn mà không có các biện pháp đủ mạnh mẽ và đủ cụ thể để làm sạch guồng máy kinh doanh. Ông Bush đề nghị sửa luật để tăng số năm tù gấp đôi cho các quản đốc phạm luật. Nhưng trong thực tế, các người bị truy tố trong luật lệ hiện hành cũng có thể bị kết tội gấp đôi hay gấp ba, nếu cơ quan công tố áp dụng luật một cách nghiêm ngặt, khắt khe. Nếu sửa luật rồi mà bộ Tư pháp hay Ủy ban chứng khoán quốc gia SEC không nặng tay thì cũng như không, chẳng làm ai sợ hoặc gây được ảnh hưởng nào mới. Trong khi đó thì chính phủ Bush vẫn chống lại việc tăng lương cho

nhân viên SEC tức là giới cảnh sát của thị trường tài chánh, lương thấp nhất so với các cơ quan tương tự. Vì vậy nhân viên SEC xin nghỉ việc nhiều hơn hẳn các cơ quan khác, và hiệu năng làm việc cũng thấp hơn. Khi các vị cảnh sát tài chánh như vậy thì các vụ gian lận tài chánh càng dễ xẩy ra, và khi bị truy tố càng dễ thoát tội vì bị can có tiền thuê những luật sư thượng thặng.

Một biện pháp hữu hiệu nhất để làm sạch guồng máy kinh doanh và các đại công ty là cải tổ ngành kiểm toán. Việc kiểm tra kế toán cần được thi hành nghiêm ngặt hơn. Thí dụ, buộc các người làm công tác kiểm tra không được đồng thời làm cố vấn cho các công ty mà họ kiểm tra, tách rời nghề phân tích tài chánh không cho họ đồng thời đóng vai giúp các công ty gây vốn. Đó là những điều ghi trong dự luật màThượng viện Mỹ đang đưa ra nhằm cải thiện ngành kiểm tra, nhưng trong bài diễn văn "trấn an" vừa qua, Tổng thống Bush không hề nhắc tới.

Trong thời gian tới Tổng thống Bush và đảng Cộng Hòa sẽ phải đương đầu với hai mặt trận. Thứ nhất, phải tỏ ra họ cứng rắn hơn với các tội phạm của giới kinh doanh. Thứ hai, phải đối phó với các dự luật mà đảng Dân Chủ đang đưa ra nhằm làm sạch guồng máy kinh doanh nước Mỹ, những luật đó sẽ giảm bớt quyền quyết định của giới lãnh đạo trong lãnh vực tư, tức là những người thường ủng hộ đảng Cộng Hòa.

Những hiểu lầm trong vụ WorldCom

Khi công ty WorldCom khai phá sản, nhiều người muốn nhân dịp giải thích liên hệ giữa vụ phá sản này và vụ thị trường chứng khoán ở Mỹ xuống. Có điều đặc biệt là bên Âu châu cũng như bên Úc người ta có vẻ hoảng hốt về chuyện WorldCom phá sản hơn dư luận ở Mỹ. Nhưng ở ngay nước Mỹ cũng có nhiều điều hiểu lầm trong câu chuyện này, cần nói rõ.

Một đài phát thanh ngoại quốc nghe tin WorldCom đang phụ trách vận chuyển một nửa số lưu lượng truyền thông trên internet của nước Mỹ, đặt câu hỏi: Có phải vì WorldCom đang chuyển vận cả những thông tin của nhà nước, liên hệ đến an ninh, quốc phòng cho nên chính phủ Mỹ "phải cứu" WorldCom hay không? Thực ra dù WorldCom hay công ty nào chăng nữa, dù chuyển vận các tín hiệu internet hay bán chỉ mắm nêm, khi rơi vào tình trạng không trả được nợ thì cũng có thể xin khai phá sản theo Chương 11 luật phá sản ở Mỹ. Các cá nhân cũng có thể khai phá sản theo Chương 7. Khai phá sản là một thủ tục của tòa án, tòa án ở Mỹ không phải là cánh tay của chính phủ, họ chỉ theo luật mà quyết định. Mục đích luật phá sản là để giúp các cơ sở kinh doanh khi gặp khó khăn vẫn có thể hoạt động điều hòa, các nhân viên không mất việc, các khách hàng vẫn được phục vụ. Tức là vì công ích chứ không phải vì cần cứu giúp các chủ nhân xí nghiệp hoặc các chủ nợ của họ.

Một hiểu lầm khác mà các nhà báo có khi cũng lầm, là nghĩ rằng vụ WorldCom phá sản làm cho thị trường New York tụt xuống. Nhầm to, bởi vì thị trường đã tụt xuống từ hơn hai tháng nay mà công ty WorldCom mới tuyên bố phá sản hôm 21/7/2002, mà vụ tiết lộ những gian lận về sổ sách kế toán cũng mới xẩy ra vào đầu tháng Bẩy. Tin WorldCom phá sản có thể ảnh hưởng xấu đến thị trường vì làm cho các nhà đầu tư mất tin tưởng hơn vào các đại công ty của Mỹ, nhưng không phải là nguyên nhân chính. Cũng như ngày 23/7 vụ nhóm ngân hàng Citibank bị liên lụy khi giúp công ty Enron thực hiện những giao dịch tài chánh để che giấu các khoản nợ khổng lồ khiến thị trường mất niềm tin ở các ngân hàng nói chung, cổ phần nhiều công ty tài chánh cũng mất giá. Nhưng Citicorp cũng như WorldCom không phải là ngòi nổ gây ra vụ thị trường tụt giốc.

Tại sao WorldCom phá sản? Ở đây cũng có một hiểu lầm khác, khi nhiều người nghĩ rằng công ty này bị phá sản vì đã khai gian 3.9 tỷ mỹ kim. Thực ra, một xí nghiệp hay một cá nhân bị phá sản khi không trả được nợ nần, nợ ngân hàng, nợ những người đã bán hàng cho mình, nợ nhân viên làm lo bị quỵt lương, không trả tiền thuê nhà, thuê máy, hay không đóng thuế cho đủ. Chuyện khai man là tội khác, sẽ bị đưa ra tòa, bị phạt nếu có tội, nhưng không phải là lý do để phá sản, trừ khi hết tiền không trả được tiền phạt, coi như mắc nợ không trả được.

Vẫn còn chuyện lý do tại sao phá sản. Nhiều người hỏi: Theo lời khai trước tòa thì khi phá sản WorldCom còn 107 tỷ mỹ kim tài sản. Trong khi đó số nợ của họ chỉ có 41 tỷ thôi. tài sản lớn hơn là nợ nần, như vậy tại sao phải phá sản? Theo định nghĩa thì một xí nghiệp hay cá nhân phá sản ngay khi không trả được các món tiền nợ người khác. Dù chúng ta còn tài sản bạc triệu

mà không thể trả được tiền điện hay tiền nước, các chủ nợ cũng có thể đòi tòa án buộc chúng ta phá sản, bán nhà cửa, xe hơi của con nợ lấy tiền trả. Công ty WorldCom nợ hơn 40 tỷ, nếu tính lãi 5% cũng phải trả hơn 2 tỷ một năm, mỗi tam cá nguyệt trả 500 triệu. Mà trong ngân quỹ vào 19/7 họ chỉ còn 200 triệu tiền mặt. Trong khi đó vẫn phải trả lương nhân viên, trả tiền thuê đường dây điện thoại của các công ty Bell địa phương, trả tiền nhà, tiền điện, v.v.. Không trả tiền thuê đường dây là cả hệ thống viễn liên MCI ngưng hoạt động, 20 triệu thân chủ bỏ đi liền. Như các luật sư của công ty khuyến cáo, công ty không có lựa chọn nào khác ngoài cách xin khai phá sản.

Nhưng đằng nào công ty cũng cạn tiền rồi, khai phá sản hay không khai thì cũng phải ngưng hoạt động, làm sao khác được? Luật phá sản cứu các xí nghiệp chính vì nó bảo đảm cho các hoạt động tiếp tục. Ngày hôm sau sau khi phá sản, WorldCom đã được một số ngân hàng cho vay gấp 750 triệu mỹ kim, trong khi chờ đợi được các ngân hàng thu xếp món nợ mới tổng cộng 2 tỷ, vào ngày 4 tháng Chín tới. Những món nợ mới này được quyền ưu tiên hơn các chủ nợ cũ, khi đến lượt thanh toán, cho nên mới có người cho vay. Bình thường, một xí nghiệp không thể vay nợ mới mà cho quyền ưu tiên hơn các chủ nợ cũ, nhưng khi khai phá sản rồi thì tòa án cho phép. Nhờ thế xí nghiệp mới tiếp tục hoạt động.

Thêm một hiểu lầm nữa, là nhiều người ở ngoại quốc nghĩ rằng khi một công ty lớn như WorldCom phá sản thì cả hệ thống doanh nghiệp ở Mỹ chắc hỏng hết rồi, vì thế thị trường chứng khoán mới tụt xuống "thê thảm", như trên các báo đã đăng. Nhưng thực ra hệ thống kinh doanh ở Mỹ nó còn vững lắm, vụ WorldCom chứng tỏ nó có đủ sức uyển chuyển linh động để đối phó với những cơn khủng hoảng nho nhỏ như những vụ Enron, WorldCom. Ông John Sidgmore, chủ tịch WorldCom mới nói rằng cuộc cải tổ sẽ bắt đầu vào năm tới và kéo dài chín tháng đến một năm. Sau đó, công ty sẽ mạnh khỏe và trả hết nợ. Ông nói, "Giá trị của công ty không phải là những đường dây cáp và nút chuyển điện chôn ở dưới đất, mà là số lượng thân chủ cũng như tên tuổi của công ty được nhiều người biết đến."

Cuối cùng, làm cách nào để tránh những vụ gian lận sổ sách như ở WorldCom trong tương lai? Nhiều người nghĩ ngay đến việc thay đổi tính hạnh của các nhà quản đốc xí nghiệp. Họ phải làm ăn lương thiện hơn. Nhưng đưa ra các lời kêu gọi đạo đức không ích lợi gì cả. WorldCom thất bại không phải vì họ thiếu đạo đức. Ngược lại mới đúng, các quản đốc khai gian sổ sách sau khi họ làm ăn thất bại. Muốn tránh gian lận thì phải thay đổi luật lệ về kiểm tra kế toán, bịt các lỗ hổng trong luật lệ hiện hành. Cơ quan SEC đã bắt buộc các CEO ở những công ty ghi tên trên thị trường chứng khoán từ nay phải ký tên xác nhận những chứng từ tài chánh, đó là một cách ràng buộc họ. Dự luật mới ở Quốc hội đang kiểm soát nghề kiểm tra chặt chẽ hơn. Các nhà phân tích thị trường có thể đồng thanh yêu cầu các công ty phải cho họ coi sổ sách kế toán thường xuyên thì họ mới bàn về cổ phần của công ty. Khi cả hệ thống trở thành minh bạch công khai hơn thì nạn gian lận sẽ bớt đi, dù con người lúc nào cũng có máu tham! Chỉ kêu gọi các nhà quản đốc hãy lương thiện, hãy đứng đắn hơn thì cũng chẳng khác nào ở Việt Nam cứ kêu gọi "đạo đức cách mạng" để chống tham nhũng, trong khi cả hệ thống chính trị, kinh tế vẫn nằm trong tay một đảng độc quyền.

Tham

Giới quản lý kinh doanh ở Mỹ đang bị tai tiếng: Họ tham quá! Họ chịu trách nhiệm điều hành các xí nghiệp do sự ủy nhiệm của các cổ đông. Các công ty có thể bị phá sản hay bị ra tòa vì khai sổ sách lem nhem, nhưng các nhà quản đốc bự cỡ CEO (chủ tịch tổng giám đốc) thường vẫn mang tiền về đầy túi! Họ hưởng bổng lộc đến mức ta không hiểu những con số hàng trăm triệu là lớn hay nhỏ nữa! Trong khi các cổ đông và nhân viên có thể mất tiền mà mất việc, nhưng các CEO đã lo sẵn cả hưu bổng cho họ suốt đời!

Ngày Thứ Tư 24 tháng Bẩy, ba cha con gia đình Rigas và hai quản đốc cao cấp của công ty Adelphia đã bị bắt vì gian lận tiền bạc của công ty trước khi khai phá sản. Hình ảnh năm vị tai to mặt lớn bị còng tay giữa thanh thiên bạch nhật đã được những người đang ở thị trường chứng khoán New York vỗ tay hoan nghênh! Nhưng họ chỉ là những con cá nhỏ thiếu khôn ngoan gian lận trắng trợn quá, còn nhiều con cá lớn khôn ngoan hơn chưa bị ra tòa, có thể không bao giờ phải ra tòa!

Ông Bernard Ebbers, người gây dựng và làm CEO công ty WorldCom đã được công ty cho vay 400 triệu mỹ kim để mua cổ phần của chính công ty này, trước khi bị ép phải từ chức. Theo hợp đồng với ông Ebbers, WorldCom còn phải trả ông mỗi

năm 1.5 triệu đô la hưu bổng suốt đời. Nếu ông qua đời mà bà vợ còn sống, bà sẽ được 750 ngàn hưu bổng cho đến khi chết. Bây giờ chắc ông sẽ mất gần hết tài sản vì ban quản đốc mới của WorldCom sẽ đòi tiền nợ, ngoài ra còn có thể phải đem tiền nộp phạt. Hưu bổng của ông cũng chấm dứt nếu ông khai phá sản cá nhân, mà có thể ông sẽ phải khai khánh tận theo Chương 7 (Chapter 7) luật phá sản.

Ông Dennis Kozowski, CEO công ty Tyco sau khi từ chức đã bị truy tố vì gian lận không đóng thuế khi mua các họa phẩm danh tiếng, dùng tiền của công ty để mua rồi treo trong nhà mình. Nhưng theo "hợp đồng làm việc" của ông với công ty Tyco thì nếu bị cho nghỉ việc Tyco sẽ phải bồi thường 135 triệu, rồi trả ông 3.4 triệu mỗi năm cho đến chết, để ông làm cố vấn cho công ty mỗi năm 30 ngày! Một vị quản đốc khác của Tyco đã được trả công 20 triệu đô la sau khi làm trung gian cho công ty mua xí nghiệp CIT. Bây giờ Tyco đã đem bán lại CIT với giá bằng nửa món tiền 9 triệu rưỡi đã trả khi mua.

Sau khi bị sa thải từ năm 1998, ông Albert Dunlap, CEO của công ty Sunbeam đã kiện đòi chủ cũ bồi thường 5 triệu rưỡi. Ngoài ra, nhiều quản đốc công ty sắp sụp đổ còn vi phạm luật khi dùng tin mật mình biết trước đi bán cổ phần của công ty để hưởng lợi, trước khi tin tức được thông báo cho công chúng. Ông Ken Lay, CEO của Enron đã bán hơn 100 triệu đô la cổ phần trong ba năm trước khi Enron phá sản. Ông Gary Winnick, CEO của Global Crossing bán 735 triệu đô la cổ phần từ 1999 đến 2001 trước khi công ty này sập. Ông Kozlowski cũng kịp bán 500 triệu đô la cổ phần, mà đem bán lại cho chính công ty Tyco một cách thầm lặng để không tiết lộ ra ngoài. Nổi tiếng nhất trong vụ dùng tin mật là gia đình Waksal, sáng lập công ty ImClone đã bán các cổ phần khi nghe tin cơ quan FDA không chấp nhận thứ thuốc trị ung thư mới của họ, trước khi tin này được báo cho công chúng biết.

Lòng tham thật không có đáy. Nhưng tại sao Hội đồng Quản trị các công ty ở Mỹ lại chấp nhận cho những vị quản đốc mà họ tuyển chọn được hưởng những bổng lộc lớn một cách vô lý như vậy? So với lương bổng của các quản đốc ở Mỹ thì các đồng nghiệp của họ ở Âu châu và Nhật đúng là những người bạn nghèo tội nghiệp!

Vì các công ty lớn cạnh tranh với nhau để tuyển mộ các CEO. Họ sợ các nhà lãnh đạo tài giỏi này sẽ bỏ đi sang công ty khác! Các thành viên Hội đồng Quản trị nhiều khi bị lóa mắt trước những CEO làm công ty phát triển vượt bực nhờ đi mua lại các xí nghiệp nhỏ lớn. Như ông Ebbers đã biến WorldCom thành một đại công ty sau khi mua tranh được hãng MCI, một công ty viễn thông lớn hơn WorldCom lúc đó. Ông Paul Volker, cựu chủ tịch Quỹ Dự trữ Liên bang tức Ngân hàng Trung ương Mỹ thì nhận xét là tình trạng thị trường chứng khoán tăng vọt tạo ra quá nhiều tài sản trên giấy cho các cổ đông; điều đó khiến người ta coi việc trả lương bổng hậu hĩnh cho các CEO là chuyện tự nhiên.

Tình trạng các vị quản đốc tham lam và gian dối khiến người dân Mỹ mất tin tưởng vào giới kinh doanh. Trong mười năm qua họ rất tin tưởng vào hệ thống kinh tế thị trường của Mỹ, vì nó tạo ra bao nhiêu công ăn việc làm, nâng cao lợi tức trung bình của dân chúng, mọi người tin tưởng ở tương lai. Đến giờ, họ bắt đầu nghi ngờ các tay quản đốc, và nhiều người còn nghi ngờ cả hệ thống kinh tế. Nhưng kinh tế thị trường có phải là nguyên nhân tạo ra những lớp người gian tham đó hay không?

Các nhà đạo đức rất dễ đổ tội cho kinh tế thị trường. Vì chính nó thú nhận: Động cơ của mọi hoạt động kinh tế là tìm tư lợi. Chính ông tổ Adam Smith nói, tư lợi thúc đẩy mọi nhà sản xuất, các thương gia làm việc giúp cho xã hội cùng tiến lên.

Nhưng có gì khác biệt giữa Tư Lợi (self-interest) và Lòng Tham (greed) hay không? Kinh tế thị trường cổ động cho lòng tham, một trong ba chất độc mà các Phật tử đều biết mình phải tránh xa. Như vậy thì chúng ta có nên tiếp tục dùng thị trường như cơ cấu chính của đời sống kinh tế hay không?

Đây là những câu hỏi rất quan trọng, đòi hỏi những cuộc thảo luận rất dài. Nhưng có thể trả lời vắn tắt cho câu hỏi thứ nhất. Sự phân biệt giữa Tư Lợi và Lòng Tham có tính cách tâm lý và pháp lý. Bản chất con người vốn có lòng tham, xã hội đặt ra các quy tắc sống chung để điều tiết lòng tham đó, giảm bớt tác dụng xấu và tạo thêm tác dụng tốt. Trong kinh tế thị trường người ta tôn trọng quyền tư hữu, tức là xã hội công nhận lòng tham của cá nhân, khi lòng tham thể hiện dưới hình thức chính đáng, trong vòng luật pháp. Khi nào chiếm hữu tài sản, lợi lộc một cách không chính đáng, thì xã hội trừng phạt. Còn việc khuyến khích con người từ

bỏ lòng tham, đó là lý tưởng của các tôn giáo, chúng ta vẫn cổ động mặc dù không coi đó là điều có thể thực hiện cho tất cả mọi người, như trong một xã hội lý tưởng.

Về câu hỏi thứ nhì, việc nên sử dụng kinh tế thị trường hay không, tùy theo chúng ta so sánh cơ cấu thị trường với những cách tổ chức kinh tế khác, thí dụ kinh tế chỉ huy, tập trung. Câu hỏi thực tế là khi đời sống kinh tế không do thị trường điều động mà do một cơ quan trung ương hoạch định và chỉ huy, thì lòng tham có giảm đi không? Số người gian tham có bớt đi hay không? Chưa cần đặt vấn đề là nền kinh tế có phát triển hay không. Nếu chúng ta rút kinh nghiệm ở các nước cộng sản đã từ chối và cấm đoán kinh tế thị trường thì thấy số người gian tham ở các xã hội đó không giảm. Họ chỉ có tên gọi khác, là "tham ô lãng phí." Và thường thì họ được che giấu, không dễ bị lộ, bị điều tra, bị truy tố như các quản đốc xí nghiệp ở các xứ kinh tế thị trường. Cho nên nếu ghét kinh tế thị trường vì nó cổ động lòng tham thì người ta tìm cách kiềm chế lòng tham bằng luật pháp nghiêm minh, công khai và bình đẳng, rồi thi hành luật một cách chặt chẽ. Chứ không thể đem xóa bỏ thị trường để thí nghiệm lại một chế độ chỉ huy tập trung như kiểu cộng sản.

Tin

Thị trường chứng khoán bắt đầu xuống từ năm ngoái. Có nhiều người, như ông Warren Buffett đã bán các cổ phần kỹ thuật, tin học từ năm 2000, đã thoát nạn. Nhưng phần lớn bị dính và chịu thiệt thòi. Trong cuốn sách tựa đề "*Manias, Panics, and Crashes*, Lịch sử các vụ Khủng hoảng Tài chánh" mới tái bản năm 1996 (xuất bản lần đầu năm 1978), Giáo sư Charles Kindleberger đã đoán, rằng "các cổ phần kỹ thuật (tin học) trông có vẻ như trái bong bóng phồng to quá sẽ bể." Và Giáo sư Paul Samuelson (Giải Nobel) thì viết lời giới thiệu trên bìa sách nói rằng,"Trong vòng năm năm nữa nhiều bạn sẽ tự đá đít mình, tự trách tại sao không đọc và đọc lại cuốn sách này của Kindleberger." Hai giáo sư kinh tế này, hơn 90 tuổi và hơn 80 tuổi, đều đã từng dậy Đại học MIT cả.

Còn Đức Khổng Tử, ngài nghĩ thế nào về tình trạng giá cổ phần công ty cố vấn thời trang của bà Martha Stewart sụt giá 52% từ đầu tháng Sáu đến giờ? Xin mở sách *Luận Ngữ* ra coi. Đức Khổng Tử tuyên bố rằng: **"Dân vô tín bất lập."** Nghĩa là dân (đọc: giới đầu tư) không tin tưởng thì (thị trường) không thể đứng vững! Quả nhiên, khi dân không tin các nhà lãnh đạo doanh nghiệp thì Chỉ số Công nghiệp Dow Jones (DJIA) tụt xuống thật! Tất nhiên Đức Khổng Tử nói lúc nào chẳng đúng!

Khi nói người đầu tư phải TIN, nghĩa là TIN cái gì? Khi mọi người mua, bán các cổ phần, họ dựa vào tin tức những hoạt động và tình trạng tài chánh của các công ty. Dự luật mà hai viện Quốc hội Mỹ vừa thông qua nhằm bảo đảm các công ty công bố những tin tức tài chánh xác thực, đáng tin.

Nhưng còn một lãnh vực mà người đầu tư cần chữ TÍN. Là họ phải tin mình được đối xử bình đẳng, không muốn lúc nào cũng đóng vai thua thiệt so với những người ở bên trong các công ty. Những doanh nhân thành lập công ty, đem triển vọng thành công gạ bán cổ phiếu cho chúng tôi hùn vốn, thì phải đối xử bình đẳng với chúng tôi. Nếu trong thị trường có người luôn luôn biết tin trước, quyết định mua trước khi giá cổ phần lên, bán trước khi giá xuống, thì chúng tôi tham dự vào đó làm gì? Do đó, phải có luật cấm việc sử dụng tin tức mật để mua hoặc bán cổ phần trước khi thông báo chính thức cho công chúng biết.

Luật cấm lợi dụng tin mật (inside trading) rất nghiêm ngặt, không cứ những người bên trong công ty mới có thể bị truy tố, mà bất cứ ai biết tin mật mà lợi dụng đều bị liên lụy. Như bà Martha Stewart, chủ nhân nhiều doanh nghiệp mang tên bà, kể cả mấy tạp chí. Bà đang bị điều tra vì nghi ngờ đã biết tin riêng về thứ thuốc chữa ung thư của hãng ImClone không được phép bán. Ông chủ tịch ImClone là bạn của cô con gái bà. Bà nghe tin mật, đem bán dăm ngàn cổ phần của hãng này trước khi tin được công bố. Chưa biết tòa sẽ xử bà Martha ra sao, nhưng ngay bây giờ tai tiếng xấu đã khiến giá cổ phần công ty của bà xuống hơn nửa, chỉ còn khoảng 9 đô la. Bà Stewart không dùng tin mật mua bán cổ phần của công ty mình, mà các công ty của bà vẫn làm ăn như cũ, nhưng chỉ cần người ta nghe một tai tiếng xấu về nữ chủ nhân mà giá cổ phiếu đã xuống rồi!

Có lẽ xã hội tư bản cũng đòi hỏi chữ TÍN không khác xã hội nông nghiệp thời Đức Khổng Tử!

Trong những lời phê phán giới kinh doanh Mỹ gần đây, ít có lời nào nặng như một người Ý, cựu chủ tịch công ty Italia Telecom. Ông nói, một vấn đề

của xã hội doanh nghiệp Mỹ là họ không có tập quán hổ thẹn (a culture of shame). Một doanh nhân Mỹ, chủ tịch công ty tài chánh John Hancock thì kết án, "Một nhóm các CEO đã làm hại cả nền kinh tế chúng ta nhiều hơn cả Osama bin Laden và nhóm Al Qaeda cộng lại!"

Kinh tế thị trường đặt trên chữ Tín. Cả xã hội cần trọng chữ Tín, không cứ chỉ có các doanh nhân mới cần. Chữ Tín là một quy tắc đạo lý chứ không phải chỉ là những điều khoản trong luật pháp. Nhưng vẫn cần có luật pháp giúp cho người ta được khích lệ tôn trọng chữ Tín – vì sợ bị phạt. Chúng ta không thể tổ chức một xã hội chỉ bằng những quy tắc đạo lý mà thôi, phải có luật lệ ràng buộc mọi người. Thí dụ trong vụ thuốc Prempo của hãng Wyeth gần đây, chúng ta thấy hệ thống kinh tế xứ này cần mọi người tôn trong chữ Tín nhưng cũng cần điều tra coi có ai vi phạm luật hay không.

Thị trường Hứa phiếu Chicago (CBOE) đang điều tra coi tại sao hứa phiếu (option) dựa trên cổ phần của hãng Wyeth tự nhiên được mua bán nhiều lên một cách bất thường hồi đầu tháng này, trước khi tạp chí y khoa của Hội Y sĩ Hoa kỳ (JAMA) công bố kết quả cuộc nghiên cứu cho thấy thuốc Prempo có thể sinh nhiều biến chứng không tốt cho các bà dùng thuốc này như kích thích tố. Sau khi tin trên được công bố, giá cổ phần của Wyeth đã giảm 24% ngay lập tức. Những người mua hứa phiếu "put" hoặc bán hứa phiếu "call" dựa trên cổ phần Wyeth đã hốt bạc (ngược lại những người bán put hoặc mua call với họ bị thua to). Câu hỏi là: Có những người dùng tin mật trong các giao dịch đó hay không? (Xin coi thêm phần chú thích.)

Trước khi in bài nghiên cứu trên, tạp chí JAMA và Cơ quan Y tế Quốc gia (NIH) là nơi chủ trương cuộc nghiên cứu đã thông báo kết quả cho hãng Wyeth trước một tuần. Cả cơ quan NIH lẫn Hội Y sĩ Hoa kỳ (AMA) và hãng Wyeth đã từ chối không tiếp xúc với các nhà báo về chuyện này trước ngày chính thức họp báo, định vào ngày 9 tháng Bẩy, là ngày tờ tạp chí JAMA được phát hành. Các cơ quan trên đã yêu cầu tất cả mọi người được cho biết tin này phải bảo mật, không được phổ biến trước ngày 9 tháng Bẩy. Và số người biết trước thì nhiều lắm!

Kết quả cuộc nghiên cứu đã được thông báo cho rất nhiều người liên hệ chứ không phải chỉ có hãng Wyeth. Tất nhiên, trong tất cả các công trình loại này, những nhà khoa học làm cuộc nghiên cứu đã biết kết quả trước thiên hạ. Họ thường được các hãng dược phẩm bảo trợ, liệu họ có báo tin cho các hãng đó biết hay không? Người ta chỉ có thể đặt niềm tin vào danh dự nghề nghiệp của họ, tin rằng họ tôn trọng danh dự, giữ chữ Tín.

Nhưng trước khi một tạp chí khoa học ấn hành một công trình nghiên cứu, họ có bổn phận mời các người cùng nghề phán đoán coi có đáng đăng hay không – gọi là peer review. Những người đó cũng được yêu cầu phải giữ kín tin tức mật này. Rồi đến các bác sĩ. Bà Catherine DeAngelis, chủ biên tạp chí JAMA cho biết phải gửi tờ báo cho các bác sĩ y khoa mua dài hạn trước khi các bệnh nhân đọc tin mới này trên báo và bắt đầu gọi điện thoại. Có biết bao nhiêu bác sĩ biết tin này trước công chúng? Rồi các nhà báo phổ thông, các ký giả chuyên về tin y học cũng được ưu tiên biết tin kết quả cuộc nghiên cứu này để họ đọc và tìm hiểu, phê phán trước khi loan báo cho độc giả của họ. Tất cả những người đó khi có quyền ưu tiên được biết tin đều được yêu cầu không công bố trước ngày 9 tháng Bẩy là ngày NIH và JAMA họp báo.

Như vậy thì có rất nhiều người có thể lợi dụng ưu thế, "dùng tin mật mua bán chứng khoán" và đáng bị truy tố. Thị trường Hứa phiếu Chicago đang điều tra.

Câu chuyện trên cho thấy thị trường không thể chỉ cấm các nhà quản đốc xí nghiệp phạm luật dùng tin mật. Bao nhiêu người có địa vị để biết tin mật đều phải hứa không lạm dụng. Không cứ tin tức y học mà đủ thứ tin tức khác có thể ảnh hưởng đến giá cả thị trường. Xã hội cần phải có chữ Tín, vì nếu người ta không tôn trọng chữ Tín thì không phải chỉ có thị trường mất hiệu quả, không thể giúp kinh tế phát triển mà ngay cả xã hội cũng không đứng vững được! Dân vô tín bất lập mà.

CHÚ THÍCH - *Ông Jerry Wang thuộc một công ty nghiên cứu thị trường và cố vấn đầu tư cho biết trong ngày 8 tháng Bẩy không có một cá nhân nào mua bán nhiều hứa phiếu một cách khả nghi trên thị trường CBOE. Nhưng một người chỉ cần mua 100 hứa phiếu put cũng đủ kiếm khối tiền. Hứa phiếu PUT cho phép người làm chủ nó BÁN 100 cổ phần của Wyeth với giá 50 đô la chẳng hạn, 100 hứa phiếu thì được bán 10,000 cổ phần. Nếu người chủ đó thi hành hứa phiếu, nghĩa là dùng quyền mua với giá 50 đô la ngay sau khi tin chính thức về thuốc Prempo được công bố có thể lời ngay 127,000 đô la. Ngược lại, người bán hứa phiếu CALL lấy, thí dụ 200 đô la, chịu trách nhiệm phải bán cho người mua cổ phần Wyeth với giá 50 đô la chẳng hạn. Khi giá tụt xuống dưới 50 đô la thì chẳng ai muốn thi hành hứa phiếu call cả, người bán cứ bỏ túi 200 đô la dễ dàng!*

CÓ TIỀN MUA... LỜI CHÚC MỪNG ĐÁM CƯỚI CŨNG ĐƯỢC!

THANH THẢO

Hai cuối tuần liên tiếp đi dự hai đám cưới tổ chức kiểu Mỹ tại khách sạn sang trọng Thanh Thảo ngạc nhiên với lời chúc mừng của hai anh phù rể chính. Ngạc nhiên vì hai anh chàng phù rể ngày thường rất ít nói bỗng dưng trở thành hai diễn giả hùng hồn tỏ bày tình cảm của mình với cặp tân hôn một cách lưu loát, đượm nét trào phúng.

Điểm lạ là ngoài tên tuổi và vài khác biệt nhỏ, hai lời chúc mừng kể trên có rất nhiều điểm giống nhau.

Vài tuần sau đám cưới, khi gọi điện thoại thăm cô dâu mới, Thanh Thảo mới được xác nhận nghi ngờ của mình có căn bản.

Lời chúc mừng của chàng phù rể chính là một diễn văn viết sẵn. Không phải của diễn giả, mà là của một cây viết... ma (tạm dịch từ chữ ghostwriter). Anh chàng phù rể ít nói đã thú nhận mình mua lời chúc mừng với giá trên $100 Mỹ kim vì lo ngại mình uống rượu say sẽ nói năng không chuẩn làm mất mặt hai bạn thân. Có thế chứ!

Còn chàng phù rể trong đám cưới kia chắc cũng không làm khác hơn. Nhưng hai anh chàng rể phụ khôn ngoan này mua lời chúc mừng ở đâu?

Tò mò, Thanh Thảo làm một màn tìm hiểu trên mạng điện toán toàn cầu.

Địa điểm điện toán ***SpeechForYou.com***, bản doanh tại Perth, nước Úc, quảng cáo mỗi tháng bán được 140 lời chúc mừng viết theo điều kiện của người đặt hàng. Mỗi lời chúc tụng bán ra với giá $105 Mỹ kim. Lời chúc theo đơn đặt hàng bao gồm phần "khai báo" của người đặt hàng về những đặc điểm của cô dâu chú rể, gia đình hai bên để người viết hoàn tất bản diễn văn hợp tình hợp cảnh.

Địa điểm ***ThePerfectToast.com*** tại Los Angeles, tiểu bang California, cho biết bán được 150 lời chúc đám cưới mỗi tháng trong mùa Hè. Tại địa điểm này, người đặt hàng sẽ trả lời những câu hỏi như "Từ ngày gặp gỡ cô dâu, chú rể đã thay đổi ra sao?" (Dĩ nhiên, cây viết ma chỉ dùng những thay đổi tốt đẹp hơn thôi).

ThePerfectToast.com còn phân loại bài viết chẳng hạn người đặt hàng muốn có bài diễn văn trào phúng, trang trọng hay lấy hết nước mắt cử tọa? Giá một văn bản chúc tụng viết sẵn kiểu này sẽ tùy thuộc vào khuôn khổ dài, ngắn, đơn giản hay phức tạp.

Trong khi đó, ***InstantWeddingToast.com*** tại Mesa, tiểu bang Arizona đăng quảng cáo rằng mỗi ngày bán được ba lời chúc tụng dài theo đơn đặt hàng và 15 lời chúc mẫu ngắn.

Lời chúc mẫu ngắn là những bản văn viết sẵn, với những khoản điền vào chỗ trống (cho đúng nghĩa, cho... được việc). Những khoản điền vào chỗ trống là tên, tuổi của đôi tân hôn, ngày cưới, tên người chúc mừng...Với giá trung bình $20 Mỹ kim, mẫu chúc mừng ngắn này vừa nhẹ nhàng cho người mua, vừa dễ bán cho công ty ***InstantWeddingToast.com.***

Giống như mọi sản phẩm khác, lời chúc mừng viết sẵn cũng được bán theo kiểu... đại hạ giá theo chu kỳ. Trong mùa Hè, mùa được chuộng của các cặp tân hôn, lời chúc viết sẵn hiện đang được hạ giá 30% trên địa điểm điện toán ***UltimateSpeeches.com***. Chẳng hạn lời viết sẵn sau đây... "Đây là một mối tình trong trắng và đơn giản, trong đó, (điền tên cô dâu vào đây) thì trong trắng, còn (điền tên chú rể vào chỗ này) thì đơn giản."

Đọc đến đây có lẽ quí vị độc giả đã khó nhịn cười. Lời chúc thế mà cũng bày đặt bán! Xin thưa, không phải ai cũng nghĩ được những câu nói cho xuông trong tiệc cưới, nhất là người phù rể chính đã bận rộn cả nhiều ngày với chú rể, và thường lên chúc mừng sau khi đã uống vài ba ly rượu trong khi chưa chắc đã có thời giờ được ăn no. Say trong lúc bụng đói khó nói cho hay lắm!

Thêm vào đó, đa số tiệc cưới hiện nay đều được quay phim lưu niệm. Những lời chúc mừng lưu loát, súc tích sẽ được nghe đi nghe lại (tạo cơ hội cho lời người phù rể lọt vào "mắt xanh" ...- à quên, phải là "tai xanh" mới đúng- của các người đẹp độc thân).

Ngược lại, những lời chúc tụng khô khan, ấp úng, sẽ để lại dấu vết khó tẩy xóa cho người chúc, và kỷ niệm kém đẹp cho

đôi tân hôn.

Vậy yêu thương bạn có phải là nên tặng bạn mình những lời chúc mừng ý nghĩa và hoa mỹ không?

Ký giả Rachel Emma Silverman thuộc báo *The Wall Street Journal* ghi nhận nhiều người cho rằng nên lắm chứ!

Trong bài viết tựa đề "Bestmen of Few Words Get Toast from Web" bà Silverman thuật lại những biến cố đáng tiếc trong nhiều tiệc cưới vì những lời chúc mừng không liên quan gì đến đám cưới.

Có những người vì nhiều lý do không rõ đã dùng dịp này lên chỉ trích cô dâu, chú rể, hoặc gia đình hai họ.

Có những người say không biết nói gì cứ đứng lập đi lập lại vài câu nói tên tôi là gì, tại sao lại lên đây chúc mừng hai bạn, mà không thể kết thúc phần trình bày vô nghĩa kéo dài của mình.

Lại có những người lên kể chuyện tục thay cho phần chúc mừng làm cô dâu chú rể và gia đình hai họ ngượng chín cả người.

Những sự kiện này làm mất vui đám cưới không ít.

Nhận thấy nhu cầu đang tăng trong dịp cưới hỏi mùa Hè, những địa điểm điện toán chuyên viết lời chúc đám cưới còn giới thiệu loại văn bản theo mẫu viết sẵn nhưng bảo đảm người nghe không biết đây là loại mẫu viết sẵn.

Loại mẫu này thường có đoạn kể sơ về tiểu sử chú rể, chút kỷ niệm chú rể và phù rể đã chia sẻ, thêm vài nhược điểm (nhỏ thôi) và kết thúc bằng những đặc điểm để kết luận chú rể nhiều phần chắc sẽ mang lại hạnh phúc cho cô dâu.

Những mẫu văn kể trên nếu đơn giản có thể rẻ khoảng vài chục Mỹ kim trở lên.

Lại có những địa điểm điện toán quảng cáo làm... thơ chúc mừng (vâng, cũng có thơ làm theo đơn đặt hàng thưa quí vị). Thơ chúc mừng thường khó hay, miễn có vần, có điệu và có... tên cô dâu chú rể. Giá tượng trưng rất nhẹ nhàng, chỉ có $5.00 Mỹ kim mỗi dòng thôi.

Phức tạp hơn, người mua có thể phải trả đến $150.00 Mỹ kim mỗi giờ cho các cây viết ma nhằm hoàn tất một bài chúc mừng được quảng cáo là có một không hai.

Không phải ai cũng cho lối chúc mừng viết sẵn là hay. Nhiều người cho rằng đây là cách làm của những người lười biếng, thiếu óc sáng tạo và mất tính đặc biệt.

Trong khi đó, những người chuộng lối mua lời chúc mừng cho rằng số tiền bỏ ra xứng đáng vì lời chúc đám cưới được kể là diễn văn quan trọng nhất trong đời đối với đa số chúng ta. Họ không muốn mất điểm trong bài diễn văn quan trọng nhất đời.

Trường hợp quí độc giả thắc mắc bài diễn văn quan trọng thứ nhì là gì, thì xin thưa, theo báo *Wall Street Journal* là bài điếu văn. Vâng, quí vị đoán đúng, chính các địa điểm điện toán liệt kê trong bài này cũng có điếu văn viết sẵn, giá tùy đơn đặt hàng.

Đến đây Thanh Thảo xin nhận được ý kiến độc giả về việc cộng đồng người Việt tị nạn chúng ta có nên bắt chước thói quen... mua lời chúc mừng (và điếu văn) viết sẵn bằng Việt ngữ không? Xin quí vị cho ý kiến bằng cách liên lạc với Thanh Thảo tại địa điểm điện toán tawnithanhthao@hotmail.com

Trong lúc chờ nhận được ý kiến quí vị, Thanh Thảo cũng xin tham khảo với các nhà văn trong và ngoài tòa soạn. Quí vị đàn anh đàn chị trong ngành viết có thấy viết loại văn bản nào mà vừa đóng góp niềm vui hoặc chia sẻ nỗi buồn với người khác, vừa kiếm được đến $150.00 Mỹ kim một giờ hay không? Chắc khó lắm!

NGỦ MẤY TIẾNG MỘT ĐÊM LÀ ĐỦ?

TH. TH.

Mấy hôm nay có lẽ trời nóng nên buổi sáng Thanh Thảo thức dậy sớm hơn. Thói quen ngủ từ 5 đến 6 giờ một đêm mình đã có từ lâu. Ngủ nhiều hơn làm sao mình có đủ thời gian làm hết những công việc bề bộn mình đang ôm đồm?

Theo bác sĩ Carl E. Hunt, thuộc cơ quan nghiên cứu Y Khoa về mất ngủ toàn quốc, hiện nay nước Mỹ có khoảng 70 triệu người hoặc mất ngủ, hoặc thiếu ngủ vì nhiều lý do khác nhau. Nhóm này ngủ ít hơn tám tiếng một đêm. Họ thường được chuyên gia tâm lý gọi bằng nhóm người loại A.

Người loại A thường được cho là những người nhiều tham vọng, thích đạt mục tiêu nhanh chóng, thích làm gì cũng nhanh... Nói chung, loại A là những người gần như ngược hẳn với loại B, làm việc gì cũng "từ tốn" kiểu "trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần."

Nhưng người loại A cũng có lý luận của họ. Nếu không làm mọi việc nhanh chóng, làm sao hoàn tất hết mọi công việc đây?

Từ tiêu chuẩn tám giờ đồng hồ một đêm, những người khó ngủ, hoặc bận rộn nhiều công việc quá rút ngắn dần giấc ngủ mỗi đêm của mình chỉ còn sáu hay bảy, thậm chí bốn, năm tiếng. Dù thói quen ngủ ít tập dần được, việc ngủ ít không phải là điều nên làm. Lý do, người ngủ ít kinh niên có thể bị nhiều bệnh liên quan đến tim mạch, chưa kể tinh thần kém minh mẫn dẫn đến năng suất giảm.

Trong bản phúc trình Y Khoa về giấc ngủ mới đây nhất, bác sĩ Alezandros N. Vgontzas cho biết ngủ từ sáu tiếng trở xuống một đêm không đủ khi phải so sánh với tiêu chuẩn thông thường tám tiếng. Ông cho biết mỗi đêm bị cắt giảm hai giờ ngủ trong vòng một tuần lễ thôi cũng đủ làm chúng ta bị buồn ngủ trong lúc cần tỉnh táo.

Thêm nữa, ngủ ít giảm năng suất làm việc, nhất là những công việc đòi hỏi suy nghĩ. Ngủ ít còn là động lực "bật máy" hệ thống làm sưng nội tạng trong cơ thể chúng ta.

Tạp chí *Newsweek* nêu vấn đề ngủ ít như một điều đáng ngại về y tế công cộng. Tạp chí này cho biết trung bình người Mỹ ngủ khoảng bảy tiếng mỗi đêm, 90 phút ít hơn thời gian trung bình cách đây một thế kỷ là tám tiếng rưỡi.

Những hậu quả bất lợi của việc ngủ ít được kê khai là số tai nạn xe cộ và trong xưởng cơ khí tăng nhiều. Không ngủ chút nào trong vòng 24 tiếng có thể dẫn đến tình trạng cơ thể chúng ta bị mất khả năng kiểm soát giống như bị say rượu hoặc say thuốc phiện.

Làm việc trong tình trạng này khó tránh khỏi lầm lỗi. Vậy những người có thói quen ngủ ít phải làm gì?

Trước khi quyết định mình phải ngủ nhiều hơn, chúng ta cũng nên biết tại sao mình cần phải ngủ? Đây là một câu hỏi thuộc loại huyền bí vì cho đến nay chưa chuyên gia y khoa nào có câu trả lời chính xác.

Chỉ biết sau cả thập niên nghiên cứu về sự quan trọng của giấc ngủ, bác sĩ Emmanuel Mignot thuộc Đại học Stanford đã giải thích đại khái rằng lúc chúng ta thức tỉnh, tế bào thần kinh của chúng ta phải làm việc liên tục nhằm tạo những phân tử chứa đầy dữ kiện. Ông ví hoạt động của hệ thần kinh suốt ngày giống như chúng ta viết đủ thứ dữ kiện bằng phấn trắng trên một tấm bảng đen. Sau một ngày dài, tấm bảng hết chỗ trống. Muốn có chỗ, chúng ta phải lau sạch tấm bảng.

Với hệ thần kinh, giấc ngủ sau một ngày làm việc cần thiết giống như lúc chúng ta lau bảng. Những dữ kiện cần lưu trữ sẽ được chứa vào bộ nhớ của não bộ. Phần còn lại xóa hẳn để ngày hôm sau còn có chỗ làm lại từ đầu.

Nếu lý luận của bác sĩ Mignot đúng, giấc ngủ quả thật quan trọng hơn chúng ta nghĩ nhiều.

Giống như mọi thói quen, tập ngủ ít được với thời gian, chúng ta cũng có thể tập ngủ thêm với thời gian.

Tập ngủ nhiều hơn trong thời gian dài hy vọng chúng ta thấy khỏe mạnh và yêu đời hơn. Nhưng có lẽ những người thuộc loại A như người viết cần bỏ bớt một số việc trong thời khóa biểu hàng ngày. Nếu không làm sao có đủ thời giờ làm xong cho hết! Bỏ bớt (biết rồi, khổ lắm, nói mãi) thì được. Nhưng bỏ mục nào, việc nào mới chính là vấn đề!

CÓ CẦN UỐNG KÍCH THÍCH TỐ KHÔNG?

TH. TH.

Kích thích tố (hormones replacement therapy) là phương pháp điều trị giúp chữa đủ loại bệnh sau khi phụ nữ mãn kinh. Từ khoảng ba thập niên nay, kích thích tố estrogen được xem như một loại "thần dược" đang trong thời kỳ thử nghiệm nhằm tìm thêm công hiệu.

Khoảng 17 triệu phụ nữ Mỹ đã và đang dùng kích thích tố estrogen một mình hoặc hợp cùng với progestin như cách ngăn ngừa rất nhiều chứng bệnh phụ sau khi mãn kinh. Kích thích tố estrogen được dùng nhằm giảm những cơn nóng toát mồ hôi, chứng mất ngủ, tính tình thay đổi cho đến những chứng bệnh về tim mạch, ung thư buồng trứng, hoặc rỗng xương.

Vậy mà tuần lễ trước, hàng triệu phụ nữ này đã phải sửng sốt biết được những kích thích tố mình uống không những đã không giúp ngăn ngừa bệnh. Ngược lại, có thể họ đã lầm lẫn, tự làm tăng thêm rủi ro mắc nhiều chứng bệnh nan y do hậu quả dùng kích thích tố lâu ngày.

Tạp chí Y khoa *The Journal of the American Medical Association* tuần rồi đăng kết quả bất lợi về cuộc thử nghiệm tìm hiệu quả chương trình điều trị bằng kích thích tố estrogen. Những bác sĩ phụ trách cuộc thử nghiệm kéo dài bảy năm này mong mỏi xác định bằng dữ kiện cụ thể rằng điều trị bằng kích thích tố dài hạn có thể giúp phụ nữ đã mãn kinh chống bệnh về tim mạch. Nhưng họ chỉ ghi nhận được kết quả ngược lại.

Không những kích thích tố không giúp phụ nữ giảm nguy cơ lên cơn đau tim, trái lại, kết quả nghiên cứu cho thấy người dùng kích thích tố lâu ngày tăng nguy cơ máu đóng cục dẫn đến những cơn đau tim hoặc nghẽn mạch máu và bệnh về bàng quang.

Tỉ lệ may rủi về bệnh tim mạch tăng 29%. May rủi về bị chấn động não tăng 41%.

Tỉ lệ may rủi về ung thư buồng trứng nơi phụ nữ dùng kích thích tố estrogen trên 20 năm tăng cao hơn người không dùng kích thích tố đến 60%.

Thêm vào những may rủi sẵn có ở tỉ lệ 26% về ung thư vú và tử cung, kết quả nghiên cứu y khoa mới nhất này khiến giới y khoa đặt câu hỏi liệu có ai nên dùng cách điều trị bằng kích thích tố dài hạn không?

Trước khi tìm câu trả lời thỏa đáng, có lẽ chúng ta cũng cần tìm hiểu thêm lý do phụ nữ mãn kinh dùng kích thích tố.

Theo tạp chí *Time*, cuộc nghiên cứu vừa qua chú trọng đến nhóm phụ nữ tuổi 67 trở lên. Đa số người trong nhóm đã có triệu chứng bệnh về tim mạch. Họ mong dùng kích thích tố estrogen để ngăn sự lan rộng của những triệu chứng này.

Nữ bác sĩ Diana Petitti cho rằng dùng kích thích tố dài hạn không bảo vệ chúng ta chút nào. Bà Petitti là người viết bài bình luận bên cạnh kết quả nghiên cứu công hiệu của kích thích tố estrogen đăng trên tạp chí Journal of the American Medical Association. Vì vậy, lời khuyên ngắn gọn của bà dành cho nhóm phụ nữ kể trên là "Đừng bắt đầu và Hãy chấm dứt."

Nhưng với những nhóm phụ nữ trẻ tuổi hơn phương pháp điều trị bằng kích thích tố estrogen trong thời gian ngắn được ghi nhận có công hiệu đáng kể. Bà Petitti cho rằng những thay đổi phụ nữ cảm thấy trước hoặc ngay sau thời kỳ mãn kinh như nóng toát mồ hôi, hay thay đổi tính tình, mất ngủ... cần được chữa trị bằng kích thích tố.

Điều quan trọng là khi những triệu chứng này giảm bớt, thông thường khoảng một hai năm sau khi điều trị, chúng ta cần hỏi lại bác sĩ xem mình có cần tiếp tục dùng kích thích tố hay không.

Bên cạnh điều trị các chứng bệnh tim mạch, kích thích tố cũng còn được cho là có thể giảm chứng rỗng xương. Kết quả nghiên cứu vừa qua cũng cho thấy điều này ngược với dự kiến của chuyên gia y khoa. Theo cuộc nghiên cứu, tỉ lệ phụ nữ dùng kích thích tố nhiều năm bị gãy xương vì xương rỗng cao hơn nhóm không uống thuốc.

Tuy đến năm 2005 kết quả chính thức liên quan đến vấn đề này mới được xác định, nhưng những kết quả hiện có cho thấy dùng kích tố dài hạn mang lại nhiều thiệt hại hơn lợi ích.

Kết quả cuộc nghiên cứu vừa kể là lý do các chuyên gia y khoa ngừng ngang chương trình thử nghiệm hiệu quả điều trị bằng kích thích tố hợp chất trên 16 ngàn phụ nữ. Lý do được nêu, sức khỏe của công chúng quan trọng hơn và bằng chứng hiển nhiên về nguy hại của kích thích tố cho thấy không cần phải thử nghiệm thêm.

Vậy phụ nữ mãn kinh có triệu chứng bệnh tim mạch phải làm gì? Theo tạp chí Y khoa, những loại thuốc giảm triệu chứng bệnh tim mạch như aspirin, beta blockers hay ACE inhibitors đều chứng tỏ hiệu quả. Những người trong gia đình có chứng rỗng xương có thể nhờ bác sĩ cho những thứ thuốc khác như raloxifene (Evista) hoặc các loại thuốc chuyên trị bệnh rỗng xương khác.

Nhưng tại sao chúng ta phải đợi đến lúc già yếu, có triệu chứng bệnh mới tìm thuốc điều trị? Trên tạp chí *Time*, bác sĩ giải phẫu não bộ Sanjay Gupta cho biết cách hay nhất để phòng những triệu chứng bệnh sau khi mãn kinh là giữ thói quen tốt trước đó. Chúng ta cần theo chương trình dinh dưỡng đủ chất bổ và lành mạnh, uống sữa, tập thể dục đều đặn và thử lượng mỡ trong máu cũng như áp huyết định kỳ.

Nếu chưa tập được những thói quen tốt này, có lẽ đây là lúc chúng ta cần dành thời gian tập luyện.

Thêm vào đó, khi thiết nghĩ chúng ta cũng cần chấp nhận tuổi già và thay đổi sinh hoạt sao cho phù hợp với tình trạng cơ thể suy yếu của chúng ta trong tuổi già.

Nhiều chuyên gia y khoa cho rằng chính thái độ muốn kéo dài tuổi trẻ vô hạn định của người Mỹ nói chung dẫn đến tình trạng dùng kích thích tố dài hạn sau khi những triệu chứng khó chịu thời kỳ hậu mãn kinh đã nhạt phai dần.

Với những người còn mơ ước "cải lão hoàn đồng," kết quả nghiên cứu về nguy hại của việc dùng kích thích tố dài hạn là tiếng chuông thức tỉnh giấc mộng này

CHỦ ĐỘNG ĐỜI SỐNG GIÚP CHO SỨC KHỎE TỐT HƠN

QUỲNH ANH

Một cuộc nghiên cứu mới

đây đã cho thấy sự lợi ích của quyền chủ động đời sống đối với sức khỏe con người. Tiến sĩ Judith Rodin và Ellen Langer, hai nhà tâm lý xã hội hiện làm việc tại hai đại học danh tiếng Yale và Harvard bên Mỹ đã tiến hành cuộc nghiên cứu này với những cụ già sống trong viện dưỡng lão. Với sự hợp tác của các nhân viên trong viện dưỡng lão, tiến sĩ Rodin và Langer chia các cụ già thành hai nhóm. Hai nhóm này tương đối giống nhau trong những đặc tính sau: số người nam và người nữ, tuổi tác, mức độ trầm trọng của căn bệnh, loại bệnh. Sau đó một nhóm các cụ được khuyến khích để tự lấy quyết định về cuộc sống của mình trong viện dưỡng lão. Các cụ trong nhóm này quyết định xem cụ muốn tiếp khách ở phòng nào, cụ muốn đi xem phim vào giờ nào. Đối với nhóm thứ hai, các cụ được khuyến khích nên để cho nhân viên giúp các cụ lấy quyết định, thay vì tự mình quyết định. Trong cuộc nghiên cứu, mỗi cụ cũng được tặng một cái cây để trong phòng. Với nhóm trên, mà chúng ta tạm gọi là nhóm chủ động, các cụ được cho biết là Cái cây này là để cho phòng cụ tươi đẹp hơn. Bây giờ cái cây thuộc về cụ và nó sống hay chết là trách nhiệm của cụ. Cụ tự quyết định lúc nào cần tưới nó và đặt nó ở đâu trong phòng. Đối với nhóm thứ hai mà chúng ta tạm gọi là nhóm thụ động, các cụ được cho biết là cái cây này là để cho phòng cụ tươi đẹp hơn. Nhưng cụ không phải lo, không phải tưới nước hay chăm sóc nó, vì sẽ có người khác lo hộ cho cụ.

Tiến sĩ Rodin và Langer khám phá thấy rằng khoảng một năm rưỡi sau, một số cụ trong cả hai nhóm qua đời, một chuyện bình thường trong viện dưỡng lão. Nhưng điều đặc biệt đáng chú ý là số người qua đời trong hai nhóm khác nhau. Nhóm người thụ động qua đời cùng mức độ với mức độ qua đời bình thường của viện dưỡng lão. Ngược lại số người qua đời trong nhóm chủ động chỉ bằng nửa số người qua đời thuộc về nhóm thụ động. Tiến sĩ Rodin và Langer kết luận rằng khi con người được quyền chủ động nhiều hơn trong cuộc sống của họ, dù là chủ động những việc nhỏ như tưới cây lúc nào, coi phim lúc nào, tiếp khách trong phòng nào, quyền chủ động đó bảo vệ họ không chết sớm.

Một cuộc nghiên cứu khác của tiến sĩ Kobasa cũng đi tới kết luận tương tự là những người có khả năng chủ động trong cuộc sống thường có khả năng chịu đựng được những căng thẳng trong đời sống nhiều hơn hẳn những người khác. Tiến sĩ Kobasa tiến hành cuộc nghiên cứu với những người có nhiều căng thẳng trong cuộc sống như các giám đốc thương mại, các luật sư, những người lái xe buýt hay những người làm việc trong các hãng điện thoại. Trong số những người này có những người bị bệnh vì công việc quá căng thẳng và những người vẫn khỏe mạnh dù là họ phải chịu cùng một mức độ căng thẳng như nhau. Bà tự hỏi không biết những người khỏe mạnh có một số đặc tính tâm lý chung nào bảo vệ họ không bị những tai hại của việc làm quá căng thẳng hay không. Bà khám phá thấy rằng những người khỏe mạnh có một đặc tính mà những người đau ốm không có. Bà gọi là đặc tính đó là khả năng chịu đựng cao. Tiến sĩ Kobasa thấy rằng những người có khả năng chịu đựng cao có ba đặc t tâm lý: họ chủ động, họ tận tụy trong công việc và họ nhìn khó khăn như những thách đố giúp họ tiến lên. Những người có tâm lý chủ động tin tưởng rằng họ có thể thay đổi hoàn cảnh chung quanh họ và họ có thể làm cho một số việc xảy ra. Một lần nữa, khả năng chủ động trong cuộc sống giúp cho tinh thần cứng cáp hơn và chịu đựng được nhiều sự khó khăn, căng thẳng hơn. Hậu quả là những người chủ động thường có sức khỏe tốt hơn, ít bệnh tật hơn, sống lâu hơn.

Những nghiên cứu kể trên trong ngành tâm lý xã hội và y khoa cho thấy tầm quan trọng của quyền chủ động, của quyền tự do lấy quyết định cho cuộc sống của mình. Nó cũng là căn bản của nền giáo dục dân chủ. Dân chủ có nghĩa là người dân được làm chủ, được quyền quyết định về mô thức xã hội mình sống, quyết định ai được bầu vào các chức vụ lèo lái quốc gia, quyết định về các đạo luật chi phối đời sống qua các vị dân biểu đại diện cho mình. Dân chủ bắt đầu với tính tự chủ. Tự chủ là có khả năng suy nghĩ độc lập, khả năng và tự do lấy quyết định về cuộc sống của mình, khả năng và phương tiện để thay đổi hoàn cảnh chung quanh mình.

Điều này cũng đòi hỏi là cơ cấu xã hội, chính trị và kinh tế chung quanh tôn trọng và khuyến khích quyền chủ động đó. Ví dụ như nếu các nhân viên trong viện dưỡng lão khắt khe, thì các cụ không thể nào chủ động được trong việc chọn giờ xem phim hay tiếp khách ở đâu. Ví dụ khác là ở Nam Úc, các phụ nữ sinh đẻ chỉ có một chọn lựa là sinh trong bệnh viện. Một số phụ nữ muốn được có tự do chọn nơi họ sinh con và đòi hỏi

bộ y tế phải cho họ quyền sinh con tại nhà với sự giúp đỡ của một cô đỡ. Sau một thời gian lâu dài tranh đấu, bộ y tế đã phải đồng ý nguyên tắc tự do chọn lựa nơi sinh con của người dân và tài trợ cho một cơ quan đảm trách dịch vụ sinh con tại nhà an toàn cho phụ nữ. Các phụ nữ ở Nam Úc đã hành xử quyền làm chủ của mình và được sự tôn trọng và đáp ứng của nhà nước. Nền giáo dục dân chủ phải đào tạo được những con người tự chủ, những công dân tự chủ thì đời sống dân chủ mới có thực.

Nước Việt Nam đã và đang sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, một chế độ tiêu diệt một cách có hệ thống và phương pháp ý chí tự chủ của người dân. Chế độ này muốn thu tóm mọi quyền lực về nhà nước và quyết định hết mọi chuyện thay cho người dân.

Do đó, nhu cầu phát triển tính chủ động của người dân cấp thiết hơn bao giờ hết. Khi người dân thực sự có quyền chủ động trong đời sống của họ, chủ động trong mọi sinh hoạt kinh tế, y tế, chính trị, xã hội, họ sẽ phát huy được tối đa tiềm năng của họ. Và khi dân mạnh, đất nước mới phát triển và tiến bộ được theo kịp đà thế giới.

Tài liệu: Full Catastrophe Living, Jon Kabat-Zinn, Delta 1990

CHUYỆN CÀ KÊ DÊ NGỖNG

TRẦN QUÁN NIỆM

Gà nuốt dây thung

Tuổi trẻ Việt Nam sinh trưởng tại hải ngoại sau năm 1975 không có nhiều dịp sống gần thiên nhiên như thế hệ cha ông. Mấy ông con tôi chẳng hề biết tới thú đá dế, bắn chim hay đào giun làm mồi câu cá v.v.. Sống ru rú trong thành phố với những tiện nghi máy móc, làm sao chúng biết đến con gà, con bò sinh sống ra sao, ngoại trừ những vỉ thịt gà sạch sẽ tươm tất bán ngoài siêu thị hay những miếng hamburger trong tiệm McDonald.

Thật ra xã hội Mỹ chỉ mới văn minh cơ giới trong mấy thập niên gần đây thôi. Trước đệ nhị thế chiến, nước Mỹ còn thiên về canh tác và chăn nuôi. Nông trại có mặt khắp nơi. Bò, ngựa thong thả gặm cỏ ngoài đồng cỏ xanh. Gà vịt rong chơi trong sân nông trại. Họ hàng nhà gà sống thoải mái, bới đất nhặt cỏ kiếm ăn, mỗi năm đẻ vài lứa trứng, rồi trứng nở, mẹ con ríu rít dắt nhau tha thẩn tìm mồi dưới các bụi cây. Anh gà trống cả ngày chỉ lo chải chuốt bộ vó, theo đuổi tán tỉnh các chị mái tơ ngây thơ, trong trắng.

Sau đệ nhị thế chiến, nước Mỹ hồi phục, kỹ nghệ cất cánh. Lợi tức của dân chúng cao dần. Phú quí sinh lễ nghĩa, dân chúng mua sắm nhiều hơn, ăn thịt nhiều hơn. Cũng trong giai đoạn này, phương pháp dây chuyền của Taylor được áp dụng rộng rãi trên mọi địa hạt. Năng xuất trong kỹ nghệ gia tăng vượt bực, nông dân canh tác được nhiều thóc lúa hơn. Mấy ông tư bản nhìn quanh để nghĩ cách làm tiền. Đàn gà chạy nhẩy ngoài sân, lọt vào mắt xanh của ông. Thế là các ông phán: "Cho chúng nhởn nhơ như vậy không được, phải 'đoàn ngũ hóa' chúng lại, bắt chúng phục vụ bao tử con người" và làm giầu cho các ông chủ lớn.

Thế hệ con gà ngồi

Các xưởng (factory) chăn nuôi vĩ đại được xây cất, có khả năng nuôi vài trăm ngàn con gà. Máy điều hòa không khí chạy vù vù, không khí mát rượi, đàn gà chẳng lo mưa gió, chồn cáo bắt nạt. Máy chuyển thức ăn, nước uống đến tận cửa chuồng. Gà cứ việc thò đầu ra ăn cho mau béo. "Ăn ngày không đủ, tranh thủ ăn đêm" vì chủ trại bật đèn suốt ngày đêm, gà thấy sáng, ăn hoài, quên mất cả chu kỳ ngủ thiên nhiên. Thay vì được chạy nhẩy tung tăng, bây giờ mỗi con chỉ còn một diện tích lớn bằng bốn tập vở. Chuồng nọ chồng lên chuồng kia, cao vòi vọi để xử dụng tối đa diện tích sinh lợi. Sàn bằng lưới thép mắt cáo làm đau chân, lại thêm thức ăn có sẵn, gà nằm bẹp xuống gần máng thức ăn, chẳng muốn di chuyển làm gì cho mệt xác, tạo thành thế hệ gà được mệnh danh là "con gà ngồi"' (trái với "con gà đi bộ" của Việt Nam).

Tù túng, chẳng biết làm gì, gà buồn tình mổ lẫn nhau. Mới đầu thì mổ chơi, lâu dần gà nạn nhân rụng lông, lủng thịt thế là cả đàn xúm lại, mổ cho chết, moi ruột gan ra sơi tái. Chủ nhân không chịu thua, bèn cắt đầu mỏ gà, vì ăn thức ăn mềm, cần gì mỏ sắc. Ông nhà thơ Du Tử Lê có câu "con dế buồn tự tử giữa đêm trăng." Chẳng biết con dế của nhà thơ có thật hay không, nhưng gà tự tử thì có. Đang khoẻ mạnh, bỗng nhiên kêu "quác" một tiếng, nhẩy dựng lên rồi lăn quay ra chết. Cho đến bây giờ, các chủ trại chăn nuôi, các y sĩ thú y vẫn chưa tìm ra nguyên nhân, chỉ đoán rằng gà bị căng thẳng thần kinh, nên chán đời không muốn sống nữa, thà chết sướng hơn. Nhưng thái độ phản

đối này cũng chẳng đi đến đâu, chủ nhân tỉnh bơ "sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi." Do đó, kiếp gà Mỹ, khổ vẫn hoàn khổ.

Máy đẻ

Khổ hơn cả là những chị gà mái. Ở trong lồng chật hẹp, chỉ có nhiệm vụ đẻ trứng cho người ta đem "ốp la" ăn sáng. Vừa đẻ xong, chưa kịp "cục ta cục tác, vừa đau vừa rát," mới nhón bụng lên xem quả trứng tròn méo thế nào, thì trứng đã lăn theo sàn dốc, ra cửa chuồng, theo dây belt đến nơi đóng hộp, chờ xe vận tải chở ra siêu thị. Trong thiên nhiên, chị gà biết đếm đến số vài chục trứng thì ngưng đẻ, ấp trứng. Nhưng bây giờ chị bị đánh lừa, chẳng bao giờ gom đủ số trứng cần ấp, nên phải đẻ hoài. Gà Mỹ một năm đẻ chừng trên 300 trứng, thay vì chỉ vài lứa, mỗi lứa vài chục trứng, như gà sống ngoài thiên nhiên. Đẻ vài năm là xác sơ, tàn phai xuân sắc, bị bỏ vào nồi, hầm thành nước súp trong (chicken broth).

Không được vận động, nên gà dễ sinh bệnh. Thế là chủ nhân bắt uống thuốc trụ sinh và đủ loại thuốc khác, thúc cho ham ăn, mau lên cân. Gà buồn phiền, vì bị bắt ép sống phản thiên nhiên nên nỗi uất ức dồn lại thành nội kết trong cơ thể, lại thêm thuốc trụ sinh tích tũy, chưa kịp tiêu tan thì gà đã bị làm thịt bán cho giới tiêu thụ, (giống như Trương Chi "khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan") nên con người ăn vào là lãnh đủ, cơ thể lờn với chất thuốc trụ sinh, dễ sinh bệnh hoạn, ung thư vì các cụ đã nói "bệnh tòng khẩu nhập" cơ mà (bệnh theo cửa miệng vào."

Đầu xanh đã tội tình gì?

Bố mẹ khổ sở đã đành, đàn con vừa chào đời cũng gặp khốn đốn ngay. Đúng ngày ấn định, từ lò ấp, cả ngàn gà con nở một lúc. Ngơ ngác bước ra nhìn ánh sáng mặt trời, bàng hoàng, và sợ sệt trước cảnh đời xa lạ, những con gà mồ côi kêu chim chíp tìm mẹ để được sưởi ấm và che chở dưới đôi cánh thân yêu. Nhưng mẹ hiền nào thấy đâu, thôi đành chạy vào đứng dưới ánh đèn cho ấm. Vừa khô lông tơ, là bị một lão người khổng lồ, bưng ra từng mẹt gà con, đổ chúng trên bàn rộng và bắt đầu tuyển lựa. Dùng cây thước rộng bản, anh này gạt những con gà trai xuống lỗ, rớt vào chiếc túi ny lông treo dưới gầm bàn. Tiếng kêu cứu vang dội nhưng rồi yếu dần vì ngộp thở. Vừa chào đời ít phút đã chết tức tưởi. Tại sao thế? Theo sự phân phối của thiên nhiên, khoảng 50% gà mới nở là gà mái, 50% là gà trống. Chủ trại chăn nuôi không cần gà trống vì các anh này vô tích sự. Nếu nuôi gà đẻ thì gà trống chắc chắn vô dụng, nhưng nuôi gà thịt, gà trống cũng bị loại bỏ, vì khi đến tuổi trưởng thành, các anh này ưa hung hăng đánh lộn. Có nuôi lớn thì thịt cũng không mềm bằng thịt gà mái, bán không được giá.

Số gà con sống sót, bị đưa đi cắt đầu mỏ, cắt đầu ngón chân (cho khỏi cắn đá nhau khi lớn lên) và chích thuốc ngừa. Sau đó được phân phối nuôi theo mục đích mà chủ nhân muốn. Nuôi để lấy trứng thì sẽ trở thành máy đẻ. Nuôi ăn thịt thì được vỗ béo và cuối cùng bị phanh thây, gửi ra "nghĩa địa" siêu thị.

Con gà trần truồng

Khai thác tối đa loài gà vẫn chưa làm chủ nhân hài lòng, vì bực một cái là gà có lông. Ngoài thiên nhiên gà cần lông để bảo vệ cơ thể, sưởi ấm và ấp trứng. Nhưng nay, sống trong nhà cao cửa rộng, có máy điều hòa không khí thì cần lông làm gì mới được chứ. Lông gà là một trở ngại và tốn kém cho các chủ trại chăn nuôi. Nếu máy lạnh hư, gà chết hàng loại vì nóng quá (giống người ta mùa nóng mà mặc áo bông, kiểu ông Tú Xương "bức sốt nhưng mình vẫn áo bông"). Khi làm thịt, mất công nhổ lông cho sạch, tốn nhân công, tốn máy móc, tốn nước (Ở Mỹ chắc lông gà không xài được vào việc gì. Ở Việt Nam, con nít để dành, đổi cho chú ba tầu lấy kẹo ăn chơi). Do đó các chủ nhân ước ao, nếu gà sinh ra không lông thì đỡ khổ biết mấy.

Ở cái xứ người ta có thể (clone) đúc mèo, đúc cừu, thì biến gà có lông thành "no hair" dễ ợt.

Quả nhiên tháng sáu năm 2002, bên Do Thái, các nhà khoa học gây được giống gà không lông. Trông hình con gà trần trụi, đỏ hỏn, đăng trên nhật trình, thấy mà ghê. Nhưng đó là với thế hệ người Việt Nam lớn tuổi mà thôi (vì quen nhìn gà có lông), chứ với con nít sinh trưởng sau năm 75 tại hải ngoại, thì gà không lông hay có lông chẳng khác gì. "Thịt gà bầy bán trong siêu thị nhẫn thín, chứ có lông lá gì đâu nào."

Chú thích: chuyện cà kê dê ngỗng nên không nêu con số thống kê, hoặc tài liệu minh chứng, dù rằng tác giả có đầy đủ. Nếu tác giả viết một bài biên khảo nghiêm túc về đời sống khốn khổ, kinh hoàng của gia súc (bò, heo, gà) trong các trại chăn nuôi tại xứ Mỹ, chắc sẽ có lắm vị không dám ăn thịt nữa đâu.

NỖI ĐAU HIỆN SINH TRONG BƯỚM TRẮNG

THỤY KHUÊ

«Nếu chỉ có một năm để sống» bạn sẽ làm gì? Đây có thể là đề tài một cuốn phim hồi hộp, một cuốn tiểu thuyết hấp dẫn hay một tác phẩm văn học phân tâm. Nhất Linh chọn giải pháp thứ ba: *Bướm Trắng* là một ăng-kết của Trương về bản ngã mình. Trương bị lao và bác sĩ cho biết chàng chỉ có thể sống được một năm nữa là cùng. Nhất Linh đem máy ghi âm đặt vào óc Trương để ghi lại những ý nghĩ, những phản ứng của Trương từ khi biết mình chỉ còn một thời gian sống nhất định.

Phản ứng đầu tiên của Trương là sẽ ghi vào sổ nhật ký, ngày 21/2: *Hôm nay mình chết* (Bướm Trắng, NXB Đời Nay tái bản, 1970, trang 34). Đó là *cái chết đầu tiên*, sau khi biết mình sắp chết, cái chết này biểu hiện tính cách hóa thân của hai từ *Bướm Trắng* và đưa Trương vào đoạn đời thứ nhì, đoạn đời mà Trương quyết định rằng từ nay *«chàng sẽ nếm đủ các khoái lạc ở đời, chàng sẽ sống đến cực điểm, sống cho hết để không còn ao ước gì nữa, sống cho chán chường. Trương thấy mình nô nức hồi hộp mà lại sung sướng nữa. Chàng sung sướng vì chàng thấy mình như con chim thoát khỏi lồng, nhẹ nhàng trong một sự tự do không bờ bến. Những cái ràng buộc, đè nén của cuộc sống thường không có nữa, chàng sẽ hết băn khoăn, hết e dè được hoàn toàn sống như ý mình.*

- Chết thì còn cần gì nữa?» (trang 38)

Đặt ngược lại vấn đề, Albert Camus bắt đầu cuốn tiểu luận *Le Mythe de Sisyphe* (*Huyền Thoại Sisyphe*) bằng câu: *«Chỉ có một vấn đề triết lý thật sự nghiêm túc: đó là tự tử, xét rằng đời đáng sống hay không đáng sống là trả lời câu hỏi cơ bản của triết học.»* Cả hai tác giả Nhất Linh và Camus, đi từ hai con đường khác nhau nhưng dường như đều cùng muốn điều tra ý nghĩa của cuộc sống từ cái chết. Rồi Nhất Linh và Camus đều chết bất đắc kỳ tử. Camus, tai nạn xe hơi ở tuổi 47, Nhất Linh tự tử ở tuổi 57, một trùng hợp phi lý.

Cái chết, trước tiên, đối với Trương là một giải thoát, khi giao hẹn *«hôm nay mình chết»* là Trương đã tự hóa, từ một người bị ràng buộc, trở thành người tự do, hồi sinh trong cuộc sống mới, với hai lớp lang: biết mình sắp chết và quên rằng mình đang sống.

Ở lớp thứ nhất, Trương quyết định tìm vui trong trụy lạc: trụy lạc thể xác và tinh thần. Về thể xác, hưởng thụ hết những thú vui nhục dục trước khi chết và về tinh thần, chiếm hữu tình yêu của Thu, người con gái tình cờ gặp mà ngay sau đó Trương đã muốn yêu như một trò chơi: *yêu cũng được mà không yêu cũng được*.

Ở từng thứ nhì, Trương sợ sống: không dám về nhà, muốn quên rằng mình đang sống, lẩn tránh những ý nghĩ của mình, sợ đối diện với chính mình. *«Trương ở vào tình trạng một người không cần gì nữa, chỉ mong xảy đến cho mình một việc, bất cứ việc gì, miễn là khác thường để cho mình quên được sự sống»* (trang 55). Hai trạng thái, hai lớp lang tâm thần ấy giao nhau trong một môi trường không có lối thoát: Sự trụy lạc mà Trương tìm đến như một ao ước hưởng thụ hết trước khi chết, không đem lại cho Trương tị ti thỏa mãn nào, và cuộc tình đối với Thu, mới đầu chỉ là một trò chơi, sau đã lấn át tâm hồn Trương, chi phối tư tưởng Trương như một lớp sống, một định mệnh thứ ba: Cái định mệnh quái ác, tưởng (yêu) đùa lại hóa (yêu) thật, tưởng chết lại không chết, lại sống, cứ sống, rồi chính cái *sống thừa*, sống ra ngoài mọi ước vọng ấy, đã chơi khăm Trương, vì mọi toan tính về định mệnh đều vô nghĩa: không ai có thể biết trước được định mệnh, kể cả những thầy thuốc giỏi nhất và cũng không ai dự đoán được kết quả một cuộc tình. Trương như con *bướm trắng* lượn trong các nẻo tâm tư của chính mình, Trương bay hết nơi này đến nơi khác, từ những phăng-tát cực đoan của một người bệnh bị cái chết ám ảnh trong mỗi phút sống, đến những giây phút hạnh phúc cũng như bi đát của một người bình thường, nhảy từ những ý nghĩ trong sáng, dịu dàng nhất đến những toan tính đen tối, đồi tệ, đê hèn nhất. Trương là bướm trắng bay trong não trạng của chính mình, Trương hành động, nhận xét mình hành động, mà không hiểu những gì đã xảy ra

quanh mình, cho mình.

*

Cuộc phiêu lưu của Trương, sau khi đã hóa thân, mở đầu bằng một chinh phục: Trương vừa nhìn thấy Thu, thấy Thu giống Liên, người yêu của chàng đã chết vì bệnh lao ba năm trước, *«chàng có cái ý oái oăm muốn Thu sẽ yêu chàng* (trang 16). Cuộc tình này là một thứ cú-đờ-phút, vừa lãng mạn lại ráo hoảnh, trâng tráo đúng như ý nghĩ của Trương *«muốn yêu thì sẽ yêu»* (trang 17), một cuộc đánh đố, muốn là làm được và Trương đã làm được thật. Nhưng trò chơi nào cũng có thể dẫn đến một thực tại không chơi, đầy bí ẩn không thể giải quyết, như thân phận Trương chỉ là một cánh bướm không biết mình sẽ đi đến đâu, như mỗi con người đều là những cánh bướm bay trong định mệnh phi lý của chính mình. Ngòi bút Nhất Linh cũng là bướm trắng di chuyển theo mạch nghĩ của Trương, theo hành động của Trương, theo những ghềnh thác của suy tư và hành động, sống mà như chết, chết mà như sống, không biết những suy tư và hành động ấy sẽ dẫn mình đến đâu. Nhất Linh vừa tạo ra Trương, vừa bị Trương dẫn vào cái chốn *không biết ấy*.

Trước đây, khi còn chăm chỉ đi học, Trương có một thể xác và tâm hồn có thể gọi là «lành mạnh»; nhưng cái tôi «lành mạnh» này đã chết bởi vì nó *không thật*, bởi vì nó chỉ là một nửa Trương, nửa thánh thiện. *Bướm trắng* là hồn Trương, nhưng mảnh hồn này không «siêu thoát» theo nghĩa nhà Phật mà nó là *cái thực*, nó là *người*, nó là Trương toàn diện theo đúng nghĩa con người. Chính cái hồn bướm trắng này đã đưa Trương vào khám nghiệm tử thi của chính mình, đào ra những ngõ ngách sâu kín trong tâm hồn đích thực của mình. Trương trong *Bướm Trắng, đời* hơn Dũng, *người* hơn Dũng trong *Đôi Bạn*, bởi trong Trương những va chạm của xấu tốt là thường trực, những ám ảnh của ham muốn, dục tình, tính toán, lừa lọc... là hàng ngày. Nếu trong *Đôi Bạn*, Nhất Linh vẫn còn là một nhà văn lãng mạn chỉ nhìn thấy cái đẹp, thì ở *Bướm Trắng*, Nhất Linh đã *đoạn tuyệt* với lãng mạn, Nhất Linh *lạnh lùng* hơn, *tự do* hơn, từng trải hơn, ông đã tìm cách thoát tục, đứng xa cuộc đời, đứng ngoài cuộc đời để nhìn con người cho rõ.

Những ngõ ngách tâm linh phức tạp và mâu thuẫn của Trương không thể dùng ngọn đuốc tình cảm lãng mạn để soi tỏ mà phải bay lượn bằng đôi mắt đã hóa thành bướm trắng thoát tục, mới có thể trung dung chiếu vào đó những ánh sáng neutre, không thiên vị: Trương sống tự do buông thả như một kẻ muốn quên mình đang sống, như một gã kiệt lực muốn leo Hy Mã Lạp Sơn, đi từ mâu thuẫn này đến mâu thuẫn khác, đôi khi hai mâu thuẫn chung sống với nhau như hình ảnh kiêu kỳ của tình yêu «siêu việt» với Thu nằm chung màn với những cô gái đêm hôi hám trong những nhà săm tồi tàn nhất; rồi những ý nghĩ đen tối như mua dao để giết Thu, những ám ảnh kỳ dị bị Thu giết, cùng chung sống trong đầu với những giây phút thần tiên thơ mộng: *«Trương ngủ thiếp đi, chàng thấy mình cứ cố nhoi lên để tránh mũi dao mà Thu đưa vào cổ mình, nhưng có một sức mạnh ghê gớm giữ chặt lấy chàng, đè nặng lên hai bên ngực. Mũi dao đã chạm vào cổ, nhưng chàng không đau đớn gì cả: một dòng máu chảy ngang cổ xuống gáy lạnh như một dòng nước đá mới tan, Trương kêu thét lên: «Em giết anh» và giật mình tỉnh dậy. [...] Chuông đồng hồ buông năm tiếng ngắn. Qua khe cửa, trời hãy còn tối [...] Ngoài đường cái có tiếng lăn lạch cạch của một chiếc xe bò đi qua. Trương đoán là một xe rau ở ngoại ô lên chợ sớm. Lòng chàng lắng xuống và từ thời quá vãng xa xăm nổi lên một hình ảnh yêu quý của tuổi thơ trong sáng: Khu vườn rau của mẹ chàng với những luống rau diếp xanh thẫm, những luống thìa là lá nhỏ như sương mù và hôm nào trời nắng, những mầm đậu hòa lan tươi non nhú lên qua lần rơm ủ. Rồi đến khi luống đậu nở hoa trắng có những con bướm rất xinh ở đâu bay về ...».* (trang 141)

Như vậy không chỉ có tâm hồn Trương là cánh bướm mà cảnh vật xung quanh cũng là những cánh bướm biến ảo không ngừng, Nhất Linh ở đây đã tìm thấy một giao thoa vô cùng tế nhị giữa Đông và Tây, giữa thiện và ác, giữa mơ mộng và ác mộng; tất cả những đối cực ấy xảy ra trong tiềm thức của Trương, trong cái vùng u tối bí mật của bản ngã mà trước *Bướm Trắng*, chưa có tiểu thuyết gia Việt Nam nào thật sự đi vào, thật sự thám hiểm.

*

Nhất Linh viết *Bướm Trắng* năm 38-39. Bốn năm sau, 1942 ở Pháp, Albert Camus cho in tập tiểu luận *Le mythe de Sisyphe* (Huyền Thoại Sisyphe), rồi tiểu thuyết *L'étranger* (Người Xa Lạ), tiếp theo là kịch bản *Le malentendu* (Ngộ Nhận) và sau cùng là tiểu thuyết *La chute* (Sa Đọa).

Tất nhiên là hai nhà văn này không đọc nhau, ít nhất là Nhất Linh không đọc Camus trước khi viết *Bướm Trắng*, nhưng có một ngẫu nhiên trùng hợp lạ lùng là những chủ đề ẩn trong *Bướm Trắng*

về tính chất *phi lý* của cuộc đời, về *vấn đề tự tử*, về sự *ngộ nhận*, về tính *sa đọa* của con người - những đề tài chủ yếu của Camus- đều có mặt trong tác phẩm của Nhất Linh. Tại sao lại có một sự gặp gỡ kỳ lạ như vậy? Nhất là khi triết học hiện sinh bắt đầu phát triển ở Pháp thì Tự Lực Văn Đoàn đã hầu như hoàn tất nhiệm vụ khai phá của mình, những tác phẩm chính của Tự Lực Văn Đoàn đã viết xong. Vậy chỉ có thể trả lời câu hỏi này bằng một câu hỏi khác: Phải chăng Nhất Linh đã tạo ra một hình thức tra vấn bản ngã rất Đông phương, rất Trang Tử?

Trước tiên, đối với Nhất Linh, *ngộ nhận* và *phi lý* là điều kiện sống của con người. Nếu ở Camus, phi lý có thể đưa đến giết người (Meursault trong *L'étranger* giết người vì ánh nắng mặt trời chiếu vào mắt) và trong «nghề» giết người, *ngộ nhận* có thể đưa đến mẹ giết con, chị giết em mà không biết (*Le malentendu*), thì ở Nhất Linh, tình yêu tuyệt đối giữa Trương và Thu là *ngộ nhận* và *phi lý*, Thu yêu Trương trên căn bản ngộ nhận do phi lý đưa đẩy:

«Trương nhìn theo Thu. Khi nàng đi khuất sau cái thành bể xây, Trương gấp vội bức thư bỏ vào túi. Chàng nhìn cửa buồng bên lưỡng lự một lúc rồi đi vào buồng. Chàng đến gần bên giường. Nhìn qua khung cửa sổ ra ngoài không thấy bóng ai, Trương với chiếc áo cánh của Thu rồi úp mặt vào chiếc áo mà chàng âu yếm vò nát trong hai bàn tay. Lụa áo Trương thấy mềm như da người và mùi thơm cay cay, không giống hẳn mùi thơm của nước hoa, xông lên ngây ngất. Trương cảm thấy mình khổ sở vô cùng; chàng lấy làm lạ sao mình lại đau khổ đến thế, đau khổ như một người sắp chết, cảm tưởng lúc ấy giống hệt cảm tưởng đêm qua khi chàng nhìn trộm bàn tay của Thu trên tấm chăn.

Trong lúc ấy Thu đã đi gần đến nhà khách bỗng quay trở lại. Nàng mang máng thấy có vẻ gì bất thường trong cử chỉ của Trương vừa rồi. Như cái máy, nàng quay trở lại, nàng cũng không biết tại sao và quay trở lại để làm gì. Đi khỏi cái bể xây, Thu dừng lại vì thoáng thấy Trương trong buồng. Nàng chăm chú nhìn và khi đã hiểu: nàng đứng yên lặng, khắp người rờn rợn như có ai sờ vào da thịt mình. Thấy Trương bỏ chiếc áo vắt vào chỗ cũ, nàng giật mình, đứng lùi khuất sau thành bể.» (trang 59).

Ở đây, Nhất Linh đã viết những dòng vô cùng gợi cảm về sự tiếp xúc thể xác ra ngoài thể xác mà sau này nhiều nhà văn, đạo diễn điện ảnh Việt Nam đã chịu ảnh hưởng sâu sắc. Cuộc tình của Trương và Thu thật sự bắt đầu từ giây phút ấy, giây phút mà *phi lý* và *ngộ nhận* trùng hợp: Nếu Thu không quay lại, không nhìn thấy cảnh này thì có lẽ Thu đã không bị Trương chinh phục hoàn toàn. Tại sao Thu quay lại? Thu cũng *không biết* tại sao và quay trở lại để làm gì? Việc Thu quay lại là một việc hết sức phi lý, không giải thích được: *phi lý* và *bất khả tri*, là những điều kiện của hiện sinh con người. Vì quay lại, nhìn thấy «cảnh ấy» cho nên Thu đã tin rằng «*Trương yêu nàng và tôn trọng nàng một cách siêu việt*» (trang 11). Đành rằng tất cả những khía cạnh ấy trong tình yêu của Trương đều có thật, nhưng mới chỉ là một nửa sự thật. Thu ngộ nhận vì chỉ biết nửa sự thật, Trương còn một nửa khác mà Thu không biết: Viết thư tình giả dối, lấy nước rỏ lên làm giả nước mắt, cho nhòe chữ đi, Trương thụt két, đánh bạc, hút thuốc phiện, chơi gái... Trương biết mình bị ho lao mà vẫn muốn chiếm đoạt Thu, đánh lừa Thu, cho Thu tưởng là mình cao thượng, tình thật Trương biết rõ: *«căn bản của tâm hồn mình, một căn bản vô luân, khốn nạn.»* (trang 138)

Trương gặp Thu là một chuyện tình cờ, yêu Thu một cách vô lý: *«Hay có lẽ Thu cũng yêu chàng tự nhiên, yêu một cách vô lý như chàng yêu Thu vô lý bấy lâu.»* (trang 199)

*

Tính chất phi lý của cuộc đời được Nhất Linh trình bầy ngay từ những trang đầu: là một sinh viên trường Luật, đang chăm chỉ học hành, thấy mình chớm lao, Trương đi khám bệnh, bác sĩ tuyên bố một câu xanh rờn: *«Phổi và tim ấy cũng còn được một năm nữa là ít»* (trang 32). Câu nói cỏn con của Chuyên, người thầy thuốc, đã hóa kiếp đời Trương: Trương bỏ học, bán nhà bán đất của cha mẹ để lại để tiêu xài xả láng, sống cho hết mình trong một năm trước khi chết. Đời Trương hoàn toàn đảo lộn, từ lành mạnh xuống sa đọa một cách phi lý, chỉ vì một câu nói. Mà không chỉ có đời Trương, những đời khác, cũng quay gót chuyển hướng ít nhiều sang sa đọa một cách phi lý như thế: Mùi, cô hàng xóm ngây thơ ngày xưa trở thành cô gái điếm què bây giờ, Quang yêu đời trở thành ăn chơi, chết vì bệnh, Nhan sẵn sàng rơi vào tay «người anh họ» hào phóng, «có lương tâm» là Trương, cả Thu, một cách nào đó Thu cũng sa đọa, nhắm mắt chiều chuộng những đòi hỏi điên rồ của Trương. Trương đang ở dưới đáy của tuyệt vọng, lại được Mùi cầu khẩn Trương kéo nàng ra khỏi con đường tội lỗi: phi lý hết sức. Tất cả mọi giăng mắc của cuộc đời là một mớ bòng bong *phi lý*, *ngộ nhận* và *bất khả tri*. Trong *sa đọa*, Trương tiêu xài cuộc đời mình như một

trò cá ngựa, đem dồn hết tiền (vừa thụt két) đánh vào con ngựa Risque-tout (trang 165) và thua hết canh bạc đời. Trương thua, bởi *người ta không thể nào sống gấp được* (trang 155) cũng như không ai có thể ăn hết một lúc tất cả những thức ngon trong đời, những thứ mình cứ tưởng là ngon, khi đã nhét đầy miệng, chúng không còn hấp dẫn nữa, mà lại buồn nôn. Do đó, *«chàng không bao giờ thấy được sung sướng trong chơi bời, trái hẳn với ý chàng lúc mới ốm»* (trang 126). Vô lý. Quanh Trương là *vô lý* và *không biết*. Trương thụt két sắp bị bắt vào tù. Thu hỏi: *Sao anh làm việc ấy?* Trương trả lời: *Không biết* (trang 178). Trương tự hỏi: Thực tình chàng có yêu Nhan không? *Chàng cũng không hiểu rõ* (trang 189). Mùi đòi theo Trương. *Theo anh à? Không thể được. Vô lý hết sức* (trang 186). Đi bên Mùi, Trương tự nhủ: *Đi với một con đĩ quê. Vô lý* (trang 182). Người đọc có cảm tưởng như nhân vật Meurseult trong *Người Xa Lạ* của Camus là hậu thân của Trương: một sự ngẫu nhiên trùng hợp phi lý hết sức.

Ngay cả đến những ước muốn của tình yêu: được Thu yêu dù là *«điều mà trước kia chàng không dám ước tới nay đã thành sự thực, sao chàng vẫn không thấy lòng mình thỏa mãn.*

- *Chỉ có thế thôi à?* (trang 123) Trương tự hỏi. Có lúc Trương *«mong được thỏa nguyện về vật dục để thôi không nghĩ đến Thu nữa»* (trang 252). Thậm chí Trương còn nhận thấy đưa thư cho Thu và thụt két đều cho Trương những cảm tưởng giống hệt nhau, *«chàng không muốn thụt két, nhưng biết trước là thế nào cũng thụt két, cũng như khi trước biết là không nên đưa thư mà vẫn cứ phải đưa thư»* (trang 160). Tâm sự của Trương, không khác gì tâm sự của Meurseult. Họ là những *người xa lạ* với mình, với người xung quanh, một niềm cô đơn tuyệt đối trong cuộc hiện sinh tàn nhẫn.

Tất cả những nhận thức ấy đẩy Trương đến chán chường. Chán sống. Tại sao không tìm một giải pháp? Tại sao không *tự tử* và Trương nghĩ *«cách tốt hơn hết là nhồi một viên đạn nhỏ vào trong sọ. Tạch một cái, thế là hết. Ngọt như mía lùi.»* (trang 155).

Nhưng tự tử được không phải là dễ, *«hèn nhát thì không bao giờ tự tử được, mà có can đảm như trời cũng không thể tự tử được. Tự tử được hay không là ở cảnh chứ không ở người.»* (trang 140)

Ở đây, Nhất Linh đã nói đến *cảnh*, tức là *hoàn cảnh*, làm ta liên tưởng tới *situation* của Sartre, và tất nhiên là Trương không thể tự tử được vì chàng chưa bị *hoàn cảnh đẩy đến cùng*. Nhưng Nhất Linh, hơn 20 năm sau, *đã bị hoàn cảnh đẩy đến cùng*.

*

Nhất Linh, khi viết *Bướm Trắng*, đã tiên đoán số phận mình đồng thời cũng đã tra vấn những tranh chấp vật lộn giữa sống và chết, giữa cao cả và sa đọa, những quằn quại của con người trước những phi lý, bất khả tri của định mệnh. Sự biết mình không sống lâu cho phép Trương để lộ mặt trái của chính mình. Và càng để cho cái bộ mặt này hành động, Trương càng ngại nhìn thấy nó, càng không muốn về nhà, sợ sự đối diện với chính mình, cái đối diện cay nghiệt nhất và cũng tàn ác nhất, đó là sự đối diện với chính mình, đối diện với cái xấu, cái chết.

Sự tự hủy của Trương chỉ là sự rút ngắn «cái tôi», muốn dìm nó đi, cho nó chết trước thời hạn, để những «bầy nhầy» của nó khỏi làm bợn tư tưởng của mình. Nhưng không ai vượt được định mệnh. Cái chết không do sự quyết định của con người -kể cả những người tự tử- mà phải có sự tập hợp của nhiều yếu tố, nhiều hoàn cảnh, tóm lại là phải có sự quần hợp của những *hoàn cảnh* đẩy đến cùng, đến hố sâu nhất của tuyệt vọng. Tựu trung, cái chết vẫn là chuyện của ngẫu nhiên, chuyện bí mật của định mệnh.

Nhất Linh, với *Bướm Trắng*, đã tìm ra một con đường tiểu thuyết hoàn toàn khác trước và bỏ xa những bạn đồng hành. Trong khi những người cùng thời với ông vẫn còn miệt mài trong tiểu thuyết hiện thực xã hội, ông đã bước ra ngoài hiện thực và đi vào địa hạt nội tâm. Khi mọi người vẫn còn là bác sĩ toàn khoa, ông đã trở thành bác sĩ chuyên môn, dùng phương pháp nội soi để chiếu vào những ngõ ngách sâu xa nhất của tâm hồn con người, đối diện với sống và chết, với tình yêu và cái chết, với cao cả và tội ác, với định mệnh và hư vô. Những câu hỏi về thực chất của tình yêu, của lòng nhân ái, của cao cả, của sa đọa được Nhất Linh tìm kiếm và rọi chiếu bằng một thứ ánh sáng vô minh, bằng những hình ảnh phũ phàng thơ mộng, bằng một văn phong nhẹ nhàng thoát tục: *Bướm Trắng* mở ra bối cảnh một Trang Tử bàn về cốt lõi của vấn đề hiện sinh con người. Nhưng ở đây không có ngôn ngữ nặng chất duy lý của triết học, ở đây là triết học đã hóa thân thành bướm trắng. Đó là nghệ thuật Nhất Linh. Nghệ thuật dùng cái đẹp chuyên chở tư tưởng. Và ở đó, Nhất Linh gần Trang Tử hơn những nhà lập thuyết triết học hiện sinh, hiện đại.

Paris, tháng 5/2002

(kỳ tới: *Nhất Linh, Giòng Sông Thanh Thủy*)

VIẾT THÊM VỀ NHẤT LINH VÀ TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Thế Kỷ 21 số 159 phát hành tháng 7. 2002, số đặc biệt tưởng niệm Nhất Linh, là một số báo giá trị, công phu và hữu ích. Vài mươi năm sau khi viết tới những vấn đề văn học liên quan tới Tự Lực Văn Đoàn và các đoàn viên, không thể không tham khảo số báo đặc biệt này.

Vì thế nội dung những bài trong *Thế Kỷ 21* số 159, trừ những bài về kỷ niệm và thiên tài Nhất Linh viết theo ký ức hay cảm tính có thể tùy hứng của các tác giả, nhưng những bài có tính chất biên khảo có tham chiếu tài liệu thì cần thật chính xác, chính xác chừng nào hay chừng ấy để người viết sau có thể tin cậy.

Riêng trên phương diện đó, sau khi đọc không sót một bài nào trong *Thế Kỷ 21* số 159 (tưởng niệm Nhất Linh) tôi xin góp ý mấy điểm như sau:

1 - Ông, bà Nhất Linh có bao nhiêu con?

Trong bài *Những Kỷ Niệm Riêng . . .*, Trương Bảo Sơn viết về bà Nguyễn Tường Tam: "*Tuy sinh 13 lần nhưng chỉ nuôi được có bảy con, 5 trai và 2 gái*" (tr. 26).

Trong bài *Nhất Linh, Tự Lực Văn Học . . .*, Lê Đình Thông chú thích "*nhà văn Nguyễn Tường Tam có năm người con*" và cẩn thận ghi tên cả năm người và nơi họ đang sinh sống (tr. 69).

Trong bài *Nữ Sĩ Anh Thơ Viết Về Nhất Linh*, bà Tam đã trả lời về việc cho anh Triệu làm con nuôi nhà văn Khái Hưng "*. . . anh Khái Hưng là bạn thân nhất của nhà tôi mà lại không có con trong khi chúng tôi có những bảy cháu*" (tr. 93)

Tiếc thay cả ba bài của ba tác giả dẫn trên không cho biết thời gian viết là năm nào, trừ bài *Nữ Sĩ Anh Thơ . . .* ghi theo hồi ký *Từ Bến Sông Thương* xuất bản năm 1986.

Thiết tưởng khi viết về địa danh, nhân danh, hay số liệu nên ghi thật đúng, nếu những điều không chắc chắn xin ghi *có lẽ, khoảng chừng* mà không khẳng định.

2 - Báo *Ngày Nay* đình bản năm nào?

Trong bài *Cười Cợt Để Sửa Đổi Phong Hóa . . .*, Động Đình Hồ nói tham chiếu bài *Thư gửi cô Mai, cô Loan* của Nguyễn Thị Vinh thì tuần báo *Ngày Nay* đình bản năm 1939. Nhưng ngay dòng dưới (tr. 52), Động Đình Hồ cho in hình bìa tờ *Ngày Nay* số 222 phát hành ngày 24. 8. 1040 để chứng minh là năm 1939 báo *Ngày Nay* chưa đình bản và gián tiếp cho Nguyễn Thị Vinh là sai. Có thể bà Vinh sai thật vì ngay khi trả lời cuộc phỏng vấn của Anh Vân đăng trên nguyệt san *Hương Quê* số 47 tháng 8. 1998 xuất bản tại Houston, TX, bà cũng nói rằng " *hiện nay tôi cũng có một số tài liệu về việc ấy* (TLVĐ) *nhưng không bảo đảm sự chính xác. Do đó không dám phổ biến.*" Tôi đề nghị tòa soạn *Thế Kỷ 21* nên mượn chính tờ bìa *Ngày Nay* số 222 của Động Đình Hồ để coi tận mắt và đính chính lại ngày khai tử của *Ngày Nay*.

3 - Tên thật của Thế Lữ

Cho tới nay hầu như đa số nhà văn, nhà báo hải ngoại vẫn tưởng tên thật nhà văn Thế Lữ là Nguyễn Thứ Lễ và bút hiệu Thế Lữ là sự đảo lộn các chữ cái *Thứ Lễ* như trường hợp đảo lộn *Khánh Giư* thành Khái Hưng. Kể cả *Thế Kỷ 21* nơi trang 65. Tôi cũng đã lầm như vậy cho tới năm 2000. Sau khi dò hỏi và nhờ tiếp xúc với con trai nhà văn Thế Lữ là ông Nguyễn Đình Nghi được xác nhận tên thật Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ tôi đã viết bài kèm phóng ảnh đăng trên *Thế Kỷ 21* số 144, phát hành tháng 4. 2000

4 - Sai lầm từ Phạm Thế Ngũ

Hồi còn ở Việt Nam, cho tới năm 1975 có lẽ bộ sách *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*

của Phạm Thế Ngũ do Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn in năm 1962 – 1965 là công phu nhất về văn học Việt Nam và được nhiều người tham khảo. Trong cuốn III, Phạm Thế Ngũ viết về TLVĐ khá đầy đủ nhưng không nói tên các đoàn viên mà chỉ nói TLVĐ gồm 7 người và được Khái Hưng kể trong tiểu thuyết *Những Ngày Vui*. Lầm lẫn nhỏ này khiến Trần Bích San đã lầm theo khi viết bài dăng trên tuần báo *Sài Gòn Nhỏ* số Xuân Đinh Sửu, 1997. Trong *Thế Kỷ 21* số đặc biệt về Nhất Linh, tác giả Lê Đình Thông cũng ghi Khái Hưng đã viết về 7 đoàn viên TLVĐ trong *Những Ngày Vui*. Tôi may mắn không lầm theo Phạm Thế Ngũ vì đã tìm *Những Ngày Vui* đọc lại, dò từng giòng không hề thấy giòng nào nói về thi đoàn Pleiade ở Anh, Pháp hay các vì sao Pleiades trong thần thoại. Điều đó cho thấy chi tiết trong biên khảo khá quan trọng.

5 - Ai là cha đẻ Xã Xệ?

Trong bài viết về Lý Toét, Xã Xệ, Động Đình Hồ thắc mắc không biết Lý Toét, Xã Xệ do ai sáng tác (tr. 52).

Lê Đình Thông viết Nhất Linh "*là cha đẻ của Lý Toét, Xã Xệ*" (tr. 66). Thực ra trong di cảo viết tay của Nhất Linh ông không nhận điều đó. Ông ghi: "*Bút Sơn, ở Sài Gòn (người đã vẽ ra Xã Xệ)(tên thật chưa biết. Xin ông Bút Sơn (nếu ông còn sống) hay các bạn ông cho biết tên thật.*" Như vậy đã rõ cha đẻ của Xã Xệ nhưng ông thân sinh của Lý Toét là ai thì chưa có lý lịch.

6 - TLVĐ có bao nhiêu đoàn viên?

Vấn đề gai góc nhất là thành viên TLVĐ. Trong *TK 21* số 159 trang 10 và trang 65 đều viết thành viên TLVĐ khi thành lập năm 1933 có 7 người trong đó có Nguyễn Gia Trí.

Từ năm 1997 tới năm 2000 tôi đã kê cứu nhiều tài liệu để tìm hiểu về thành viên TLVĐ và kết luận văn đoàn chỉ có bảy người căn cứ trên bản phác họa hồi ký do chính Nhất Linh viết tay và đã được in trên nguyệt san *Văn Học Nghệ Thuật* số 3 phát hành tháng 7. 1985 tại Cali do Võ Phiến làm chủ nhiệm. Trong tờ phác họa này Nhất Linh ghi rõ Xuân Diệu là đoàn viên, Nguyễn Gia Trí chỉ là cộng tác viên. Và ông cũng ghi tên thật của Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ.

Sau khi viết bài về các thành viên TLVĐ đăng trên *Thế Kỷ 21* số 102 - tháng 10. 1997, tôi lại đọc được một số bài về TLVĐ ghi thêm nhiều tên vào văn đoàn này.

Chẳng hạn như Hội Nhà Văn Việt Nam Hà Nội viết rằng TLVĐ có Trần Tiêu, thi sĩ Tân Việt, họa sĩ Đông Sơn vì họ không biết Tân Việt và Đông Sơn chỉ là hai bút hiệu khác của Nhất Linh (*Lời Nói Đầu* trong bộ *Tuyển Tập TLVĐ* do Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội xuất bản năm 1999).

Trên báo *Con Ong TX* số 65 phát hành ngày 11. 6. 99, tr. 91, Đông Ngàn viết "*Phạm Văn Hạnh là một nhà văn trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn.*" Điều này hoàn toàn sai.

Trong cuốn *Thơ Và Đời* do Lữ Huy Nguyên biên soạn , Nxb Văn Học, Hà Nội thực hiện năm 1995 ở trang 229 viết đoàn viên TLVĐ nòng cốt là sáu nhà văn trong tòa soạn *Phong Hóa* và Nhất Linh đề nghị kết nạp thêm Trần Tiêu làm đoàn viên thứ bảy cho đủ thất tinh.

Trong bài của tác giả Lế Văn Thông thì Tú Mỡ viết rằng có nhận thêm Xuân Diệu vào TLVĐ để thành bát tú (tr. 69). Trong cuốn *Tiếng Cười Tú Mỡ* do Hội Nhà Văn, Hà Nội xuất bản năm 1993, Tú Mỡ viết ở trang 37 "*năm 1939 cái thất tinh hội ấy bắt đầu lu mờ,*" trang 44 ông viết "*thất tinh hội TLVĐ tan tác,*" trang 45 ông bồi thêm "*thất tinh hội rơi rụng mất ba.*"

Tôi được nhạc sĩ Duy Trác ở Houston, TX gửi cho phóng ảnh về những đoạn tôi cần trong cuốn *Tiếng Cười Tú Mỡ*. Cuốn sách đó tôi chắc chắn tế tử của nhà thơ Tú Mỡ là nhà văn Doãn Quốc Sỹ cũng ở Houston đang có.

Đầu năm 2002 tôi nhận được từ nhà văn Duy Lam bản phóng ảnh trang báo *Văn Hóa Ngày Nay* số 1 đăng truyện *Cúng Cơm* của Đỗ Đức Thu. Trong lời giới thiệu bằng chữ nhỏ in trên tên truyện có câu "*Sau hơn mười lăm năm nhà văn lão thành Đỗ Đức Thu trong TLVĐ mới lại có truyện đăng...*" Theo tôi lời giới thiệu này có thể do một người trong tòa soạn viết và Nhất Linh không coi lại kỹ trước khi cho in.

Trước những bài viết theo ký ức rối mù như vậy tôi nghĩ ta nên tin di cảo của Nhất Linh đã phổ biến trên nguyệt san *Văn Hóa Nghệ Thuật* số 3.

Không tài liệu nào có thể chính xác và khả tín hơn tài liệu do chính người đứng đầu TLVĐ viết tay để lại cho chúng ta. Vậy ta hãy cứ tin TLVĐ có bảy đoàn viên là Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ , Tú Mỡ, Xuân Diệu và chúng ta không đủ thẩm quyền tùy tiện thêm hay bớt tên ai cả./.

NHÌN NGƯỜI LẠI NGHĨ ĐẾN TA

NGUYỄN VĂN THÀ

Trong loạt bài tưởng niệm Nhất Linh (tưởng là nghĩ ngợi, nhớ; niệm là nhớ nghĩ, đọc ngầm ngầm, theo từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh), Thế Kỷ 21, số 159, tôi thấy đa số các bài viết nặng về nhớ hơn là nghĩ. (Mà nhớ lộn, nhớ sai cố ý hoặc vô tình, là chuyện vẫn có thể xảy ra. Phải tỉnh táo, xoi mói khi đọc những chứng từ.)

Nhưng đặc biệt có bài của Trần Thanh Hiệp có vẻ có nhiều nghĩ, nghĩ ngợi, lý luận, dù viết rất rối rắm, nhiều chữ Hán Việt sang trọng quá, mạch văn nhiều uốn lượn. Tuy nhiên tôi cũng rút tỉa ra được một số điều sau đây:

Trần Thanh Hiệp đề cập đến lịch sử viết hoa: Lịch Sử, còn gọi là lịch sử "chính danh," mà tôi xin gọi nôm na là Chuyện Có Thiệt. Loại lịch sử này khác với loại lịch sử viết thường, còn gọi là lịch sử "nhân danh," mà tôi gọi nôm na là chuyện bịa, mà, ví dụ, Cộng sản đã dùng.

Rồi ông còn phân ra hai loại lịch sử vĩ mô, Chuyện Lớn; và lịch sử vi mô, chuyện nhỏ. Lịch Sử cả nước Việt Nam (và thế giới) là lịch sử vĩ mô, lịch sử của ông Nhất Linh là vi mô.

Và điểm đáng chú ý trong bài là lời kêu gọi của ông: *"Người đời sau phải đẩy dư luận đi tới xa hơn nữa, để tìm ra ý nghĩa lịch sử của cái chết này* (ý nói: về cái chết của Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Văn Thà chú). *Dĩ nhiên ai, cũng có quyền nghĩ hay nói về cái chết ấy. Nhưng điều nên tránh là đừng tự cho mình là quyền 'nhân danh' lịch sử vĩ mô để viết lại, theo chủ quan của mình, lịch sử vi mô Nguyễn Tường Tam. Tốt hơn, nên trả Nhất Linh Nguyễn Tường Tam về thời đại của ông để các sự kiện lên tiếng nói."* Cái câu in nghiêng này đáng đồng tiền bát gạo, vì đây là ước mơ của những người bị đọc sử bịa quá nhiều từ cổ chí kim. Nhưng tiếp ngay sau câu (tôi) in nghiêng trên, tác giả lại viết: *"Như vậy ông sẽ được trả về cho lịch sử, điều tương xứng với sự nghiệp, với phong cách của ông. Và để cho lịch sử phán xét ông."* Nơi hai cụm từ sang trọng sự nghiệp, phong cách, tôi thấy đã có mùi "nhân danh" rồi. Rồi đọc mãi gần ba trang nữa, ở kết luận, thâu gọn ý tác giả muốn chuyên chở trong toàn bài (tải đạo), tôi thấy cái mùi "nhân danh" bốc ra rõ ràng, lộ ra rõ rệt: *"Vào cái tuổi 57..., ông đã lấy cái chết của mình để cảnh cáo những người cầm quyền* (ý nói:ông Ngô Đình Diệm và chính phủ của ông, những lịch sử vi mô khác, Nguyễn Văn Thà chú thích) *bạo ngược, ngang nhiên chà đạp lên mọi thứ tự do là nhân phẩm, thứ giá trị khiến cho con người khác biệt với các sinh vật khác. Không phải ai cũng lấy được một quyết định như vậy. Phong thái lẫm liệt ấy hiếm thấy trong lịch sử Việt Nam.*

Người Việt Nam có thể tự hào đã có một nhân vật Nhất Linh Nguyễn Tường Tam trong lịch sử."

Trời Đất ơi, tác giả vừa mới: "Và để cho lịch sử phê phán ông," vậy mà ngay lập tức đã tự phong cho mình cái tước làm công việc của lịch sử mất rồi! Trần Thanh Hiệp có "nhân danh" không vậy? Hay tác giả tự đại diện cho lịch sử. Còn những người khác, nếu nói khác tác giả, chê Nguyễn Tường Tam, thì không là lịch sử? Chắc chắn không có loại lịch sử lạ đời như vậy.

Và một chuyện khác, có liên quan tới điều vừa nói trên:

Ở nước Na uy, đã có người, một cá nhân, chứ chẳng phải "lịch sử" cao trọng mơ hồ, làm công chuyện phán xét cuộc đời của nhân vật Giêsu, đặc biệt là cái chết của ông. Đó là triết gia Peter Wessel Zaffel (đọc là Pete Vétxen Xápphen). Ông là một triết gia lớn, rất lớn, của Na uy, và có lẽ của cả thế giới nữa, nhưng ông không được hên như Soren Kierkegaard của Đan Mạch láng giềng, được thế giới biết đến nhiều. Trước khi dấn thân hết mình vào Triết học, triết gia Zaffe là một luật sư được đào tạo chính quy, biết các tiếng Anh, Pháp, Đức, Hi lạp, La tinh, Do thái và dĩ nhiên tiếng của các nước Bắc Âu nữa, nơi có những tư

tưởng gia về triết học, về thần học, và các nhà chú giải văn bản Kinh thánh có thẩm quyền hàn lâm; biết không phải để đi du lịch mà để đọc về các đề tài mà ông muốn phát biểu; ông đã viết tác phẩm đồ sộ Om det tragiske - Về cái bi tráng.

Và đã viết về nhân vật Giêsu với cuốn Rikets hemmelighet - Ett korfattet Jesusbiografi (Bí mật của Nước trời- Đại cương Tiểu sử của Giêsu). Cái tựa đề có vẻ hàn lâm như thế, nhưng sau khi đọc xong tôi thấy cái tựa sách phải dịch là Cái lập lờ trong Nước trời. Tại sao tôi lại dịch như vậy? Thưa rằng, Zaffe,với cái nhìn của một triết gia được trang bị với kiến thức về hiện tượng luận, luận lý học, và với kiến thức của một luật gia (hình như Trần Thanh Hiệp cũng đồng nghiệp với Zaffe?), đã xét lại cuộc đời và cái chết của nhân vật Giêsu qua các văn bản Kinh thánh (xin nhấn mạnh là văn bản), và ông đã phanh phui ra được nhiều điều vô lý, vô lý đến độ kỳ cục. Nhất là về cuộc tử nạn, còn gọi nôm na là cái chết, như cái chết của Nguyễn Tường Tam chẳng hạn. Sách xuất bản năm 1985, cuối đời ông, khi bầu rượu tri thức của ông vào độ ngon nhất. Và tới nay, ở Na uy, một tiểu cường quốc, cả về mặt văn hoá, chẳng ai vặn lại nổi lý chứng của ông.

Về nhân vật Giêsu thì từ năm 323, khi Constantin lên làm đại đế Đế quốc Rôma vùng Đông, bảo trợ Kitô giáo, nhân vật Giêsu có thế giá lắm, được ca ngợi, ca tụng thiên kinh vạn quyển, chỉ xính vính chút xíu thế kỷ thứ 17, thế kỷ của ánh sáng, nhưng qua thế kỷ 20 mới là lung lay, lung lay tận gốc rễ với những tư tưởng mới, mới thứ thiệt, mới vững vàng. Zaffe là một trong những người đó.

So với cuộc đời và cái chết của nhân vật Giêsu, thì sự nghiệp và phong cách, và cái chết lịch sử Nhất Linh Nguyễn Tường Tam chắc không thể vĩ đại hơn, vậy mà cuộc đời và cái chết của nhân vật Giêsu còn bị phân tích, phê phán cho ra lẽ, bởi những người trí thức độc lập Âu, Mỹ, như Zaffe.

Chỉ có những suy tư độc lập, suy tư nhà nghề, "đa nguyên," mới cứu rỗi được đất nước mình, nói riêng, và nhân loại nói chung. Một Tây Âu, một Bắc Mỹ giàu có, và hạnh phúc (tuy chưa toàn vẹn) đã chứng minh điều vừa nói./.

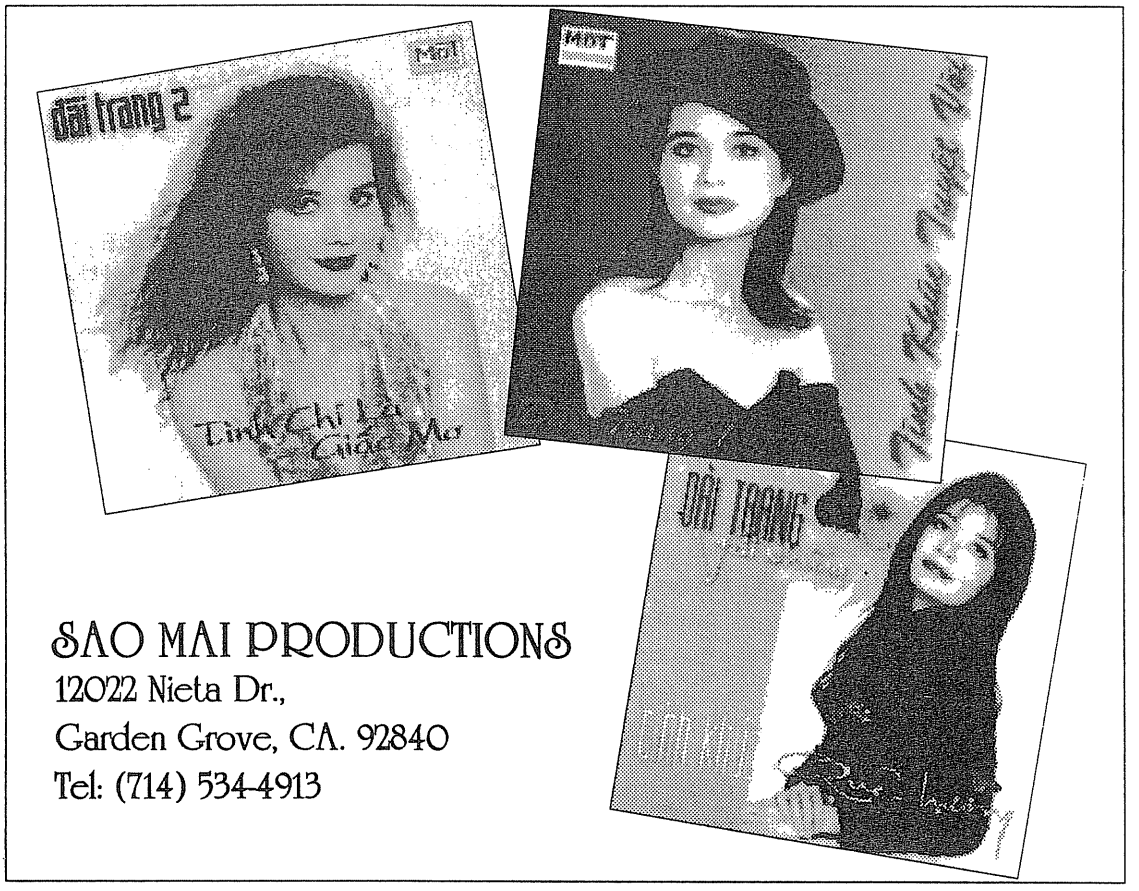

TÂM TÌNH CỦA NGƯỜI CON

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Sau đây là bức thư có tính cách tâm tình của ông ***Nguyễn Tường Thiết****, con út của nhà văn Nhất Linh gửi Tòa soạn tạp chí Thế Kỷ 21 sau khi đọc Thế Kỷ 21 tháng Bảy, số đặc biệt tưởng niệm Nhất Linh.*

Anh Phạm Phú Minh thân,

Buổi chiều ngày 2 tháng 7 này, đi làm về tôi nhận được số báo anh gửi. Tôi đã đọc một thôi một hồi, thích quá, đến nỗi đêm quên cả đi ngủ (Anh có gọi cho tôi mấy lần ban đêm anh biết đó, tôi sống điều độ đến phát chán, mới 9 giờ tối trời hè còn sáng choang đã leo lên giường chuẩn bị đánh tiếp chuyến đi cầy cho ngày hôm sau). Buổi sáng sớm tinh lờ phờ đến sở, óc còn vấn vương tờ báo, không ngăn được cái háo hức, gọi ngay cho anh. Không ngờ bị anh choang cho một vố nặng, anh nói nhân cái đà *good mood* của tôi (chữ của anh) sao tôi không viết một bài gấp gấp về cảm nghĩ của tôi đối với số báo này để kịp đăng trên báo *Người Việt* số ngày 7-7-02?

Thì đây là cảm tưởng đầu tiên của tôi: tờ báo hình bìa đẹp quá, nội dung phong phú quá! Vẫn biết là từ mấy tháng nay anh đã chuẩn bị kỹ cho số báo này, thế mà cầm nó trên tay, số báo *Thế Kỷ 21* số chủ đề "Ngày 7-7: Tưởng Niệm Nhất Linh," tôi còn thấy sững sờ! Có lẽ đây là số báo tưởng niệm ông cụ tôi được thực hiện công phu nhất, bài vở xúc tích nhất mà tôi được biết từ gần 40 năm qua. Xin có lời ngợi khen công trình sưu tập của anh và của tất cả các anh chị trong ban biên tập *Thế Kỷ 21*.

Sau đây là mấy ý nghĩ khá lộn xộn của riêng tôi về số báo, và trong lúc viết có thể nẩy bật đôi điều lý thú hoặc những kỷ niệm con con chưa từng tiết lộ về ông cụ (chắc cũng sẽ lộn xộn thôi); nếu anh thấy thích thú mà cho đăng tải thì hãy cứ xem đây như một ngẫu hứng tôi viết thẳng một hơi mộ lèo nhân cái cơn khoái trá (như anh nói) được hân hạnh đọc số báo rất đặc sắc của anh.

Trước hết là cái hình bìa. Tôi nhớ ông cụ vẽ bức tranh lan Thanh Ngọc này để in trong phụ bản Văn Hoá Ngày Nay năm 1958, sau đó lại được in trong Giòng Sông Thanh Thủy ấn bản đầu tiên năm 1961. Năm 1973 khi tôi phụ trách nhà xuất bản Phượng Giang và ngay sau khi xuất bản lần đầu cuốn Xóm Cầu Mới tôi đi tìm bức tranh lan nói trên để in trong cuốn GSTT tái bản lần I, thì không tìm ra bức tranh ấy ở đâu. Nó mất tích. Ông cụ cho tặng ai thì cứ lẳng lặng làm thôi, con cái làm sao mà biết được! 41 năm sau tôi mới được thấy lại bức tranh đó, nó lòi ra nằm sững trên bìa báo của anh, như một phép lạ. Xao xuyến bồi hồi chứ! Ai mà biết được bức tranh đó chu du sang tận phương trời Na-Uy.

Rồi còn một lô những hình ảnh, hình vẽ, thủ bút của Nhất Linh nữa chứ, tràn ngập số báo. Một vài bức ảnh chính tôi mới được thấy lần đầu (như bức chụp ông cụ tôi ở vườn Tao Đàn, bức chụp với họa sĩ Nguyễn Gia Trí). Nội cái hình bìa báo *Phong Hóa* (1933), *Ngày Nay* (1940) cũng đã thấy cái công phu của người sưu tập. Nhưng phong phú nhất phải kể đến những bài viết, từ bài của những vị "trưởng lão" cùng thời với ông cụ tôi đến các nhà văn tăm tiếng, cả những người mới viết lần đầu, tất cả bài vở đều mới toanh, viết riêng cho số báo đặc biệt này.

Độc giả có thể tìm thấy qua những bài đó rất nhiều khía cạnh khác nhau của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, con người đa tài đa dạng. Riêng tôi thì tôi chỉ chú ý về những khám phá mới lạ đối với chính mình: bài của cô Vinh cho tôi hình dung rõ rệt cái khung cảnh khi ông ngồi đặt bút viết lần thứ ba cuốn trường thiên *Xóm Cầu Mới* năm 1949 tại Hương Cảng (lạ lùng thay trong suốt ba tháng cặm cụi đánh máy những trang bản thảo tôi cũng chưa được đọc bài viết của cô Vinh để hình dung cái khung cảnh ấy). Ngay cả anh Võ Phiến lần đầu đọc bài đó cũng vội viết ngay cho tôi như một ngạc nhiên thích thú: À, thì ra "trên núi" là thế đó! Đọc bài của anh Võ Phiến tôi thấy dường như anh "đọc bản thảo Nhất Linh" chỉ là cái cớ, đi tìm chiều sâu của tâm hồn Nhất Linh

mới thực là cái ám ảnh lớn của anh. Đọc bài của chú Sơn tôi khoái trá khi ông kể về các "thói xấu" của Nhất Linh, đặc biệt là đoạn sau này: Nhất Linh Nguyễn Tường Tam có thói xấu này, có thể coi là xấu lắm, chính ông và bà Tam đã kể ra vợ chồng tôi mới biết mà chẳng biết con cái ông có biết không? Ấy là ông ít sống với gia đình, người không ưa có thể bảo là ông bỏ bê gia đình vợ con. (Chú Sơn ơi, cháu sẽ trả lời chú ở phần sau).

Nhưng tôi thích thú hơn cả là được đọc hai bài viết: một bài của chính anh và một bài của bà Anh Thơ. "Nắm cỏ đưa về tấc đất xưa"- Phạm Phú Minh, nội đọc lên cái tựa vừa nên thơ vừa dễ gây xúc cảm, đồng thời nhìn bức ảnh chụp hai nấm mộ của song thân mình tôi đã ứa nước mắt... Bài viết gieo vào tôi những cảm giác nghịch nhau: vừa xúc động lại vừa thú vị. Xúc động thì đã hẳn, thú vị vì được biết các cụ tổ của chúng mình - của anh và tôi - đã từng giao du với nhau. Anh viết: "Ngày nhỏ, mỗi lần về thăm nhà thờ của họ tôi - họ Phạm Phú ở làng Đông Bàn, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam - tôi thường được các bậc chú bác đọc và dịch cho nghe những câu liễn, câu đối, hoành phi trong nhà thờ. Tôi nhớ có một đôi liễn rất dài, bằng gỗ màu nâu chữ mạ vàng, nói là của ông Nguyễn Tường Tiếp tặng ông Phạm Phú Thư ... Ông Nguyễn Tường Tiếp cùng làm quan triều Tự Đức với ông cố của tôi và sự giao du của các vị khiến cho tôi cảm thấy như có một liên hệ tinh thần với họ Nguyễn Tường, mặc dù cho đến gần đây tôi chẳng mấy khi được có dịp giao du mật thiết giống như người xưa." Anh Minh ơi, nhắc đến tên cụ tổ của anh, trong óc tôi lại lóe lên một kỷ niệm êm đềm ở Đà-Lạt năm 1956 với ông cụ tôi. Năm đó đã không biết bao lần bố con tôi giắt tay nhau đi trên con đường dốc ngoằn ngoèo ngang qua tòa án Đà-Lạt, con đường lúc nào cũng ngợp mát bóng lá thông mang tên Phạm Phú Thứ.

Năm ngoái khi ông anh cả tôi là Nguyễn Tường Việt đưa ý kiến mang di cốt của ông bà cụ chúng tôi về chôn cất nơi nguyên quán ở Hội An, tôi tán thành ngay nhưng bởi một lý do đơn giản hơn nhiều. Đọc bài của anh viết tôi mới ý thức rằng công việc làm của chúng tôi còn mang một ý nghĩa sâu xa hơn; như anh viết: "Sự kiện di cốt của ông bà Nguyễn Tường Tam và trưởng nữ được đem về an táng tại nghĩa trang của họ Nguyễn Tường trên đất Quảng Nam là một sự kiện văn hoá lớn, có khả năng nối liền quá khứ với hiện tại. Quyết định này thể hiện một tinh thần gia tộc rất mạnh." Thú thật với anh, cái ý nghĩ đầu tiên đến với tôi khi chúng tôi làm công việc trên là mong muốn bà cụ tôi được "đoàn tụ gia đình" sau 38 năm cách biệt. Cứ thử tưởng tượng bà cụ tôi, cả một cuộc đời quen với cái không khí chợ búa ồn ào bên những bồ cau khô, người đàn bà mà công việc buôn bán đã gắn bó rất nhiều với đất quê chồng ở Quảng Nam, khi nằm xuống bỗng nhiên trực diện với cái yên vắng lạnh lẽo của miền ngoại ô thành phố Paris bên đám tây đầm xa lạ, cứ tưởng tượng thế thôi cũng đã thấy đau lòng!

Rồi tôi ngỡ ngàng cảm động lần đầu tiên đọc bài văn của nữ sĩ Anh Thơ trích trong cuốn *Từ Bến Sông Thương* xuất bản ở Hà-Nội năm 1986 tả về cuộc phỏng vấn bà Nhất Linh 60 năm về trước. Năm 1939 cô gái Anh Thơ được tặng giải thưởng thơ của Tự Lực Văn Đoàn. Những năm đầu của thập niên 1940 cô Anh Thơ bước vào nghề báo và đã làm một loạt những bài phỏng vấn vợ của các nhà văn. Đoạn viết về cuộc tiếp xúc với bà cụ tôi làm tôi xúc động vì đây là lần đầu tiên, do bài viết của bà Anh Thơ, tôi hình dung được khuôn mặt người mẹ của mình vào cái thời mà tôi còn ẵm sữa. Đã từ bao năm rồi tôi không biết cái cô con gái bán thuốc lào ở phố Hàng Bè phải có một nét gì rất đặc biệt để khiến cậu thư sinh đẹp trai mà nhút nhát ngày ngày kiếm cớ mua thuốc lào, mua nhiều hút đến phát nghiện mà vẫn chưa quen thân được cô gái. Bây giờ thì tôi tìm được rồi: Đôi mắt bà chớp chớp. Tôi chợt thấy đôi mắt bà đẹp quá! Một đôi mắt to mênh mông, có hàng mi dài óng ả.

Nhất Linh hẳn đã đem đôi mắt đẹp của bà ghép lên cô Loan, cô Thu, cô Mùi và có lẽ vào tất cả những nhân vật nữ trong tiểu thuyết của ông. Viết đến đây, tôi đi vào buồng riêng, lấy ra một trang giấy đã được tôi cất từ 40 năm nay, trên trang giấy Nhất Linh vẽ hai con mắt, phác họa cái bìa cho cuốn truyện dài *Hai Con Mắt* với hàng chữ "Vụt nghĩ ra 26-4-1961 11 giờ (12 tháng 3 năm Tân Sửu)." Tôi tự hỏi là cái ý truyện mà ông vụt nghĩ ra ấy nó có liên hệ gì đến hai con mắt to mênh mông, có hàng mi dài óng ả kia không.

Nhưng chính cái đoạn văn kết cho bài phỏng vấn của bà Anh Thơ mới thực làm tôi bàng hoàng. Chỉ cách đây mới có một tháng tôi thảo lời đề tặng sau đây đăng trên trang đầu cuốn truyện dài Xóm Cầu Mới tái bản năm 2002: "Nhân ngày Giỗ Mợ lần thứ hai mươi (mồng Ba tháng Tư năm Nhâm Ngọ) chúng con, những đứa con còn lại

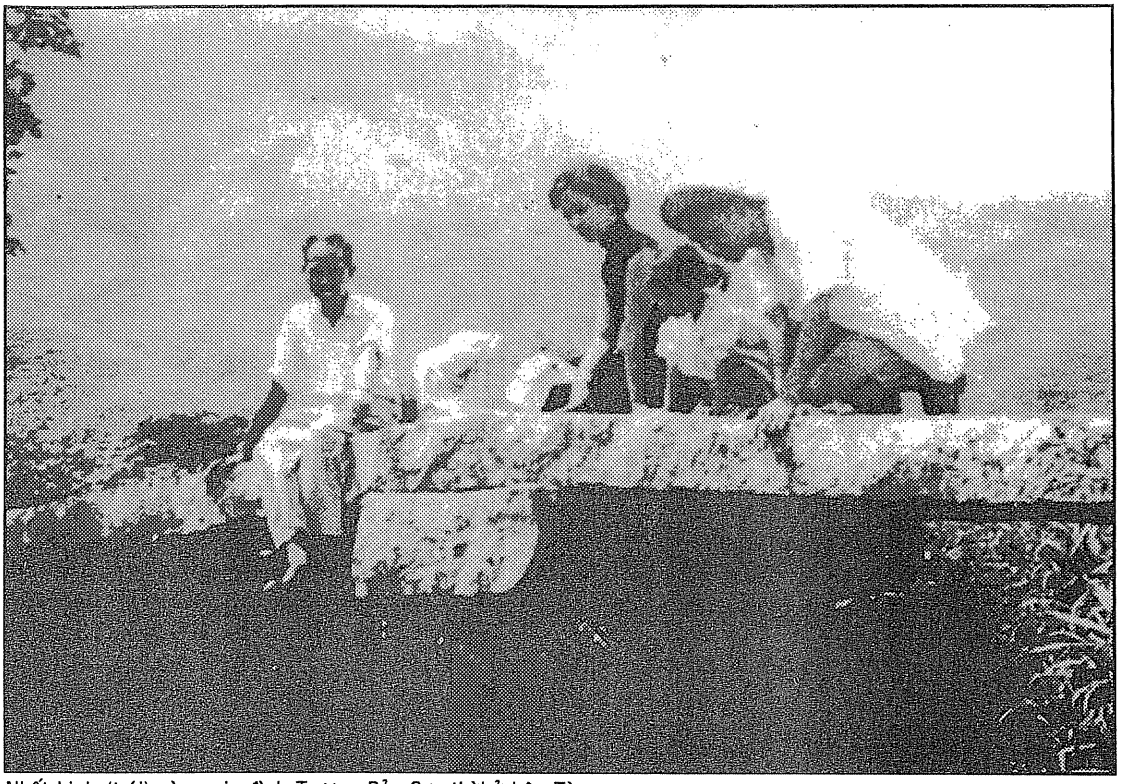

Nhất Linh (trái) cùng gia đình Trương Bảo Sơn thời ở bên Tàu

của Mợ, cho tái bản cuốn Xóm Cầu Mới này và trang trọng in lời di chúc của Cậu, như thắp nén hương tưởng nhớ, biết ơn và vinh danh công đức của Mợ; người đàn bà tần tảo và đức hạnh đã hết lòng hy sinh cho chồng cho con mà suốt cuộc đời nhọc nhằn vất vả chỉ sống với một niềm vui và hãnh diện qua lời ngợi khen của Cụ Nguyễn Hải Thần: Anh Tam nếu không có chị ấy thì không thể làm nên sự nghiệp này." Ở đầu bên kia nửa vòng trái đất, xa cách nhau đến 60 năm, một người đàn bà sống trước tôi gần hẳn một thế hệ, đã viết những giòng sau này, hết sức trùng hợp với cái ý của tôi, chỉ khác một điều là sự diễn tả của bà trung thật và rung cảm hơn tôi nhiều lắm: "Đôi mi dài của bà rung động trước cặp mắt to long lanh. Tôi nhớ mãi đôi mắt ấy. Cặp mắt có vẻ chịu đựng mọi hy sinh, vì người thân của mình. Cặp mắt của một người đàn bà Việt Nam cũ kỹ, tảo tần, không ý thức được rằng những việc mình làm đã đóng góp cho sự nghiệp của chồng không nhỏ."

Anh Minh ơi,

Tôi xin được trở lại cái "thói xấu" của Nhất Linh mà chú Sơn đã nêu ra. Nói rằng ông ít sống với gia đình thì đúng. Nhưng nói rằng ông bỏ bê thì không. Trái lại rất ít người biết được là ông rất thương yêu con cái. Anh Võ Phiến đã từng viết về Nhất Linh : "Một cuộc đời 57 tuổi chưa là dài, với độ 40 năm cầm bút chưa là nhiều, nhưng ở Nhất Linh cuộc đời ấy thật nhiều hoạt động, nhiều biến cố." Ông cụ tôi đã sống một cuộc đời lỗi lạc. Hậu quả đương nhiên của cuộc đời ấy phải là sống xa cách gia đình. Mẹ chúng tôi và chúng tôi chấp nhận chuyện này một cách hãnh diện. Nhưng về cuối đời thì tôi đoán ông có mặc cảm về chuyện này. Nếu không thì ông đã không tâm sự với chú Sơn (đây là lần đầu tôi được biết). Và cũng có thể vì mặc cảm đó mà cuối đời ông, sau thời gian ông trốn tránh (cuối 1960-đầu 1961), lần đầu tiên, ông về sống hẳn với gia đình, mặc dù trong điều kiện sống vô cùng chật vật, trong một căn gác rất nhỏ ở chợ An Đông cho đến mãi tận ngày ông qua đời.

Và cũng nhờ vào những năm sống gần nhau lúc cuối đời mà tôi đã có dịp thấy được thêm một số đức tính của ông, mà cho đến nay tôi chắc là chỉ có gia đình biết. Chúng tôi thường hay nói đùa: Cậu có nhiều cái "sĩ" quá, không biết có truyền được cái nào cho con cái không? Này nhé, văn sĩ (đã hẳn), họa sĩ, nhạc sĩ, thi sĩ, lại thêm cả chiến sĩ (cách mạng) nữa. Tôi nhớ khi nghe tin báo ông anh cả tôi, anh Việt, đậu tiến sĩ vật lý ở bên Pháp, ông hể hả nói với chúng tôi là đã trao

cho con một cái sĩ mà chính ông không có.

Nhưng không có ai biết là ông còn có một cái "sĩ" nữa mà có lẽ ông hãnh diện nhất trong tất cả những cái vừa kể, đó là hàn sĩ. Ông sống nghèo, trong sạch, và rất kiêu hãnh về điều này. Và chắc chắn cái sĩ này mới đích thực là điều ông trông mong ở con cái.

Như đã nói, trong hai năm 1962-63, tất cả bố mẹ con chúng tôi chen chúc nhau ở trên một gian gác rộng 4m X 12m lầu 2 chợ An Đông vì dưới nhà là giang sơn buôn bán của bà cụ tôi mà các bồ cau đã chiếm hơn nửa. Căn phòng cứ thông thống không vách ngăn. Tôi đã chứng kiến không biết bao lần ông cụ nằm đọc sách trên ghế bố đặt ở một góc phòng (thời gian này ông sai chúng tôi đi thuê sách trinh thám Pháp, loại série noire, bầy la liệt ở vỉa hè đường Lê Lợi, đối diện nhà sách Khai Trí, cạnh cái cầu tiêu công cộng). Khổ nỗi là bà cụ tôi lâu lâu lại phải tiếp khách ở trên gác (nhất là khách sang tiếp ở dưới nhà thì luộm thuộm quá), mà ông cụ thì rất ghét phải thù tiếp (y chang như tính ông Lang Hàn trong Xóm Cầu Mới). Tôi biết cái cách giải quyết của ông: cứ mỗi lần nghe tiếng khách oang oang lên lầu là ông buông thõng cánh tay bỏ rơi cuốn sách, giả vờ ngủ ngon lành.

Chính chúng tôi cũng không chịu được cảnh sống bần hàn này nên có lần trong bữa ăn có ai than thở về cảnh sống chật chội. Ông cáu, cầm bát đứng dậy, cái bát run run trong tay: "Mình phải hãnh diện là nhà mình nghèo chứ!" Suốt đời chúng tôi không bao giờ quên được câu nói này. Tiếc rằng lúc đó chúng tôi không hiểu được cái chiều sâu của câu nói, chắc ông cũng cảm nhận được điều đó nên càng tỏ ra buồn phiền hơn.

Rồi đến chuyện bà chị cả tôi, chị Thư, muốn kiếm thêm ít tiền nên bàn với bà cụ tôi cho phép chị bầy ở ngay trước hiên nhà một cái quầy bán thuốc lá lẻ. Cái cảnh các con nhà trung lưu, sau năm 1975, bầy bán thuốc lá cà-phê ở trước cửa nhà, là một chuyện rất bình thường, quen mắt, vì đó là tình trạng của cả nước. Nhưng thử tưởng tượng vào năm 1962, con gái ông bà Nguyễn Tường Tam mà ngồi ở vỉa hè bán thuốc lá lẻ, chung đụng với các bà buôn thúng bán bưng ở xóm chợ, là một điều mà hầu như tất họ hàng nội ngoại đều cho là chướng mắt. Nhưng ông cụ tôi quyết liệt đồng ý cho chị tôi bán thuốc, ông nói không có nghề nào là hèn hạ miễn đồng tiền kiếm được là đồng tiền sạch.

Ngoài ra tôi lại được biết thêm đức tính chân thật ở ông. Bà cụ tôi kể tôi nghe một câu chuyện cũ xẩy ra từ cái thời trước khi tôi sinh ra. Trong nhà bà có nuôi hai con gà, một bữa thấy cả hai con đều biếng ăn, có vẻ èo uột, bà bàn với ông giết béng làm cơm đãi khách. Tôi không hỏi bà khách khứa mời những ai, nhưng chắc hẳn là không thể thiếu những văn nhân của Tự Lực Văn Đoàn. Trước bữa ăn tự nhiên ông tương ra một câu mà đối với bà thiệt là lãng xẹt: "Cả hai con này nó cũng sắp toi rồi, nhà tôi phải ra tay trước!" Sau bữa ăn khách khứa ra về bà cụ tức mình kêu ầm lên là ông này bụng dạ cứ thẳng tuột, nói là gà toi để khách khứa ăn mất cả ngon. Ông bèn cự lại: nhưng nếu tôi biết mà tôi không nói ra thì chính tôi lại ăn mất cả ngon! Bà cụ tôi thích dùng cái câu này để nói với ông một cách nửa đùa nửa thật: "Cái ông này làm Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao mà chả ngoại giao một tí nào cả!" Mà quả thực vậy tất cả mọi công việc giao tế cũng như phân xử tranh chấp trong gia đình và trong cả hai họ nội ngoại, bà quán xuyến hết và ảnh hưởng của bà rất mạnh trong họ chúng tôi.

Tuy là ít sống với gia đình nhưng tình yêu con cái của ông rất sâu đậm. Tôi biết gần như chắc chắn là khi chết ông đã mang theo một ân hận to tát mà ông tự cho là mình có trách nhiệm mặc dù chúng tôi không ai than phiền oán trách. Trong những ngày chúng tôi còn nhỏ ở Hà Nội, vì nhà thì đông con mà ông bà cụ tôi thì rất bận rộn nên con cái được giao khoán cho các vú em trong coi. Chẳng may một trong các vú em bị đau mắt hột lây sang anh Thạch và chị Thoa tôi, khiến hai người về sau bị bệnh cận thị rất nặng và đến bây giờ gần như tật nguyền (trong chuyến về Việt Nam năm rồi, tôi phải dắt bà chị tôi đi trên các con đường ở Hà-Nội). Tôi còn nhớ mãi vào khoảng thời gian hiệp định Genève 1954, gia đình tôi tất cả vào Nam nhưng vẫn còn sống tạm ở nhà bác Thụy. Có một bữa chị tôi phải đi mổ mắt, ông cụ tôi hôm đó hết sức lo lắng buồn rầu; thế nhưng bà chị họ tôi, chị Nguyệt (hiện là bà BS Tôn Thất Niệm) vì không biết nên cứ vô tình thản nhiên dạo đàn piano. Cha tôi uất ức, nổi cáu, ông tiến tới giang thẳng tay đập thình thình trên phiếm đàn piano, trước cặp mắt ngơ ngác của tất cả mọi người. Một lần nữa, khi anh Thạch tôi nhập ngũ khóa 13 Thủ Đức, sau ngày ra trường, anh tôi mặc đồ trận từ biệt ông cụ tôi ở chợ An Đông để lên đường trình diện SĐ 23 tác chiến trên Ban

Mê Thuột, lúc ông anh tôi bước xuống cầu thang, anh bắt gặp ông cụ trốn vào cầu tiêu đang ôm mặt khóc.

Anh Minh à,

Cuối tháng Sáu rồi, tôi có báo cho anh Võ Phiến biết là cuốn sách Xóm Cầu Mới tái bản đã in xong và Văn Mới có gửi gấp cho tôi một cuốn để xem trước, cuốn sách được in rất đẹp đúng với ý mong của tôi. Anh Võ Phiến có viết cho tôi như sau: "Trong thế hệ từ ông cụ trở lại đây, chưa có ai được may mắn như cụ: không có văn nghệ sĩ lẫy lừng nào, sau khi nằm xuống, mà tác phẩm được con cái chăm sóc, bảo tồn, phát huy kỹ như Nhất Linh." Tôi chưa có dịp trả lời thư của anh Võ Phiến, nhưng tiện đây, nếu anh cho đăng tải bài này, thì cũng xin gửi trả lời anh ấy luôn thể, rằng chính chúng tôi mới thực sự là những người may mắn có được một người cha như ông cụ. Một người cha mà tôi đã thử để cả một đêm suy nghĩ tìm kiếm bất cứ một tĩnh từ nào trong tất cả các thứ ngôn ngữ mà tôi được biết để có thể diễn tả đầy đủ được con người ông. Tôi đã không tìm ra.

Tiện đây tôi cũng muốn thay mặt gia đình viết lời cảm ơn hết sức chân thành đến tất cả những người cầm bút đã viết về cha tôi cũng như tất cả các độc giả đã yêu mến văn chương ông. Tôi tin rằng sự nghiệp văn chương của ông sẽ còn được trường tồn không phải đơn thuần nhờ vào văn tài của ông mà còn nhờ vào lòng ngưỡng mộ và quý trọng về cả con người, cuộc đời và cái chết của ông nữa.

Nguyễn Tường Thiết

Seattle, 7/VII/2002

TRẦN TRUNG ĐẠO

Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười

Nhấc chiếc phone lên bỗng lặng người
Tiếng ai như tiếng lá thu rơi
Mười năm mẹ nhỉ, mười năm lẻ
Chỉ biết âm thầm thương nhớ thôi

Buổi ấy con đi chẳng hẹn thề
Ngựa rừng xưa lạc dấu sơn khê
Mười năm tóc mẹ màu tang trắng
Trắng cả lòng con lúc nghĩ về

Mẹ vẫn ngồi đan một nỗi buồn
Bên đời gió tạt với mưa tuôn
Con đi góp lá nghìn phương lại
Đốt lửa cho đời tan khói sương

Tiếng mẹ nghe như tiếng nghẹn ngào
Tiếng Người hay chỉ tiếng chiêm bao
Mẹ xa xôi quá làm sao với
Biết đến bao giờ trông thấy nhau

Đừng khóc mẹ ơi hãy ráng chờ
Ngậm ngùi con sẽ giấu trong thơ
Đau thương con viết vào trong lá
Hơi ấm con tìm trong giấc mơ

Nhấc chiếc phone lên bỗng lặng người
Giọng buồn hơn cả tiếng mưa rơi
Ví mà tôi đổi thời gian được
Đổi cả thiên thu tiếng mẹ cười

TRANG KHOA HỌC

SỰ HIỆN HỮU CỦA CÁI RỐN

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Ông A-Dong và bà E-Và có rốn hay không có rốn?

Đó là một câu hỏi nặng kí, liên hệ đến ít nhất một nửa nhân loại bao gồm các Ki Tô hữu có mặt khắp nơi trên địa cầu, một nửa nền văn minh của loài người, thiết tưởng thắc mắc này không nên bỏ qua.

Rốn vốn là chỗ từ đó các chất dinh dưỡng được cung cấp để nuôi thai nhi trong bụng mẹ; do đấy, nếu ông A-Dong và bà E-Và có rốn thì hai ông bà không thể là những con người đầu tiên, được Thượng Đế nặn ra từ đất sét và từ mẩu xương sườn cụt. Trái lại, nếu hai ông bà không có rốn thì họ chỉ là những sinh vật xa lạ, không cùng giống với loài người chúng ta, vì vậy, hậu quả là nguồn gốc loài người trở nên mù mịt, bị đánh một dấu hỏi lớn. *Quel bâtard!* Vào thời điểm khác, ở một địa danh khác, đặt câu hỏi như trên có thể bị mất mạng như chơi (như quí bạn đọc sẽ thấy ở Trang Khoa Học này trong tương lai,) vì câu hỏi bao hàm một sự mạo phạm ghê gớm. Đã có nhiều người bị thiêu sống với tội danh bị cáo buộc còn nhẹ hơn đặt câu hỏi như thế nhiều!

Riêng đối với người Việt, chúng ta còn có vấn đề khác về chuyện cái rốn. Vốn dĩ là hậu duệ của bà Âu Cơ, dân Việt bắt đầu nở ra từ một trăm quả trứng, vì lý do đó không ai có rốn. Điều này rõ là không đúng với thực tế; nhưng dù sao chăng nữa, giả dụ truyền thuyết có phần nào sự thật thì trong đám những người Việt sống hiện nay thế nào chẳng còn sót lại một số người không có rốn? Suy luận giản dị này đến từ thực tế người Việt chúng ta là dòng giống Giao Chỉ, và chính người viết bài này đã một vài lần trông thấy tận mắt những người Việt rất Giao Chỉ, có hai ngón chân cái tõe ra nhìn chào nhau, trong những thôn làng miền Bắc.

Về vấn đề người Việt không có rốn cùng mắt xích liên lạc của câu chuyện chuyển tiếp từ người Việt không có rốn sang người Việt có rốn, tôi chưa kịp có thì giờ nghiên cứu mà cũng không thể đi dọc đại lộ Bolsa để gặp ông-bà-cô-cậu nào cũng hỏi họ có rốn hay không, vậy xin để dành cho các nhà nghiên cứu về nhân chủng học. Còn về chuyện ông A-Dong và bà E-Và, tôi xin mạo muội đưa ra giả thuyết sau đây: ông A-Dong và bà E-Và quả có rốn, họ là những người đầu tiên có rốn, tuy rốn của họ chỉ được Chúa thêm vào như một tiên liệu làm chỗ để giữ viên kim cương khi múa bụng, để xoa dầu khi lạnh dạ hay để dùng vào một việc khác nào đó khi cần đến! Ngày nay, nó cũng là nơi để những thiếu nữ trẻ đeo hoa tai và các thứ trang sức.

Giả thuyết trên là một giả thuyết thỏa đáng; đặc sắc hơn nữa, nó dung hòa được nhiều quan điểm sẵn có, mà thoạt nhìn, có vẻ như mâu thuẫn với nhau. Nó cũng rất an toàn là vì không có đủ luận cứ để chứng minh, làm tăng tính nghiêm trọng, nó sẽ không gây nguy hiểm cho người viết. Bạn đọc tinh ý có lẽ sẽ phủi tay gạt bỏ, vạch trần ra ngay rằng một giả thuyết mà không có cách gì để kiểm chứng thì chỉ là một trò bịp bợm. Đem một lý thuyết không thể kiểm chứng vào trang khoa học, nhất là để chính thức ra mắt tiết mục mới toanh này, chẳng hóa ra người phụ trách kém lương thiện, lì lợm lắm sao! Bạn đọc rất có lý, tuy dùng chữ "bịp bợm" có phần quá đáng vì chính "giả thuyết không có kiểm chứng" trên vô tình đưa ta đến vùng biên cương của khảo cứu trong Vật Lý Học hiện đại. Tôi muốn nói đến một lý thuyết mới gọi là *thuyết chuỗi* - string theory - hay dưới dạng cao cấp hơn gọi là *thuyết siêu chuỗi* hay *thuyết chuỗi nới rộng* - superstring theory. Trước khi bàn thêm về thuyết siêu chuỗi, ta hãy lược điểm qua vài quan niệm sơ khởi.

Có bao nhiêu lực và bao nhiêu hạt cơ bản?

Để trả lời câu hỏi thứ nhất: có bốn lực, và câu hỏi thứ hai: nhiều lắm! Ngày nay có nhiều chứng nghiệm khiến ta chấp nhận rằng mọi vật trong vũ trụ, từ con người đến những vật vô tri như đóa hoa, hòn đá, đều được cấu tạo bởi những yếu tố rất nhỏ gọi là phân tử; phân tử bao gồm những nguyên tử, ở giữa nguyên tử có hạt nhân nguyên tử mà thành phần là những *hạt cơ bản*. Về hạt cơ bản, có lẽ ta cần một định nghĩa rõ ràng hơn về

hai chữ cơ bản, tạm thời hãy nhận đó là những thành phần nhỏ nhất. Trong hạt nhân nguyên tử có thể có hai loại hạt cơ bản: *proton* (mang điện dương) và *neutron* (nơtron, cũng gọi là trung hòa tử - không mang điện); chạy chung quanh hạt nhân là *electron* (điện tử - mang điện âm); ngoài ra trong thiên nhiên còn nhiều hạt cơ bản khác nữa.

Những hạt cơ bản có tác dụng trên nhau gọi là *lực*. Lực quen thuộc nhất mà ta biết, có mặt khắp nơi trong thiên nhiên, là *trọng lực:* hai hạt vật chất luôn luôn hút nhau bởi trọng lực. Những hạt mang điện hút hay đẩy nhau bởi *điện lực;* hút nếu một hạt dương một hạt âm và đẩy nếu cùng dương hoặc cùng âm. Loại lực thứ ba là *lực yếu,* hiện diện thí dụ như trong sự phân hủy gọi là phân hủy bêta: một neutron phân hủy để trở thành một proton, một electron và một hạt cơ bản khác gọi là neutrino. Sau cùng là *lực mạnh,* hiện diện giữa những hạt như proton, neutron (bên trong hạt nhân nguyên tử), v.v. Các nhà vật lý muốn thiết lập một lý thuyết bao gồm mọi lực mà trong đó tất cả những lực này được coi là tương đương như nhau.

Einstein, sau khi thiết lập thuyết tương đối đại cương (general relativity), đã bỏ hơn ba mươi năm trong phần đời còn lại, cố tìm một lý thuyết hợp nhất (unified theory) bao gồm trọng lực, điện lực (hay đúng hơn là điện từ lực) và cả không gian lẫn thời gian nhưng ông không thành công. Gần đây hơn có lý thuyết bao gồm lực yếu và điện từ lực.

Ngoài lý do thẩm mỹ, mục tiêu theo đuổi chính của những lý thuyết hợp nhất này là cố thu Vật Lý về một mối, cắt nghĩa mọi hiện tượng trong vũ trụ bắt đầu từ một số nhỏ những nguyên lý căn bản. Đó là một tham vọng đáng khen, tất nhiên cũng rất khó khăn.

Thuyết siêu chuỗi

Từ khoảng hai thập niên cuối của thế kỷ 20 các nhà vật lý hăng hái, náo nức nghiên cứu một lý thuyết mới gọi là *thuyết chuỗi* hay dưới dạng cao cấp hơn gọi là *thuyết siêu chuỗi.* Thuyết siêu chuỗi hứa hẹn cung cấp một mô tả hợp nhất cho tất cả các lực, tất cả các hạt cơ bản trong thiên nhiên, bao gồm cả không gian lẫn thời gian - tóm lại là một Lý Thuyết của Vạn Vật - Theory of Everything. Theo thuyết này, thế giới vật chất của chúng ta bao gồm một thứ dây vật chất vô cùng nhỏ. Nghe có vẻ hoang đường, thế nhưng lý thuyết được xây dựng trên một nền tảng toán học thanh lịch và những hậu quả của nó lại có vẻ thích hợp với thực tế. Có vẻ thôi! Thuyết siêu chuỗi thu hút nhiều lý thuyết gia lỗi lạc, cả một vài người có giải Nobel về Vật Lý. Các nhà khoa học, bị kích thích bởi sự hứa hẹn của lý thuyết, đã xác nhận một cách nhiệt tình viễn tượng thành công của nó. Tuy nhiên, thuyết siêu chuỗi cũng bị đả kích một cách hăng hái không kém, bởi các lý thuyết gia đứng vào bậc nhất trong số đó phải kể đến Richard Feynman.

Richard Feynman là giáo sư Vật Lý tại Viện Kỹ Thuật California (California Institute of Technology). Ông là người đã giúp đặt một phần nền tảng lý thuyết cho bộ môn Vật Lý hiện đại và lý thuyết về trường lượng tử (quantum field theory). Ông đoạt giải Nobel về công trình khảo cứu động học của trường lượng tử điện từ (quantum electrodynamics). Ông mất năm 1988. Trong một cuộc phỏng vấn dành cho đài BBC, ông nói "toán dùng trong thuyết siêu chuỗi quá khó đối với các nhà khảo cứu" (... but the mathematics is far too difficult for the individuals who are doing it).

Tưởng cũng nên giải thích thêm vấn đề Toán quá khó này. Ta thường chỉ biết Newton là người tìm ra luật hấp dẫn của vũ trụ, ít người biết Newton cũng là một trong những vị phát minh ra toán vi tích phân. Chính ông, ít nhất, đã phát minh đủ toán vi tích phân cần thiết trong sự phát triển của luật hấp dẫn; nói cách khác, ông đã tự chế tạo hộp dụng cụ nhà nghề trong việc khảo cứu của mình. Còn Einstein, khi ông nghiên cứu, phát minh ra thuyết tương đối, ông đã có trong tay cả một tòa nhà vững vàng về hình học Riemann và ta có thể nói không ngoa rằng thuyết tương đối của Einstein có thể được coi như một áp dụng của hình học này. Về phần thuyết siêu chuỗi, Feynman muốn nói rằng toán khó vì quá rộng và chưa một cá nhân nào nghiên cứu thuyết này có được trong tay hộp dụng cụ nhà nghề cần thiết như Newton hay Einstein.

Feynman là một lý thuyết gia kính trọng sự chính xác, ông tính một lượng vật lý nào đó đến bốn năm số lẻ từ lý thuyết do ông đề xướng và đem so sánh kết quả với thí nghiệm. Theo ông, lý thuyết gia có thể tùy nghi đặt ra bất cứ lý thuyết nào theo trí tưởng tượng của mình, điều quan trọng là câu trả lời phải là hậu quả được kiểm nghiệm của chính lý thuyết họ đã đề xướng ra. Nói cách khác, họ muốn làm gì cũng được miễn là họ thực sự có một cái gì để so sánh với thí nghiệm. Đối

với ông, đó là Vật Lý. Điều rất phiền toái của thuyết siêu chuỗi là nó không tính toán gì; thuyết hàm chứa quá nhiều hạt cơ bản so với những hạt cơ bản có thể quan sát được. Theo thuyết siêu chuỗi, ta sẽ phải vật lộn với những độ lớn cực nhỏ gọi là khoảng cách Planck hay những trọng khối khổng lồ gọi là trọng khối Planck, khổng lồ so với trọng khối những hạt cơ bản hiện có. Để thử nghiệm trực tiếp thuyết siêu chuỗi với những trọng khối khổng lồ này, ta sẽ phải xây cất máy tăng gia tốc (accelerator) mà theo lời Abdus Salam, một nhà Vật Lý khác có giải Nobel, phải có chiều dài ít nhất là 10 năm ánh sáng!!! Bạn đọc hãy thử tính lấy chiều dài này, nhớ rằng tốc độ của ánh sáng là 300 000 km/giây và ánh sáng sẽ cần 10 năm để chạy hết chiều dài của máy tăng gia tốc. Còn như khoảng cách Planck, đó là một khoảng dài 10^{-33} cm (1 chia cho 1 theo sau là 33 số không cm). Để bạn đọc có một khái niệm về độ lớn này, ta chỉ cần nhớ một nguyên tử có đường kính chừng 10^{-8} cm (1 chia cho 1 theo sau là 8 số không, một phần một trăm triệu cm, 1/100 000 000 cm) và cái nhân của nó chừng một trăm ngàn lần nhỏ hơn hay 10^{-13} cm.

Xem vậy, giả thuyết "ông A-Dong và bà E-Và có rốn", từ trên trời rơi xuống, không được hỗ trợ bằng toán học và cũng chẳng thể kiểm chứng bằng thực nghiệm, còn bảo thủ hơn thuyết siêu chuỗi rất nhiều. Một lúc nào đó ta sẽ trở lại thuyết siêu chuỗi này trong tương lai.

Một số dự định cho trang khoa học

Trước khi đi xa hơn, tôi xin trình bầy sơ lược mục đích của tôi ở đây. Tôi muốn bạn đọc biết tôi sẽ làm gì với trang giấy này trong những tháng tới. Theo đúng đường lối kinh tế thị trường, định nghĩa bằng sức hút, những gì sẽ viết ở đây trước hết là để bạn đọc "mua vui". Machiavelli có công dụng của Machiavelli, chủ nghĩa tài phiệt với kinh tế thị trường có công dụng của nó, vấn đề quan trọng là sự kiểm soát (ta sẽ có dịp đọc thêm về sự kiểm soát ở một kỳ tới). Nếu sau khi đọc giải trí mà bạn đọc còn giữ lại được một điều gì thì thiết tưởng thời giờ tiêu dùng cũng không hoàn toàn uổng phí. Tất nhiên trong tiết mục này ta sẽ bàn đến những tin khoa học nóng hổi mỗi khi ta có được cơ hội hiếm quí ấy, (vì tin khoa học "nóng hổi" không dễ có hàng ngày), vậy nên ta sẽ phải thay vào đó bằng những tin tức khoa học thu lượm đó đây nhưng chắc chắn không kém phần sinh động vì chúng rất gần gũi với đời sống.

Vào đầu, tôi có nhắc đến văn minh của nhân loại. Qua các thời đại lịch sử, các nền văn minh thường được tiêu biểu bởi những đế quốc, tự cổ như Ai Cập, Chaldea rồi tới văn minh La Hy v.v., mỗi nền văn minh đều để lại một số di tích, thường rất giầu về kiến trúc. Trong thời kỳ này, sự phát triển trí tuệ chưa thực sự thành hình rõ ràng, nhất là trong lãnh vực khoa học. Tuy cũng có những phát minh về Vật Lý, Toán, v.v., nhưng đó chỉ là những công trình lẻ tẻ, suy nghĩ có hệ thống về khoa học vẫn bị chi phối bởi triết học và tôn giáo; người ta nói đến hệ thống vũ trụ, chẳng hạn như của Aristotle hay Ptolemy. Trái hẳn với nền văn minh cổ xưa, những kiến trúc tân kỳ như tháp Eiffel của Paris, nhà chọc trời Empire State ở Nữu Ước, hay tháp CN của Toronto, tiêu biểu cho văn minh hiện đại, nếu ta có nhắc đến, chẳng qua chúng cũng chỉ là một vài thành công nhất định về kỹ thuật. Thực vậy, ngay cả khi ta đề cập đến các thành công vĩ đại như gửi người lên mặt trăng hay phóng phi thuyền không gian thăm viếng một nửa số hành tinh của thái dương hệ trong cùng một hành trình, đó cũng chỉ là những thành công đã được tiên liệu về kỹ thuật; phần trí tuệ của chúng, ta có thể nói, đã được xác định từ hơn ba trăm năm trước bởi Newton. Vì vậy, theo thiển ý, nền văn minh hiện đại của chúng ta, nặng tính cơ khí, quả đã khởi đi từ một số sáng tạo, phát minh hoàn toàn có tính cách trí tuệ. Chính những phát triển trí tuệ này là yếu tố nguồn cội của tất cả những gì đã lèo lái đời sống nhân loại ngày nay, và có lẽ sẽ là sự cứu rỗi của nhân loại ngày mai.

Những khám phá thật cơ bản này không có nhiều. Để bắt đầu, ta kể Newton và luật hấp dẫn, kế đến là hiện tượng điện từ mà người có công hợp nhất là Maxwell. Sang đầu thế kỷ 20, khám phá về nguyên tử cùng cơ học lượng tử làm thay đổi hoàn toàn cách nhìn của ta đối với thế giới của những hạt nhỏ bé, rồi đến thuyết tương đối của Einstein làm thay đổi cách nhìn của ta đối với thế giới vĩ mô. Sau cùng là phát minh về sự hình thành của vũ trụ, với thuyết *"big bang"*. Về phía sinh vật học, thế kỷ 19 có Darwin với lý thuyết về nguồn gốc và sự tiến hóa của sinh vật, tiếp đến là phép biến thể cùng những phát minh về di truyền. Thế kỷ 20 có những phát minh về phân tử DNA, và gần đây hơn, khả năng giải mã cấu trúc *gene* của nhân loại. Trong những tháng tới, ta sẽ có dịp thăm viếng những phát minh quan trọng về Vật Lý kể trên.

Tự Lực Văn Đoàn như một trang sách cũ

Bài viết mở đầu này thiết lập phần nào phong

cách của trang khoa học. Tôi sẽ cố gắng làm cho nó nhẹ nhõm - không dễ khi ta phải tránh mọi thứ công thức, phương trình, v.v. Một bức tranh, một câu chuyện, một bản nhạc có thể khêu gợi cảm nhận theo nhiều cách khác nhau; một công trình khoa học, nhất là khoa học chính xác như Toán, Vật Lý, không cho phép cách nhìn theo kiểu lăng ba vi bộ. Không những thế, chúng chứa nhiều ánh sáng, rõ ràng, đặc biệt quá, đó là những thành tố làm nên vẻ đẹp tuyệt vời của khoa học. Đó cũng là lý do một lần nào đó, cùng trên trang giấy này, tôi có gọi những nhà khoa học đi tiên phong là những nghệ sĩ bậc nhất.

Để vấn đề mỹ thuật, vẻ đẹp sang một bên, ta thường tự hỏi "một người bình thường có thể hiểu khoa học được không? Và có cần phải hiểu không?" Tôi nghĩ là "có thể" và "rất cần". Nếu ta không hiểu đôi chút khoa học, đó chỉ là vì do định kiến - sau mấy năm trung học, vật lộn với Toán, Lý, Hóa, ... mệt quá, xong chuyện rồi, chẳng ích lợi thiết thực gì, quên đi là xong. Suy nghĩ như vậy có lẽ hơi hấp tấp. Hiểu đôi chút khoa học không có nghĩa là phải giải phương trình bài toán nào đó để được một con số với bốn, năm số lẻ. Ta có thể hiểu một số khái niệm khoa học một cách đại cương được lắm chứ! Còn như "rất cần", thiết tưởng chẳng phải nói thêm nhiều. Đời sống quanh ta ngày nay không thể tránh khỏi va chạm, cọ xát với khoa học hay những ứng dụng của nó hàng ngày, trong những giờ ta thức, và ngay cả những giờ ta ngủ nữa! Vì thế, tôi sẽ chỉ xin làm cái việc kể chuyện về khoa học mà thôi.

Tôi sẽ dành nhiều thì giờ cho đời sống những con người đứng sau những phát minh khoa học. Nếu có một vị giáo sư Toán đi trên cầu sông Seine, lơ đãng ném đồng hồ quả quít xuống sông và nhét viên phấn vào túi, thì tôi tin chắc đó là vị độc nhất bước ra khỏi cái chung. Những vị khác cũng đại khái giống như người bình thường chúng ta thôi, nghĩa là cũng yêu, cũng ghét, cũng ăn, cũng thở, cũng rộng rãi hay biển lận, đôi khi ngớ ngẩn, đôi khi "ngốc" không thể tưởng tượng được. Ta sẽ thấy vô số các nhà khoa học cũng đam mê, lãng mạn, yêu đương nhắng nhít; tóm lại họ như những nhân vật bước ra từ trang sách của Tự Lực Văn Đoàn, nếu đọc về họ thấy sốt ruột, thì bạn đọc hãy mỉm cười lượng thứ, tự nhủ rằng những người này chắc chắn không phải là những hình nộm được cắt ra từ tấm bìa cứng, ăn nói nhi nhô, nhìn thẳng đằng trước như những con lừa đi trong rừng núi, mắt bị che hai bên, mà họ đích thực là những người thật, đã sống và sống rất khỏe!

Ấy, vài điều tâm sự của người viết. Thành công hay mất mồi, tháng này sang năm ta sẽ tính sổ.

06/2002

CỔ NGƯ

SÀI GÒN...

một ngày mưa ào vài trận,
Tôi nhớ em xưa, tóc ướt đôi lần,
Trưa nắng đứng, mây chao, chiều nước đổ,
Tim cứ rung, vọng mãi những phân vân.

Hồn say lả, đêm nghiêng vào ngày dựng,
Sài Gòn ướt mèm, lá khép rừng rưng,
Tôi đứng ở ngã ba đường
Không đèn xanh đèn đỏ,
Xe lao về phía nào, lòng cũng thấy nôn nao.

Sài Gòn đậm tình, máu đào hay nước lã,
Những bạn bè ngồi bên ly bia ướp đá
Nhớ nụ cười hồn nhiên,
Mẹ cha nhớ lời ru con trẻ,
Em nhớ những con đường một chiều
Còn tôi nhớ vỉa hè đứng trốn nắng
Chờ áo trắng bay ngang.

Ai sẽ nhớ ai, giữa Sàigòn mưa hè chẳng còn tiếng ve rộn rã?
Giữa còi xe và bụi mù xoá dấu những lối đi?
Tôi xin nhớ em, mắt vẫn xanh màu lá
Dù quá khứ đã chia ly,
Hiện tại: cánh chim di...

SAIGON 06.2002

GIA PHẢ

TRẦN TRỊ CHI

MƯỠU

Thi vấn đáp Tú Tài hai. ***Cô giáo còn trẻ lắm***

Những năm đầu thập niên 1960, ở Sài Gòn có một giáo sư môn Sử Địa được nhiều học trò quí mến. Niên học nào cũng vậy, suốt năm, thầy chỉ dậy có hai bài. Một bài Sử và một bài Địa. Thầy chỉ thay đổi, hai bài năm nay, khác với hai bài năm ngoái mà thôi. Thầy bảo :

- Để lỡ có đứa nào phải ở lại lớp, cũng không bị chán.

Năm đó môn sử, thầy dậy Thế chiến thứ hai; và môn địa, thầy dậy về nước Mỹ. Thầy bảo cả lớp :

- Về đọc sách. Thì cũng địa lý hình thể, vị trí, bắc giáp, đông giáp, tây giáp. Rồi địa lý nhân văn. Địa lý kinh tế. Chỉ khác nhau có con số. Dân số bao nhiêu? Mật độ thế nào? Sản xuất gì? Tổng sản lượng ra sao? ... Nước nào cũng có bấy nhiêu thôi.

Nguyên năm thầy dậy có hai bài. Thì giờ còn lại làm gì đây? Thiếu gì chuyện để kể cho trò nghe. Đủ mọi đề tài. Hứng đâu nói đấy. Và học trò đã học được rất nhiều điều hữu ích, từ những câu chuyện ngoài chương trình đó. Chúng quí mến thầy cũng vì vậy.

Còn nữa. Đề thi lục cá nguyệt thầy cho dài lắm. Cả trăm câu, trải hết từ đầu đến cuối chương trình học. Thầy cười cười, bảo cả lớp :

- Hôm nay thầy có câu chuyện này muốn kể cho chúng mày nghe. Hãy mang bài thi về nhà mà làm. Phải tự trọng đấy. Nhớ để chuông đồng hồ. Đúng boong hai tiếng thôi. Làm chưa hết cũng phải xếp bài lại. Cũng đừng có đứa nào lôi sách ra mà cọp-pi đấy.

Học trò thầy, nhờ thế, sau niên học đứa nào cũng có kiến thức căn bản về Sử Địa.

Chưa hết. Còn cái chuyện chấm bài mới thật là vui. Đếm trang cho điểm. Nhưng bài của đứa nào cũng như nhau. Thầy phải khen :

- Chúng mày, đứa nào cũng học giỏi cả và đứa nào cũng tự trọng hết. Thôi tuần sau thầy mang bài tới lớp chấm. Phải ăn mặc sạch sẽ đấy. Phê học bạ luôn.

Ngày chấm điểm quả là nhộn. Trông mặt mà cho điểm. Phê luôn học bạ. Sáng sủa. Ngoan. Thông minh. Trông mặt thằng này, biết ngay là hay nghịch đây; mà sao mọi khi mày vẫn ngoan? Thôi cũng được. Còn thằng này ngày nào cũng phá; sao hôm nay lại có bộ mặt hiền khô? Kể ra cũng có nhiều tài đấy. Bọn học trò không chỉ có một ngày nhộn. Tâm hồn chúng, cũng từ đó, được cởi mở. Chúng nhìn đời phóng khoáng hơn.

Ông thầy có kích thước, chỉ dậy ở những trường ngoại khổ mà thôi. Học trò tốt nghiệp, cần một học bạ tốt, để đi du học chẳng hạn? Điều đó có khó gì đâu.

Có một cậu học trò, học thầy năm ấy, được vào vấn đáp Tú tài. Thuở đó, những năm đầu của thập niên 1960, thí sinh phải vào vấn đáp tất cả mọi môn. Hôm thi cũng có thấy thầy. Nhưng số cậu xui, không được thầy chấm. Thấy cậu sớ rớ, thầy vẫy lại hỏi :

- Mày vào thầy nào?
- Dạ, cô giáo phòng bên cạnh.
- Cô tre trẻ, phòng bên?
- Dạ.
- Mày thi chưa?
- Con vừa mới thi xong môn toán. Sẽ vào sử địa bây giờ ạ.
- Mày nói với cô, mày học thầy. Cô ta cũng là học trò cũ của thầy đấy.

Cậu không cần phải khai với cô, cậu học ai. Bởi vì vừa thấy thẻ học sinh của cậu, cô đã biết cậu học trường nào. Cô hỏi ngay:

- Thầy nào dậy em môn sử địa?

Bắt buộc phải nói tên thầy ra. Câu trả lời rất nhỏ, vừa đủ để cô nghe. Có lẽ từ sáng, cô đã biết năm nay thầy dậy hai bài gì. Cô mỉm cười, hỏi tiếp :

- Chắc sử, em muốn được hỏi về Thế chiến thứ hai, còn địa thì lại nước Mỹ chứ gì?

Thực ra thì bài nào cũng vậy thôi. Cậu học trò này đâu có chú ý tới hai bài sử địa thầy dậy trong năm. Cậu chỉ chú tâm tới những bài giảng khác của thầy cơ. Nhưng nghĩ đến thầy, cậu thưa:

- Thưa cô, hai bài đó thì em hiểu rõ hơn. Nhưng cô hỏi gì cũng được ạ.

- Vậy thì em bốc đề đi.

Vừa nói cô giáo vừa đẩy hộp nhỏ, trong đựng nhiều miếng giấy gấp tư. Có lẽ muốn được vộ tư, những câu hỏi đã được cô ghi sẵn trên những miếng giấy nhỏ, bỏ trong hộp này. Cậu xóc hộp giấy, bốc một đề thi, đưa cho cô.

- Em nói cho tôi biết về chính sách ngoại giao dưới triều Nguyễn?

Học sử Việt trong giai đoạn này không vui. Mà đã không vui thì khó học lắm. Quân Pháp thắng hoài. Việt Nam thua mãi. Hết mất chỗ này, lại mất đến chỗ kia. Hòa ước vừa ký xong, chưa ráo mực, quân Pháp lại tiến nữa. Rồi lại ký hòa ước mới. Ký mãi cho đến khi người Việt mất nước mới thôi. Cậu thí sinh này chỉ thích học sử, với những đoạn về Ngô Quyền, Phạm Ngũ Lão, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung thôi. Bà Trưng, Bà Triệu cậu cũng không vui cho lắm; mới ra quân chưa được bao lâu đã bị thua rồi.

Đêm qua, vì bắt buộc, cậu cũng có cầm đến cuốn sử; liếc sơ qua rồi lại bỏ xuống ngay. Tự dối lòng, cậu nghĩ; phải nghỉ ngơi cho sáng suốt, để mai còn vào vấn đáp chứ.

Chính sách ngoại giao dưới triều Nguyễn? Tất cả, cậu chỉ biết trong một câu ngắn và gọn, vẫn thường được nghe. *Bế quan tỏa cảng và cấm đạo.* Nhưng chẳng lẽ lại ngồi đực ra đấy? Cũng phải nói cái gì chứ. Và cậu đã buột miệng, thành lời:

- Thưa cô. Cô cho phép em được nói thực?

Chẳng biết tại sao, câu xin phép ấy, lại được cậu đưa ra. Rõ ràng, khi hỏi, cậu cũng chẳng có một sửa soạn nào. Nếu cô giáo cho phép. Cậu cũng không có sẵn, dù chỉ một câu, để nói tiếp. Xin phép nói thực cái gì đây? Cứ làm như trong lòng lúc nào cũng mang mang một bầu tâm sự.

- Em nói đi.

Cô giáo trả lời, có ý khuyến khích. Có lẽ, cô nghĩ, cậu học trò này lại muốn xin xỏ điều gì chăng? Còn trẻ, cô dễ xiêu lòng và dễ tội nghiệp cho người khác.

Từ cổ họng cậu, lại một câu nói khác tự nhiên thoát ra. Cứ như nó đã nằm sẵn trong bụng.

- Thưa cô, em không thích nhìn lịch sử Việt Nam, bằng con mắt xanh của người Pháp.

Cô giáo thấy chuyện lạ. Hoặc là cô giáo chột dạ. Dù gì chăng nữa, cô giáo cũng sửa lại thế ngồi, chú ý nghe. Dáng điệu của cô làm cậu thí sinh vững tâm hơn. Khi tâm người ta được vững, người ta mạnh hơn. Câu nói vừa được buông ra vừa rồi quả là có hơi yếu. Nó cũng muốn được sửa lại cho mạnh hơn. Vì thực ra trong thâm tâm, cậu rất ghét - chứ không phải là không thích - khi lịch sử Việt Nam bị sao chép theo con mắt xanh của người Pháp. Thế là nguyên bầu tâm sự được lôi tuột ra một lần.

- "Cấm Đạo. Người Việt ta xưa nay vẫn cho việc thờ cúng Tổ tiên, Ông bà là điều hiếu thảo. Con ngoan phải biết đến công lao ông bà, cha mẹ. Bàn thờ, giỗ chạp là để tưởng nhớ công ơn tổ tiên. Đó không phải là dị đoan, nhảm nhí. Đạo Thiên Chúa, lúc mới du nhập, các Giáo sĩ phương Tây dậy con dân người Việt dẹp bàn thờ tổ tiên, ông bà.

Thưa cô. Giả thử, có bọn mọi ăn thịt người. Khi bố mẹ chúng chết, chúng ăn thịt; chúng cho như vậy mới đúng. Đó là lòng hiếu thảo của bọn ăn thịt người. Chúng nghĩ, thân xác bố mẹ, sao lại chôn vùi dưới đất đen? Muông thú sẽ đào bới, cắn xé. Như vậy, đau lòng lắm. Phải bảo vệ bố mẹ khỏi thú dữ. Phải giữ gìn thân xác mẹ cha sống mãi cùng với máu xương của mình. Đâu có gì sai trái trong suy nghĩ đó. Tín ngưỡng không thể nói là đúng hay sai được.

Và nếu những người đó có vũ khí tối tân hơn, xâm chiếm nước Pháp. Họ đem rao giảng cái tín ngưỡng ăn thịt người của họ. Dân Pháp và vua quan Pháp nghĩ sao? sẽ làm gì?

Thưa cô. Em không thể đọc được cuốn sử Việt nào, được nhìn qua cặp mắt xanh của bọn, vừa ăn cướp vừa đánh trống."

Cô giáo trẻ đã yên lặng chấm điểm. Ánh mắt cô nhìn cậu thí sinh lộ vẻ thân tình hơn. Cô cũng học cùng một thầy với cậu thí sinh này. Tình đồng môn lưu luyến, cô nói vừa đủ cho cậu nhỏ nghe:

- Sau này em nhớ học sử nhé.

Cậu thí sinh đỗ Tú Tài hai năm đó, không học Sử như lời cô giáo mong. Một học sinh chỉ thích đọc những trang sử vẻ vang của nòi giống. Gặp lúc đất nước lâm vào cảnh lao đao, cậu gấp sách lại, cất kín trong tủ. Cậu học sinh đó không thể nào học sử được.

Cậu theo đuổi võ nghiệp.

Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam là cái nôi, từ đó chàng sĩ quan bung ra khắp chiến trường. Súng nổ không đợi đêm hay ngày. Nhưng chiến trường sôi động hay lắng dịu lại tùy vào hai mùa

mưa, nắng. Khi nắng ráo thì việc chém giết nhau, dầu sao cũng dễ dàng hơn. Những đêm mưa dầm, rả rích dễ đưa lòng người về với chuyện ngày xưa. Cậu thí sinh năm trước, có thành thật khi thưa với cô giáo? Hay cậu chỉ khôn ngoan để thoát câu hỏi của cô, cậu đã không thể trả lời? Vị sĩ quan ấy đã không chắc được lòng mình. Nhưng có một điều làm ông yên tâm đôi chút. Thì rõ ràng là, người dối trá, không thể là người ngoan. Và người, được gọi là khôn ngoan, chỉ khôn nếu biết giãi bầy lòng thành của mình ra đúng lúc và đúng nơi.

Năm tháng xoay tròn theo mưa với nắng. Vị sĩ quan mang quân đi khắp chốn. Ông chọn binh nghiệp, không định được nơi đi, chốn về. Cũng có chiều dừng quân trong xóm đạo, bên nhà thờ, ông lại vấn vương, tưởng nhớ tới kỳ thi vấn đáp năm xưa. Cậu thí sinh thuở ấy học hành lem nhem, đã phải ở lại lớp vài năm. Kỳ thi Tú Tài năm đó, cậu đã lớn. Cô giáo còn trẻ lắm.

Bên ánh thép xanh, lạnh của khẩu súng, cậu học trò ngày trước, nay đã rệu rạo, thả hồn theo cánh chim chiều, vội vã bay về nơi xa xăm. Hờ hững nhận cà-men cơm từ tay người lính, ông bâng khuâng, nhớ lại những ngày còn đi học. Cô giáo còn quá trẻ.

- Chẳng biết bây giờ cô ở đâu?

*

TRUYỆN

Những người đa cảm, sống ở Nha Trang cùng thời với câu chuyện, đều ngẩn ngơ mỗi khi nhớ lại

Trần Cửu An nản quá. Chẳng gì anh cũng là một ông thầy. Mà cứ phải giấu giấu giếm giếm. Đúng là đồ trẻ con. Bực thiệt! Càng nghĩ, càng tức. Càng phải chờ, càng có nhiều thì giờ để nghĩ, anh càng sôi tiết lên. Anh vung tay hậm hực. Anh đi tới, đi lui. Nhưng anh nhận ra ngay rằng không nên làm thế. Không thể để cho người khác biết là anh đang đứng chờ ai, ở góc đường này. Người tò mò sẽ nghĩ ngay là có cái gì vụng trộm đây. Và người ta sẽ rất thích thú, sẽ bỏ thêm nhiều thì giờ nữa để tìm biết. Nếu thế thì hỏng mất. Bề gì thì anh cũng là ông thầy. Không thể vất vưởng, chờ đợi ở chỗ tối tăm này được. Nghĩ vậy, anh lùi vào sát chân tường, sau gốc cây. Bóng tối đã đồng lõa với anh. Lòng bồn chồn như ngọn sóng trồi lên cao, bây giờ đã hạ xuống.

Đứng chỗ này thật kín đáo. Thêm một chút yên tâm. Một chút nhẫn nại. Thôi thì đừng nghĩ tới chuyện đang chờ đợi nữa. Như vậy đỡ bị thời gian hành hạ. Anh nhìn quanh. Ngoài đường chẳng còn ai. Trời đã tối từ lâu. Hẹn nhau từ 7 giờ; bây giờ đã 8 giờ 16 phút rồi. Thế mà vẫn chưa ra. Cánh cổng vẫn đóng im ỉm. Khoảng sân tối bên trong vẫn không có bóng dáng gì. Cơn xốn xang lại xô anh lên cao. Lộn ruột. Nhưng may, nó lắng xuống ngay. Anh biết, có sốt ruột cũng vậy thôi. Anh bấm bụng chịu đựng. Phải kiên nhẫn hơn.

Chờ. Chờ. Rồi lại chờ. Rồi lại cáu tiết. Anh đã phải chờ gần hai tiếng rồi. Thật là. . . Nhưng ô kìa! Có bóng người trong sân. Bóng dáng quen thuộc. Cơn giận tan biến ngay. Anh dịu hẳn lại. Mừng. Lòng tự nhiên chan hòa bao dung, tràn ngập thương xót.

Bích Khê đẩy hé cánh cổng, nhẹ nhàng lách mình ra. Nàng dáo dác nhìn sang bên này đường. An ra khỏi gốc cây, giơ tay vẫy vẫy, rồi lại lủi vào trong. Bích Khê lanh chao, bước vội sang.

Họ ôm nhau.

Yên lặng.

Môi tìm môi.

Lặng yên.

- Em xin lỗi. Ba ngồi mãi ở phòng ngoài... Anh chờ có lâu không?

- Không sao. Tội nghiệp em quá! Anh thương em.

Bích Khê dụi mặt vào ngực người yêu. Anh ôm lấy bờ vai nàng, nhẹ vuốt mái tóc thề. Lòng An chùng xuống, anh ngây ngất muốn được nâng niu. Rồi anh cúi xuống thì thầm bên tai người yêu:

- Anh thương em quá! Tội nghiệp cưng.

Họ dìu nhau ra khỏi gốc cây, quẹo phải, hướng về phố. Một chiếc xích lô như rình trước từ chỗ nào, xề lại sát ngay bên. Ông phu xe bật tay thắng kêu cành cạch.

- Bác cho lên rạp Tân Tân đường Độc Lập. An nói nhỏ và nhanh.

Bác phu xe rướn mình ra sức để có đà, rồi mới đều đều bàn đạp. Bích Khê khẽ cựa mình, lách khỏi vòng tay người yêu và nhích ra. An hiểu ý, sẽ đưa tay ra phía trước, nâng nhẹ bàn tay nàng. Bích Khê lại nhấc tay của cả hai lên, đưa dần ra khỏi đùi. Ông phu xe vẫn đều đều bàn đạp.

Phim đã chiếu vào xuất từ lâu. Không sao. Hai người vẫn thường vào rạp này để được bên nhau, kín đáo với cuộc tình. Rất ít lời, cả hai cùng lặng yên, tận hưởng trọn vẹn từng giây phút riêng tư. Bên nhau, tay trong tay, hai trái tim cùng một

nhịp, lòng hiểu lòng. Vậy mà vẫn thấy cách xa. Phải được gần hơn. Phải là một. Vòng tay được thu ngắn lại. Nụ hôn không dứt. Không còn là hai. Cùng thở.

Một nhịp đập. Một trái tim. Một thân xác.

Nếu Thiên Đường là có. Thì Thiên Đường là ngay đây.

Nếu Thiên Đường là không. Thì cũng chẳng sao.

*

An đã gặp Bích Khê với hai cô bạn cùng lớp cũng ở rạp chiếu bóng này, bên ngoài, chỗ quầy bán vé, hồi đầu niên học.

Hôm ấy chiều thứ bẩy, An nhớ, niên học vừa mới bắt đầu chừng vài ba tuần. Đó cũng là niên học đầu tiên An dậy ở đây, trường Trung học công lập Võ Tánh Nha Trang. An vừa tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm và được bổ ra dậy ở Nha Trang. Nghĩa là anh cũng vừa mới vào nghề được chừng vài ba tuần mà thôi. Trường Cao Đẳng Sư Phạm thu nhận học viên có bằng Tú tài một. Sau hai năm học, ra trường lãnh ngạch Giáo viên Tiểu học. Nhưng trong năm học tại trường sư phạm, An lại đậu thêm Tú tài toàn phần. Thêm vào đó khắp nơi đều thiếu giáo sư, nên An đã được đôn lên, dậy Trung học, môn toán các lớp đệ nhất cấp.

Thành phố Nha Trang sát bờ biển là một thành phố đẹp với bãi biển dài ngút tầm mắt. Nắng ấm. Cát trắng. Biển sạch, xanh trong. Chợ đầm. Xóm Bóng với đám dân chài. Hòn chồng. Cây cầu dài, ngang qua xóm Bóng tới Tháp Bà của người Chàm thời xa xưa. Cạnh thành phố lại mới dựng lên Xóm Mới của người Bắc di cư. Cái xóm lúc nào cũng ồn ào, sinh động, phát triển nhanh đến độ không ngờ.

Nha Trang còn hấp dẫn An hơn nữa. Đây là lần đầu tiên trong đời, anh được sống tại một thành phố

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

Đêm

nghe nhạc TTH với Nguyễn Mạnh Hùng

bao nhiêu rượu đủ làm cho say
khi dĩ vãng đã là men ấp ủ
thời gian đưa bước chân rất nhỏ
rón rén đi về
đêm
nghe giọng hát trần thu hà
điệu kèn đồng không người da đen thổi
xòa ra âm thanh hung bạo
não nùng
đau thương
dịu dàng
mềm mại
tuổi thơ
những lưỡi dao sắc ngọt
chém vào tim

em đã bỏ đi rồi
bao nhiêu vết dao
cũng là hư ảo
chỉ còn những giọt lệ
cuộc tình đôi ta

đêm nghe tiếng hát trần thu hà
đời chỉ còn là dĩ vãng

10/3/2002

sát ngay bờ biển như vậy. Vì thế trong những ngày đầu, nếu không có giờ dậy, anh vẫn thường lang thang ngoài bãi biển, lang thang khắp phố phường.

Và chiều thứ bẩy hôm ấy, An tạt vào rạp chiếu bóng. Rạp Tân Tân trên đường Độc Lập, con đường sầm uất nhất của thành phố. Bích Khê và hai cô bạn học cũng cùng nhau đi coi hát bóng lúc đó. Họ đã gặp An tại quầy bán vé. Ở tỉnh lẻ, thời thanh bình của những năm kề cận 1957, đời sống thật êm đềm. Học trò được gặp ông thầy, không phải tại trường, là một điều thích thú. Tình cờ đó đáng được kể lại cho chúng bạn nghe. Ngoài khuôn viên nhà trường, lại ngay trước cửa rạp chiếu bóng, sự nghiêm khắc không còn lý do để tạo khoảng cách khô khan giữa thầy và trò nữa. Nhất là ông thầy đó lại trẻ và không dậy mình. Vì thế cả ba cô đều đã vui vẻ, lớn tiếng cùng chào một lúc:

- Chào thầy ạ.

Giật mình quay lại, An luống cuống trước cảnh ngộ mới gặp lần đầu. Là một giáo sư mới ra lò, anh chưa biết phải ứng xử ra sao. Còn đang ngập ngừng, thì cô đẹp nhất trong bọn lại nện luôn cho một câu:

- Thầy bao chúng em đi xi nê ạ.

Được thể, hai cô kia bèn hứng luôn cái câu, vừa được bạn tung ra:

- Vâng. Thầy mua luôn bốn vé ạ.

- Bốn vé hạng nhất trên lầu cơ. Thầy ơi!

Ông bán vé ngồi trong quầy, sau khung sắt, có lẽ cũng đang buồn tình, tự nhiên vớ được chuyện vui vui. Phởn chí, ông cười cười góp thêm gió:

- Dạ. Bốn vé trên lầu? Phải không ạ, thưa thầy?

Thế này thì quá đỗi! Trường sư phạm trong Sài Gòn không hề dậy anh miếng võ nào để ứng phó trong hoàn cảnh này. Thầy An giật lùi, ngậm ngọng, xoay lưng và chuồn thẳng. Những tiếng cười khúc khích quyện cùng tiếng gọi ÀÀthầy ơi ÀÀ của ba cô nữ sinh vẫn còn đuổi theo sát gáy thầy.

Thoát được một đoạn khá xa, An bình tĩnh lại. Nhưng vẫn còn ngường ngượng. Rồi vui vui và tiêng tiếc.

- Chắc chắn ba đứa không học mình - An thầm nghĩ trong bụng - Trông chúng phổng phao quá. Nữ sinh đệ nhất cấp không thể nào phốp và phồng như thế được. Nhỏ đó đẹp mà sao gấu ghê! Mình cũng nhát nữa. Quê thiệt. Ít nhất thì cũng phải nói dăm ba câu rồi mới bỏ đi chứ? Ngày xưa đi học mình cũng đâu phải hạng đần. Bố khỉ. Bao nhiêu tinh nhanh biến hết cả. Nếu bạo lên được một tí, có nhẽ. . .

Phấn khởi, An đi nhanh hơn. Tiêng tiếc, anh chậm bước lại. Tối đó đôi chân đã đưa anh lạc ra tận bãi biển. Những ngọn đèn của các thuyền đánh cá, dập dình trên sóng nước, ẩn hiện trên nền đen sẫm của Hòn Yến ở ngoài khơi. Ngọn núi đó ban đêm trông như xích lại gần bờ hơn. Cát nóng buổi chiều vẫn còn giữ được hơi ấm, thấm vào lưng anh. Trời lặng gió. Sóng vẫn rì rào. Sao sáng như ngàn vạn viên kim cương đính trên nền trời đen thẫm. Thỉnh thoảng, có ngôi sao đổi ngôi, chợt quét nhanh một lần sáng trên trời. Các cụ xưa vẫn thường bảo. Nếu có ai thầm nói nhanh được điều mình hằng mơ ước. Nếu lời nguyện cầu lọt thỏm giữa thời gian quét ngang của vệt sáng. Người ấy sẽ đạt được ước mơ của họ. An đã bâng khuâng nhớ lại lời người xưa. Anh nằm dài trên cát ấm, chờ sao đổi ngôi. Một cái. Một cái nữa. Nhanh quá! Chưa bao giờ anh được biết là có nhiều ngôi sao đổi ngôi trong một đêm như vậy. Có cái quá nhanh. Có cái nhanh ít hơn. Chả có cái nào chậm, đủ thời giờ, cho ước mong vừa mới thành hình của anh cả. Quả thật, lần gặp gỡ tình cờ vừa rồi đã xô anh bềnh bồng trên lớp sóng. Biển cả đang rầm rì. Sóng nước thì thầm vào tai anh. Từ mênh mông, từ nơi vời vợi, sóng nước của biển khơi đã nói cho anh biết, đã nhắc với anh một điều. Anh đang ở vào cái tuổi sẵn sàng. Tuổi của đợi chờ. Hồi đó, An còn trẻ lắm, mới có hăm hai.

Đêm đó, phải khuya lắm An mới trở về phòng trọ. Sáng chủ nhật anh vật vờ, lãng đãng quên hẳn chuyện viết thư về cho bố mẹ ở Sài Gòn.

Trung học công lập Võ Tánh Nha Trang thời đó còn nhỏ lắm. An đã ngấm ngầm điều tra ra được ba cô nữ sinh chiều hôm đó là ai. Cả ba đều đang học lớp cao nhất trong trường, lớp đệ nhị. Trường Võ Tánh hồi đó chỉ có đến đệ nhị. Học sinh phải vào Sài Gòn thi Tú tài một. Nếu đậu và nếu muốn học lên, học sinh phải vào học trong Sài Gòn, hoặc ra học ngoài Huế. Anh còn biết cả tên cô nữ sinh đẹp, đã mở lời tấn công anh trước nhất. Cái tên thật dài và thật lạ đối với anh; Công Tằng Tôn Nữ thị Bích Khê.

Những điều biết được, An rất muốn, nhưng chẳng khó khăn gì. Thật ra, An không chỉ muốn tới đó. Và đấy mới là chông gai. Trường có tiếng, nhưng chưa lớn, lại ở một tỉnh nhỏ. Chỉ cần một chuyện không bình thường xẩy ra, là cả trường đều biết. Rồi cả tỉnh cũng hay. Vì thế những chuyện riêng tư của giáo sư bao giờ cũng phải

giữ kín.

- "Nhất là cái chuyện vấn vương này của mình." An thầm nghĩ như vậy. Và anh muốn quên cô nữ sinh ấy đi. Với lại, đây cũng không phải là lần đầu, lòng anh xốn xang trước người con gái đẹp. Anh đã từng nhớ nhung, từng mơ mộng thầm kín từ lâu. Đâu chừng, từ những năm mười lăm, mười sáu cơ. Nhưng những xao động đó vẫn nhẹ nhàng trôi qua, bình thường như mọi chuyện trong đời. Thì bây giờ rồi cũng thế thôi. Vấn vương trong hoàn cảnh này làm gì cho thêm rắc rối?

Anh đã tưởng vậy. Nhưng thực ra thì không phải vậy. Trái tim giờ đây đã trưởng thành hơn, kiên định hơn, chứ không còn sởi lởi như trước nữa. Và trái tim đã điều chỉnh mũi tên tình ái. Có nhẽ ánh sáng ngôi sao đổi ngôi đêm nào đó đã giúp anh. Ánh sáng kỳ bí ấy đã mời chào cô nữ sinh Công Tằng Tôn Nữ thị Bích Khê một thế giới huyền ảo. Một miền hoang vắng, thơ mộng đang chờ đón bước chân nàng. Một cõi riêng của mật ngọt, của bướm hoa, của muôn sắc quyện lại thành men tình, làm ngất ngây lòng cô nữ sinh vừa mới lớn.

Mối tình của An và Bích Khê đáng lẽ phải mau chóng thuận buồm suôi gió, mạnh dạn cùng với nắng ấm của biển khơi. Nhưng Bích Khê vẫn còn là cô nữ sinh khờ dại. Nàng chưa đủ cứng cáp. Bao nhiêu khuyến khích, nâng đỡ, giục giã của người yêu không nương được cô nữ sinh mười tám tuổi đứng dậy. Nàng đã không vịn vào đó, để nương theo tình yêu mà đi. Nàng khụy xuống vì sợ. Sợ bè bạn biết. Sợ bố mẹ hay. Sợ mọi người trông thấy. Thế mới biết cô nữ sinh, vui tươi như thế, dạn dĩ và gấu đến như vậy, lại dễ bị vỡ. Chính nỗi sợ hãi đã đẩy cuộc tình của hai người lệch một chút. Họ dìu mối tình vào con đường thiếu ánh sáng. Chuyện vụng trộm vẫn thường thấy trong đám trẻ con.

Người xưa có bao giờ sai? Các cụ vẫn bảo đám sinh sau: "Cái kim trong bọc lâu ngày, rồi cũng lòi ra." Đúng vậy, đã có đôi lời sầm sì trong trường. Đã có những liếc mắt, trông theo của những kẻ hóng chuyện. Thầy giáo trẻ, mới ra lò, bắt buộc phải cứng cáp, phải quyết định. An nói với người yêu:

- Chiều mai thứ bẩy, ba giờ, anh chờ em tại tiệm này.

- Trời! Không được đâu. Sớm quá!

- Anh muốn được gặp em ngay ban ngày - Giọng An rắn rỏi và mạch lạc - Chúng mình bên nhau giữa ban ngày. Sẽ đi lang thang suốt dọc đường Độc Lập đông người. Xuống tận đường Phan Bội Châu, tới trước cửa chợ. Buổi chiều, ở đó có chú Tầu đẩy xe cháo gà ra bán. Ngon lắm!

- Chết! Anh điên à? Bích Khê níu tay người yêu. Ngừng một chút rồi nàng nói tiếp, giọng có một chút ngại ngùng:

- Thôi. Em sợ lắm. Mọi người biết hết. Rồi bị đòn. Chết mất thôi.

- Không sao đâu. Không ai đánh cưng đâu. Lớn rồi. Đừng sợ. Còn có anh. Anh sẽ lo hết mọi chuyện. Chuyện chúng mình mọi người phải được biết. Và mọi người sẽ vui vẻ chấp thuận. Mình đi ăn cháo gà chiều thứ bẩy. Sáng chủ nhật anh sẽ tới nhà em. Rất đàng hoàng. Rồi mọi chuyện sẽ tốt đẹp. Tin anh đi.

- Đừng. Em sợ lắm! Nói đến đây, Bích Khê dớm dớm nước mắt.

Lòng An chùng xuống. Anh vỗ về người yêu. Rồi anh thì thầm bên tai nàng. Bích Khê lặng yên nghe. Nàng có vẻ đã nguôi ngoai, không phản đối nữa. Sau đó cả hai đều yên lặng. Nhưng không phải là bình yên bên nhau như mọi khi. Có một cái gì mong manh đã vỡ. Ánh mắt mỗi người một nơi vời vợi.

Hôm sau, thứ bẩy, Bích Khê không tới trường. Học trò lớp An được một ngày thỏa thích. Bọn lêu lổng nghĩ ngay tới ngày chủ nhật được rộng cẳng. Những tên giỏi toán thì tiếc. Tuần tới chúng mất một dịp được hãnh diện là đã giải được những bài toán khó. Thầy An vẫn thường cho nhiều bài toán để học trò làm thêm vào ngày chủ nhật. Bữa nay thầy đã quên.

Nhưng thầy vẫn nhớ cái hẹn buổi chiều.

Bích Khê không tới trường buổi sáng, An không về nhà trọ đúng giờ ăn buổi chiều. Mâm cơm của anh, bà chủ nhà nấu, vẫn được đậy lồng bàn. Chiều đó, rất muộn, An vẫn ngồi ở quán nước. Một mình.

Sáng chủ nhật, như đã định, An gõ cửa nhà Bích Khê. Rất trịnh trọng. Quần áo bề ngoài được kín đáo sửa soạn. Câu chuyện trong lòng được sắp xếp lớp lang. Chủ nhà, một ông đã đứng tuổi, nhưng dáng dấp trẻ trung hơn, đã tiếp anh rất lịch thiệp, vừa đủ ân cần. Ông là một người quảng giao, đã mau chóng hiểu và dẫn dắt câu chuyện. Điều này giúp An rất nhiều. Mọi sửa soạn, cố gắng của anh không còn nặng nề nữa. Anh cảm thấy nhẹ nhàng, thoải mái. Ông tiếp anh tới ân cần. Ông tiễn anh về vui vẻ. Ông nói:

- Em nó năm nay mười tám. Tuổi đó chưa thể gọi là lớn, nhưng cũng không còn nhỏ nữa. Vợ

chồng chúng tôi rất hãnh diện được biết thầy quí mến em. . . Vâng, khi nào thầy rảnh, xin mời thầy cứ lại chơi.

An đã sung sướng, vui vẻ khi ra về. Thế là mọi chuyện êm xuôi. Mở cờ trong bụng, anh vui chân ghé lại tiệm nước hai đứa vẫn thường lui tới. Quang cảnh cửa tiệm hôm nay sao lạ hẳn. Hay là những đêm trước, bên người yêu, anh chẳng chú ý gì đến xung quanh? Bây giờ ngồi một mình, anh chợt biết ra, là anh chỉ có một mình ở đây. Hóa ra, sáng nay anh cũng không thấy Bích Khê đâu hết. Khi đó anh chỉ chuyên chú vào một việc duy nhất. Làm sao bộc bạch được mối tình chân thật trong lòng. Anh đã sửa soạn quá kỹ cho những gì sẽ phải nói. Anh đã quên đi phần linh động. Thế là, anh duyệt lại toàn bộ những gì đã xảy ra trong buổi nói chuyện sáng nay. Và anh còn vỡ lẽ thêm một điều, anh đã lú lẫn. Anh đã không được thấy Bích Khê từ tối thứ sáu vừa rồi cơ.

An tiu nghỉu. Anh không muốn tin những điều anh vừa mới nghĩ.

Những ngày kế tiếp Bích Khê vẫn không đi học. An bồn chồn trong dạ. Anh ngấm ngầm dò tìm lý do ở văn phòng. Nhưng khó quá; chẳng ai hiểu anh muốn gì. Anh muốn tới nhà nàng ngay; nhưng ngại. Lời mời lại chơi của ông chủ nhà, giờ đây không được anh hiểu như cái lúc anh từ giã ra về bữa đó. Sớm nhất thì chủ nhật này mới tới được. Bọn học trò của An không phải chỉ có một ngày thoả thích. Chúng có nhiều ngày được thả lỏng. Ông thầy An dậy toán tưởng là dữ mà hóa ra lại hiền khô.

- Em nó khó ở trong người.

Ông chủ nhà nói với An. Lần này ông đưa anh ra tận cổng. Vỗ vỗ vào vai anh, ông mời:

- Khi nào rảnh mời thầy cứ lại chơi.

Chủ nhật khác, ông cho biết rõ hơn:

- Các thầy là những nhà mô phạm, lúc nào cũng lo lắng việc dậy dỗ ở trong trường. Chúng tôi không được như thế. Ở nhà cũng khối cái để mà học ra đấy. Ngoài đường nữa, mỗi việc là một bài học. Em nó là con gái. Gần mười chín cũng đã là lớn Chúng tôi định hôm nào lên trường xin cho em nó được ở nhà. Cũng phải để em tập tành cho quen với cuộc sống.

An lo. Từ ngày đó đến nay, chưa bao giờ anh được thấy Bích Khê. Không biết nàng ra sao? Anh nhớ lại có lần nàng đã khóc. Nàng sợ bị đòn. Anh hơi có ác cảm với bố nàng. Rồi anh sợ. Không khéo anh mất nàng. Anh thờ thẫn. Anh thơ thẩn. Ngoài giờ dậy ở trường, anh lang thang khắp nơi. Tháp Bà. Hòn chồng. Anh xuống cả xóm Bóng với đám dân chài. Anh đi mọi chốn, nhưng chẳng để tâm đến chỗ nào. Anh đi để khỏi phải nghĩ, để giết thì giờ, để chờ tới ngày có thể đến nhà Bích Khê. Cũng có nhiều khi anh phẫn chí, tuyệt vọng. Như cái lần anh cùng dân chài ra tận Hòn Yến. Anh đã không muốn trở về đất liền. Ở đó toàn những xấu xa, đen tối. Loài người nhung nhúc như ròi, bọ. Anh muốn được một mình không có ai xung quanh. Những người dân chài, ngày đó, đã nương anh lên. Họ cũng chẳng biết vì sao anh buồn. Nhưng anh cảm được tấm lòng mộc mạc của họ. Kỷ niệm này đã dậy anh biết trân quí tính chất phác và hiền lành của lớp người nghèo khổ.

Ở trường đã tới kỳ thi đệ nhất lục cá nguyệt. Nhiều thầy đã thông báo ngày thi và cũng đã hé mở, cho học trò biết, phải học những gì cho bài thi sắp tới. Không thấy An nói gì. Bọn học trò bèn hỏi. Anh trả lời với gương mặt lãng đãng:

- Học tất cả những gì tôi đã dậy.

Bọn chúng không biết phải làm sao. Học tất cả thì nhiều quá. Mà ngày thi thì đã tới gần. Không biết đề, thầy ra có khó không. Chúng lo. Chúng tìm cách được gặp thầy ngoài hành lang, cứ như là tình cờ, để dò tìm, hỏi han. Mỗi lần hỏi, thầy An trả lời một khác. Thầy giữ kín quá. Bọn chúng nghĩ vậy.

Rồi lại tới ngày chủ nhật, ngày An có thể tới nhà Bích Khê. Đã từ hôm đầu tiên, An cố khép mình vào khuôn khổ; chỉ tới nhà nàng vào sáng chủ nhật. Nhưng sáng chủ nhật này anh không muốn. Anh nản và muốn bỏ cuộc chăng? Ví dù anh có muốn, anh cũng không làm sao mà quên cho được. Anh không muốn đến lần này là chỉ muốn Bích Khê hiểu được một tín hiệu. Anh muốn nàng giúp anh một tay. Trong cuộc tình, cả hai phải cùng một lòng. Lâu nay anh tới nhà mà không được gặp. Sao nàng không cố tìm cách cho anh được thấy nàng? Chỉ một thoáng thôi. Trời ơi! Anh thèm quá! Chỉ một thoáng thôi. Mong muốn này thôi thúc An, làm anh quên béng đi dự tính vừa mới được chính anh sắp xếp. Như người say thuốc, cuối cùng anh vẫn tới, gõ cửa. Chỉ có hơi muộn so với những lần trước.

Lần này có cả mẹ nàng ngồi tiếp. Anh linh cảm được chuyện quan trọng. Chợt Bích Khê bưng nước ra mời. Bàng hoàng, sửng sốt, nhưng anh yên tâm được lại ngay. Bích Khê vừa gửi đến anh một nụ cười nhanh, một ánh mắt gọn. Anh đê

mê khi nhận được tín hiệu này. Tín hiệu báo trước sự an lành.

Bích Khê vẫn lấp ló ở cửa trong. Nàng lại bưng nước ra mời lần nữa. Bích Khê có mảnh mai hơn trước. Nàng duyên dáng và cử chỉ có nhẽ cũng già dặn hơn xưa Nhưng xuyên qua những thay đổi bên ngoài, An vẫn bắt gặp lại được những gì của riêng anh. Lòng anh chợt nở hoa. Ước gì nàng ngồi xuống đây nhỉ. Anh tưởng ra một dáng ngồi kín đáo, dịu hiền, e lệ. Dáng ngồi tương phản với Bích Khê rực rỡ, xinh tươi, nhí nhảnh ngày trước. Cái bây giờ và cái ngày xưa trộn lẫn, đảo lên, lộn xuống, nhào qua, ngược lại. Anh đã không lưu tâm, không biết, không nhớ, không hiểu bố mẹ Bích Khê nói những gì. Anh mê man. Anh lẫn lộn chuyện bây giờ với chuyện ngày xưa. May cho anh. Anh vẫn còn chút tỉnh táo để nghe ra được một điều:

- Thầy đi dạy học, dĩ nhiên cũng đã biết. Chúng tôi cũng phải được gặp các cụ bên nhà.

Mối ác cảm của anh đối với bố của Bích Khê, khi trước, thật là bậy. Ông cụ rộng lượng và rất lịch lãm, hiểu đời. Việc Bích Khê nghỉ học đã giúp anh và giúp nàng rất nhiều. Không bị tai tiếng. Không một lời sầm sì. Trung học Võ Tánh vẫn là ngôi trường của anh. Đó là nơi anh tới, lo lắng cho học trò của anh. Đó cũng là nơi anh tới, xây dựng cho chính anh và Bích Khê một tương lai, một tổ ấm.

An sống trở lại như xưa. Sống với đám học trò, mới gần đây anh đã bỏ bê chúng. Anh vẫn là một giáo sư trẻ đầy nhiệt huyết và lương tâm chưa bị mài mòn. Có một chút khác trước. Anh thương đám học trò anh dậy hơn. Anh hối hận vì đã không nghĩ gì tới chúng trong những ngày qua. Anh hiền từ hơn. Anh nhẫn nại hơn với chúng. Và anh chắc mẩm, lương tâm anh mãi mãi không bao giờ bị mài mòn như những ai khác. Học trò anh có nhẽ cũng cảm nhận được cái tình của anh đối với chúng. Chúng quanh quẩn bên anh, chăm chỉ học hành.

Anh đã sống những ngày hạnh phúc như thế. Anh tận tâm ở trường. Anh nhấp nhổm nơi nhà trọ. Và anh đầm ấm bên Bích Khê, ngay tại nhà nàng. Những bức thư anh gửi về cho bố mẹ ở Sài Gòn toàn là những bức thư vui. Và cô em gái duy nhất của anh vẫn sống cùng bố mẹ cũng phải ngạc nhiên. Cô cũng nhận được thư riêng, nhận được lời hỏi thăm cặn kẽ của anh. Cô viết thư cho anh, hỏi lại, phép lạ nào vậy?

Cuối niên học Bích Khê hỏi anh:

- Hè này anh vào Sài Gòn thăm bố mẹ?

- Hai tuần nữa thôi. Cũng không lâu đâu. Lên xe lửa, có giường, ngủ một giấc. Sáng dậy đến Sài Gòn. Ở trong đó tối đa là một tuần. Rồi lại ngủ một giấc trên xe lửa. Sáng ra, anh đã về đây với cưng. Anh đã thuê nhà, để bố mẹ và cô em gái ở lại đây chơi lâu lâu một chút. Cũng là dịp để em anh biết Nha Trang ra sao. Mẹ cũng đã nhờ người bà con, sẽ trông giúp cho sạp vải ở chợ Xóm Chiếu.

- Cũng chỉ phải tạm thuê nhà thôi anh ạ. Bố em đã tính lấy lại căn nhà vẫn cho thuê, ở gần nhà thờ Lớn, để chúng mình ở.

Niên học 57-58 vừa dứt, An lên xe lửa vào Sài Gòn. Trước khi đi, anh có ghé thăm từ giã ba mẹ Bích Khê và hẹn với nàng ngày trở lại.

- Đúng một tuần. Anh đã mua vé khứ hồi cho anh và vé cho cả nhà.

Ba mẹ Bích Khuê cũng nhờ anh chuyển thư. Ông bà mời bố mẹ và cô em gái của anh ra Nha Trang chơi. Ông bà ngỏ ý, muốn được đón tiếp mọi người tại nhà.

Trên xe lửa, An không ngủ một giấc, để rồi sáng mai thấy Sài Gòn, như lời anh nói với Bích Khê. Anh háo hức trên đường trở về với gia đình, sẽ được gặp lại bố mẹ và em gái. Đây là lần thứ hai anh sống xa gia đình. Mà cả hai lần đều đem đến cho anh những thay đổi lớn. Toàn là những thay đổi tốt lành cả. Lần này anh có Bích Khê. Lần trước anh kiếm được nhiều tiền lắm. Lần đó, năm 1954, anh cùng gia đình lên tầu Mỹ, di cư vào Nam. Hồi đó anh mới có Tú tài một, nhưng

lại biết thêm võ vẽ đôi ba câu tiếng Anh. Nhờ chút vốn liếng ngập ngọng đó, anh đã giúp được chút ít cho đồng bào, trong thời gian cùng ở trên tầu. Ngờ đâu khi cập bến, anh được người Mỹ nhờ anh ở lại, làm thông ngôn trên tầu. Tiền thù lao thật không ngờ, ngoài lòng mong ước. Đúng là trong đám mù, anh chột được làm vua. Phải nói gia đình anh may mắn nhất trong số triệu người di cư hồi đó. Nhờ số tiền lớn kiếm được, bố mẹ anh có nhà, có cả sạp vải lớn ở chợ Xóm Chiếu để sinh sống.

Thực ra, chuyện may mắn này cũng còn có một nguyên do khác. Hồi đó rất ít người biết tiếng Anh. Pháp văn vẫn là ngoại ngữ chính trong các trường học. Và ngoài đời tiếng Pháp vẫn thực dụng. Trước năm 1954, trường Công giáo nơi anh đang theo học, khuyến khích học sinh, học tiếng Anh. Trần Cửu An không phải là giáo dân nhưng sống chung đụng, gần gũi với những giáo dân. Giòng họ anh chia làm hai chi. Một chi bên lương; một chi bên đạo. Cũng như tại làng quê, một nửa là giáo dân; nửa kia không phải. Anh đã học tiếng Anh vì rảnh rỗi, theo chúng bạn, học cho vui. Và anh học rất sáng dạ, giỏi nhất trong đám. Các nhà thờ Công giáo ở Việt Nam, do địa vị đặc biệt, có nhẽ có tầm nhìn xa hơn. Chính nhờ cái tầm nhìn xa của các linh mục Việt hồi đó, An đã có cơ hội kiếm được rất nhiều tiền, khi di cư. Số tiền ấy là cả một tài sản lớn đối với mọi người. Thế mà lúc đó anh mới có mười chín tuổi đầu.

Xe lửa vẫn dập dình chạy. Tiếng xình xịch đều đặn, lắc lư con tầu đi. An thích đi xe lửa. Anh được thoải mái đi lại trên tầu chứ không bị bó gối như đi xe đò. Với lại xe lửa thường đúng giờ; và ngồi trên xe, anh cảm thấy an toàn hơn. Đây là lần thứ hai anh được đi xe lửa. Lần trước từ Sài Gòn, anh ra Nha Trang, hồi đầu niên học.

Chỉ nghĩ tới Nha Trang là lòng anh đã nao nao. Nha Trang là miền nắng ấm đối với mọi người. Nha Trang là mảnh đất ấm của riêng anh. Đó là thành phố quê hương của anh. Nghĩ đến đây anh chợt mỉm cười. Nhiều người, nhất là người Bắc di cư, thường than vãn là phải xa quê hương. Với An, ngày bước chân lên tầu di cư là một ngày hấp dẫn. Anh hăm hở vì được đi xa, gặp lạ. Anh chẳng có gì luyến tiếc phải bỏ lại. Không như những người khác, anh không còn gì sót lại nơi đất Bắc. Và miền Bắc không còn gắn bó với anh nữa. Nhưng chính Nha Trang mới là nơi anh bắt đầu cuộc đời. Anh đã bồi đắp tại thành phố đó, những kỷ niệm khó quên. Anh đã lưu lại chốn đó, những dấu vết đời anh. Và tại nơi ấy, anh đã mơ mộng một tương lai. Trung học Võ Tánh là trường của anh, nơi anh làm việc. Bích Khuê là người yêu của anh, người anh về với. Miền cát trắng giờ đây là chốn về của anh.

Hai bên núi rừng, trời đổ cơn mưa. Mưa ở Sài Gòn khác với mưa ở Nha Trang. Và mưa ở dọc đường, giữa núi rừng, khác hẳn hai nơi kia. Trong toa xe lửa, An thu người ấp ủ một hơi ấm. Nếu Bích Khê có ở đây, bên anh, lúc này nhỉ. Anh đã thức trắng đêm trên xe lửa với nỗi thèm mong đó.

An tới gần Sài Gòn. Anh nhớ về Nha Trang.

Hồng Đào, cô em gái, ra đón anh ở ga xe lửa. Mới đây mà Hồng Đào trông lớn hẳn ra. Đã ra dáng một thiếu nữ, nhưng cô em vẫn liến thoắng với ông anh:

- Nhận được thư anh, em thích quá. Chẳng có ai coi em là người lớn cả. Thư anh em còn giữ, để thỉnh thoảng lôi ra đọc lại chơi.

An mỉm cười, hơi ngượng. Tội nghiệp nó! Thực ra anh đâu có nghĩ gì tới em. Anh viết cho em nhưng lòng lại tơ tưởng tới người yêu. Chột dạ, anh hỏi:

- Tao có viết gì bậy bạ trong thư không?

- Sao lại bậy bạ? Em thích. Mà em biết tại sao anh viết thư cho em rồi. Chị ấy chắc đẹp lắm?

- Làm sao đẹp được bằng Hồng Đào. Viết thư cho mày, tao chỉ sợ bị vất vào sọt rác. Làm sao sánh cho bằng những bức thư tình của những chàng si.

- Bậy nào! Em đâu có được như chị ấy.

Mới xa nhà ít lâu, An đã tiêm nhiễm lối nói bông lơn. Trong gia đình An, giọng điệu đó không nên nói ra. Đó là giọng lưỡi của kẻ không đứng đắn, hoặc nịnh bợ, không được ngay thẳng. Thế nhưng cô em lại thích và có vẻ quí ông anh hơn.

Cô cho biết, bố mẹ rất mong được ra ngoài đó để xem mặt chị ấy. Bố đã may thêm vài bộ quần áo. Bố nói: "Để có cái mặc, khi đi gặp và nói chuyện với người ta."

Mẹ thì tội nghiệp cho anh: "Mới mười chín đã phải kiếm tiền lo cho gia đình." Nhưng mẹ vui vì anh khổ sớm nên sớm biết lo.

- Mai mốt anh có nhà riêng, em ra ngoài đó, học trường anh dậy. Chịu không?

- Để mấy thằng học trò tao mê mày, bỏ học. Làm sao tao đánh chúng nó được?

- Thế thì ai đánh anh? Hồng Đào vặn lại.

Hai anh em tự nhiên chấp nhận với nhau một lối nói mới, phóng khoáng hơn và hợp với nếp

sống mới hơn. Cả hai đã bước ra ngoài khuôn khổ khô khan của gia đình.

An ân hận. Từ ngày gặp Bích Khê anh đã chẳng nghĩ gì tới em cả. Hồng Đào đã là một thiếu nữ đẹp, rất chững chạc, biết điều phải chăng. Ừ, tại sao lại không để Hồng Đào ra sống với anh ngoài Nha Trang nhỉ? Một cây non cần mảnh đất mới. Nhưng còn bố mẹ già? Ông bà cũng cần có ai để chia sẻ và gần gũi trong lúc này. An lại xót xa vì em gái anh phải chịu thiệt thòi. Gánh nặng gia đình giờ đây trên đôi vai Hồng Đào. Sống trong gia đình, anh đã trải qua nhiều nghịch cảnh. Thì cũng vẫn cái chuyện học đường dẫn con em đi một nơi, gia đình kéo chúng về một nẻo. Nếp sống mới được giảng dậy trong trường đã đập vỡ đôi mái ấm gia đình. Có nhẽ thời xưa không đến nỗi. Các sĩ tử ngày trước vẫn thấy trước mắt nhiều tấm gương. Nhiều người đã từ chối con đường hoạn lộ xa xôi và chọn cảnh nghèo bên cha mẹ già. Họ được người đời ca tụng. Nhưng quan trọng hơn nữa, họ luôn luôn được đền bù.

Sức mạnh của nồi hơi nước đã đẩy con thuyền người phương Tây tới tận nơi xa xăm này. Họ đã tạo ra nghịch cảnh. Cái chuyện Hồng Đào ra Nha Trang ở với vợ chồng anh chỉ là hoang tưởng.

Chuyện tình của An và Bích Khê ngược lại, dứt khoát không phải là một điều hoang tưởng. Đó là mối tình đầu thắm thiết của lứa đôi. Cả hai đều cùng một lòng. Chính họ đã lấp đầy mọi ngăn cách. Nhớ lại hồi xưa, nếu Bích Khê không cùng một lòng cương quyết, khóc lóc năn nỉ ngày đêm, chắc chắn cả hai không được như ngày nay. Một mối tình nằm trong khuôn khổ của đời sống. Gia đình đôi bên đều chấp thuận. Một tuần nữa cha mẹ hai người sẽ gặp nhau. Lễ nghi của cuộc tình sẽ được bàn bạc, góp ý với nhau sao cho hợp với phong tục và tập quán. Tổ ấm được gầy dựng. Hạnh phúc sẽ đến với lứa đôi. Hạnh phúc sẽ đến với những đứa con của hai người. Đã nhiều lúc An và Bích Khê bên nhau, lòng choáng ngợp bởi những chuyện tốt lành khó tưởng. Hai người đã từng bàn định và khuyến khích nhau cùng ghi lại mối tình của họ. Mỗi người sẽ ghi nhớ lại hết những tình tiết với những cảm súc riêng tư của từng người. Những mảnh vụn đó sẽ được đúc kết lại thành câu chuyện tình rõ ràng và đầy đủ. Rồi chuyện sẽ được kể lại cho các con nghe. Một gia tài vô giá của chúng.

Chuyện tình có thật trước mắt này, dứt khoát không phải là một điều hoang tưởng. Nhưng chuyện tình đó đã bị chém vỡ ra làm đôi. Đôi lứa bị chia lìa. Mái ấm không được gầy dựng. Nát tan thay cho hạnh phúc. Những đứa con tưởng sẽ... đã chẳng bao giờ được ra đời.

Bữa cơm đoàn tụ, đón cậu trưởng nam về từ miền cát trắng, thật là hết ý. Lòng thương xót của mẹ già cho đứa con "khổ sớm nên sớm biết lo" chan hòa trong nồi sáo vịt nấu với măng khô. An thích nhất món bún sáo vịt với măng khô. Nhưng phải là nồi sáo, mẹ anh nấu. Mà con vịt cũng phải, do chính mẹ anh chọn mới ngon. Mẹ già lặn lội tới tận sân nuôi vịt để chọn một con. Vịt bầu được đưa về từ cả mấy tuần trước. Nó được vỗ thêm bằng thóc. Chỉ thóc thôi, không một thứ gì khác. Con vịt được ăn chay này sau đó mới được chính bà nấu nướng. Đĩa tiết canh do bố anh đánh. Phải có một cái cuống họng heo thêm vào. Đỗ lạc cũng chính tay ông rang, trong chảo, lẫn với cát. Hạt lạc chín mà không được cháy. Và lần đầu tiên trong đời, An được cưa đôi chai bia lớn với bố, uống trước mặt ông.

Cả nhà, bốn người, bố mẹ và hai con quây quần bên nhau. Thôi thì đủ mọi chuyện được hỏi, được kể. Chuyện nhà cho người ở xa. Nhưng phần chính vẫn là chuyện của An. Người ở nhà bao giờ cũng háo hức muốn được biết những gì mới. An lần lượt kể hết. Từ chuyện anh dậy học, đến đời sống của riêng anh, xen kẽ với đời sống của người địa phương ngoài đó. Anh cũng chỉ rõ những thắng cảnh, cũng như phố phường mà mọi người sẽ biết trong tuần tới. Còn cả chuyện đi xe lửa ra làm sao nữa. Nhưng tuyệt nhiên anh không đả động gì đến người con gái của riêng anh. Chuyện đó anh đã viết sơ qua cho bố mẹ biết, trong những bức thư trước. Anh không dại gì nói ra trước mặt Hồng Đào lúc này. Chỉ cần một chi tiết ngộ nghĩnh nào đó của anh lộ ra cho cô em, là anh sẽ khổ sở với nó. Cũng có đôi lần cô em kín đáo gợi ý, nhưng anh được bố mẹ giúp, gạt phăng ngay đi. Không nên cho con gái biết đến cái chuyện này. Ông bà nghĩ thế. Không vội gì. Chuyện đó sẽ được An cho biết vào lúc thanh vắng, chỉ có ông với bà.

Rồi An cũng sẽ kể cho Hồng Đào biết chuyện của anh. Nhưng vào lúc khác, hợp với cảnh ngộ hơn. Có thể đó là lúc, trái tim cô em đang rung động vì một chàng si tình nào đó. Cũng chẳng lâu đâu, An nghĩ vậy.

Cơm nước xong, An xin phép đi thăm vài người bạn. Trước khi đi, anh chuyển bức thư của ba Bích Khê gửi cho bố.

Đổ vỡ từ bức thư đó mà ra.

(Còn tiếp)

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG VÀ NHỮNG NGÀY ĐẦU TIÊN

ĐOÀN VIẾT HOẠT

(Tiếp theo từ số 157)

Trước cửa nhà tôi có một gia đình bỏ đi di tản. Ngôi nhà ba tầng bị tịch thu làm trụ sở cho bộ đội. Các anh lính bộ đội tuổi còn trẻ măng mới ở ngoài Bắc vào hầu như ngày nào cũng lấy hết lý do này đến lý do khác vào nhà tôi chơi. Hình như họ nhân được lệnh làm như thế để theo dõi. Tôi ở trên gác thường tránh gặp họ. Mỗi lần họ đều sồng sộc đi thẳng vào tận bếp, gặp đứa con út của chúng tôi đều vồn vã ẵm bế chọc ghẹo. Lúc đó cháu mới gần hai tuổi. Khốn khổ cho cháu, chỉ một thời gian ngắn sau là cháu bị lây ghẻ của các anh bộ đội này. Và từ cháu bệnh ghẻ ngứa lây khắp mọi người trong nhà. Lúc đó ở Saigon dịch ghẻ ngứa lan tràn khắp nơi. Người dân Saigon đồn đãi với nhau rằng bộ đội miền Bắc vào mang theo hai thứ "dịch" là bệnh ghẻ ngứa của bộ đội và cái gía lạnh của miền Bắc. Cuối năm 1975 quả nhiên Saigon trở lạnh. Chưa năm nào tôi thấy Saigon lạnh như thế. Trời đất cũng động lòng trước bao nghịch cảnh !

Cho tới khi đổi tiền đời sống Saigon còn tương đối dễ thở. Hàng hóa tiền bạc vẫn còn nhiều. Những người miền Bắc vào Saigon thấy choáng ngợp vì trong các cửa hàng, các khu chợ và ngoài hè đường tràn ngập hàng hóa. Vì hầu hết các dịch vụ buôn bán và các hãng xưởng đều ngưng hoạt động nên ban đêm thì mọi người ra ngoài hè phố, những nơi trống trải, kể cả các trạm xăng hầu hết đều đóng cửa, bầy vài cái bàn thấp, dăm ba cái ghế đẩu để bán các loại hàng ăn uống bình dân, còn ban ngày thị đua nhau bầy bán đủ loại đồ dùng gia đình hoặc các hàng hóa tồn đọng. Khách mua là những người từ miền Bắc vào. Ngoài Bắc có tiền tuy không nhiều nhưng lại thiếu hàng hoá. Cả lương thực thực phẩm cũng không đủ. Hai miền nay đi lại được nên ai cũng tìm cách vào Nam để thăm viếng thân nhân bạn bè sau hơn hai mươi năm xa cách. Và nhân dịp đó tìm mua vài món hàng cần dùng, từ bóng đèn điện, tới cái kìm cái búa. Saigon những tháng cuối năm 1975, trước khi đổi tiền, trở thành một cái chợ trời khổng lồ, ồn ào hỗn loạn khắp các đường phố. Chính quyền mới chưa có chính sách rõ rệt, lại thiếu nhân lực, tỏ ra lúng túng và bị động về mọi mặt đời sống xã hội. Họ chỉ tập trung vào một việc: giữ vững an ninh chính trị.

Anh ruột tôi, cùng cha cùng mẹ với tôi (cha tôi có bốn người vợ), năm 1954 đã là chuẩn úy pháo binh quân đội quốc gia, không cùng chúng tôi di cư vào Nam mà ở lại miền Bắc vì nghe theo lời người yêu là một cán bộ binh vận của cộng sản. Khi biết ra thì đã muộn, anh tôi không lấy cô này làm vợ, và bắt đầu hoạt động chống lại chế độ trong thời kỳ đấu tố ruộng đất. Anh bị bắt và bị tù năm năm. Đầu thập niên 1960, sau khi đi tù về, anh bị đuổi ra khỏi căn nhà của tổ tiên để lại, được chính quyền cho phép dựng một căn nhà tranh trên miếng đất trống cuối làng. Đầu năm 1976, anh viết thư cho thầy mợ và chúng tôi, ngỏ ý muốn xin tiền để mua vé xe lửa vào thăm. Thầy tôi bảo anh em tôi biên thư ra cản không cho anh vào vì sợ lộ tông tích cũ. Nguyên Thầy chúng tôi họ Đỗ, vì chống cả Pháp lẫn cộng sản nên phải đổi thành họ Đoàn. Một người em họ của Thầy tôi tìm đường vào thăm cũng chỉ được Thầy tôi tiếp một buổi không cho ở nhà, bảo tới nhà những người cùng làng mà ở. Tôi phải dành ra một ngày dẫn chú tôi đi thăm những người quen biết và dạo chơi Saigon Chợ Lớn. TộI nghiệp chú tôi, quần áo cũ kỹ, đầu đội nón cối, chân đi dép râu. Tới đâu chú tôi cũng ngơ ngác lạ lùng. Cả đời chú chưa bao giờ được thấy cảnh đô thị phồn vinh như thế. Buổi trưa tôi đưa chú tôi vào tiệm kem Brodard trên đường Tự Do. Thấy tiệm sang trọng, cửa kính, gắn máy điều hòa mát rượi chú rụt rè hỏi tôi:

— Mình vào đây được hở cháu?

— Được chứ chú. Mình phải trả tiền mà chú.

Tôi vừa nói vừa cười. Lúc thấy tôi gọi mỗi người một phần kem đựng trong nửa quả dừa chú la tôi:

— Sao gọi nhiều thế, ăn sao hết hở cháu.

Tôi chỉ cười không nói gì, thông cảm với chú. Tôi nhớ lại chiều tối hôm qua lúc ăn cơm với Thầy Mợ tôi chú tôi cũng than phiền vì theo chú nhà tôi ăn thế là quá nhiều, thức ăn thức uống đều nhiều quá. Tôi nói với chú tôi rằng gia đình tôi chỉ thuộc loại trung bình ở Saigon mà thôi. Chú tôi nói với chúng tôi:

— Liệu mà ăn uống dè sẻn lại chứ mai mốt sợ không có đủ gạo mà ăn đâu.

Quả nhiên chỉ chưa đầy hai năm sau dân Saigon phải cùng cả nước ăn ngô khoai sắn và bo bo thay cơm.

Cuối tháng 11 đổi tiền. Saigon nhốn nháo. Đời sống bắt đầu khó khăn. Khoảng cuối tháng tư năm 1976 sau khi khoá học chính trị dành cho giáo chức đại học chấm dứt, và ngay sau cuộc bầu cử Quốc Hội thống nhất đất nước thì đại học Vạn Hạnh cũng chính thức bị tịch thu. Trước đó Vạn Hạnh chỉ hoạt động cầm chừng, và những cán bộ trách nhiệm tiếp quản các trường đại học tư chỉ nói chúng tôi hãy chờ chính sách mới của nhà nước. Do đó, vào đầu năm 1976, chúng tôi, những người còn lại trong Hội Đồng Quản Trị, đã chủ động họp lại bàn cách giữ lại phần Phật Học. Tôi đề nghị giữ lại cơ sở mới mua trên đường Võ Di Nguy, Phú Nhuận. Cơ sở này trước 1975 được dùng làm trường sở cho Phân Khoa Khoa Học Ứng Dụng. Tôi cũng đề nghị thành lập Viện Phật Học Vạn Hạnh, trực thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, và lấy cơ sở Võ Di Nguy làm trụ sở cho Viện mới này. Tôi thảo thư gửi Bộ Giáo Dục nội dung như trên do Thượng Tọa Thích Trí Thủ, lúc đó đang là Viện trưởng Viện Hoá Đạo Giáo Hội ký tên và gửi đi. Nội dung thư chỉ thông báo, chứ không xin phép, việc Giáo Hội giao cho nhà nước quản lý phần thế học còn giữ lại phần Phật Học. Trong thư cũng yêu cầu nhà nước để Viện Phật Học Vạn Hạnh tiếp tục được sủ dụng số tiền còn lại trong ngân hàng, lúc đó tính theo tiền cũ chưa đổi còn hơn 200 triệu đồng.

Thư gửi đi rồi chúng tôi thực hiện ngay. Một tấm bảng mới được treo lên tại cơ sở trên đường Võ Di Nguy: bên trên đề GHPGVNTN, bên dưới đề Viện Phật Học Vạn Hạnh. Toàn bộ sách báo Phật Học được chở về đó cùng một số bàn ghế, tủ, máy móc và dụng cụ văn phòng, cùng toàn bộ văn phòng phẩm. Một cô thư ký được giữ lại để làm việc. Năm giáo sư của Viện Đại học Vạn Hạnh được tiếp tục tuyển dụng để nghiên cứu Phật giáo. Ngoài Thượng tọa Thích Minh Châu, còn có Thượng Tọa Thích Quảng Độ, giáo sư Nguyễn Đăng Thục, đại đức Tuệ Sĩ và giáo sư Lê Mạnh Thát. Các vị này được ấn định mức lương mới thấp hơn mức lương trước nhiều. Riêng tôi không làm việc ở Viện mới nữa nhưng vẫn thường xuyên lui tới thăm viếng các vị này và giúp đỡ Viện cho tới khi bị bắt.

Sau khi chính thức tiếp thu cơ sở chính của viện đại học Vạn Hạnh và biến thành một cơ sở của trường đại học Sư Phạm thành phố, cơ quan quản lý đại học của thành phố chấp nhận những đề nghị mới của Viện Phật Học Vạn Hạnh về mặt hành chánh và lương bổng. Tuy nhiên, họ vẫn tiếp tục quản lý số tiền còn lại của Vạn Hạnh ở ngân hàng. Sau khi tôi bị bắt nhà nước cộng sản đã bắt Viện Phật Học Vạn Hạnh phải đổi tên thành Viện Cao Đẳng Phật Học, trực thuộc Giáo Hội quốc doanh.

Trong suốt thời gian trước và sau khi Vạn Hạnh bị giải thể tôi thường xuyên bị các cơ quan an ninh theo dõi. Trong thời gian quân quản, đơn vị bộ đội đóng ngay trước nhà làm nhiệm vụ này. Khi hết quân quản, công an khu vực và tổ trưởng dân phố thường xuyên "thăm viếng" gia đình tôi. Có thể họ đã có hồ sơ về Thầy tôi với những báo cáo về hoạt động Duy Dân của ông. Riêng đối với tôi, thái độ dò xét của người cán bộ phụ trách quản lý các đại học tư đã khá rõ. Anh này khoảng trên 30 tuổi, tốt nghiệp đại học ở miền Bắc rồi vào Nam hoạt động từ năm 1968. Trong biến cố Tết Mậu Thân anh thoát chết nhưng bị hỏng một con mắt. Tính tình thâm trầm, nói năng nhẹ nhàng, nhưng xem ra anh ta khá tinh quái. Chắc chắn anh ta đã có trong tay hồ sơ báo cáo về tôi của ban anh ninh sinh viên Vạn Hạnh. Anh cũng luôn theo dõi tôi qua những người bạn cùng tổ học tập với tôi. Anh thường tìm dịp kêu tôi vào văn phòng anh đặt tại trường đại học Y Khoa Minh Đức để nói chuyện. Tôi cố tránh các vấn đề chính trị và chỉ nói về giáo dục, nhất là về Vạn hanh. Chắc chắn anh ta hiểu rằng tôi muốn đấu những suy nghĩ thật của tôi.

Tuy nhiên tôi chưa đủ khôn ngoan để che dấu được những suy nghĩ thật của mình với vài người bạn cùng làm việc ở Vạn hạnh. Đúng hơn là tôi không thể giả dối với họ được. Lương tâm không cho phép tôi đối xử như thế với đồng nghiệp của

mình, nhất là tôi luôn nghĩ rằng họ cũng đang cùng chung số phận như tôi. Chính vì thế mà những suy nghĩ thật của tôi có thể đã bị công an biết được. Và có thể họ đã theo tôi xát nút để chuẩn bị bắt tôi mà tôi không biết.

Vào khoảng tháng năm năm 1976 anh TAT đến thăm tôi. Anh hiện nay vẫn còn làm việc ở trong nước. Anh tốt nghiệp Tiến Sĩ Quản trị học tại Mỹ. Trước đây anh là Phụ tá Khoa Trưởng Phân khoa Khoa Học Xã Hội đặc trách chương trình Cao học. Trong thời gian học tập chính trị anh được cử làm tổ trưởng của tổ Vạn Hạnh. Anh đến chơi trò chuyện về tình hình đất nước và tỏ ra bi quan buồn bực. Anh nói với tôi:

— Nếu bây giờ có cần tự thiêu tớ sẽ xung phong ngay.

Tôi còn đang phân vân chưa kịp phản ứng gì thì anh lại nói tiếp:

— Cứ như thế này thì "xuống hố cả nước" thôi. Chịu thế nào nổi. Mình phải làm gì đi chứ.

Tôi không giữ im lặng được nữa:

— Cậu đừng lo. Chế độ nay thế này mai thế khác chỉ có dân tộc là trường tồn mà thôi.

Hình như anh chỉ cần nghe tôi nói thế là đủ. Anh không nói thêm gì nhiều nữa, qua loa vài câu rồi đứng dậy cáo từ ra về. Sau đó không thấy anh tới thăm tôi nữa dù tôi và nhà tôi có đến thăm anh vài lần.

Một người bạn khác dậy Minh Đức tôi mới quen biết trong khóa học chính trị. Một hôm anh này tới thăm tôi. Anh nói đang tìm đường vượt biên và rủ tôi cùng đi. Hình như anh có ý thăm dò xem tôi có dự định vượt biên không. Vì không bao giờ nghĩ tới chuyện vượt biên nên tôi nói chuyện với anh thẳng thắn không phải úp mở gì. Anh khen tôi có phòng đọc sách đẹp và ngỏ ý xem chỗ tôi ăn ở. Tôi thành thật đưa anh đi xem các nơi trong nhà, cửa trước cửa sau, trên gác dưới bếp. Sau này khi bị bắt cán bộ hỏi cung cho tôi xem một bản đồ căn nhà tôi với đầy đủ chi tiết. Tôi tin rằng chính Mạnh đã cho công an biết rõ những chi tiết này.

Người dân miền Nam vốn tính tình cởi mở, hồn nhiên, lại quen sống trong không khí tương đối tự do của chế độ Cộng Hòa. Bản tính thuần hậu như thế trái ngược hẳn với những mưu mô thủ đoạn chính trị mà chế độ mới đem ra sử dụng để cai trị người dân miền Nam. Do đó chỉ vài tháng sống dưới chế độ cộng sản người dân miền Nam đã không thể chấp nhận được chế độ mới. Họ biểu lộ sự chống đối của họ một cách thẳng thắn và mạnh mẽ. Họ không quen sử dụng các thủ đoạn chính trị, lại càng không biết tới các phương thức hoạt động bí mật. Đối chọi với đảng cộng sản, già dặn lão luyện trong kỹ thuật hoạt động trá hình bí mật, lừa gạt và mị dân, tất nhiên người miền Nam chỉ là bầy cừu non trước con mãnh thú. Chỉ khác là, với ý chí bất khuất của những con người tự do, tự trọng, người dân miền Nam, ngay cả khi dù biết là đang đứng trước con mãnh thú hung tợn và dũng mãnh hơn mình gấp trăm lần, vẫn quyết không chịu bị khuất phục dễ dàng. Vì thế ngay sau khi thấy rõ bộ mặt thật của chế đô mới, phong trào chống đối nổi lên bột phát khắp nơi. Từ đầu năm 1976 chế độ phải dựng thêm hàng trăm nhà tù tại miền Nam để giam giữ hàng chục ngàn những người chống lại chế độ, đa số là thanh niên, thuộc hàng chục tổ chức khác nhau tự phát thành hình, nhiều tổ chức có cả các chiến khu trong các vùng đồi núi. Nghe đồn công an Đông Đức đã huấn luyện cho công an thành phố Saigon các biện pháp phá vỡ các nhóm chống đối, trong đó có việc lập ra các tổ chức giả để giăng bẫy thu hút các phần tử "phản động," hoặc cài người vào các tổ chức chống đối.

Sau khi bị đàn áp thẳng tay phong trào chống đối lắng xuống. Phải đợi tới những năm 1989, 1990 phong trào chống đối mới lại có điều kiện để bột phát trở lại mạnh mẽ hơn, tự tin hơn, trưởng thành hơn. Còn trong những năm đầu dưới chế độ cộng sản sự chống dối còn mang đầy cảm tính xung động. Và tất nhiên cộng sản đã thẳng tay đàn áp bằng cả súng đạn lẫn tù đầy. Hàng ngàn người đã bị giết cả ngoài xã hội lẫn trong lao tù. Hàng trăm ngàn người đã chết trong rừng sâu, trên biển cả, không tìm thấy được miền đất hứa. Suốt thời gian từ cuối 1975 tới đầu 1990 cuốn sử Việt Nam lại ghi thêm những trang đầy máu lệ. Bạo lực cộng sản đã thắng. Nhưng cũng kể từ đó, đối với nhân dân miền Nam nói riêng và cả nước nói chung, chế độ đã thất bại. Bạo lực có thể bảo vệ được chế độ nhưng không bao giờ thu phục được lòng dân. Mà không thu phục được lòng dân thì chế độ nào, dù nhân danh lý tưởng cao đẹp gì, cũng "tự đào mồ chôn mình" và sẽ tan vỡ khi các điều kiện khách quan và chủ quan đã đủ chín mùi.

Đáng lẽ chế độ đã có thể thu phục được lòng người dân miền Nam. Sau chiến tranh người Việt Nam nào cũng chỉ muốn được sống trong yên bình và tự do để xây dựng một cuộc sống ấm no hạnh phúc. Bằng cái thế của người chiến thắng chế độ đã có thể thu phục được nhân tâm không phải và không cần tới bạo lực, mà chỉ cần tấm

lòng bao dung khoan hòa, nhân ái. Miền Nam có thể yếu trong chiến tranh, nhưng đã tạo được những cơ sở kinh tế xã hội và văn hóa giáo dục tương đối thuận lợi làm nền tảng cho phát triển trong hòa bình. Đáng lý chỉ cần cho phép các cơ sở này tiếp tục hoạt động thì nhà nước lại "đánh tư sản" tước đoạt tài sản kinh doanh của tư nhân, ngăn cấm toàn bộ hoạt động thương mại tư nhân. Thay vì một không khí phấn khởi thi đua làm ăn phát triển đất nước, thì một cảnh quan ảm đạm chết chóc bao phủ khắp các thị tứ từ Nam ra Bắc. Saigon, giống như Hà Nội, trở thành một thành phố chết.

Trong khi đó, hàng trăm ngàn người bị dồn vào các trại lao cải nơi rừng sâu nước độc, chết chóc khổ nhục trong đầy đọa hận thù. Làm sao có thể thu phục nhân tâm bằng những chính sách vô nhân đạo như thế? Những chính sách đó không những phi nhân mà còn trái ngược hẳn với truyền thống văn hóa hiếu hòa của dân tộc Việt. Từ sau 1990 trở đi, vì mất chỗ dựa quốc tế sau khi khối cộng sản sụp đổ nhà nước cộng sản phải thay đổi chính sách, phục hồi lại nền kinh tế tư nhân. Dù có giúp người dân dễ thở hơn một chút nhưng đã quá muộn để lấy lại lòng dân hòng cứu vãn chế độ.

LÝ THỪA NGHIỆP

TRỞ LẠI

Khi trở lại mùa thu vàng trên áo
Tóc ai xanh che kín mấy lưng đồi
Này đất cát gió mưa và hư ảo
Người trở về từ giã cuộc rong chơi.

Những bùn nhơ lẫn nhiều gai góc
Trên con đường một thuở lầm than
Khi trở lại mới hay mình sống sót
Buổi ra đi biển hát khúc điêu tàn.

Người trở lại tìm cành nguyệt-quế
Bên hiên nhà từng chùm đỏ bông trang
Mẹ tôi đó áo trắng tinh bông huệ
Hương còn bay, chuông còn đổ vang vang.

Người trở lại khu vườn cổ-tích
Buồn hay vui xin bỏ lại bên đường
Xin tạ ơn một niềm cô tịch
Đất trời kia ai bước trở về nguồn.

Về phần tôi, ngay sau vài tháng đầu tạm ổn định cuộc sống tôi chuẩn bị bắt tay vào việc, một công việc mà tôi đã tự nguyện từ khi mới lớn là sẽ chỉ ngưng nghỉ khi một nước Việt phồn vinh và tự do được ra đời, một nước Việt xứng đáng với bề dầy lịch sử, với vị trí địa lý chính trị và với tiềm năng dồi dào của nó. Để chuẩn bị cho các hoạt động phù hợp với giai đoạn mới, tôi kiểm điểm lại anh em xem ai còn ở lại, ai đã ra đi, ai vẫn yên ổn làm ăn, ai đã bị bắt. Tôi đặc biệt chú ý tới những bạn người miền Nam. Một trong những người bạn này đưa tôi tới gặp Trịnh Đình Thảo. Ông Thảo đoan quyết với chúng tôi rằng miền Nam sẽ có một chế độ khác miền Bắc, không phải là chế độ cộng sản. Sẽ trung lập và giao hảo với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị. Tôi vẫn nhớ mãi nét mặt tươi vui tin tưởng của ông khi ông chỉ vào tủ kính chứa đựng những chén bát kiểu sang trọng vừa cười vừa nói với chúng tôi:

— Như thế này mà cộng sản sao được hở các anh.

Nghe thế tôi tự nhủ: ông này chủ quan quá chăng? Nhưng vẫn bán tín bán nghi. Lúc đó là vào khoảng cuối tháng Bảy. Chính phủ Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam vẫn còn tồn tại. Trên các tờ thông cáo của phường khóm của chính phủ miền Nam tôi để ý thấy rất nhiều nơi khẩu hiệu "Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc" được sửa thành "Độc Lập – Tự Do – Trung Lập". Tin đồn về những mâu thuẫn Bắc-Nam được lan truyền kín đáo nhưng rộng rãi. Miền Bắc muốn thống nhất nhanh, nhưng những người trong chính phủ miền Nam chống lại.

Tôi cũng thường xuyên nghe lén các đài ngoại quốc để theo dõi tin tức. Vào cuối tháng 8, một buổi tối nghe đài BBC tôi được biết một tin quan trọng: hai nước Việt Nam đều nộp đơn xin làm hội viên của LHQ. Hai đơn xin của hai nước Việt Nam, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam, được Algérie thay mặt nộp cho LHQ, và được 65 nước thành viên LHQ bảo trợ, trong đó có Thụy Điển và Phần Lan. Khi hai lá đơn được thảo luận tại Hội Đồng Bảo An lần thứ nhất, 13 nước thành viên Hội Đồng Bảo chấp thuận. Costa Rica bỏ phiếu trắng và Mỹ phủ quyết. Đây là lần đầu tiên Mỹ dùng quyền

phủ quyết để bác bỏ đơn xin làm hội viên LHQ. Đại sứ Mỹ tại LHQ giải thích rằng Mỹ phủ quyết vì trước đó Liên Sô đã dùng quyền phủ quyết để bác đơn xin làm hội viên của Nam Hàn. Lập trường của Hoa Kỳ là Hoa Kỳ sẽ đồng ý nhận hai nước Việt Nam làm thành viên LHQ nếu Nam Hàn cũng được thâu nhận. Khi vấn đề được đưa trở lại Đại Hội Đồng LHQ, 120 thành viên lại thông qua nghị quyết yêu cầu Hội Đồng Bảo An tái xét hai đơn xin của Việt Nam. Không có phiếu nào chống nghị quyết này, chỉ có Mỹ vắng mặt. Lên đến Hội Đồng Bảo An lần thứ hai, Mỹ lại phủ quyết, và lần này là chung quyết. Hai nước Việt Nam không được gia nhập LHQ. (*)

Đây là một tin hết sức bất ngờ và quan trọng. Tôi suy nghĩ rất nhiều và tự đặt ra nhiều câu hỏi. Rõ ràng là cộng sản VN định thực hiện một kế hoạch mới ngay sau khi chiếm được miền Nam và đã bị Mỹ phá vỡ. Tại sao ban lãnh đạo cộng sản VN lại định lập hai nước VN thay vì thống nhất thành một? Để làm gì? Và tại sao Mỹ lại phủ quyết ? Lý do Mỹ đưa ra rõ ràng chỉ là một cái cớ. Nếu lúc đó mà Mỹ không phủ quyết thì tình hình Việt Nam sẽ ra sao ? Ngay lúc đó tôi chưa tìm thấy lời giải đáp một cách thật rõ ràng. Nhưng tổng hợp với những tin tức khác và với những hiểu biết đã có, tôi nghĩ rằng có thể những gì ông Trịnh Đình Thảo tin tưởng đã nằm trong toan tính chiến lược của ban lãnh đạo đảng cộng sản sau khi chiếm được miền Nam bằng vũ lực. Chiến lược này là lập ra hai "nước" Việt Nam để một "nước", Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, cộng sản, đi với Liên Sô, và một "nước", Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, trung lập, đi với tất cả các nước, cả Liên Sô, Mỹ, Trung Cộng. Nắm chặt bên trong là đảng cộng sản. Miền Bắc hoàn toàn cộng sản, miền Nam "xanh vỏ đỏ lòng," tạm thời trung lập, mở cửa với thế giới, "hoà bình chung sống" với miền Bắc, để thu hút tài nguyên của thế giới về giúp cho miền Bắc mạnh dần lên. Sau một thời gian miền Nam sẽ thống nhất với miền Bắc qua tổng tuyển cử, và cả nước sẽ được đặt dưới chế độ cộng sản một cách êm thấm.

Càng những năm về sau, khi các sự kiện chính trị ngày một rõ ra hơn, nhất là khi Việt Nam cộng sản xâm lăng Campuchia, và chiến tranh Việt-Trung nổ ra, thì tôi mới càng thấy được thâm ý chính trị của Mỹ khi phủ quyết hai nước Việt Nam. Vừa không cho đảng cộng sản thực hiện ý đồ của họ, vừa đẩy cộng sản Việt Nam vào thế bế tắc chính trị mới ngay sau khi chiến thắng về mặt quân sự. Đồng thời Mỹ lại không phải tiêu hao tâm sức vào khu vực Đông Nam Á bằng cách "mượn địch cầm chân địch" và từ đó có thể tập trung vào việc đối phó với Liên Sô ở khu vực Trung Âu. Cộng sản Việt Nam, sau 1975, tự nhiên đóng vai trò một "con chốt chiến thuật" tại vùng Đông Nam Á: là "tiền đồn" của vô sản quốc tế do Liên Sô lãnh đạo để chặn bước tiến của Trung cộng xuống Đông Nam Á, và do đó lại trở thành thù địch với Trung cộng, và là mối đe dọa đối với các nước thuộc khối ASEAN, và do đó bị các nước này bao vây. Trong cái thế lưỡng đầu thọ địch đó, cộng sản Việt Nam đã không có thời gian và sức lực để phát huy thành quả chiến thắng của mình. Việt Nam cộng sản đã không thể hưởng được hoà bình, ổn định để phát triển. Trái lại, tiếp tục bị hao mòn thêm nữa để cuối cùng, vào cuối thập niên 1980, Việt Nam cộng sản đứng trên bờ vực thẳm xụp đổ. Và trong suốt 15 năm đó, từ 1975 tới 1990, Mỹ đã không cần phải làm gì nhiều trong khu vực Đông Nam Á. Thật là "nhất cử tam tứ tiện." Để cuối cùng, sau khi khối cộng sản Liên Sô xụp đổ, Mỹ và Tây phương mới quay trở lại Việt Nam, đúng vào lúc cộng sản Việt Nam nguy kịch nhất, không phải để cứu đảng cộng sản và chế độ cộng sản, mà là để tìm cách lập một "thế trận mới" mà đích nhắm cuối cùng là Trung Cộng. Vừa làm cho cộng sản Việt Nam không rơi hẳn vào bàn tay Trung cộng vừa tìm cách "cấy" vào đảng cộng sản Việt Nam hai "sinh tử phù" là kinh tế thị trường và chính trị dân chủ.

Tất nhiên những suy nghĩ như thế phải mãi nhiều năm sau này mới rõ ra được, nhưng ngay lúc đó những tin tức nghe được từ đài BBC đã củng cố thêm nhận định của tôi rằng Mỹ đang lập một thế trận mới. Trước 1975 tôi được đọc một cuốn sách của Henry Kissinger có tựa đề *Nuclear Weapons and Foreign Policy*. (**) Trong cuốn sách này Kissinger phân tích thế mạnh của Mỹ là vũ khí hạt nhân mà thế mạnh của Liên Sô là "xuất khẩu cách mạng." Không thể sử dụng vũ khí hạt nhân để ngăn chặn xuất khẩu cách mạng được, mà nếu không ngăn chặn được Liên Sô thì về lâu về dài Mỹ sẽ thua. Làm thế nào để ngăn chân được Liên Sô ? Đây là vấn đề chiến lược quan trọng nhất của Mỹ kể từ khi Henry Kissinger lên làm cố vấn an ninh, rồi Ngoại trưởng Mỹ. Phải chăng Kissinger đã tìm ra lời giải đáp cho câu hỏi chiến lược đó bằng việc liên kết với Bắc Kinh để cô lập Liên Xô? Và để thiết lập được "bàn cờ" mới này Mỹ đã hy sinh miền Nam Việt Nam.

Ngay sau khi hai nước Việt Nam không được thâu nhận vào LHQ đài BBC lại loan tin nhóm G.7 đã được thành lập, gồm bảy nước giầu là Mỹ, Canada, Anh, Pháp, Tây Đức, Ý và Nhật. Từ 1972 Mỹ đã hòa hoãn được với Trung Cộng, nay Mỹ lại kết hợp được với sáu nước giầu mạnh khác để cùng Mỹ thực hiện thế chiến lược mới.

Tháng 4 năm 1976 cộng sản Việt Nam tổ chức bầu cử để thống nhất đất nước và đổi tên nước thành Cộng Hoà Xã Hội Chù Nghĩa Việt Nam. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và chính phủ Miền Nam bị giải thể. Chế độ cộng sản chính thức được áp dụng trên toàn cõi Việt Nam

Ngay sau đó, vào mùa hè 1976, đài BBC lại loan đi hai tin quan trọng. Trước hết là tin Tổng bí Thư đảng Cộng Sản Anh, lúc đó đã hơn 70 tuổi, tuyên bố từ chức, và cho rằng đảng Cộng Sản Anh sẽ chẳng còn vai trò gì trên chính trường Anh nữa. Tin thứ hai liên quan đến đại hội cộng sản toàn Âu Châu do Liên Sô triệu tập. Sau hơn hai năm vận động đại hội này mới khai mạc được nhưng chỉ sau khi Liên Sô phải chấp nhận hai nhượng bộ quan trọng. Một là yêu sách của Nam Tư đòi thừa nhận ngay trong phần đầu của tài liệu đúc kết đại hội nguyên tắc về chủ quyền quốc gia, có nghĩa là xác nhận quyền của các đảng cộng sản được hoàn toàn độc lập và không chịu dưới sự lãnh đạo của môt trung tâm quyền lực cộng sản quốc tế nào. Hai là yêu cầu của hai đảng CS Pháp và Ý đòi được đọc trọn vẹn bài phát biểu của họ trước đại hội. Trong hai bài phát biểu này hai Tổng Bí Thư đảng CS Pháp và Ý đều đưa ra ba quan điểm: bỏ đấu tranh giai cấp, bỏ chuyên chính vô sản và không chấp nhận trung tâm quốc tế cộng sản. Hai đảng CS Pháp và Ý đều chủ trương từ bỏ cách mạng bạo lực, chấp nhận tiến trình dân chủ đa đảng trong một xã hội dân chủ đa nguyên. Đây là hai đảng chính trị lớn nhất Âu Châu lúc đó. Trong các cuộc bầu cử toàn quốc đảng CS Ý chiếm được 33%, đảng CS Pháp được 23% tổng số phiếu bầu. Đài BBC bình luận rằng hai bài diễn văn của hai đảng cộng sản Pháp và Ý là hai quả bom nổ trong đại hội cộng sản toàn Au Châu. (***) Ngay vào lúc mà cộng sản "toàn thắng" tại Việt Nam thì tại Âu Châu phong trào cộng sản quốc tế gặp cơn khủng hoảng trầm trọng.

Những tin tức này làm tinh thần tôi thêm phấn chấn. Tôi càng thêm tin tưởng vào con đường mình đã lựa chọn dù biết rằng tình hình an ninh giờ đây hết sức căng thẳng. Tôi và những người bạn đồng chí hướng phải hoạt động trong những điều kiện rất khó khăn nguy hiểm và hết sức thiếu thốn phương tiện. Máy in ronéo trước đây vẫn dùng để in tài liệu nội bộ nay một người bạn ở cạnh chùa Ấn Quang phải đem gửi trong chùa không dám giữ ở nhà. Chỉ còn vài chiếc máy chữ cũ, vẫn có thể dùng để đánh stencil được, nhưng giờ đây mỗi lần đánh máy phải mở radio thật lớn để át đi tiếng máy chữ. Một bạn trẻ có sáng kiến chế ra hai ống lăn để in tài liệu thay cho máy in ronéo. Tôi biên soạn một số tài liệu phân tích tình hình mới của thế giới và trong nước để hướng dẫn nội bộ và phổ biến kín đáo trong một số thân hữu giờ đây được chúng tôi chọn lọc lại kỹ lưỡng hơn trước.

Chúng tôi hoạt động dựa trên một nhận định căn bản là biến cố 30 tháng 4 năm 1975 chấm dứt thời kỳ mà dân tộc ta bị phân thân làm hai, vận mệnh dân tộc bị gắn liền với thế tương tranh lưỡng cực quốc tế, đặc biệt là bị ban lãnh đạo đảng cộng sản đem gắn chặt vào khối cộng sản quốc tế. Biến cố 30 tháng 4 mở ra một cơ hội mới để dân tộc tự tìm lại chính mình vì bản thân thế lưỡng cực đối kháng quốc tế cũng đang tan rã trước một thế cờ quốc tế mới có sự tham gia của cả Trung cộng để bao vây cô lập và gây sức ép mạnh mẽ lên khối cộng sản quốc tế do Liên Sô lãnh đạo. Trong tình thế quốc tế mới đó, dân tộc chúng ta lại có một cơ hội mới để thoát ra khỏi sự "cưỡng chiếm" của các thế lực quốc tế, nhất là của cộng sản quốc tế, để thật sự độc lập, độc lập cả trên thực tế lẫn trong đường hướng chính trị. Chỉ có thật sự độc lập như thế mới không bị nằm trong "quĩ đạo" của một thế lực cường quyền quốc tế nào, để có thể hội nhập được vào xu thế tiến hóa chung của toàn nhân loại, hòa sức mạnh riêng của dân tộc vào sức mạnh chung của thời đại mà phục hưng.

Trong niềm tin tưởng đó chúng tôi hăng say hoạt động, vừa hoạt đông vừa tự rèn luyện nhau về kỹ thuật hoạt động trong tình thế mới. Tình hình càng khó khăn nguy hiểm lại càng kích thích chúng tôi hoạt động tích cực hơn.

Hoa Thịnh Đốn, 6/2002

(Trích Hồi Ký sẽ xuất bản)

(*) Sau khi sang Mỹ cuối năm 1998 tôi nói chuyện với bạn bè nhiều người tỏ vẻ không tin vào những sự kiện này. Tôi phải lục tìm lại những số báo *New York Times* cũ sau đây để xác minh các tin này: *New York Times*, August 12, 1975, pp.1, 12; và September 20, 1975, p.9.

(**) Henry Kissinger, *Nuclear Weapons and Foreign Policy*. New York: Harper&Brothers, 1957.

(***) *New York Times*, June 30, 1976, p.1; July, 1976, p.1.

HÀ NỘI, BƯỚM TRẮNG

NGUYỄN CHÍ KHAM

Khi chuyến tàu điện đỗ khách ở trạm ngừng phố Quan Thánh, tôi bước xuống. Tôi đi bộ dọc theo vỉa hè, một lúc sau, như người tìm hỏi địa chỉ, tôi ngập ngừng đứng lại trước một ngôi nhà có cổng cửa sắt sơn màu xanh để mở hé, bên trong im lìm. Tôi chợt nghĩ, nơi ngôi nhà này Nhất Linh vẫn còn sống và đang làm việc tại đây. Nhất Linh làm Chủ nhiệm tờ báo Phong Hóa.

Hai căn nhà bên cạnh cũng đóng cửa, không thấy bóng người ra vào. Tôi bỗng lo ngại, nghĩ rằng tòa soạn báo của ông Nhất Linh có thể do ảnh hưởng đến thời cuộc đã dời đi một nơi khác. Nhưng mà không đúng, số báo mới nhất vừa phát hành hôm qua vẫn còn ghi địa chỉ số nhà 80 Quan Thánh.

Từ đâu không biết, tôi nghe vọng tới một hồi chuông leng keng của chuyến tàu điện. Lúc ấy, tôi mạnh dạn đẩy cánh cổng, bước nhanh vào trong sân rồi đi lên lối cầu thang. Bên ngoài, tôi không nghe thấy tiếng máy nhà in chạy ầm ầm, tôi lại nghĩ chắc là người ta đã bỏ đi. Nhưng rồi cũng thấy lạ, vừa lên hết cầu thang, tôi đối diện với căn phòng mở cửa bỏ trống, nước mưa đêm qua đã ngấm ướt mặt nền, thế nên không nghĩ ngợi gì thêm tôi cứ tiến sâu vào nữa bên trong cùng. Một lối đi khác hiện ra, bất ngờ tôi nhìn thấy một căn phòng đang mở rộng cửa, bên trong có một người đàn ông cao lớn đang cúi đầu chăm chú làm việc.

Nhất Linh mặc bộ complet màu trắng. Khi ngước mắt lên nhìn ra cửa, ông thấy tôi đứng một mình, ông cười ngó tôi có vẻ mãn nguyện. Bàn viết rộng, đầy sách vở, bản thảo và giấy bút. Tôi có cảm tưởng như nó làm cái bóng ông cao lớn thêm nữa. Chiếc ghế mây tuy cũ, nhưng chưa mờ nước đen bóng nơi hai thanh gỗ tì tay. Ông ngả lưng lên thành ghế một chút để ngắm người lạ. Nụ cười trên miệng, cái vẻ phóng khoáng trên khuôn mặt làm tôi thấy hai vai ông như muốn rộng ra. Khi bước tới gần, tôi mỉm cười cúi đầu chào, ông bảo tôi ngồi xuống. Ông đứng dậy mở gói trà cho một ít vào ấm, rồi lấy phích nước sôi rót gần đầy bình. Ông để tôi im lặng ngồi chờ như một người bạn không có gì phiền hà. Ông mỉm cười đang suy nghĩ về một chuyện gì đó tôi không rõ. Ông nhấc ấm lên, bắt đầu rót nước vào hai cái tách. Ông hỏi tôi:

- Em ở xa mới tới.

- Vâng, tôi đáp.

Hai người cùng ngồi xuống, yên lặng trong ít giây để nhấp vài hớp trà. Ông hỏi tiếp:

- Sao biết tôi còn ở đây mà em tìm đến.

Hỏi xong, bất chợt ông đưa mắt nhìn tôi hơi chăm chú khiến tôi do dự. Tôi để lại chén trà lên dĩa lót, nói:

- Tôi ở tù mới về. Người ta đã đưa tôi ra miền Bắc hơn bốn năm. Khi về, tôi gặp Dũng ở nhà ga Yên Bái, và ông ấy nói với tôi ông còn ở Hà Nội.

Nhất Linh cười lớn tiếng rất thú vị.

- Hay quá, em ở Hà Nội được mấy hôm rồi.

- Tôi mới về trong nửa sáng đêm qua. Ở lại Hà Nội ngày hôm nay, đến 8 giờ tối, tôi phải lên tàu trở về Nam .

- Không ở lại với tôi ít ngày nữa.

Tiếng nói của Nhất Linh rất dịu dàng. Lúc ông cầm chén trà đưa lên miệng, tôi nói:

- Không, Hà Nội chỉ cho tôi có một ngày thôi.

Ông đang còn uống một hớp nóng của chén trà. Một câu nói tự nhiên của lòng tôi về Hà Nội, bỗng dưng làm ông mất vui, suy nghĩ. Tay ông run lên một chút khi đặt chén nước xuống, rồi như muốn khỏa lấp những hình bóng của thời gian, ông bật cháy que diêm châm điếu thuốc. Hình ảnh ông trầm ngâm trong khói thuốc đã khiến tôi nghĩ rằng ông đang nhớ đến Dũng, và có một chút gì đó nữa mà ông rất ân hận với Loan. Đáng lẽ, ông nên để cho Loan cùng đi với Dũng, ông lại đưa cô ấy về sống với Thân, từ đó xung đột, nẩy ra một tấn thảm kịch. Rồi mai sau nữa, ông sẽ ra sao khi bước đến tuổi già.

-Đang có những đột biến, Hà Nội liên lụy đến ông à.

- Không, không sao cả, ông nói hơi vội vàng, rồi một giọng lắng xuống. Nhưng rồi đến một ngày tôi phải ra đi. Tôi sẽ rời khỏi Hà Nội.

- Ông không viết văn nữa sao ? Hay có một

lần Dũng đã nói với tôi, ông dự tính đi làm cách mạng.

- Em nghĩ sao, nếu tôi dự phần vào công việc đó?

- Không, ông không nên đi. Ông nên ở lại Hà Nội để viết văn.

- Tại sao em lại không muốn tôi rời xa Hà Nội.

- Bởi vì Hà Nội là một thành phố trong văn chương. Ở đây, Hà Nội có ông. Nếu ông đi, cả ông và Hà Nội cùng một lúc sống trong ảo tưởng, và sẽ cháy thành tro than.

Ông bật cười, vẻ sung sướng rồi nói với tôi.

- Tôi sẽ viết một cuốn Đôi Bạn dành cho Loan.

Trời muốn trở rét. Trúc đang nghe lại tiếng nói thầm của mình. Buổi sáng ấy nơi căn nhà cụ Chánh, nhiều người bạn gặp nhau và có cô Loan nữa. Mùa thu đang về gây lạnh, nhưng cô chỉ mặc cái áo cánh mỏng, vươn hai cánh tay lên và cả vóc dáng mình nữa trong hình ảnh cô đang đứng ở góc sân phơi quần áo. Nhất Linh tả mái tóc, tiếng nói của cô làm tôi hình dung thấy cô đẹp rất hồn nhiên.

Từ ngày nghỉ học, Dũng trở về ấp Quỳnh Nê, gặp Loan, chàng cảm thấy rung động với mối tình của nàng. Người bạn thân của Dũng là Trúc. Trúc yêu một cô gái khác, tên Hà. Người con gái mà Nhất Linh vừa mới cho hiện lên trong tác phẩm đã làm cho khuôn mặt anh chàng Trúc tự nhiên khác hẳn đi, không khôn ngoan, có vẻ ngây ngô, dễ thương, nhưng mà với tôi, cô ấy tự dưng đẩy tôi ra khỏi Hà Nội để ra đi tìm một nhà ga, nơi chỗ đó, trong một buổi chiều còn lảng vảng ánh nắng quanh các ngọn đồi, tôi và một cô gái quen đã ngồi cạnh bên nhau thân mật chuyện trò.

Trong lúc này, Nhất Linh say sưa viết, còn tôi ngồi im. Thế rồi, một cảnh khác trong truyện đưa ra lúc đêm xuống. Hà Nội, các phố vắng vẻ, một lúc sau nghe trận gió nổi lên, và bắt đầu lác đác rụng xuống từng chiếc lá bàng. Đến khuya, gió nổi lớn, lá bàng rơi nhanh từng loạt. Hình như, có tiếng hai chị em thằng Nỡm cứ thay nhau cầu gọi; Gió lên, lạy trời gió nữa lên. Bỗng nhiên khi nghe những tiếng gọi đó, Nhất Linh ngừng công việc của một nhà văn, ông bước ra ngoài hiên gác nhìn xuống lòng đường, nghe tiếng gọi của hai đứa trẻ mỗi lúc một rõ, và lúc chúng chạy đi quét gom từng đống lá bàng, hình ảnh đó ông cũng trông thấy.

Đời tôi có hai người bạn mà tôi lần lượt phải xa. Tôi vẫn ngồi im trong căn phòng tòa soạn, chờ đợi, nhưng không cất tiếng gọi. Vâng, tôi hiểu được Nhất Linh, vì thế, ngoài sự nghiệp văn chương ra, ông không còn có một ai khác ngoài hai người bạn thân là Loan và Dũng.

Nhất Linh trở vào bàn viết tiếp. Tình cờ, tôi gặp cả Trúc và Dũng. Đối với Trúc, mối tình của anh ta và người bạn gái cũng như một cánh chim bay qua vùng núi trong sương mù. Còn Dũng, rất yêu Loan nhưng không thể cất giấu được trong tâm hồn hình ảnh của nàng. Rồi hai người bạn thanh niên đã cùng nhau vượt qua biên giới. Lúc này, tôi chợt nghe Dũng nhắc đến Loan, và anh rất mong được trở về Hà Nội để thăm Loan. Nhưng khi nghe tôi nói, Loan đã bỏ Hà Nội trở về sống ở ấp Quỳnh Nê rồi, Dũng im lặng.

- Tại sao bạn lại bỏ Loan ra đi, tôi hỏi Dũng.

- Thật sự đây là ý muốn của tôi, K. hiểu không?

- Không, vì sao bạn muốn xa Loan.

- Tôi muốn tránh xa Loan, vì tôi mong ước được nhìn thấy Loan ngoan ngoãn sống theo quan niệm gia đình.

- Rồi một ngày đó Dũng sẽ trở về. Bỗng tôi, Dũng, và Trúc cùng nghe tiếng nói của Nhất Linh cất vọng lên giữa một vùng núi đồi. Dũng mỉm cười nói rằng, ông Nhất Linh lúc nào cũng lạc quan. Tôi hỏi:

- Nếu thế việc Loan có chồng rồi ích gì nữa không ?

Ngừng viết, Nhất Linh nói:

- Không, không có gì quan trọng cả.

- Ông cắt nghĩa rõ đi.

Nhất Linh giải thích:

- Trong tác phẩm của tôi, hai con người đó là một.

Thực sự, Nhất Linh đã có ý muốn đưa Loan trở về Hà Nội. Ngồi nói chuyện một lúc lâu, tôi đứng dậy chào ông ra về. Ông đang viết văn, nhưng cũng bỏ dở đứng lên rời bàn viết, đi theo tôi, tiễn tôi một đoạn ra tới cầu thang. Ông đưa tay cho tôi bắt, và nói, ông sẽ ở lại Hà Nội để viết văn, và khi nào viết xong cuốn Đôi Bạn ông sẽ hẹn cho tôi một ngày đó để gặp cô Loan.

Tôi mới ở tù về, được ghé Hà Nội một ngày nên rất thèm được biết nhiều Hà Nội. Trước khi tìm đến thăm Nhất Linh, tôi đứng nhiều giờ khá lâu ở Hồ Gươm nhìn quang cảnh Hà Nội trong buổi sáng, và lòng tôi cảm thấy vui.

Từ phố Quan Thánh, tôi đi bộ ra Hồ Tây. Giữa Hồ Tây và Trúc Bạch có con đường Cổ Ngư với những hàng cây trồng hai bên rất đẹp. Cái tên con đường này cũng làm cho tôi thích và nhớ Nhất

Linh. Với Hà Nội, tôi không ao ước gì thêm được đi trên con đường này, con đường Cổ Ngư. Và, không ngờ, vừa mới nhớ, mới nhắc tới ông Nhất Linh đó, trên đường Cổ Ngư, tình cờ tôi trông thấy Loan. Từ xa, bóng dáng Loan bước nhẹ nhàng trong chiếc áo lụa màu nhạt vàng như một cánh bướm. Loan không ngoái đầu nên không trông thấy tôi ở đằng sau. Ngần ngại đi theo một quãng, tôi cất tiếng gọi, nàng dừng bước. Nhưng đứng nhìn nhau một lúc, chúng tôi mới nhận ra nhau. Rồi tiếp đó Loan nói, nàng đã có gặp tôi một lần ở đâu đó rồi.

Chúng tôi đi cạnh nhau, lặng im trong ít phút giây để suy nghĩ một đôi điều mình muốn bày tỏ. Một lúc, tiếng nói của Loan như thể kéo bước chân tôi dừng lại để nghe một nỗi phẫn uất, kêu than.

- Ông Nhất Linh không hiểu em.

Tôi chợt hỏi:

- Thế cô giận tôi, vì Nhất Linh muốn đưa cô về Hà Nội.

- Không, anh đừng nói thế. Em chỉ tự hỏi tại sao ông ấy bắt em ràng buộc với nỗi khổ.

- Không đâu. Ông ta muốn cho Loan hoàn toàn được hạnh phúc. Thân không xứng đáng là chồng của cô sao ?

- Không phải là tôi có sự phân biệt, anh hiểu không ? Nhưng mà, người đó không thể sống hòa hợp với tôi.

- Cô vẫn còn nghĩ đến Dũng thôi, phải không? Và, cô hiểu tại sao Nhất Linh không muốn đưa Dũng về Hà Nội cùng với tôi không?

- Không.

Tôi tiếp lời giải thích:

- Nhất Linh là một nhà văn hạnh phúc, tôi nói. Đã có lần ông ta giải thích cho tôi hiểu rõ về nghịch cảnh của cô, và ông nói đúng, không phải cô là người bất hạnh, mà thực ra cô đã có những mâu thuẫn khi bước vào cuộc đời.

Đi bên cạnh tôi, lúc này tôi nhận ra được cái nét cứng rắn của Loan. Cô nói:

- Ngay cả anh cũng không hiểu được em. Anh nhớ rằng, khát vọng của Nhất Linh là giải phóng người phụ nữ ra khỏi xã hội phong kiến, vậy thì ý tưởng về tự do và sự chọn lựa của em không đúng sao?

- Đúng, đấy là một thực hiện của Nhất Linh. Nhưng cô nhớ rằng, ông ta không cố ý đạp đổ giá trị và nền tảng gia đình. Nhất Linh cũng đã có một sự chọn lựa đúng cho cô, vì anh thấy rằng, Thân không phải là con người lãng mạn, tự do phóng túng trong cuộc sống, nhưng Thân không phải là người hèn kém. Anh ấy cũng biết thương yêu, quí trọng tình nghĩa vợ chồng, và cũng hiểu biết giá trị của hạnh phúc.

- Không đúng đâu, Loan nói. Em đã sống trong gia đình đó nhiều năm rồi, cuộc đời anh ấy tầm thường lắm. Hãy hiểu cho em, em đã sống qua một cuộc đời làm vợ buồn thảm lắm.

Câu nói của Loan khiến tôi chạnh lòng im lặng. Trong một buổi chiều màu nắng bị pha loãng, nhưng trên đường Cổ Ngư rất đẹp. Hàng cây trồng ở hai bên như đứng trên bờ nước của một con sông, nhìn xa phía trước, nhìn lùi lại phía sau, nghe tiếng cười nói hồn nhiên như để đánh thức dậy một quá khứ, và ở trên con đường này đang đi cùng với Loan tôi hiểu được rằng đó là hạnh phúc của Nhất Linh muốn dành cho tôi.

Bằng một giọng buồn vừa hối hận, Loan nói với tôi:

- Em nghĩ ông Nhất Linh chẳng vui gì khi phải nhắc đến em.

- Không, ông ấy rất thương cô. Hôm nay, Nhất Linh muốn đưa Loan về Hà Nội bởi vì ông biết tôi rất nhớ đến em.

- Em cám ơn anh.

- Không chỉ cô thôi, tôi còn nhớ đến cả cô Loan trong Đôi Bạn nữa.

Loan cười hỏi tôi:

- Anh có yêu cô Loan ấy không ?

- Ngày đó tôi gặp tại nhà Dũng, cô Loan cũng vừa mới nghỉ học ở Hà Nội về. Cô ấy dịu dàng trong sáng quá.

- Anh còn lãng mạn hơn cả anh Dũng nữa.

Loan đưa tay cho tôi nắm. Một thoáng nhớ về hình ảnh áo trắng và cánh đồng sau mùa gặt, rồi tôi nói:

- Ông Nhất Linh viết cái gì rồi cũng chỉ quí trọng mùi hương. Trong cuốn Đôi Bạn, ông đã nhắc đến mùi hương rất nhiều . Tác phẩm của ông luôn luôn lấy đề tài về tình yêu và tự do của tuổi trẻ, đến hai trăm trang sách, mấy lần cô và Dũng ngồi gần nhau rất rung động, xao xuyến, vậy mà, Dũng chẳng có một cái hôn nào dành cho cô. Cô chưa đi lấy chồng lúc đó, hôn đấm đuối không được sao?

Loan bật cười lớn tiếng, và bảo tôi:

- Anh đừng có nói bậy, em cấm anh.

- Không, anh nghĩ mình nói đúng. Đó là một thiếu sót của Nhất Linh. Ngay đến trong cả những tác phẩm cổ điển tình yêu vẫn có được sự tự do như thế.

- Nhưng anh Dũng cũng đã có lúc quay trở lại nhìn gia đình của anh. Bên em thì nghèo, biết đâu anh ấy chỉ muốn dừng lại nơi giới hạn đó.

- Anh hiểu lòng của em. Hôm nay, anh muốn trở về Hà Nội để tìm em. Anh vẫn yêu em như một cô gái có thực ngoài cuộc đời.

- Anh không nghĩ tình yêu đó là một ảo tưởng.

- Không, tôi đáp.

Phía sau lưng, bóng ánh nắng chiều như trông thấy đi rẽ trên một khúc sông khác. Bên hồ Tây, những chiếc thuyền vẫn còn đợi. Tới cuối đường Cổ Ngư, hai người ngừng bước, dứng lại. Loan quay sang hỏi tôi:

- Anh còn ở lại Hà Nội bao lâu nữa.

- Đêm nay, anh phải lên tàu vào Nam.

Một chút yên lặng, rồi Loan hỏi tôi:

- Ông Nhất Linh có nói gì với anh nữa không?

- Không, ông ấy đã im lặng vĩnh viễn.

- Nhất Linh chết rồi, em biết. Em nghĩ là ông ấy rất buồn nhưng ông sẽ tha thứ cho em.

- Nhất Linh sẽ tha thứ tất cả, tôi nói với Loan.

- Vâng.

Loan đi rẽ lên đê Yên Phụ. Gió bãi thổi làm quần áo Loan phất phới. Tay giữ chặt lấy khăn san, nàng đi ngược lên chiều gió, hai con mắt buồn bã nhìn ra phía sông rộng. Sau mấy rặng soan thưa lá, dòng sông Nhị thấp thoáng như một dãi lụa đào. Bên kia sông gió thổi cát ở bãi tung lên tựa một đám sương mù vàng lan ra che mờ mấy cái làng con ở chân trời. Xa nữa là dãy núi Tam Đảo màu lam nhạt, đứng sừng sững to tát nguy nga, ngọn núi mù mù lan trong làn mây xám.

Không có ai nữa, tôi bỏ đi. Nơi đê Yên Phụ, dòng lũ tháng tám của sông Hồng đang có một sức chảy rộng tuôn tràn. Chiếc cầu Long Biên dài ngút tới bên kia đang rung chuyển, tiếng vọng ầm ầm, vì lúc này có một đoàn tàu đi qua. Tôi vẫn còn thấy mình trong buổi chiều mùa thu ở Hà Nội. Một ngày tôi ghé Hà Nội chỉ là một ngày của người tù. Thân phận tôi sau những năm đọa đày, xơ xác thì Hà Nội mà trước mắt tôi đang nhìn thấy cũng như vậy. Hà Nội thật buồn bã, xác xơ trong cảnh nghèo nàn. Hà Nội là đây, sao không vang lên cho lớn rộng một niềm vui, sao mà không có ai nghe rộn rã những tiếng nói cười. Hà Nội, tôi đã từng ước mơ, tưởng tượng từng bao nhiêu năm, nhưng rồi, đến đây một ngày chỉ để chết trong tâm hồn. Tôi trở về Hà Nội, cuối cùng chỉ sống cùng với Hà Nội trong dĩ vãng. Tôi được gặp Nhất Linh, và có quen Loan trong trí tưởng tượng, và tôi đã yêu nàng như một con người có thật ở ngoài đời. Vậy đó, sau một lúc thôi, tôi lại vắng bóng nàng, và nhà văn Nhất Linh cũng đã chết.

Tôi không biết tìm ai nữa. Tôi cũng không biết đi đâu giữa Hà Nội một buổi chiều trong mùa thu./.

NGUYỄN NAM AN

PHƯỢNG

phượng ở công viên nở toàn hoa tím
phượng xưa đỏ cành đã bỏ đi đâu
phượng của tình tôi nhánh sầu tay hái
phượng nay đường dài mình chẳng gặp nhau

tôi ở công viên trưa đầy hoa nắng
phơ phất mười năm nguội lạnh nát lòng
vết sẹo tay tôi ngày nào em cắn
da đã liền sao buốt giữa mênh mông

áo của ngày xanh đâu xa xôi lắm
như vở học trò như bảng phấn quen
như lòng phượng xưa nở bên hiên nắng
đã lạ chiều nay mưa xuống bên thềm

phượng ở Mỹ châu phượng sầu hoa tím
trống vắng lòng xe trống vắng hiên che
tháng sáu tôi thề khi đêm ra biển
dầu sẽ như ve hết kiếp không về

ĐỌC HUYỆT TUYẾT

BÙI BÍCH HÀ

Mỗi tuyển tập truyện ngắn hay, dưới mắt người đọc, như một cái slide show đổi thay cảnh trạng chớp nhoáng, sinh động, cuốn hút, hào hứng, mê hoặc. Thế giới bao la, gồm nhiều điều kỳ lạ, được thu gọn, tinh lọc, bỏ vào những tấm hình lấy từ sự cân đo đầy nghệ thuật, long lanh màu sắc, cắt xén ở những góc cạnh mới mẻ, hiếm hoi, tuyệt đẹp hay tuyệt xấu, phản chiếu khít khao con người và sự việc, mang chứa tài năng và cả cái hồn của người tạo tác.

Huyệt Tuyết của nhà văn họa sĩ Võ Đình dày 243 trang, gồm 10 truyện & 10 chuyện, do nhà Văn Nghệ nam Cali in ấn, phát hành, nhân tuổi bẩy mươi của ông. Với sự cẩn trọng đã làm nên một phần phong cách riêng của tác giả, với quan niệm chính danh tách bạch, lý thú, có lẽ ông là người viết đầu tiên bày tỏ mối quan tâm về việc 'thu xếp' một khí hậu thuận lợi cho ngòi bút của ông sẽ tự do vẫy vùng sau này trong cả tập sách. Có vẻ như với *'truyện,'* được định nghĩa là *'sự tích đã qua, viết lại có lớp lang, mạch lạc, hoặc tưởng tượng viết ra,'* ông chỉ đứng ngoài, đứng cùng chỗ với độc giả để cùng nhìn ngắm diễn tiến trên sân khấu. Ông có cái tài dấu nhẹm bàn tay tạo hóa trong sáng tác. Truyện của ông là một đan kết xúc cảm mạnh mẽ, bén nhọn, lúc tung tăng, lúc cực kỳ thô ráp, xung quanh những bi hài kịch của con người lăn lộn với chính nó, tuy được Thượng Đế (tác giả) tạo dựng nhưng lập tức tách lìa khỏi cái dây thòng lọng treo cổ ấy để sống và thể hiện một định mệnh riêng mình. Dường như khổ đau hay hạnh phúc, vinh quang hay đạm bạc, những trải nghiệm của ông trong đời sống đã đủ thời giờ để chín, một cái chín không cỗi, không khô, không nẫu, là cái chín hơn hớn của những tầng lá phong vàng hươm, uống đủ nắng mưa, sương gió, đỏ cháy, xanh mướt, là cái chín hừng hực, rạo rực của trái quả đang mùa.

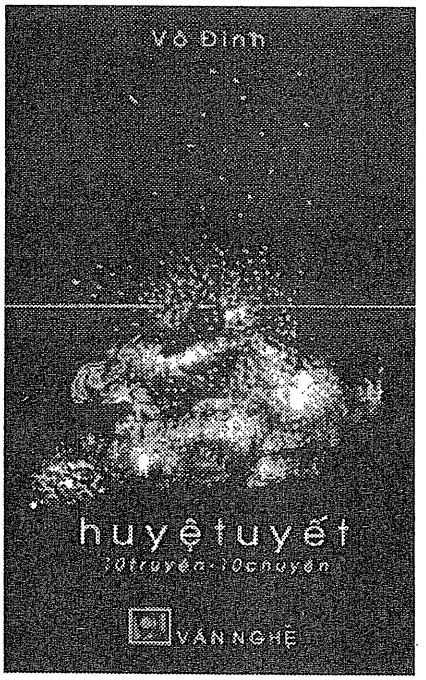

Bàn về hội họa, Võ Đình nói như sau 'Cái được biểu hiện có là gì đâu ngoài cái cách nó được biểu hiện. Không có *cách* là tất cả bỏ đi.' Áp dụng vào văn chương, câu này cũng đồng thời lý giải đến nơi đến chốn sự thành công hay thất bại của một người cầm bút.

Vài chiếc lá chanh nhỏ, thiếu dưỡng khí, lặng lẽ lìa cành trong đêm khuya, phơi mình trên nền gạch men. Chẳng là chuyện gì mới lạ, đáng nói, đáng kể nếu như không có một đôi tai như sợi tơ đàn căng hết cỡ, một thần thức trong trẻo để bắt được chút xao xuyến của *'một âm thanh rất nhẹ, một tiếng động khiến hình dung ra con chuồn chuồn kẹt ở đâu đó, sắp chết, lâu lâu đôi cánh yếu ớt rung lên rồi xuội lơ.'*

Một đôi vợ chồng tuổi tác chênh lệch, xuất thân từ nguồn cội khác nhau. Ngoài bốn mươi tuổi, *nàng đong đưa như cánh hoa gió lay ngoài dậu, gợi nhắc một tô phở bự, thật nóng, thịt ngồn ngộn, hành, ngò, húng quế tươi rói, thơm lừng, tưởng tượng húp vào, nuốt xuống, đã!* Ở tuổi quá sáu mươi, chàng nghe vợ chê *'Anh cứ mơ tưởng hão huyền.'* Chàng *thèm muốn vợ điếng cả người song chỉ ngửa mặt nhìn bầu trời xanh cao mênh mông, mây đùn mấy đám lao đao.* Nàng không ngoại tình bẩn thỉu với anh chàng trẻ tuổi giao hàng người xứ Columbia, *một anh đực lý tưởng*, cũng không ồn ào, tanh tưởi, trắc nết với

ông CPA có bộ mặt gà mái, khai thuế cho cơ sở làm ăn của vợ chồng nàng. Nàng có cách riêng để giải quyết nhu cầu trong cái thể xác đẹp đẽ của mình, một thứ hoan lạc vô tội vì nó nhắc lại cho nàng tuổi thanh xuân cường tráng của người chồng. Thế nhưng, người đàn ông, trong cơn tuyệt vọng, đã vung cây gậy gỗ, đánh chết vợ vì không chịu đựng nổi mặt nước hồ như tấm gương phản chiếu, vừa khắc nghiệt, vừa thương tâm, tình trạng thực sự tàn phế của cả hai. Ông đánh chết con rùa vì nó biểu hiện cái phần căn cơ, gốc gác dơ bẩn trong ông nhưng nếu cái phần này mất đi, ông lại chỉ càng thấy mình nhếch nhác, vô dụng, hèn kém, la đà hơn, *tôi nói giận là giận cả chính mình. Tôi tồi đến nỗi đã không chống cự lại được những khó khăn bản thân mà còn để cho tâm trí bại xuội đến mức bị xâm chiếm bởi những ám ảnh bần tiện, dơ dáy.*

Ở đây, ẩn ức tình dục đã được tác giả vẽ ra bằng những đường cọ phóng túng, táo bạo, sống sượng, ghê khiếp, tuy rằng bao trùm lên tất cả, cái *cách* biểu hiện của ông phảng phất tính thơ và nét tài hoa.

Nhiều người nói về những khuôn mặt tình nhân đã đi qua trong đời nhưng hình như chưa có ai, như ông, leo lên đồi tuyết (hay nằm mơ) giữa sáng sớm tinh khôi để ảo giác thức dậy trong tiềm thức mình, thách đố cả thực tại, hình ảnh *người đàn bà một buổi chiều gió lớn, đã nằm bên chàng như vậy, trong căn buồng vắng vẻ, kẹp hờ giữa hai ngón tay một mớ tóc phe phẩy lên bụng chàng.* Người đàn bà ấy dù nay không còn cả một cái tên gọi, dù đã được chôn cất kỹ lưỡng dưới băng tuyết thời gian, đã thực sự vùi sâu vào cõi hư không mịt mờ quên lãng nhưng chéo khăn mầu hồng tím nàng quàng, mảng mầu fuschia hưng phấn trên khung bố mở của người họa sĩ, *vẫn cứ tươi rói trong se sắt lòng người đàn ông giờ đây bừng tỉnh giữa đêm khuya, hồi hộp, phập phồng, tê tái bên cạnh bà vợ ú ớ mấy tiếng khẽ và coi bộ ngủ say*, là nỗi nhớ nhung trần trụi, không có nhiều yếu tố ngoại vi phụ họa, là cảm giác hoan lạc lạ thường, khắc gấm hoa vào thịt da và tâm khảm một người, một thời yêu đương và chia ly.

Thế giới của Võ Đình ẩn mật mà đa đoan, người muốn theo chân ông chẳng thể bước vội, cứ từ tốn, lủi thủi mà đi. Ông nói đủ thứ chuyện, chuyện nào cũng ung dung, đủng đỉnh, cái đủng đỉnh bắt nguồn một phần từ phong cách quí tộc bẩm sinh của đất Đế Đô, phần khác, từ những nguồn thu nhập đãi lọc, đa dạng, phong phú, mang chứa nội lực thâm hậu, trên những thước đường ông đi qua, những năm tháng đời ông đã sống cho riêng mình, thật tràn đầy. Ông nói về con đường, *như mù*, đi xuống (có đi được nữa đâu, phải *lết*) từ chóp đỉnh vinh quang, khó khăn, tơi tả, tủi cực, trầy trụa, vạn lần hơn con đường đi lên, *vừa mới đó đã chiều, hồi trưa trời còn xanh lơ, nay xám ngắt,* người xuống núi *như đã bị cưa cả hai chân.* Ông nói về một bạn cũ, có lúc học kéo vĩ cầm ở Viện Quốc Gia Âm Nhạc Paris, vào thời của Stern, của Oistrach, của Menuhin. Chàng sinh viên trẻ tuổi gốc nhược tiểu, giữa kinh thành Ba Lê hoa lệ, thấy ngọc nát vàng phai giấc mơ trở thành một nhạc sĩ tài ba chỉ vì hằng đêm, ngược xuôi trên những chuyến métro muộn màng, khuya khoắt, chàng vô tình nhìn thấy người nhạc công già, sau cuộc vui của thiên hạ, ôm cái rương vĩ cầm trên đường trở về một nơi nào đó tạm gọi là nhà. Chàng bỏ đàn để chạy trốn cái hình ảnh, ngay cả cái tương lai não lòng ấy, như một đào thoát số phận, đầy sợ hãi, sẽ suốt đời làm rướm máu trái tim không ngớt đam mê và tiếc nuối của chàng. Bây giờ, chàng nấu bún riêu đãi khách trong căn bếp nhỏ, nghe bạn khen một câu của thực tế đời thường *'dù là kéo bản Symphonie No1 của Brahms, chưa chắc đã hơn gì nấu được nồi bún riêu ngon quá là ngon,'* chàng hí hửng *'Rứa là tốt, hí?'* như đứa trẻ chợt yên tâm tìm lại được món đồ chơi cũ đã bỏ lạc bao lâu mà lòng cứ không nguôi mơ màng tưởng nhớ.

Bên cạnh truyện và chuyện, Võ Đình cũng tự họa chân dung mình ở nhiều nơi trong suốt cuốn Huyệt Tuyết. Nào ông Hai Lâu chỉ thích viết thư và đọc thư người khác gửi cho ông bằng giấy mực, *dấu hỏi vòng xuống như một giọt nước mắt, dấu ngã trườn mình như một buông lơi*, điện thoại trong nhà mỗi ngày chỉ mở đôi ba giờ vì *ông không cho phép máy nó gọi ông bất cứ lúc nào như gọi... chó;* nào ông hàng xóm của bà Linda lý luận về cái 'đạo' của con đường sáng tạo, cái 'cách' biểu hiện làm nên cá tính của người nghệ sĩ; nào ông họa sĩ X máu dồn lên mặt, *quạu đeo, dzọt lẹ* khi người xem tranh xin ông giải thích bức vẽ vì họ không hiểu. Không hiểu, nghĩa là không xúc động, là trơ như gỗ đá, thì giải thích cái gì nữa? Giải thích làm sao nào? Ông luận, đại ý: nước Mỹ văn minh, đề cao sự học. Trường đại học Mỹ mở lớp dạy thưởng ngoạn nghệ thuật. Học xong những lớp này, người học trò, cùng lắm, có cái hiểu từ chương của sách vở, hiểu nghĩa những con chữ

trong câu thơ 'Nắng chiều không thắm, không vàng vọt' hay giản tiện hơn 'tiệm bánh mì nằm ở đâu?'thế nhưng khiếu thưởng ngoạn, niềm cảm hứng, nỗi thống khoái hay sự sung sướng vô ngần trước một tác phẩm nghệ thuật (cũng có thể gọi là bản năng sáng tác *nhai lại* nơi người xem) thì không một trường nào dạy được, nó là ân huệ từ Trời rớt xuống, cho chính một người nào đó, mừng mà được có, hãn hữu, độc đáo, là một thứ của riêng hiếm quý, không mang nhãn hiệu thị trường.

Sau cùng, chuyện trò với bóng mình, ông là người ký tên ở dưới lá thư gửi cho một họa sĩ già, đã về hưu, nay chỉ còn *vẽ là vẽ thôi, bất cần biết vẽ cái gì, cả tâm và thân đều đã mờ nhạt đến độ mất dạng.* Không còn ước ao, không còn đuổi bắt, Tuổi Già của ông hoàn toàn tự do.

Trong mối quan hệ xã hội, có những người khi gặp gỡ, nghe họ nói đôi ba câu chuyện, người nghe cảm thấy biết thêm một vài điều hay ho, hữu ích. Tác giả Huyệt Tuyết là một người như thế. Đọc truyện của ông, thật giả hư hư ảo ảo, đôi khi khúc khắc nhưng nhiều khi vui buồn lẫn vào nhau, mịn màng, trơn tuột, chẳng nắm được gì, mà thấm. Là một họa sĩ, sách của ông điểm xuyết những bức vẽ tuyệt đẹp *'Gió thổi phần phật những mái hiên vải. Chiều cuối thu, mới năm giờ đã chập choạng: người ta lo đóng dẹp quán xá, hàng hiên. Tuy đã được dọn sạch, những tiệm đồ biển còn nồng nặc mùi tôm cá, nghêu sò. Một trái cà chua đỏ choét, bị dẫm nát, nằm bẹp dí trước hiên nền xi măng tiệm rau, hạt phều ra, nước chảy loang một vạt...'* Nhân vật người mẫu của họa sĩ quyến rũ ở nét đẹp thâm trầm, như một hạt ngô nếp, bên trong tờ lá mỏng, nở nang cùng mưa nắng, hứa hẹn cái dẻo thơm, cái ngọt ngào trong mùa gặt *'Ngày xưa, khuôn mặt trắng ngần và mái tóc đen mướt ấy đã phảng phất cái bóng chìm chìm, tối tối. Bây giờ, ở đuôi mắt và khóe môi... Không phải chỉ là nét tuổi tác. Người Pháp gọi một khuôn mặt như vậy là marqué, nét hằn...'*

TRẦN MỘNG TÚ

Thở

Hôm qua em đã nói em quên anh
Sáng nay em nghĩ là em quên anh
Nhưng ngày mai sẽ ra sao quên nhớ
Có biết ai quên thở được ba ngày?

Anh đang thở từng hơi trên mặt đất
Em đang thở từng hơi dưới mặt trời
Hai ta hai đầu giòng sông ở giữa
Hơi thở hao gầy vì nhớ hai nơi

Hàng cây đang nhắc những chùm lá thở
Con bướm đang thở ở giữa cánh hoa
Hạt bụi đang thở ở trên tảng đá
Ngôi sao đang thở trong sông ngân hà

Em tĩnh lòng mình ngồi thiền hơi thở
Nhắm mắt thổi bay đi những nhớ mong
Hơi thở thổi ra lại quay về ngực
Nỗi nhớ ra đi chưa được nửa vòng

Chao ôi nỗi nhớ ở cùng hơi thở
Làm cách nào mà dọn được ra riêng
Có lúc yêu anh em như ngộp thở
Anh đã hà hơi vào hạnh phúc em.

Tháng 7/ 02

Để kết luận, xin mượn ý một đoạn ông viết ở trang 220: Đời một người nghệ sĩ có thể được thêu dệt nhiều giai thoại nhưng tác phẩm của họ là có thật bởi chưng chỉ tác phẩm mới chứa đựng trọn vẹn sự sống của họ. Với tác phẩm, người nghệ sĩ khẳng định sự hiện hữu của mình.

Trả lời phỏng vấn của đài phát thanh Tiếng Nói Việt Nam tại Montreal, Quebec, Canada, ông nói: 'Tuổi già, nếu nuôi dưỡng được chất sáng tạo trong mình thì mình càng sáng tạo độc đáo hơn nữa.'

Độc giả tìm đọc Võ Đình, hẳn sẽ dễ dàng đồng ý với phát biểu của ông. *7/ 02*

VỌNG TƯỞNG

TRẦN THỊ DIỆU TÂM

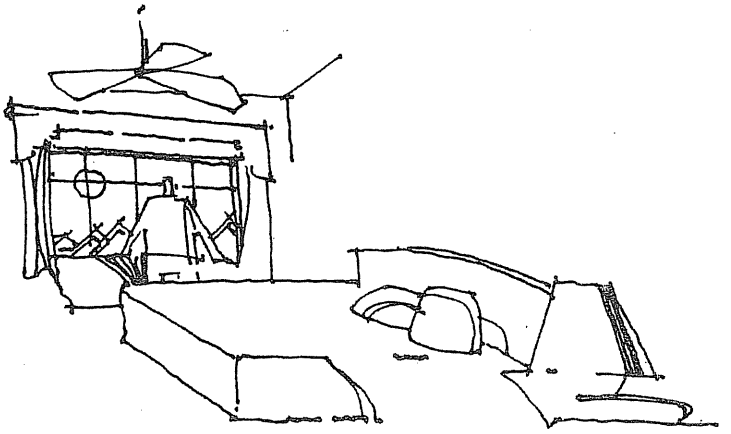

Suốt cả đêm, anh chẳng ngủ được. Mỗi lần nhắm mắt, cô hiện ra, trở về cùng với anh. Cô nói cười, đôi mắt long lanh, đôi môi hé mở. Anh nao nức, muốn hôn ngay vào đôi môi ấy vào đôi mắt ấy. Nhưng cô biến mất, anh chợt tỉnh.

Cứ thế, anh đuổi bắt cô. Mỗi lần anh sắp sửa bắt được cô, chụp cánh tay, ôm lấy khuôn mặt thì cô không còn nữa. Mất hút. Nhưng rồi cô sẵn sàng hiện ra với anh, nhởn nhơ với anh, khi anh muốn nắm giữ, cô mất tăm, cô biến dạng. Cảm giác tuyệt vọng, đánh mất ấy làm anh sợ hãi. Anh mở mắt trừng trừng trong bóng đêm.

Còn gì đau hơn, khổ hơn khi biết mình sắp có, sắp tận hưởng điều mơ ước, bỗng nhiên hụt mất, hỏng mất. Không còn lại gì.

Nỗi trống không, nỗi chơ vơ, mênh mang tâm hồn anh. Trái tim anh ngừng đập trong một khoảnh khắc, đó là lúc máu trong cơ thể anh ngừng chạy.Anh nghĩ rằng mình chết ngay lúc ấy. Chết ngay khi tuyệt vọng. Không thể được. Anh sờ soạng nút bật điện, ánh sáng soi rõ anh đang nằm nơi này. Một nơi chốn đã xa đến hơn hai mươi năm thời gian. Cô là hai mươi năm về trước, của anh.

Em, cho anh nhìn em một lần nữa, nói với nhau chỉ một câu thôi. Trả lời anh, tại sao đến bây giờ chúng ta mới gặp lại nhau. Không có tiếng trả lời, không một âm vang nào ngoài âm động đang cuồn cuộn ào ạt trong lòng anh.

Anh choàng ngồi dậy. Hơi lạnh ban đêm thấm vào da thịt, anh cảm thấy nhức nhối ở đâu đó, toàn thân. Anh pha cà phê, hâm nóng trong máy. Tiếng động rì rì của máy như nhắc thầm với anh thôi nhé, đừng nhớ, mọi chuyện đã qua lâu lắm rồi. Anh ngồi một mình đưa tách cà phê lên miệng uống chậm từng ngụm.

Cà phê nhãn hiệu *mon désir* của Pháp cho anh mùi thơm đậm đà, làm ấp áp tâm hồn. Như một nụ hôn.

Anh cảm thấy tê tê đầu lưỡi, như lần đầu họ hôn nhau. Cô nói thôi anh. Nhưng cô bằng lòng cho anh hôn đến lần thứ ba. Lần cuối họ say sưa hơn, mạnh dạn hơn, lâu hơn. Tối ấy anh bỏ cơm nằm dài ra giường tưởng nhớ. Môi cắn lấy môi. Sau đó gặp nhau, anh tả lại cảm giác. Cô nói em cũng thế. Anh hỏi thế là sao, cô trả lời cũng như anh. Anh muốn cô lập lại lời âu yếm cho anh nghe, nhưng cô lắc đầu.

Em hãy nói với anh như anh từng nói với em. Không, em muốn giữ kín để nó đừng bay đi theo gió.

Em đã gói chặt tình yêu qua bao lớp keo sơn.

Không hề thổ lộ cùng ai, ngay cả với anh. Thế mà bây giờ em có vẻ dửng dưng, còn gì với anh không. Anh lẩn thẩn hỏi một mình, nói một mình. Tách cà phê đã hết, nhưng anh vẫn đưa lên miệng uống từng hớp một.

Đêm qua anh mất ngủ, suốt một đêm. Những điều tưởng nhớ về cô làm anh sống lại những ngày còn trẻ, và anh muốn nối tiếp tô đậm thêm vào bức tranh quá vãng đã phai mờ vì bụi thời gian.

Cũng chỉ vì.

Tối hôm qua thứ bảy anh đến nhà người quen họp mặt ăn uống. Không ngờ gặp cô hiện diện cùng với chồng tại đây. Trong lúc anh đang chuyện trò với bạn, thì nghe gia chủ giới thiệu với mọi người: Xin giới thiệu với quý bạn có anh chị... mới ở miền Đông đến đây. Anh quay lại, sững sờ nhận ra người đàn bà ấy chính là cô. Người của anh ngày xưa. Thật diệu kỳ, thật thú vị biết bao nhiêu.

Từ lúc cô đến, anh thấy không còn có gì quan trọng nữa, anh không còn muốn bàn luận bất cứ một điều gì với ai. Chỉ một mình cô.

Anh tần ngần một lúc, rồi không thể chờ đợi thêm, anh tiến gần. Nhưng anh bị chắn ngang do một bà nào đấy đang hỏi han với vợ chồng cô. Anh nghe cô nói lời xin lỗi có vẻ kiểu cách: Em đến muộn qúa, vừa ra xe thì lại phải trả lời điện thoại không dứt, lâu ngày không gặp bạn bè, ai cũng hỏi thăm.

Hình như cô không ngờ tối nay cô gặp anh. Chờ hai người đàn bà nói xong chuyện có lẽ cũng lâu, anh mạnh dạn chen vào ngay khi thấy người chồng không còn bên cạnh.

-Xin chào chị.

Cô quay lại, nhận ra anh, chớp mắt:

-Ô, anh, lâu ngày quá.

Anh thấy cô thật đẹp, dáng dấp sang trọng. Anh bối rối khi nghe câu chào của người đàn bà.

-Em có nghe nói anh ở vùng này, nhưng chưa có dịp tìm thăm anh.

Cô nói năng tự nhiên tỏ ra không một chút xúc động nào, trái hẳn với anh. Điều này chứng tỏ thế nào, có thể giải thích được mức độ tình cảm của cô chăng.

- Tối nay chị có đến đây không, giới thiệu cho em chào.

- Không, bà ấy về Việt Nam thăm gia đình chưa về.

Anh bắt đầu lấy lại bình tĩnh, cảm thấy hình như cô đã quên hết, không nhớ có lần nói rằng anh là người cô yêu quý nhất trên cuộc đời này.

Cô lại hỏi anh chuyện này chuyện nọ loanh quanh, anh trả lời lấy lệ. Anh muốn hỏi một câu rất muốn hỏi. Câu "Em còn nhớ tới anh không." Nhưng anh không dám. Từ ngày cô bỏ anh đi lấy chồng, không một lời từ giã, anh như chết đi sống lại bao lần.

- Lúc này em bận quá, phải thu xếp bỏ hết công việc mới đi chơi được vài ngày.

Một người đàn bà cho biết lúc nào mình cũng bận rộn công việc là một người đàn bà không tầm thường. Tuy nhiên đây là cơ hội hiếm có, anh muốn nhân dịp này, nói đôi ba lời với cô. Nếu không thì sẽ chẳng còn dịp nào trong đời.

Như một thói quen lịch sự, cô mở ví lấy tấm danh thiếp đưa cho anh, nói:

- Đây địa chỉ của em và số điện thoại, có gì cứ gọi cho em nhé.

Sự thân mật của cô làm anh thấy an lòng tự tin, anh cười nói:

- Em trông vẫn đẹp và tươi vui lắm.

- Thế hả, cám ơn anh, nhưng có thật anh thấy như thế sao?

Câu nói của cô làm anh ngập ngừng, suy nghĩ. Nét tươi vui rạng rỡ ấy phải chăng là dấu chỉ của một đời sống gia đình hạnh phúc. Nhưng tại sao cô hỏi ngược lời anh, ngụ ý gì trong đó, bao hàm một phủ định hay là xác định. Anh mơ hồ cho rằng cô muốn bày tỏ với anh một lời tâm sự. Anh mong ước được an ủi cô, nói lời dịu dàng.

- Anh cho em xin số điện thoại.

Anh kiếm trong túi áo tấm danh thiếp của mình, đưa cô.

- Ngày mốt thì em về, à, để em giới thiệu nhà em.

- Thôi, để lần khác sẽ gặp lại.

Cô nhìn anh cười, rồi bắt chuyện với mấy bà khác đang đứng cạnh. Anh biết cô e ngại, không muốn mọi người thấy họ đứng nói chuyện lâu với nhau.

Cuộc gặp gỡ xảy ra như thế.

Sau khi về nhà, anh trở thành một con người khác hẳn mọi ngày. Mơ mộng, suy tư, chiêm nghiệm như một triết gia đang tìm kiếm chân lý cuộc đời.

Anh lên giường nằm ngủ cùng với bóng đêm dịu dàng. Ban đêm thường làm cho cảm xúc con người thêm cường độ. Hạnh phúc có thể tăng thêm, và đau khổ có thể đông cứng lại. Trong bóng đêm, anh có thể ôm trọn nỗi mơ tưởng của mình, và đồng thời cảm giác lẻ loi xâm chiếm

làm anh co người lại. Sự mơ tưởng chỉ có thể đem lại hạnh phúc, khi phía bên kia hướng đến mình. Khi niềm vọng tưởng ấy có cơ may được đáp trả.

Anh hy vọng cô nhớ anh. Nhưng anh không chắc chắn điều đó. Nếu cuộc sống gia đình cô không mấy vui, có thể. Mà lấy một người chồng không yêu, chắc gì đã hạnh phúc. Tự ái anh được vuốt ve mơn trớn. Bỗng dưng anh thấy mình nhỏ nhen, ích kỷ, tầm thường. Ngày xưa, anh từng nói với cô: điều gì làm cho em vui thì anh vui. Thật sự không hẳn thế. Anh không muốn thấy cô sung sướng bên cạnh người khác. Người khác phải là đau khổ với cô. Chỉ có anh, mới đem lại hạnh phúc.

Anh rạch ròi phân tích, và nhận ra mình là kẻ bước hụt, cho dù anh có khả năng đem lại hạnh phúc cho người khác.

Trong đời sống, anh thành công việc làm, có gia đình ổn định. Bước chân lý trí anh chững chạc không hề vấp váp. Nhưng với tình yêu, đó là điều khác hẳn, không giống như mọi điều của thế gian này. Nó là một ngoại lệ đứng bên ngoài sự phán đoán của con người. Vô hình vô tướng vô thể, nhưng tình yêu luôn luôn hiện diện như một khối trọng lượng nghìn cân, có thể đánh ngã bất cứ một vô địch nào.

Huống gì là anh, một con người nhạy cảm, tế nhị, và đôi khi cũng yếu lòng.

Ánh sáng ban ngày vừa soi rõ căn nhà, bức hình chụp hai vợ chồng anh được phóng to, lồng kiếng trang trọng với chiếc khung vàng chạm trổ, nổi bật lên. Bức hình anh không mấy thích, vì quá biểu lộ vẻ hạnh phúc, có vẻ khoe khoang. Anh nhớ ông thợ chụp hình bảo anh nắm lấy bàn tay của bà cho ra vẻ. Nhưng vợ anh rất thích, vì trong hình trông bà trẻ đẹp hơn tuổi thật nhiều. Căn nhà lớn nào, anh cũng đều thấy bức hình của ông bà chủ nhân âu yếm bên nhau, tươi cười, ngự trị hạnh phúc bóng bẩy như màu sắc của nó. Bức hình được phóng lớn chừng nào thì hạnh phúc gia đình càng tỏa rộng chừng ấy.

Anh nhìn, chợt nhớ hôm trước vợ anh gọi điện thoại cho biết, chị sẽ đổi vé máy may ở lại thêm một tuần nữa với mẹ.

Sáng nay, chủ nhật. Anh cảm thấy tỉnh táo sau ly cà phê uống sớm. Anh vào phòng tắm, sấy lại mớ tóc cẩn thận. Nhìn vào gương, anh bằng lòng và cười với mình. Anh mở tủ tìm chiếc áo sơ-mi màu xanh da trời nhạt hiệu Yves St- Laurent của người bạn ở Paris tặng mà chưa có dịp mặc. Chiếc quần xanh đen thẳng nếp. Một niềm hớn hở khơi dậy khi anh nghĩ rằng sáng nay, cô có thể gọi cho anh nói chuyện với anh. Nhân đấy, anh mời cô đi ăn trưa, ở một tiệm ăn xa thành phố. Có thể Royal Thai ở Laguna Beach. Lâu ngày không gặp nhau, cô không thể chối từ lời anh mời. Anh chỉ thấy có mỗi một mình cô trước mắt. Không ai khác.

Nhìn đồng hồ, chín giờ sáng. Anh chuẩn bị mặc áo quần, mang giày. Anh muốn mọi chuyện

THẢO CHI

MƯA ĐÊM VÀ NHỮNG ÂM THANH

Ngoài kia là tiếng mưa rơi
Hay là tiếng dế hát chơi bên thềm?
Hay là tiếng bước chân êm
Của chàng kỵ sĩ nửa đêm quay về?

Không! Không! Làn gió sơn khê,
Luồn qua vách đá tỉ tê trên ngàn!
Ngó xuống đường, ánh đèn vàng
Hắt hiu, ẩm ướt chảy ngang mặt đường...
Hỡi con dế trốn trong tường,
Ngưng đi những khúc đoạn trường!

Ngưng đi.

Mưa đêm làm mắt tôi cay,
Hay là giọt nhớ lăn dài, chảy xuôi?

đâu vào đấy, đàng hoàng, trước khi nghe tiếng cô trong máy điện thoại. Anh sẽ đến đón cô ngay không chút chậm trễ. Theo thói quen rất cẩn thận, anh ghi địa chỉ nhà hàng, rồi lấy tấm danh thiếp cô đưa cất vào ví.

Trong lúc chờ đợi tiếng reo vui của điện thoại, anh cảm thấy ngộp thở và hồi hộp một cách kỳ lạ. Như lần đầu tiên hẹn hò nhau. Để hỗ trợ sự kiên nhẫn, anh mở đài truyền hình, âm thanh nhỏ, sợ át mất tiếng reo điện thoại. Anh lơ đễnh nhìn màn ảnh với suy nghĩ rằng, thế nào cô cũng gọi cho anh trước, vì cô biết anh một mình.

Bỗng nhiên anh cảm thấy bụng quặn đau. Quái lạ, anh đã làm vệ sinh lúc sáng sớm sau khi đánh răng rữa mặt, theo đúng giờ giấc, trật tự của bộ máy tuần hoàn cơ thể. Nhưng cơn đau càng làm anh khó chịu, bắt buộc anh phải đứng dậy vào phòng vệ sinh một lần thứ hai. Có lẽ tối hôm qua ăn nhằm thứ gì đó không hợp.

Trong lúc đang bận, anh nghe rõ tiếng điện thoại reo từng hồi, ngừng, rồi lại reo, cho tới lần thứ ba. Khi anh chạy ra phòng khách chộp cái máy đưa lên nghe, thì đầu máy bên kia tắt. Không để lại một lời nhắn nào. Anh kiểm tra lại số gọi đến, đúng là dãy số trên tấm danh thiếp cô.

Anh cảm giác mình đang rơi từ một độ cao.

Anh đặt máy xuống, thở dài nhẹ. Cơn đau bụng quái ác đã êm. Bây giờ anh nằm dài ra trên chiếc canapé ngay bên cạnh chiếc điện thoại. Anh bất cần bộ áo quần mới thay có thể bị nhăn nhúm. Mắt nhắm lại để chú tâm vào mọi tiếng động. Tiếng reo vang lên nhẹ nhàng, anh choàng dậy với tay bắt máy lắng nghe. Và anh chợt hiểu rằng tai mình đã nhầm lẫn. Không phải điện thoại của anh gọi, đó là điện thoại trên màn ảnh truyền hình reo lên, gọi cho một nhân vật trong phim.

Anh mất bình tĩnh, đồng hồ đã quá mười giờ. Anh đã để hụt mất cơ hội, đây không phải là lần đầu. Cô ấy giờ đây không phải là cô gái giản dị như ngày xưa, nhưng là người đàn bà được xã hội ưu đãi. Không chắc gì cô chịu khó gọi thêm lần thứ hai.

Nghĩ thế, anh lấy tấm danh thiếp của cô, chú ý số điện thoại di động cá nhân, bấm chính xác từng số. Anh chờ đợi. Chuông reo đến lần thứ ba, có người bắt máy.

Anh khựng lại một giây, lúng túng trả lời vì không ngờ phía bên kia là giọng đàn ông. Anh nói:

- Cho tôi xin... nói chuyện... với bà.

-.....

Anh ngập ngừng:

- Thế thì, không sao, tôi, người quen, bạn cũ, nếu tiện tôi sẽ gọi lại, vâng, chào ông.

Đặt máy lại chỗ cũ một cách chậm chạp. Anh nghe người chồng cho biết "nhà tôi đang ở trong phòng bên kia chưa tiện trả lời, xin cho biết qúy danh và số phôn để chốc nữa nhà tôi gọi lại cho ông."

Giọng nói của người chồng thật từ tốn, lịch sự, tỏ ra rất qúy trọng vợ mình, làm tan biến một mộng tưởng bèo bọt, nhưng lại có khả năng thay đổi hết mọi chuyện trên đời. Thay đổi hiện tại và có khi ngay với tương lai, nếu như cái bèo bọt ảo giác kia xảy ra đúng lúc, đúng cơ hội. Nếu như anh chụp bắt được nó, đừng để nó trượt mất.

Sau khi tiếp xúc với giọng nói đàn ông ấy, anh biết anh là kẻ thua cuộc, từ ngày ấy, không phải là mới bây giờ. Mân mê tấm danh thiếp của cô, anh chú ý hai chữ: Mr & Mrs... như một kết hợp bền bỉ cố định. Thế mà hồi nẫy, anh không nhận ra.

Anh tự trách mình tại sao lại lãng mạn đến như thế, đã chừng này tuổi, vẫn còn mơ mộng. Nhưng cả một đêm qua dù mất ngủ, với anh thật là tuyệt vời. Một đêm vọng tưởng không bao giờ tìm thấy lại nữa. Trái tim anh hình như nó ngừng một khoảnh khắc, để thêm một lần ghi dấu tuyệt vời ấy.

Tiếng chuông điện thoại lại reo lên, lần này anh bình tĩnh, nghĩ bụng mình chỉ nên hỏi thăm vài câu cho có lệ thôi, chứng tỏ cho cô biết mình chẳng còn gì lưu luyến nữa. Để xem phản ứng ra sao.

- Hello

-.....

Anh giật mình hỏi nhanh:

- Cái gì, sao? Không đổi vé máy bay được hả? Ngày mai về hả?

-.....

Anh trả lời ơ hờ:

- Ừ, ở nhà nghỉ cho khỏe, đang đọc sách, xem tivi.

-.....

Anh hơi nhăn mặt:

- Ra chợ mua thêm gì? mua gạo, hiệu con phượng hoàng hả?

-.....

Anh gật đầu:

- Được, sẽ đi đón, mọi chuyện ở nhà bình thường.

Đó là cú điện thoại của vợ anh từ Sài gòn gọi sang./.

BA CHÀNG NGỰ LÂM PHÁO THỦ CỦA TI VI

DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

(Tiếp theo và hết)

Về sau khi đã quen nhau thân hơn, Ti Vi không bao giờ khóc hay biểu lộ sự yếu đuối như vậy nữa trước mặt Đốc Mập. Nàng chỉ giải nghĩa vắn tắt là nàng rất yếu chịu đau, dễ xúc động. Đốc Mập cho rằng Ti Vi bị chứng "PMS." (Pre-menstrual syndrome). Từ đó, Đốc Mập nghiễm nhiên trở thành bác sĩ kiêm dược sĩ cung cấp thuốc chống đau cho Ti Vi hằng tháng. Điều này làm cho Đốc Mập thấy chàng có một chỗ đứng vô cùng đặc biệt, vì chỉ có mỗi chàng là có dịp biết đến bí mật về "chu kì đàn bà con gái" của Ti Vi. Mỗi lần nghĩ đến lần gặp gỡ đầu tiên và cơn xúc động bất ngờ của Ti Vi, Đốc Mập đoán chắc là Ti Vi đã si mê chàng... Nếu không si mê, tại sao nàng bẽn lẽn, thẹn thùng, khóc lóc, rồi lại ôm lấy tay chàng tha thiết như thế! Điều này, cộng thêm cảm tình của bà giáo, làm Đốc Mập tin chắc rằng việc Ti Vi thành vợ chàng chỉ còn là vấn đề... thời gian!

*

Ti Vi vẫn tiếp tục bình thản sống với bố mẹ. Mảnh bằng Harvard được nàng đem xếp vào tủ. Ti Vi không tha thiết với công danh sự nghiệp, không lo đi kiếm việc làm. Nàng làm học giả... và ăn bám bố mẹ một cách rất tự nhiên... Cách đôi ba ngày, Ti Vi đi dạy thể dục thẩm mĩ lai rai để lấy tiền tiêu vặt. Nàng làm cố vấn không lương về nhân chủng học cho đài truyền hình công cộng địa phương, nàng đi phố với Tống Diễm, đi bách bộ vào rừng, hoặc lang thang trong đại học đọc sách nghiên cứu về người Hmong, đến tối mịt mới về nhà. Nàng cắt cỏ giùm ông bà giáo mỗi ngày, nhất định không chịu để mẹ thuê người. Thỉnh thoảng nàng ăn mặc như con trai, đi giữ trẻ cho mấy trại hè. Có lúc nàng ăn diện như bà hoàng rồi biến mất hàng tiếng đồng hồ sau mới về. Có lúc nàng luộm thuộm, bê bối không son phấn. Nàng bày đặt ra nhiều trò, từ hội họa đến soạn nhạc, say mê và kiên nhẫn, nhưng không bao giờ hoàn tất một tác phẩm nào. Ti Vi hay đi lang thang đến các khu phố Việt Nam, nàng lượm nhặt tất cả những giấy quảng cáo, đi dự tất cả các đại nhạc hội và dạ vũ do cộng đồng tổ chức, nếu không được mời Ti Vi cũng... xin ban tổ chức để được đi, nhưng đến đó thì Ti Vi không nói chuyện với ai! Ti Vi có một cuốn sổ nhật ký, nàng ghi chép tất cả những dữ kiện thu thập từ các sinh hoạt cộng đồng. Và nàng vẫn tiếp tục giao hảo một cách vô tội vạ với ba chàng ngự lâm pháo thủ. Tiếng đồn về Ti Vi càng ngày càng lan rộng.

Ngày sinh nhật hai mươi chín tuổi của Ti Vi đã cận kề. Mĩ Đen dự tính làm một dạ tiệc thật lớn để mời các bạn đồng nghiệp của chồng đến cho Ti Vi gặp mặt. Cũng như bố mẹ, Mĩ Đen lo lắng về Ti Vi. Nàng muốn Ti Vi có chồng đẹp trai, học giỏi như nàng. Nàng không muốn thấy bà con đồng hương dè bỉu cô em gái xinh đẹp bằng hai chữ "gái già" ác nghiệt. Hơn ai hết, Mĩ Đen hiểu cô em gái hơi "tốc kê". Nàng hiểu những giọt nước mắt vô cớ, những cái nhìn xa vắng. Bữa ăn nào hội họp gia đình, đề tài sốt dẻo nhất vẫn là chuyện chồng con của Ti Vi. Mĩ Đen coi những liên lạc giữa Ti Vi với cộng đồng Việt Nam ở địa phương là một hiện tượng vô cùng nguy hiểm. Nàng không muốn Ti Vi mời ba chàng ngự lâm pháo thủ đến dự tiệc sinh nhật thứ hai mươi chín. Mĩ Đen cực kỳ chống đối ý kiến của bà giáo là Ti Vi nên lấy chồng Việt Nam:

- Nó mà lấy chồng Việt Nam tức là... ở tù chung thân. Đàn ông Việt Nam thiển cận, chuyên chế, và không tự tin đủ để làm cho nó hạnh phúc. Mẹ cứ để mặc con. Bạn của Carl rất nhiều người tử tế. Để con giới thiệu người đưa nó đi chơi. Từ từ nó sẽ yêu một người...

Ti Vi thản nhiên nghe mẹ và chị bàn cãi như một kẻ bàng quan. Có nhiều lần khi cuộc tranh luận kết thúc, bà giáo nhìn qua thì Ti Vi đã biến

mất. Thời khóa biểu thất thường của Ti Vi làm bà giáo mất ngủ. Bà càng mất ngủ bao nhiêu thì Đốc Mập càng có cơ hội lui tới nhà bà.

Đùng một cái, Ti Vi tuyên bố là nàng sẽ đi học lại! Một là trường luật, hai là trường thuốc. Tin này làm gia đình vừa mừng vừa ái ngại. Ông giáo mừng vì bao lâu nay ông vẫn cho rằng mảnh bằng tiến sĩ nhân chủng học của Ti Vi, rồi sẽ đem lại cho nàng... sự nghèo đói, cũng như bằng cấp khoa bảng của riêng ông đã làm ông nghèo đói. Ông cho rằng sở dĩ tính tình nàng bất định như thế cũng chỉ vì nàng học quá nhiều những bộ môn... "phải gió," không thiết thực với đời sống. Bà giáo thì lo ngại càng thêm nhiều bằng cấp, cô con gái rượu của bà càng tăng triển vọng... ế chồng! Bà thở dài não nuột, nói thầm, "học mãi thế thì còn đâu thì giờ lo việc chồng con. Mà không biết có anh nào chịu giương mắt nhìn vợ đi học như thế không."

Nghe bà giáo loan tin việc Ti Vi muốn đi học, Đốc Mập vừa lo vừa mừng. Chàng lo Ti Vi trở thành bác sĩ, luật sư, sẽ... giỏi hơn chàng. Hơn nữa, biết đâu một sinh viên luật, sinh viên thuốc nào đó sẽ cướp mất Ti Vi... Đồng thời chàng đau cả ruột nhgĩ đến số tiền phải nuôi Ti Vi đi học. Một mặt khác chàng lại mừng vì nếu Ti Vi ra luật sư, ra bác sĩ, và về làm vợ chàng, chàng sẽ được cả... tình lẫn tiền! Chuyện chưa xảy ra, Đốc Mập đã toan tính. "Hay là cứ cưới Ti Vi trước khi nàng nhập học. Sau đó tặng cho nàng cái bầu. Con cái là bảo đảm chắc chắn nhất cho hôn nhân. Đàn bà không dám li dị vì không dám bỏ con. Đàn bà đã có con, li dị không ai thèm rước..." Đốc Mập đắc chí cho đó là thượng sách.

Nhưng một biến cố xảy ra bất ngờ làm Đốc Mập bật ngửa. Một buổi tối chàng rủ Ti Vi đi ăn. Ti Vi bận chiếc áo đầm hở lưng bằng lụa màu đỏ thẫm làm linh động hẳn làn da nâu bóng. Nét tươi thắm vừa có tính chất đàn bà, vừa có tính chất con gái. Có lẽ thời gian trọn vẹn nhất cho người đàn bà là tuổi sắp vào ba mươi. (Còn những người đàn bà... trời bắt xấu thì có lẽ không lúc nào họ xấu hơn lúc họ bắt đầu vào ba mươi!) Đốc Mập cẩn thận mang một đôi giày độn đế, quần dài phủ ra ngoài để cao thêm được mấy phân. Chàng mang kính trắng cho thêm vẻ trí thức của một ông đốc.

Đốc Mập đem Ti Vi vào một tiệm Việt Nam tương đối là sang trọng so với các tiệm ăn Việt Nam khác. Chàng không thích đi ăn những tiệm tây phương xa xỉ, kiểu cách, muổng nĩa... lung tung, bồi mặc đồ sang cứ hỏi tới hỏi lui làm Đốc Mập... khớp. Hơn nữa, Ti Vi thích đồ ăn Việt Nam. Con người tốt nghiệp Harvard ấy rất thích các món trộn, cuốn bánh tráng, đủ thứ mắm, đủ thứ canh. Bồi vừa đặt nem nướng xuống bàn là Ti Vi bắt đầu tấn công, cuốn, chấm, ngon lành. Trong khi ấy Đốc Mập nghiêm mặt lại, sửa soạn giảng bài "luân lí" mà chàng đã chuẩn bị cả tháng nay. Đại khái, Đốc Mập yêu cầu Ti Vi nên chịu khó... giữ thể diện cho chàng, đừng giao du với Kim Mao Sư Vương hay Phạm Thái nữa. Chàng yêu cầu nàng đừng lang thang vào các đám tiệc tùng Việt Nam một mình, mà đi đâu cũng nên có chàng hộ vệ. Nói tóm lại, Đốc Mập không muốn Ti Vi làm chàng... quê. Ti Vi vừa cuốn, vừa chấm, vừa cau mày, sắc mặt đầy vẻ ngạc nhiên, nhưng đồng thời nàng cười khúc khích:

- Anh không muốn em quen biết ai khác ngoài anh, phải không? Thế còn bạn Mĩ của em thì sao?

Đốc Mập ngẫm nghĩ, chàng không biết bạn Mĩ của Ti Vi là những ai, và suốt ngày cắm cúi ở phòng mạch chàng không biết Ti Vi làm những gì. Tuy nhiên một con người thích ăn nem nướng và mắm nêm như thế kia thì không thể nào có bồ Mĩ được. Và vì thế, Đốc Mập không lo ngại Ti Vi sẽ đi chơi lén với đàn ông Mĩ:

- Em muốn đi chơi với bạn Mĩ cũng được, miễn là đừng làm cho anh mất thể diện trong cộng đồng Việt Nam.

Ti Vi ngừng ăn, cau mày:

- Em không hiểu, anh là anh, mà em là em, làm sao em làm mất thể diện của anh được?

- Em đã đi chơi với anh thế này tức là... chúng ta thuộc về nhau, anh không muốn bị mang tiếng có người yêu phóng đãng.

Ti Vi buông vội cuốn nem nướng xuống, mặt nàng sa sầm:

- Thời buổi nay, đàn bà con gái đi chơi với nhiều người là chuyện bình thường. Có đi chơi nhiều mới hiểu được tính tình của bạn, và mới biết mình muốn gì. Đi chơi với một người đàn ông đối với em nhiều khi không có nghĩa gì cả.

- Em đừng cãi bướng. Em chỉ là một... cô bé gái thiếu kinh nghiệm so với anh. Em không muốn để tai tiếng cho bố mẹ, và lây sang anh nữa. Em biết, và bố mẹ cũng biết, là anh muốn tính chuyện đứng đắn với em...

Thấy Ti Vi ngớ mặt ra, Đốc Mập làm luôn một tràng thao thao bất tuyệt:

- Anh nghĩ là em thừa biết anh muốn lấy em làm vợ... Anh tự thấy mình đủ điều kiện xứng

đáng với em. Em biết đó, anh là bác sĩ giải phẫu tổng quát độc nhất tốt nghiệp bên Mĩ, hành nghề bên Mĩ. Cả cộng đồng này không ai xứng đáng với em hơn anh. Em phải biết anh yêu em lắm. Bao nhiêu cô muốn lấy anh mà anh không thèm, chỉ yêu một mình em. Em có tất cả những điều kiện mà anh mong muốn. Anh muốn có con vừa đẹp vừa thông minh. Em vừa đẹp vừa thông minh sẽ sinh cho anh những đứa con anh mong muốn. Nhưng em không biết tảo tần, nấu ăn, anh phải thuyết phục bố mẹ anh tốn bao nhiêu nước miếng, ông bà cụ mới chấp nhận để anh "chơi" với em. Về làm vợ anh, anh sẽ lo cho em tất cả mọi chuyện. Em muốn ngồi nhà... chơi, anh sẽ để em ngồi nhà chơi! Anh mua kim cương, cẩm thạch cho em đeo đầy người! Cả nước Mĩ này sẽ không có bà bác sĩ Việt Nam nào sang trọng hơn em được... Còn nếu em muốn đi học thì anh để cho em đi học. Em không nên học thuốc làm gì, con gái học thuốc mau xấu, mau già. Anh nghĩ em nên học luật, để sau này còn ra giúp anh khỏi bị tụi luật sư đe dọa kiện tụng hành nghề ẩu. Còn nếu em không thích đi học thì em trông coi phòng mạch với viện giải phẫu cho anh. Em coi chồng bác sĩ, vợ luật sư em còn muốn gì nữa. Anh chỉ xin em một điều là em nên giao thiệp cho cẩn thận để đừng làm mất mặt anh.

Đến đây Ti Vi hoàn toàn ngừng ăn. Nàng có vẻ hơi run rẩy. Đợi cho Đốc Mập ngừng câu, Ti Vi mới bắt đầu tiếp tục... cuốn bánh tráng. Nàng không nói gì cả. Và Đốc Mập thấy thở phào nhẹ nhõm vì đã trút được tâm sự bấy lâu nay. Đốc Mập hơi thất vọng vì Ti Vi không tỏ vẻ gì cảm động cả. Chàng đưa tay nắm lấy

TRẦN HUY SAO

yểu điệu thục nữ

yểu điệu thục nữ
quân tử háo cầu.

1. phải em thục nữ đó không
có chi mát dạ mát lòng anh đây
nghe đồn mắt phượng mày ngài
bàn tay tháp bút gót hài phiếm tơ

2. đôi tà áo lụa ngẩn ngơ
vàng thu em giữa đất trời cô liêu
lòng anh bối rối trăm điều
theo em dáng nhỏ. Nắng. Chiều. Quạnh hiu.

3. em cười má lúm đồng duyên
bỏ quên anh giữa hai viền son môi
tình anh ai lấy đi rồi
chỉ còn trơ trọi nhúm đời buồn tênh

4. và còn đôi chút ưu phiền
gởi em - xin cứ giữ riêng cho mình
biết đâu đôi mắt đa tình
cứu anh ra khỏi muộn phiền dương gian

5. tình theo sông nhánh quan san
anh theo em lạc nẻo vào thiên thu
quẩn quanh trong cõi sương mù
là em tơ rối quấn vùi đời nhau

6. phải đâu quân tử háo cầu
chẳng qua thơ túi rượu bầu đó thôi
thấy em má phấn son môi
mấy câu thơ đặng cho đời thêm vui...

San Diego, CA
(Nhánh Rong Phiêu)

bàn tay vừa mềm, vừa mát của Ti Vi. Nàng để yên không nói gì. Đốc Mập mở cờ trong bụng, nghĩ "lát nữa sẽ dắt em đi ăn kem, và tối nay mình phải đánh liều mi-mi em mới được." Ti Vi chậm rãi nuốt hết miếng nem cuối cùng, nàng uống thêm ly nước chanh ngon lành, tỉnh táo, no nê, mở ví thoa lại môi son, rồi bỏ vào phòng tắm rửa tay. Khi nàng quay trở lại, bồi đã dọn sạch bàn. Ti Vi nhỏ nhẹ:

- Anh Trác à, nếu em mà phải làm vợ anh thì...

- Gì cưng?

- CHẮC LÀ EM TỰ TỬ...

Ti Vi thả một trái bom bất ngờ. Đốc Mập chưng hửng, chết lặng. Mặt Ti Vi tỉnh bơ, không biết là nàng đùa hay thật. Đốc Mập nóng bừng cả mặt, "Hay là mình nghe không rõ."

- Em nói cái gì?

Ti Vi nhoài người qua ôm lấy đầu Đốc Mập, và hôn phớt lên má chàng. Nàng nói thầm vào tai Đốc Mập, nhưng nhấn mạnh từng chữ:

- EM NÓI LÀ NẾU EM PHẢI LẤY ANH THÌ EM SẼ TỰ TỬ... ANH ĐỪNG GIẬN EM NGHE.

Ti Vi ngồi lại ngay ngắn:

- Em xin lỗi bấy lâu nay đã làm... mất thì giờ của anh.

Nàng cho tay vào ví lấy tiền để lên bàn.

- Em nghèo, hiện giờ không có việc làm. Nhưng em xin gửi anh tiền bữa ăn hôm nay. Xin phép anh em về trước... Em không muốn đi cùng xe với anh. Em sợ mình sẽ chóng mặt buồn nôn.

Nói xong, Ti Vi đứng dậy. Chiếc áo đỏ linh động chờn vờn trước mặt Đốc Mập. Nàng ghé đầu hôn má Đốc Mập lần nữa, rồi bỏ đi, gót giày kêu lách cách. Đốc Mập có cảm tưởng như lồng ngực của mình bể tung như người ngạt thở vì cơn đau tim.

Ra đến cửa, Ti Vi ngoái lại:

- Biết đâu anh mang nhẫn kim cương của tiệm Tiffany's đến cho em. Em sẽ đổi ý.

Đốc Mập ngồi sững, không còn tâm trí để đuổi theo. Chàng có cảm tưởng mình đang đứng ở thành phố Cựu Kim Sơn, giữa một cơn động đất dài nhất và bi thảm nhất của loài người. Cơn động đất kéo dài, cuồng nộ, thảm khốc cũng như lòng tự ái bị chà đạp đến tận cùng của chàng.

Những ngày sắp tới, Đốc Mập là người đau khổ nhất trần gian. Cơn động đất tiếp tục âm ỉ trong chàng như một vết thương lở lói. Nhắm mắt, mở mắt Đốc Mập đều thấy Ti Vi. Chàng cáu sườn muốn đập phá, muốn tát tai bệnh nhân, thư kí, y tá. Tim chàng lúc nào cũng đập mạnh, mắt mờ đi. Chàng nằm mơ thấy mình hôn Ti Vi ngấu nghiến cho đến khi môi nàng chảy máu... Chàng thấy Ti Vi phải quỳ khóc xin lỗi chàng, xin chàng đến cưới nàng làm vợ, thề nguyền suốt đời yêu chàng không bao giờ để mắt đến ai. Chàng cay cú nghĩ đến bao công lao theo đuổi bấy lâu nay, bao nhiêu món quà cáp cho bà giáo, bao nhiêu bó hoa hồng gửi đến cho Ti Vi. Hết tức giận, Đốc Mập lại nhớ Ti Vi quay quắt. Nhớ cách nàng nheo mũi, cong môi, những khi nàng cười. Nhớ giọng cười trong vắt, bước chân nhún nhảy. Nhớ những lần đem Ti Vi đi dạ vũ hội y sĩ, chân nàng quyện vào chân chàng vô tình hay hữu ý. Nhớ cách ăn mặc khi thì bê bối, khi thì sang trọng của nàng.

Ở phòng mạch, Đốc Mập cố tình để ý đến cô thư ký để dễ quên Ti Vi. Chàng mời cô thư ký đi ăn. Cô thư ký có vẻ vui mừng hớn hở vì được ông bác sĩ độc thân chiếu cố. Cô thư ký cũng dễ coi, mặt đều đặn, người cao ráo, ăn mặc chải chuốt theo thời trang. Nhưng càng nhìn cô thư kí, Đốc Mập càng nhớ Ti Vi. Ở bên cạnh cô thư ký, Đốc Mập mới bùi ngùi thấy một người con gái như Ti Vi là khó kiếm, có phong cách làm cho Đốc Mập mát mày mát mặt. Ti Vi nói tiếng Anh hay biết bao. Nàng đi đến đâu là mọi người nhìn đến đó. Thái độ nàng thân mật, ấm cúng, tự nhiên, sang trọng như đầm, nhưng nàng lại nhỏ nhắn, nũng nịu như cô công chúa Á Đông. So với Ti Vi, cô thư ký lộ hẳn vẻ rẻ tiền.

Rút cục Đốc Mập không chịu nổi cơn động đất. Chưa bao giờ chàng cay cú và tuyệt vọng như thế. Chàng nhớ đi nhớ lại những lời Ti Vi nói hôm đi ăn như một điệp khúc, và mỗi lần nhớ lại là mỗi lần Đốc Mập đau đớn như ai đâm một mũi dao vào bụng. Ấy thế mà đầu óc Đốc Mập vẫn duyệt đi duyệt lại những câu nàng nói, như một căn bệnh tâm trí vượt ngoài sức tự chủ. Mỗi lần ôn lại mẩu đối thoại ác nghiệt đó, Đốc Mập lại cố vớt vát bao hi vọng vào câu cuối của Ti Vi. Nàng bảo chàng đem kim cương đến, biết đâu nàng đổi ý. "Hay là ta mang kim cương đến cho nàng. Chắc nàng nghi ngờ ta không thành thật nên cố ý thử ta. Chắc nàng muốn đo lường xem ta có... giàu thật không." Và cuối cùng chàng đầu hàng. Chàng lò mò đến nhà Ti Vi trong giờ làm việc, kêu cứu bà giáo. Chàng kể hết mọi việc xảy ra, và hỏi ý kiến bà giáo xem chàng có nên đem nhẫn cưới đến hỏi Ti Vi đường đường chính chính, để Ti Vi có dịp chính thức... suy nghĩ lại. Bà giáo nghe chuyện, thở dài não nuột, gọi điện thoại hỏi ýkiến cô con gái lớn. Mĩ Đen cười to:

- Mẹ cứ để đấy. Con cá với mẹ xem ông đốc của mẹ có dám mua kim cương không. Thằng ấy là chúa bần tiện. Đối với hắn là phải tiền trao cháo múc.

Bà giáo nghĩ đi nghĩ lại. Biết đâu nếu Đốc Mập mua kim cương, Ti Vi lại cảm động không chừng. Nếu Ti Vi chịu lấy Đốc Mập, bà sẽ yên lòng. Dù sao thì Ti Vi cũng hai mươi chín tuổi rồi. Nếu Ti Vi không ưng Đốc Mập, bà có thể phủi tay, trả kim cương lại. Đốc Mập chắc không thù oán. Hơn nữa bà giáo cũng tò mò muốn thử thách xem Đốc Mập si mê con gái mình đến mức nào. Nghĩ thế, bà giáo ỡm ờ "bật đèn xanh" cho Đốc Mập.

Ít ngày sau, Đốc Mập run run kí tờ ngân phiếu trả tiền cho tiệm Tiffany's, đem đến nhà bà giáo "lễ vật" kim cương to... thều lều, rồi về nhà chờ đợi trong đau khổ. Lòng tự ái bị tổn thương đã vượt qua tính bần tiện. Cơn động đất đặt Đốc Mập vào trạng thái mê sảng. Trong cơn mê ấy, Đốc Mập như người mù chỉ nhìn thấy một điểm sáng độc nhất - đó là hình ảnh Ti Vi quỳ trong tay chàng dưới môi hôn vũ bão, hình ảnh nàng làm vợ mặc áo bầu đẻ con cho Đốc Mập, pha nước nấu cơm, gọi dạ bảo vâng, không được kêu la trước sự thống trị và lòng ham muốn của Đốc Mập... Con quái vật tự ái đã thức giấc sau cơn động đất, bằng bất cứ giá nào Đốc Mập cũng phải lấy cho được Ti Vi!

Sự chờ đợi gần như... vô tận. Vì bà giáo chưa kịp ngỏ lời mè nheo thuyết phục Ti Vi thì một ngày đẹp trời bà không thấy nàng về nhà. Vào phòng Ti Vi, bà giáo tìm thấy một lá thư:

"Bố mẹ thương yêu của con,

Khi bố mẹ đọc lá thư này thì con đã quyết định. Con không thể ngồi nhà ăn bám vào đồng lương khiêm nhường của bố, làm con gái rượu của mẹ. Con phải quyết định mình sẽ làm gì với cuộc đời của chính mình. Quyết định đó lúc này không bao gồm chuyện lập gia đình, đẻ con. Không đặt vấn đề lấy chồng, có con, là con có tội với mẹ. Nhưng chị Mĩ Đen đã cho mẹ cháu ngoại. Cho mẹ rể sang giàu. Chắc mẹ không hẹp hòi trông đợi ở con. Con xin lỗi mẹ.

Không biết bố có hiểu con không? Nhưng con hãnh diện biết bao được làm con của bố. Lòng bố rộng như biển. Trí bố thông thái, bố hiểu tất cả, và chịu đựng tất cả, từ thân phận con người, đến Nho, Phật, Lão, từ lịch sử, chính trị, cho đến cuộc chiến tranh Việt Nam mà con vẫn không hiểu bắt đầu từ đâu, chấm dứt ở đâu. Tuy bố thông thái như thế, con không chắc bố có hiểu được con, bố có hiểu được rằng bao năm nay con phải đi tìm chính con (cliché quá phải không bố). Con phải đi tìm chính con vì con là con của bố, nhưng con không được sống trong lòng dân tộc như bố. Con lại không giống tính chị Mĩ Đen. Thực tế, khôn ngoan. Con là cái Ti Vi quá nhiều hình ảnh. Nghĩ đến Ti Vi, người ta chỉ nghĩ đến những hình ảnh, dữ kiện trên màn ảnh, chứ không ai nghĩ đến cái Ti Vi cả. Con nhớ một câu thơ nào đó của một thi sĩ người Pháp "Vật vô tri kia, vậy ngươi có một tâm hồn không?" ("Objet inanimé, avez-vous donc une âme?") Có ai hỏi cái Ti Vi câu đó không bố. Bố yêu, con theo ngành văn hóa nhân chủng Việt Nam vì con là con của bố. Ngồi học cổ văn Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi, đọc thơ Cao Bá Quát ở Harvard, con tưởng như thế là con tìm được chính con. Nhưng không. Con đi tìm mãi mà không biết con tìm cái gì? Con tự biết con rởm đời, chắc tại bố mẹ và chị Mĩ Đen thương yêu nuông chiều con quá.

Bắt đầu năm tới, con được nhận vào trường thuốc ở Stanford. Con được nhận luôn vào trường luật ở Yale. Trong tương lai, con sẽ theo đuổi một trong hai ngành để có nhiều tiền, như mọi người. Nhưng hiện giờ, con không muốn mượn tiền đi học nữa. Con không muốn thấy bố làm việc cực khổ ở tuổi sáu mươi để cho con có tiền tiêu vặt trong khi con bay nhảy ở một đại học có tiếng cùng một lũ con ông cháu cha. Ban ngày bố đi dạy học, sáu giờ chiều bố đi làm nhà in kiếm thêm để cho con chạy theo bằng cấp. Con ứa nước mắt nhìn con người trí thức của bố cặm cụi ở nhà in như một người thợ in chính cống... Và vì thế, con quyết định không đi học thêm nữa. Con sẽ đi xa một thời gian.

Con đã nhận một chân giáo sư qua Thái Lan dạy Anh văn. Trong thời gian ở Thái Lan, con sẽ xung phong làm việc thiện nguyện cho người tị nạn Việt Nam để con tìm thấy chính con. Để con biết con là ai? Và cho con hiểu rõ thân phận của chúng ta. Để con tìm thấy sự bình yên trong tâm hồn. Con không phải đi Thái Lan ngay. Nhưng con cần về Boston thăm trường cũ trước khi đi xa. Xin bố mẹ, chị Mĩ Đen và Carl an tâm, đừng lo lắng cho con. Con xin lỗi chị Mĩ Đen và Carl vì con sẽ không có mặt để dự lễ sinh nhật thứ hai mươi chín mà chị đã lo lắng tổ chức cho con.

Con của bố mẹ,
Kí tên, Ti Vi

QUẬN CAM

Phạm Văn Liễu giới thiệu tập Hồi Ký 1: Trả Ta Sông Núi

Cựu Đại tá Phạm Văn Liễu đã giới thiệu tập Hồi Ký 1 Trả Ta Sông Núi với sự tham dự của một số cựu tướng lãnh, đại diện đảng phái, nhân sĩ trong vùng Nam California tại Civic Center, Westminster vào chiều ngày Chủ Nhật 14 tháng Bảy năm 2002.

Cựu Đại Tá Phạm Văn Liễu phát biểu trong buổi ra mắt sách "Trả Ta Sông Núi".

Sau nghi thức khai mạc, nhà báo Long Ân đã sơ lược về tác phẩm Trả Ta Sông Núi và giới thiệu Giáo sư Đinh Thạch Bích nói lý do có tập Hồi Ký của Phạm Văn Liễu. Riêng ông Phạm Văn Liễu không dự định viết hồi ký vì ông cho rằng cuộc đời hoạt động của ông vì quốc gia dân tộc đã không thành công. Một số thân hữu từng biết và từng hoạt động với ông Phạm Văn Liễu cho rằng dù ông đã không thành công nhưng ông nên ghi lại cho những người đi sau những sự kiện lịch sử trong thời đại của ông.

Giáo sư Bích cho rằng trong tập Hồi Ký 1 này Phạm Văn Liễu ghi lại những diễn biến lịch sử mà ông Liễu đã chứng kiến. Từ khi còn là một thanh niên đã tham dự và biết khá nhiều sự kiện, trong thời gian từ khoảng năm 1945 cho đến 1975. Giáo sư Bích nói Cộng Sản cho rằng kẻ nào làm chủ chánh quyền sẽ làm chủ lịch sử nhưng tập hồi ký của ông Phạm Văn Liễu đã viết lại lịch sử một cách nghiêm chỉnh và trung thực. Ông Bích kết luận có thể chúng ta mất hết nhưng chúng ta vẫn còn có nhau. Chính vì tình bạn mà tập hồi ký 1 này đã đến với tay đọc giả.

Nhà văn Duy Lam nói về tác phẩm Trả Ta Sông Núi. Ông nói khi viết hồi ký người đọc tìm thấy trong tác phẩm phần lớn là cái "tôi" của tác giả nhưng qua tập Hồi Ký Trả Ta Sông Núi đã nói rất ít về cái tôi. Qua tập hồi ký này, người đọc sẽ thấy rõ ràng hơn và chi tiết hơn về lịch sử của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa nói chung và nói riêng lịch sử binh chủng Thủy Quân Lục Chiến. Vì tác giả đề cập đến rất nhiều nhân vật người ta có thể xem đây là một cuốn "nhân vật chí."

Nhà văn Đào Vũ Anh Hùng, một cựu phi công của VNCH đã lên nói đôi điều về tác giả mà ông biết từ những ngày ông còn là một cựu sinh viên sĩ quan không quân cho đến ngày nay. Nhà văn Đào Vũ Anh Hùng đã ngưỡng phục tác giả với tinh thần trách nhiệm từ lúc còn ở trong quân đội cho đến cả khi sang làm Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia, lúc nào cũng nghĩ đến việc xây dựng quân đội và đất nước.

Tác giả Phạm Văn Liễu đã ngồi xe lăn xuất hiện trước cử tọa (ông bị tai biến mạch máu não vào cuối năm 1996). Sau lời cảm tạ sự hiện diện của mọi người, tác giả Trả Ta Sông Núi đã minh định chữ "Ta" trong tựa đề không phải là cá nhân tác giả mà là "Chúng ta" là toàn dân, đặc biệt là giới trẻ Việt Nam.

Ông cũng cho biết sở dĩ ông viết tập hồi ký này là do sự thúc hối của Giáo Sư Đinh Thạch Bích và cũng nói sơ lại quá trình hoạt động của ông từ năm 1945 lúc ấy tác giả mới 18 tuổi đi vào cuộc chiến với một tinh thần trong sáng của thế hệ thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ. Chính vì muốn cho thế hệ trẻ Việt Nam biết được thế hệ của thời đại ông như thế nào mà ông viết tập hồi ký này.

Tác giả Phạm Văn Liễu nói đất nước trông mong vào thế hệ trẻ như thanh niên Phi Luật tân, Indonesia, Trung Quốc cũng đã làm nên lịch sử. Ông cũng nói thế hệ của ông đã không đòi được sông núi và ông đã đọc lại câu thơ của thi sĩ Vũ Hoàng Chương:

Không đòi ai trả núi sông ta
Sài lang kia núi sông nào của ngươi.

Ông cũng kêu gọi sự đoàn kết của mọi giới từ trong nước và ngoài nước thì mới có thể đòi lại núi sông được.

Trả Ta Sông Núi, Tập Hồi Ký 1 dầy 476 trang do nhà xuất bản Văn Hóa xuất bản gồm 10 chương nói về thời tuổi trẻ của tác giả cho đến cuộc đảo chính 11-11-1960. Ấn phí 20 Mỹ kim.

Tác giả cho biết còn 2 tập nữa: tập 2 ghi lại những hoạt động của ông từ 1960 cho đến 1975; tập 3 ghi lại những hoạt động của ông ở hải ngoại sau ngày 30 tháng Tư năm 1975 sẽ phát hành nay mai.

Chiều Thơ Nhạc Trần Trung Đạo: Mẹ và Quê hương

Trong một không khí ấm cúng và đầy ắp thân tình, đông đảo văn nghệ sĩ và thân hữu đã đến tham dự Chiều Thơ Nhạc Trần Trung Đạo do Viện Việt Học phối hợp với các văn nghệ sĩ Quảng Đà và thân hữu tổ chức vào chiều ngày 20 tháng 7 năm 2002 tại phòng hội Viện Việt Học tại Orange County. Vì hội trường chỉ có thể chứa được nhiều nhất là 130 người, một số đồng hương phải đứng phía sau và ngoài hành lang để theo dõi chương trình Chiều Thơ Nhạc.

Sau phần chào mừng quan khách của ông Lê Đình Các, đại diện ban điều hành Viện Việt Học, nhà văn Phạm Xuân Đài, chủ bút tạp chí Thế Kỷ 21 trong phần giới thiệu nhà thơ Trần Trung Đạo, đã nói về chủ đề Mẹ và Quê hương của buổi hôm nay. Theo ông mẹ và quê hương tuy là hai khái niệm khác nhau, nhưng trong phần tình cảm sâu thẳm của mỗi người, nhất là trong giới nghệ sĩ sáng tác, hai yếu tố tình cảm này thường hóa

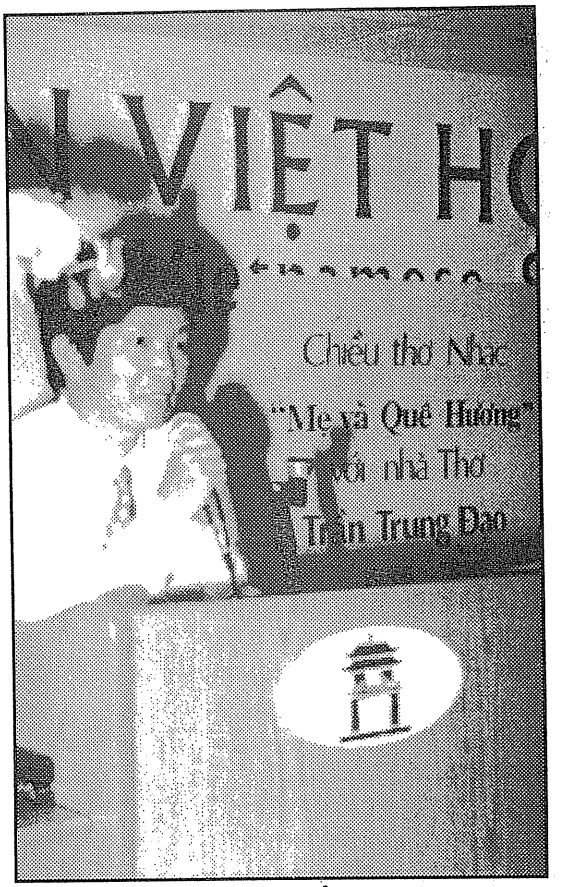

Nhà thơ Trần Trung Đạo phát biểu

thân thành một. Thơ Trần Trung Đạo là một ví dụ đẹp đẽ nhất của sự kết hợp ấy.

Điều hợp viên chương trình Kim Ngân, đã mời nhà thơ Thái Tú Hạp, Chủ nhiệm tuần báo Sai Gon Times trình bày các nhận xét của ông về tính nhân bản trong thơ Trần Trung Đạo.

Thi sĩ Thái Tú Hạp cho biết trong tác phẩm đầu tay của Trần Trung Đạo "Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười" xuất bản từ năm 1992, phần lớn các bài thơ tác giả đã dành nói về Mẹ và Quê Hương, trong đó có những bài thơ viết về Tình Mẹ mà ông cho là xuất sắc trong văn thơ hải ngoại. Và cũng chính từ những bài thơ mang nỗi khắc khoải về tình người, tình quê và thân phận lưu vong nơi xứ người, Trần Trung Đạo đã chinh phục được nhiều cảm tình ở khắp nơi trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của cộng đồng người Việt lưu vong.

Về thi tập Thao Thức, Thái Tú Hạp nói thơ Trần Trung Đạo trong tập này đã tường trình với thế giới về những thảm trạng, hận thù và thống khổ xẩy ra trên quê hương, về thân phận lạc loài

và cuối cùng chỉ còn lại nỗi thao thức trong cô đơn.

Nhà thơ Trần Trung Đạo đã lên bày tỏ những cảm nghĩ của ông. Ông nói so với những tên tuổi khác trong làng văn nghệ thì ông chỉ là một hậu sinh. Ông cũng cám ơn về những mỹ cảm mà những người làm văn học nghệ thuật đồng hương Quảng Nam dành cho ông.

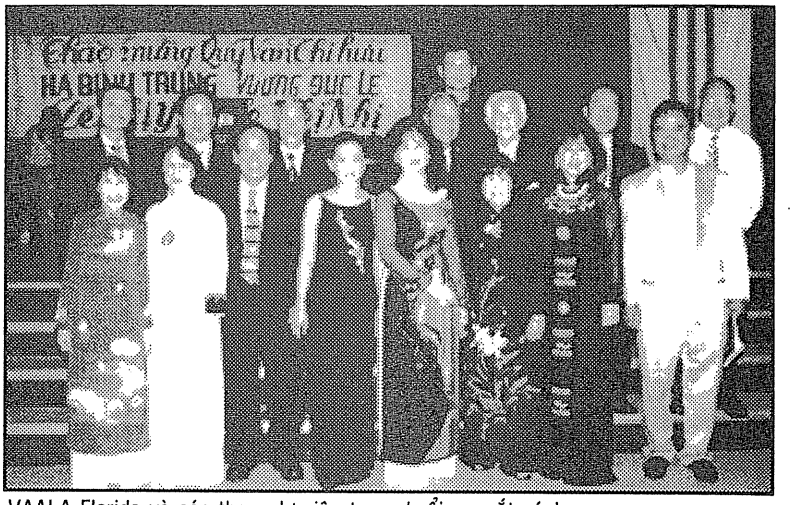

VAALA Florida và các tham dự viên trong buổi ra mắt sách.

Nhà thơ Trần Trung Đạo, trông nho nhã như một thày giáo, quê ở Duy Xuyên, Quảng Nam, vượt biên năm 1981 đến Phi Luật tân và sau đó sang Hoa kỳ định cư và đi học computer ở Boston,

cho biết ông quen biết khá nhiều văn nghệ sĩ trẻ tuổi nhờ tổ chức được mạng lưới Internet từ khoảng cuối thập niên 1980. Nhiều người chỉ biết nhau trên mạng chứ chưa hề gặp. Trong buổi họp mặt hôm nay ông đã gặp được những người quen đã biết cũng như chưa bao giờ biết mặt.

Phần ca nhạc do các nhạc sĩ Nhật Ngân, Hoàng Thy, Lê Vũ với các nhạc phẩm phổ từ thơ Trần Trung Đạo. Phần ngâm thơ do các nghệ sĩ Bích Thuận, Hà Phương, Bích Ty, Từ Duy, Ái Cầm, Kim Ngân, Cát Biển với sự phụ họa của hai tiếng sáo độc đáo Ngọc Nôi và Hải Bộ. Tiết mục trọng điểm của chương trình là phần tâm tình của nhà thơ Trần Trung Đạo về các nét chính trong hành trình sáng tác của anh qua hai thi phẩm Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười và Thao Thức. Nhân dịp này, nhà thơ Trần Trung Đạo đã diễn ngâm một số bài thơ tiêu biểu của anh trong tinh thần của chủ đề Mẹ và Quê Hương như Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười, Mẹ Là Thơ Đất Nước Sẽ Hồi Sinh, Người Lính Già Vừa Chết Đêm Qua v.v.. Nhiều khán giả đã không cầm được nước mắt khi nghe lại những tiếng bước chân của chính cuộc đời mình trong hành trình tỵ nạn đầy bi tráng.

Theo nhận xét chung của giới yêu thơ tham dự, chiều thơ nhạc Mẹ và Quê Hương là một trong những chương trình thơ nhạc thành công nhất, không những vì số người tham dự đông đảo, tập trung và yên lặng suốt chương trình, mà còn nhờ vào nội dung rất cảm động, trẻ trung, sinh động và mới lạ. Chương trình chấm dứt lúc 5 giờ chiều cùng ngày.

Diễn Đàn Người Tỵ Nạn Quận Cam: Chúng Ta Là Lãnh Đạo Tương Lai

Hơn một trăm người thuộc giới trẻ thuộc nhiều sắc dân thiểu số và phụ huynh họ đã đến tham dự cuộc hội luận với đề tài: Chúng ta Là Lãnh Đạo Tương Lai do Diễn Đàn Người Tỵ nạn Quận Cam tổ chức tại sảnh đường trường Đại Học Cộng Đồng Coastline, thành phố Garden Grove. Đặc biệt nhiều sinh viên, học sinh Việt Nam theo dự buổi hội thảo đặc biệt này.

Mở đầu ban tổ chức giới thiệu bà Natalie Nguyen, Vietnamese Community Camp for Youth lên kể lại câu chuyện tỵ nạn của chính cuộc đời mình. Bà Natalie Nguyen nói lúc cùng gia đình đến tị nạn tại Hoa Kỳ, bà mới có sáu tuổi.

Trong thời gian đầu bà và cả gia đình bà đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc hội nhập cuộc sống. Bà kể lại những kỷ niệm với những vất vả trong việc học hành và thích ứng với môi trường sống hoàn toàn khác lạ ở Hoa Kỳ. Bà đã chứng kiến ngay trong gia đình của bà những người anh em trai của bà lầm lẫn đi theo băng đảng và có người bị tử nạn vì uống rượu lái xe. Bà muốn làm một điều gì đó để giúp đỡ những người thân. Chính từ những kỷ niệm khó quên đó nên khi bà lớn lên vào Đại Học bà đã chọn ngành Human Sevices để hy vọng có thể giúp đỡ những người trẻ. Hiện nay bà làm việc cho Phòng Dịch Vụ Gia Đình và Thiếu Nhi tại Sở Xã Hội thuộc quận Los Angeles County. Bà hy vọng sự chia xẻ những kinh nghiệm của bà sẽ giúp cho các bạn trẻ tham dự hội thảo hôm nay, mai này biết đâu sẽ có những người lãnh đạo ở các cấp cao trong xã hội Hoa Kỳ.

Tiếp theo, các bạn trẻ và phụ huynh chia thành

những nhóm nhỏ thảo luận quanh chủ đề Chúng Ta Là Lãnh Đạo Tương Lai và sau phần nghỉ ăn trưa, các bạn trẻ đã họp trở lại đúc kết những ý kiến trong cuộc thảo luận.

Cuộc hội thảo nhằm tạo cơ hội cho các thanh thiếu niên tị nạn và phụ huynh thảo luận những vấn đề trực tiếp liên quan đến chính cá nhân của từng người để hoạch định những điều cần thiết.

Được biết Diễn Đàn Người Tỵ Nạn Quận Cam (Refugee Forum of Orange County) là một tổ chức mà hội viên gồm đại diện các cơ quan công quyền và tư nhân phối hợp với các hội đoàn phục vụ người tỵ nạn trong Quận Cam. Mục đích của diễn đàn này là nhằm giúp đỡ những người tỵ nạn cùng với gia đình có được những nguồn yểm trợ cần thiết ngõ hầu sớm tự túc, tự cường và trở nên công dân hữu ích trong cộng đồng.

FLORIDA

VAALA Florida tổ chức ra mắt thơ văn

Cơn mưa chiều Thứ Bảy 29/6/2002 cùng rất nhiều đám cưới cũng không cản trở được những tâm hồn yêu văn chương của thành phố miền trung tâm Florida đến tham dự đông đảo buổi ra mắt thơ văn của bốn tác giả về đây từ vùng Hoa Thịnh Đốn, thủ đô của Hoa Kỳ. Mọi người đã được thưởng thức một đêm sinh hoạt văn nghệ đúng nghĩa.

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) Florida mà nhất là chị Ái Khanh (Chủ tịch chi hội) và phu quân là anh Đỗ Xuân Hùng đã bỏ ra rất nhiều thời giờ để chuẩn bị chu đáo cho đêm ra mắt sách. Sau phần giới thiệu quan khách tham dự là lời chào mừng quan khách của chị Ái Khanh. Hai MC duyên dáng Tuyết Nga và họa sĩ Vũ Quang Minh hướng dẫn chương trình của đêm sinh hoạt.

Nhà thơ Trần Minh Hiền đã giới thiệu về nhà văn nhà thơ Hà Bỉnh Trung. Hà Bỉnh Trung là một cây viết đã có tiếng từ trước năm 1975 ở Miền Nam. Hơn nửa thế kỷ ông đã sáng tác không mệt mỏi và cống hiến cho đời tám thi tập trong số 19 tác phẩm gồm cả tiểu thuyết, truyện ngắn... Thi tập Thuyền Trăng được giới thiệu hôm nay gồm 82 bài thơ đa số viết về những tâm sự của những người yêu nhau, những nhớ nhung suy tư day dứt, nỗi niềm của người xa quê nhớ nước, những niềm đau của kẻ bại trận. Sau đó thi sĩ Hà Bỉnh Trung lên sân khấu tâm sự cùng cử tọa. Khán giả cũng được thưởng thức nhạc phẩm " Yêu Trăng" nhạc sĩ Linh Phương phổ nhạc thơ của Hà Bỉnh Trung, do ca sĩ Tâm Khanh trình bày.

Thi sĩ Phan Long giới thiệu về tác phẩm và tác giả Lê Thị Ý. Nhà thơ Lê Thị Ý lên tâm sự cùng cử tọa. Bài thơ "Thương Ca 1- Tưởng Như Còn Người Yêu" đã một thời làm thổn thức bao trái tim người đọc và hôm nay được diễn ngâm qua giọng Thiên Thanh.

Sau đó nhà thơ Vinh Hồ giới thiệu về tác phẩm và tác giả Vương Đức Lệ người đã từng đoạt giải thưởng thơ của miền Nam năm 1961. Nhạc phẩm "Tình Khúc Thứ Nhất" được trình bày tuyệt diệu bởi giọng ca Thanh Sơn. Thi sĩ Vương Đức Lệ đã gởi lời cáo lỗi cùng quý quan khách vì có việc khẩn cấp của gia đình không đến tham dự buổi ra mắt thơ này được. Nhà thơ Hà Bỉnh Trung đã thay mặt Vương Đức Lệ có đôi điều cùng cử tọa.

Chương trình được tiếp nối bằng bài nói của thi sĩ Tố Anh về Lê Thị Nhị, một nhà văn nhà báo. Nhà văn Lê Thị Nhị đã tâm tình với quan khách những lời chân tình, thân thiết, tạo nên một không khí cảm thông, đầm ấm giữa tác giả và các văn thi hữu cũng như quan khách. Tiếp theo, thi sĩ Tố Anh kiêm ca sĩ được nhiều người ưa chuộng đã trình bày bản nhạc Trở Về của nhạc sĩ Châu Kỳ. Một điều bất ngờ mang lại niềm vui cho bốn văn thi hữu là sách của họ được độc giả mua khá nồng nhiệt trong đêm nay. Điều đó chứng tỏ người Việt Nam tị nạn vẫn quan tâm đến thơ, văn nhiều lắm.

Orlando, 29/6/2002
THY THI

Đã phát hành khắp nơi

XÓM CẦU MỚI

Cuốn trường thiên tiểu thuyết đã được NHẤT LINH cưu mang lâu dài nhất, viết đi viết lại cả thảy năm lần, thể hiện quan niệm viết tiểu thuyết mới nhất của tác giả.

Sách dày gần 600 trang. Giá US$25.

Liên lạc: **Văn Mới**
1127 W. Gardena Blvd,
Gardena, CA 90247 – USA
Điện thoại: **(310) 366-6867**

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Văn phạm và Ngôn ngữ Việt Nam

Người giới thiệu: ***Đỗ Hải Minh***

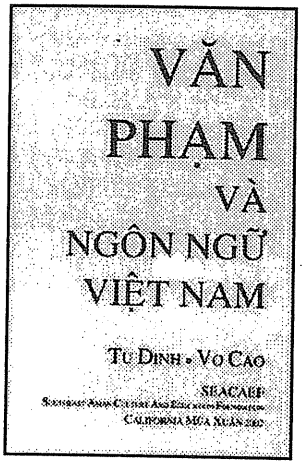

Sách ngôn ngữ của Tu Dinh và Vo Cao, SEACAEF (Southeast Asian Culture And Education Foundation) xuất bản, 223 trang, giá US$12.00. Liên lạc: SEACAEF, 17217 Blue Fox Cir., Huntington Beach CA 92647 - USA. Tel: (714) 847-0718.

Vào đầu thế kỷ 20 chữ quốc ngữ được công nhận là chữ viết chính thức của người Việt Nam. Nhưng phải đợi đến năm1940 quyển văn phạm Việt Nam đầu tiên mới ra đời; đó là quyển *Việt Nam văn phạm* của Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ và Phạm Duy Khiêm. Mười bốn năm sau, Bùi Đức Tịnh cho xuất bản quyển *Văn phạm Việt Nam*, năm 1954. Chín năm sau, Viện Đại Học Huế cho xuất bản quyển *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam (1963)*. Và cách đây 30 năm, Trung Tâm Học Liệu thuộc Bộ Quốc Gia Giáo Dục cho xuất bản quyển *Sơ thảo ngữ pháp Việt Nam* của Lê Văn Lý, năm 1972.

Quyển *Văn phạm và Ngôn ngữ Việt Nam* của hai tác giả Tu Dinh và Vo Cao vừa mới xuất bản dưới sự bảo trợ của SEACAEF (Southeast Asian Culture And Education Foundation) là một nỗ lực đóng góp vào công trình xây dựng và kiện toàn môn văn phạm Việt Nam.

Sách được chia ra làm bốn phần: phần I viết về phân tích văn phạm, phần II là phân tích luận lý, phần III bàn về chữ quốc ngữ, và phần IV là những đặc điểm của ngôn ngữ Việt Nam.

Phân tích văn phạm và phân tích luận lý dựa trên định nghĩa một cách rõ ràng và chính xác các từ loại và chức năng văn phạm của các từ loại. Khái niệm *nhóm chữ* – nhất là tĩnh từ nhóm và trạng từ nhóm—đã giản dị hóa trong nhiều trường hợp việc phân tích văn phạm, đồng thời tránh được sự chẻ vụn chữ nghĩa thường làm hại đến câu văn, và nhất là thơ.

Mục *Chấm câu* được viết rất đầy đủ và chính xác. Chấm câu có tác dụng tạo mạch lạc cho câu văn, và do đó góp phần quan trọng cho sự chính xác của ngôn ngữ. Từ trước đến nay, chưa có một quyển văn phạm Việt Nam nào trình bày cách chấm câu một cách tỉ mỉ và chính xác như quyển *Văn phạm và Ngôn ngữ Việt Nam.*

Phần ví dụ trong quyển sách rất phong phú và được chọn lọc trong kho tàng văn chương truyền khẩu (ca dao) và văn học thành văn (thơ, văn cận đại và hiện đại).

Trong chương nói về chữ quốc ngữ, hai tác giả đã trình bày từ sự cấu tạo, sự chuẩn hóa đến trữ lượng và sự phong phú hóa tiếng Việt. Như hai tác giả có nói trong quyển sách, lợi ích lớn nhất mà chữ quốc ngữ mang lại cho dân tộc ta là đã giúp cho nước Việt Nam nghèo nàn trở thành một nước có tỷ lệ người mù chữ vào hàng thấp trên thế giới (6%), và giúp cho văn học Việt Nam vượt qua khỏi ảnh hưởng của văn hóa Tàu để nhìn ra khắp bốn phương.

Sau cùng, bảng *Ngữ vựng đối chiếu Việt-Anh-Pháp* ở cuối quyển sách giúp cho người nước ngoài muốn tìm hiểu tiếng Việt có thể tra cứu các khái niệm căn bản về văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam được trình bày trong quyển sách.

Tuy nhiên, như bất cứ tác phẩm nào, quyển Văn phạm và Ngôn ngữ Việt Nam cũng có một vài điều sai sót mà chúng tôi nêu ra dưới đây.

Điểm sai lầm liên quan đến mạo từ *cái* . Theo hai tác giả thì mạo từ *cái* được dùng cho các danh từ chỉ *ý niệm* hoặc *vật chất*. Theo như chúng tôi hiểu thì mạo từ *cái* được dùng riêng cho các danh từ chỉ *vật chất* mà thôi: *cái* nhà, *cái* xe, *cái* quần, *cái* áo . . . Sở dĩ đôi khi người ta dùng mạo từ *cái* trước các danh từ chỉ *ý niệm* là vì người ta muốn *cụ thể hóa* các ý niệm ấy:

"Tạm yên, đủ ấm, vừa no,
"Cái buồn khôn xiết, cái lo khôn cùng.

Tản Đà

Đáng lý phải nói *nỗi* buồn, *nỗi* lo, vì buồn, lo là những ý niệm *trừu tượng*. Nhưng nếu dùng chữ như vậy thì câu thơ sẽ kém phần cụ thể và linh động. Cho nên nhà thơ đã dùng mạo từ *cái* trước các danh từ trừu tượng buồn, lo để làm cho các ý niệm này trở nên *cụ thể*, như có thể nhìn thấy, sờ được...

Trong Truyện Kiều thi hào Nguyễn Du đôi khi cũng dùng mạo từ *cái* trước các danh từ chỉ ý niệm trừu tượng để *cụ thể hóa* các ý niệm trừu tượng ấy:

"Lạ cho *cái* sóng khuynh thành,

"Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi!

Nguyễn Du

Điểm thiếu sót liên quan đến chữ quốc ngữ. Trong đoạn nói về lược sử của chữ quốc ngữ, hai tác giả đã bỏ quên vai trò của báo chí trong công cuộc phát triển và phổ biến chữ quốc ngữ; đặc biệt là Đông Dương tạp chí của nhóm Nguyễn Văn Vĩnh và Nam Phong tạp chí của nhóm Phạm Quỳnh.

Nói chung, ngoài một vài điểm sai sót trên đây mà ít có tác phẩm nào tránh khỏi, quyển *Văn phạm và Ngôn ngữ Việt Nam* của hai tác giả Tu Dinh và Vo Cao là một đóng góp khá quan trọng trong việc kiện toàn môn văn phạm Việt Nam, và là một quyển sách hữu ích cho các trẻ em sanh ra hoặc lớn lên tại Mỹ, những người giảng dạy tiếng Việt, và những người Việt quan tâm đến tiền đồ của ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, ở hải ngoại.

Nhớ Huế

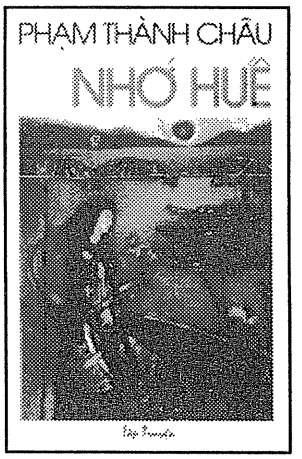

tập truyện của **Phạm Thành Châu**, tác giả xuất bản, 256 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Phạm Thành Châu 7004 Beverly Lane, Springfield, VA 22150 – USA.

Không cần xem tiểu sử tác giả ở bìa sau, chỉ cần đọc văn cũng đoán biết tác giả là người tốt nghiệp Quốc Gia Hành Chánh của Việt Nam Cộng Hòa, hãy còn trẻ tuổi ở thời điểm phải đi tù cải tạo năm 1975. Người mới ra trường đi làm thường còn đầy lý tưởng, và trong tình trạng độc thân thì chuyện mơ mộng yêu đương cũng nhiều, hai khía cạnh này thường lộ ra trong nhiều truyện của ông, dù là bối cảnh trước hay sau 1975, trong nước hay tại Mỹ. Dấu vết Quốc Gia Hành Chánh trong các truyện của ông gần như là một phần tự sự của một ông phó quận hoặc ông trưởng ty trẻ với các công tác trong một đất nước chiến tranh, rồi những lần gặp gỡ các bạn đồng trường đồng nghiệp xưa trên đất Mỹ, và rồi điều không tránh được là những mối tình thường vỡ nát như những cánh bèo tan tác với biến cố 75, để khi sóng gió tạm yên, dần dần tụ lại sau vài thập niên...

Khuynh hướng tâm hồn của tác giả là trong sáng và lạc quan, dù nhiều truyện đã cho thấy cảnh ngộ một số không nhỏ nhân vật của ông rất đáng thương, nhất là sau cuộc bể dâu 75. Ông không bi đát hóa các tình huống, trong cảnh khổ vẫn nhìn ra những nét đáng yêu, đáng ca ngợi của cuộc sống. Các cuộc tình trong truyện của ông thường dở dang theo hoàn cảnh nhưng vẫn có hậu, dù là cuộc tái hợp cần phải một thời gian có khi còn xa hơn Thúy Kiều với Kim Trọng nữa: dở dang từ 75, sau đó là tù đày, kinh tế mới, vượt biên, đi HO, rồi khi tạm ổn định ở Mỹ mới từ từ gặp lại nhau, thế là giá chót cũng tròm trèm hai mươi năm! Nhưng chẳng sao, vì tác giả tương đối còn trẻ ở thời điểm 75, nên hai mươi năm sau vẫn còn nhưng cuộc tái hợp đầy rung động. Nhiều trường hợp chỉ tái ngộ chứ không tái hợp (truyện Nhớ Huế, và đặc biệt, Buổi Chiều Ở Thị Trấn Sông Pha), nhưng lại bày ra một chuyện tình rất đẹp tạo một nỗi bâng khuâng nhẹ nhàng, tựa hồ nhắc cho độc giả biết rằng cuộc đời ai cũng ít nhiều có những giây phút tình yêu đầy luyến tiếc và đẹp đẽ như vậy.

Đọc xong cuốn truyện thì phải nhận là tác giả là một cây bút có duyên. Truyện nào cũng bắt gặp những nhận xét dí dỏm, lời văn gãy gọn hay pha chút bỡn cợt, xây dựng nên những câu truyện dù nghiêm trang hay bông đùa thì cũng đầy vẻ tươi tắn thông minh. Nếu câu "văn tức là người" là đúng thì người ta có thể đoán tác giả là một người rất linh hoạt và vui tính, đồng thời cũng nhạy bén trong nhận xét. Ông có cái tâm lành, muốn mọi chuyện kết thúc tốt đẹp và vui, nhiều trường hợp ông cười cợt nhưng chỉ là đùa vui chứ không ác ý, và từ một chỗ có lẽ ở đáy tâm hồn ông, lắm khi ông kết thúc câu chuyện với một suy nghiệm triết lý nhẹ nhàng nhưng không phải là kém sâu sắc.

Người Trăm Năm Cũ (quyển I và II)

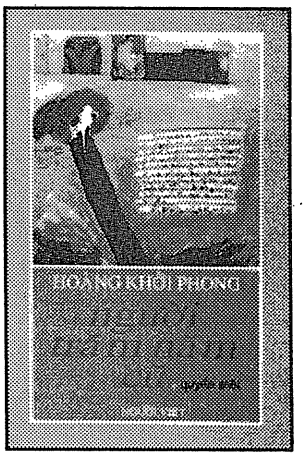

tiểu thuyết lịch sử của **Hoàng Khởi Phong**, Người Việt xuất bản, trọn bộ hai quyển dày 864 trang, giá quyển Một US$18.00, quyển Hai US$20.00. Liên lạc: Người Việt, 14771 Moran Street, Westminster CA 92683 – USA. Tel: (714) 892-9414.

Từ khi người Pháp chiếm và đặt nền đô hộ trên đất nước ta vào hạ bán thế kỷ 19, các cuộc khởi nghĩa và vận động giành độc lập đã liên tục xảy ra, có thể nói không thập niên

nào là không có, cho đến khi Pháp hoàn toàn bại trận ở Điện Biên Phủ vào giữa thập niên 50 của thế kỷ trước và rút chân hẳn ra khỏi Việt Nam. Tinh thần chống Pháp liên tục trong gần một thế kỷ đó là một bản trường ca tuyệt đẹp của dân tộc Việt Nam, giờ đây được nhà văn Hoàng Khởi Phong biến thành tiểu thuyết trong một bộ trường thiên dự định gồm sáu cuốn. Đây là hai cuốn đầu, bên dưới cái tên chung Người Trăm Năm Cũ còn có tên riêng *Trên Núi Đồi Yên Thế* để chỉ nội dung của nó là cuộc khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám.

Tiểu thuyết lịch sử nào cũng dựa vào tài liệu thật của lịch sử để làm cái sườn, rồi sau đó tác giả dùng trí tưởng tượng của mình mà bồi đắp nên câu chuyện với tình tiết phong phú như đời sống thật. Suốt gần chín trăm trang sách viết về chiến khu Yên Thế của Hoàng Hoa Thám, ta thấy sức khảo cứu tài liệu và sức hư cấu câu chuyện của tác giả đều cẩn thận và dồi dào gần như nhau. Nhờ thế cuốn sách như một ngôi nhà vững chãi vì có bộ sườn chắc chắn làm bằng vật liệu tốt, đồng thời nó cũng khang trang đẹp đẽ nhờ kiểu cách và kiến trúc có nghệ thuật. Từ năm đầu Hoàng Hoa Thám dấn mình vào con đường cứu nước 1892 cho đến năm 1913 ông mất và phong trào hoàn tan rã, độc giả đã được dẫn dắt vào biết bao là tình huống, hùng tráng hay hồi hộp, sảng khoái hay phẫn nộ, với những nhân vật lịch sử phía kháng chiến Việt Nam hay phía quân Pháp và triều đình đã được thổi sự sống vào để hành động, suy nghĩ, cảm xúc... trong cái không khí chính trị văn hóa cách đây hơn một trăm năm. Khắc họa cá tính của những nhân vật ấy là nghệ thuật, một Hoàng Hoa Thám lãnh tụ có tài mà bản chất nông dân, một Lê Hoan quan triều đình đa mưu và thâm hiểm, các sĩ quan Pháp đầy kiêu hãnh và đầy kinh ngạc khi đụng độ với lòng yêu nước của người Việt Nam... ; buổi gặp gỡ giữaPhan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp... ở Huế, cảnh Phan Chu Trinh và các bạn lên thăm tàu Nga ở biển Phan Thiết v.v... đã được diễn tả với nhiều tính chất tư tưởng và thời sự đã xa, đòi hỏi tác giả phải tìm tòi khảo cứu rất nhiều, và đó là những trang sách vừa có giá trị tư liệu, vừa nói lên được nỗi niềm của lớp sĩ phu một nước bị nô lệ đang dấn mình trên đường tìm kiếm độc lập cho non sông. Cái khó nhất trong việc viết tiểu thuyết lịch sử là tránh đem các đặc tính của thời sau khi tác giả đang sáng tác mà đặt vào khung cảnh của quá khứ. Từ quần áo cho đến ngôn ngữ, cử chỉ, đồ dùng và nhất là quan niệm, tư tưởng phải đúng với cái thời mà sách đang đề cập tới. Về mặt này, Hoàng Khởi Phong có nhiều cố gắng, tuy chưa tạo dựng hẳn được cái không khí thời xưa, nhưng đã tránh được cho độc giả cảm giác ngỡ ngàng với những câu hỏi, chẳng hạn: Một nhà nho của đầu thế kỷ 20 mà ăn nói như thế ư?

Hoàng Khởi Phong coi Hoàng Hoa Thám là "đại diện cuối cùng của lớp người chống Pháp chịu ảnh hưởng Hán học." Một vùng đồi núi Yên Thế đã được tác giả dựng lại như một điển hình, đại diện luôn cho các vùng chiến khu khác của Phan Đình Phùng, Cao Thắng, Nguyễn Duy Hiệu, Thiên Hộ Dương, Nguyễn Trung Trực... những người Việt Nam cổ truyền, chưa hề tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hóa Tây phương. Các bộ Người Trăm Năm Cũ khác mà tác giả dự định sẽ cho ra đời sau *Trên Núi Đồi Yên Thế* sẽ dựng lại các vận động của tinh thần yêu nước được tiếp nối bởi các thế hệ sau, gần chúng ta, hoặc đồng thời với chính chúng ta. Đó là một công trình lớn lao, dài hơi, đáng kính trọng, sẽ như những tấm gương để người Việt Nam thuộc nhiều thế hệ soi chung.

Đưa Người Tình Đi Tu

thơ **Cao Mỵ Nhân,** Tiếng Vang xuất bản, 111 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Dương Thái Hòa, 14918 Gerkin Ave. Hawthorne, CA 90250, USA. Tel: (310) 679-7965.

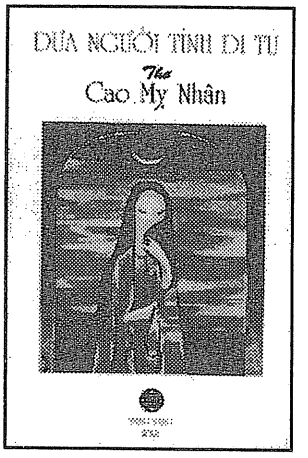

Cao Mỵ Nhân làm thơ từ thời còn là nữ sinh Trưng Vương ở Sài Gòn. Năm 1959 bà đã xuất bản tập thơ đầu tiên. Sau đó thành một nữ quân nhân thời chiến, Cao Mỵ Nhân tiếp tục làm thơ, những vần thơ nhuốm vẻ dằn vặt và phong sương. Bây giờ, qua bao đổi thay:

"Qua 'Đưa Người Tình Đi Tu' sẽ gặp một Cao Mỵ Nhân đĩnh đạc và ung dung mạnh bước vào con đường thiền định, trút bỏ mọi ràng buộc của thế nhân" như nhận định của nhà xuất bản.

Một tâm hồn thơ sống nhiều, trải qua nhiều nỗi thay đổi truân chuyên, nhưng không giây phút nào xao lãng phổ cảm xúc của sự sống vào vần điệu. Hiện nay tâm hồn ấy gặp được sự tĩnh lặng của thiền định.

Đứng bên này biển đông
Thấy bên kia mịt mù
Chân mây như rối loạn
Màu xám nhuộm hồn mơ.

Nếu bên này biển lặng
Bên kia rõ bến bờ
Vệt chỉ xanh biếc đó
Là quê hương trong thơ.

Đón đọc

KỶ YẾU MÙA HÈ

VIETNAM CALIFORNIA RADIO

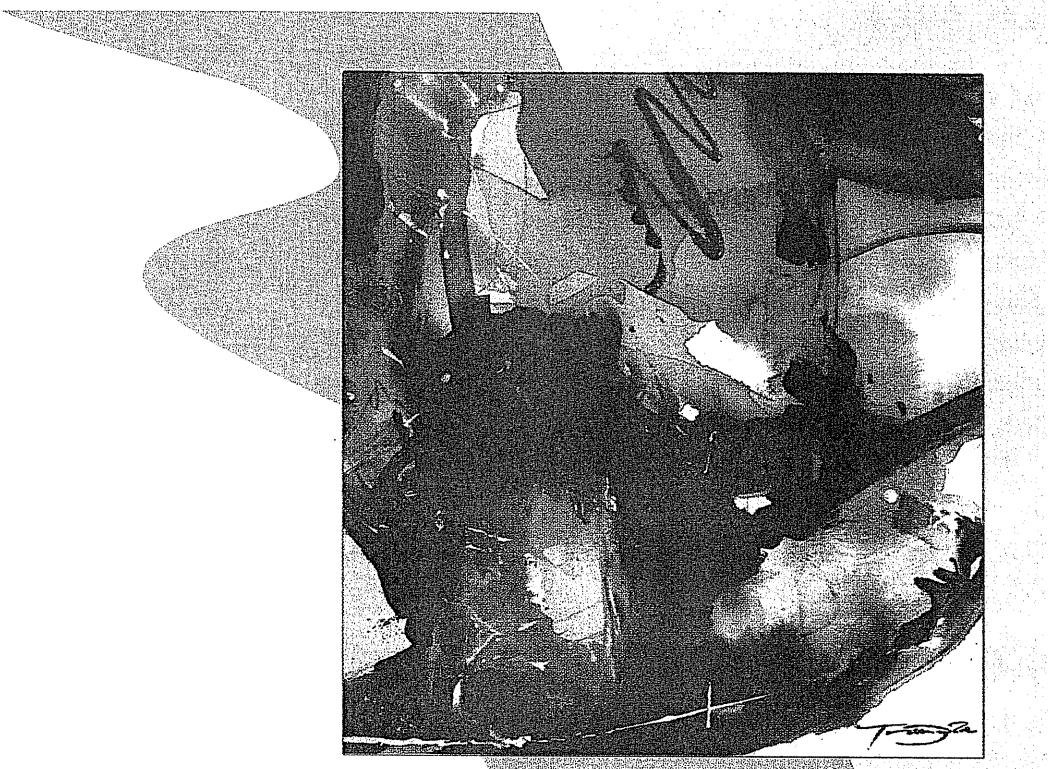

VNCR YEARBOOK 2002-2003

KỶ YẾU MÙA HÈ

Không thể thiếu
trong tủ sách gia đình

Xuất bản lần thứ 5

Phát hành: 29-08-2002

Bài vở hấp dẫn

Muốn nhận miễn phí xin gọi:
714-891-8162 &714-891-8172

TIN VUI CHO CÁC BỆNH NAN Y

THUỐC NGHỆ TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH NAN Y

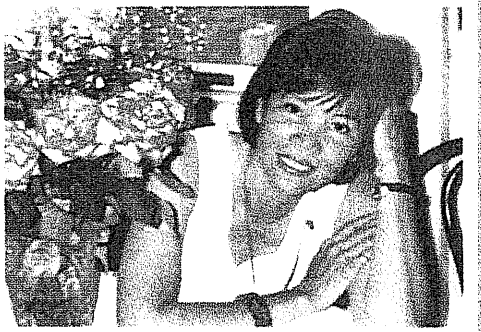

Nhà phát minh VÂN NGUYỄN

Siêu linh dược - Thần dược **CỦ NGHỆ** đã chữa trị thành công cho hơn 800 bệnh nhân có kết quả. Dưới sự hướng dẫn kinh nghiệm thiên phú những khám phá và phát minh. Cô **VÂN NGUYỄN** từ một bệnh nhân trở thành Nhà Phát Minh đặc chế ra các sản phẩm từ **Củ NGHỆ** để trị và phòng ngừa các chứng bệnh nan y.

ĐẶC TRỊ:

Bao tử viêm loét, no hơi, đi cầu bón hay phân sống - Hôi miệng - Ho kinh niên - Suyễn - Viêm họng - Lở môi, miệng, lưỡi - Sưng nướu răng. Ngứa - Phong - Sunburn - Viêm mũi - Viêm lỗ tai. Mụn cám, Mụn mủ, Mụn nhọt ở các chỗ kín - Da mặt xanh - Da mặt sần - đỏ - Lỗ chân lông lớn. Tóc rụng - Da đầu nổi mụn nhọt, ngứa, gầu. Nhức đầu kinh niên - Đau nhức thấp khớp.

Các đại lý và công ty bán cùng giá.
Sản xuất độc quyền U.S Patent

Cô BÍCH VÂN sau nhiều năm tự chữa trị lành các chứng bệnh nói trên đã phát minh ra nhiều cách chữa trị mới rất hiệu nghiệm đã được nhiều người khen tặng.

THUỐC ĐƯỢC BÀO CHẾ THEO CÔNG THỨC MỚI RẤT DỄ UỐNG

Ngoài ra, Nhà phát minh còn sáng chế một dụng cụ đặc biệt tốt hơn thuốc Viagra cho ***các ông bị yếu sinh lý*** **"Patent Pending"**. Đây là tin vui, nếu như các thứ thuốc trên thị trường và Bác sĩ chuyên môn không hiệu quả! Hãy liên lạc và tham khảo trực tiếp.

Ai đau khổ lâu năm vì các chứng bệnh trên hãy gọi ngay: **CÔNG TY SKIN EXPERIENCE**

1615 Forest Hill Ct., Crofton, MD 21114

Cô BÍCH VÂN - Tel: (301) 858-9448 & Fax: (301) 858-9874

WEB www.SkinExperience.com

Đại diện Công ty ở CA: Hỏi JULIE (949) 380-2661

Các Đại Lý có bán thuốc Nghệ tại California: Nhà Thuốc Thiên Nhiên (562) 218-2328

Nhà Thuốc Vạn Hồi Xuân (714) 893-2922 * Chợ Vanco (714) 530-2999 / (714) 843-1818 / (714) 531-7272

VISA - MAS. - 100% Guarantee Money Back

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - (714) 531-2091

THUỘC TỔ HỢP Y TẾ HMO: AMVI MEDICAL GROUP
CHƯƠNG TRÌNH CALOPTIMA: AMVI/PROSPECT 27

Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa
Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn, Phòng Điều trị Khẩn Cấp & Quang Tuyến

Các bạn đi làm hay trong chương trình CalOptima xin hãy chọn các Bác Sĩ:

Bác Sĩ Gia Đình:
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Bùi Thị Lãm Thúy, M.D.
Trần Lauren Yến Châu, M.D.

Bác Sĩ Nội Khoa & Người Già
Nguyễn Hữu Hùng, M.D.
Nguyễn Anh Tuấn, M.D.
Nguyễn Hữu Vượng, M.D.

Bác Sĩ Sản Phụ Khoa
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Hoàng Thảo Christine, M.D.
Phan Tuấn, M.D.
Trần Du, M.D.

Bác Sĩ Nhi Khoa
Nguyễn Văn Lộc, M.D.
Hoàng Quý Minh, M.D.
Ngô Phước Liêm, M.D.

Bác sĩ Giải Phẫu Tổng Quát
Văn Kỳ Chương, M.D.

Bác Sĩ Đau Nhức & Gây Mê
Paul Phạm Việt Anh, M.D.

Bác Sĩ Tim Mạch
Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm, M.D.

Bác Sĩ Đau nhức, Chỉnh Xương, Tai nạn Lao động
Hinh Chris, M.D.

* Trung Tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà không cần ở lại đêm.

* Trung tâm được công nhận bởi cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

* Đầy đủ các máy Siêu Âm, Máy Tâm Đồ, Máy Đo Tim, Máy Đo Độ Cứng của Xương để phòng ngừa và truy tầm triệu chứng rỗng xương, một trường hợp rất nguy hiểm cho quý vị.

* Chuyên trị các bệnh Nội, Ngoại thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Bệnh Người Già. Đau Nhức, Tê Thấp, Mất Ngủ, Tiểu Đường, Cao Máu, Cao Mỡ, Tai Mũi Họng, Bệnh Ngoài Da, Dị Ứng, Truy Tầm Ung Thư.

* Khám tổng quát định kỳ hàng năm, khám nhập học, nhập tịch, khám sức khỏe về VN kết hôn.
* Mời quý vị đón nghe Chương Trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group hàng tuần vào mỗi trưa thứ tư, từ 2:15 - 3:15 P.M. trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

Trung Tâm Y Tế Bolsa nhận Medi-Cal, Medicare, CalOptima, và các bảo hiểm PPO.POS, EPO sau đây:

*** AETNA**
*** BLUE CROSS/BLUE SHIELD**
*** BPS HMO**
*** CALIFORNIA CARE**
*** CIGNA**
*** FOUNDATION HEALTH**
*** HEALTH NET**
*** INTERVALLEY HEALTH PLAN**
*** MAXICARE**
*** ONE HEALTH PLAN**
*** PACIFIC CARE**
*** PRO-PATIENT**
*** PRUDENTIAL/PRUCARE/PRU PLUS**
*** SECURE HORIZON'S**
*** TOWER HEALTH**
*** UNITED HEALTH**
*** UNIVERSAL CARE**

AMVI Medical Group, affiliated with Fountain Valley Regional Hospital & Medical Center a TENETH HEALTH SYSTEM

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 53

GIẢI PHẪU THẨM MỸ & CHỮA TRỊ DA

NGỌC NỮ LADY BELLE *Beauty Clinic*

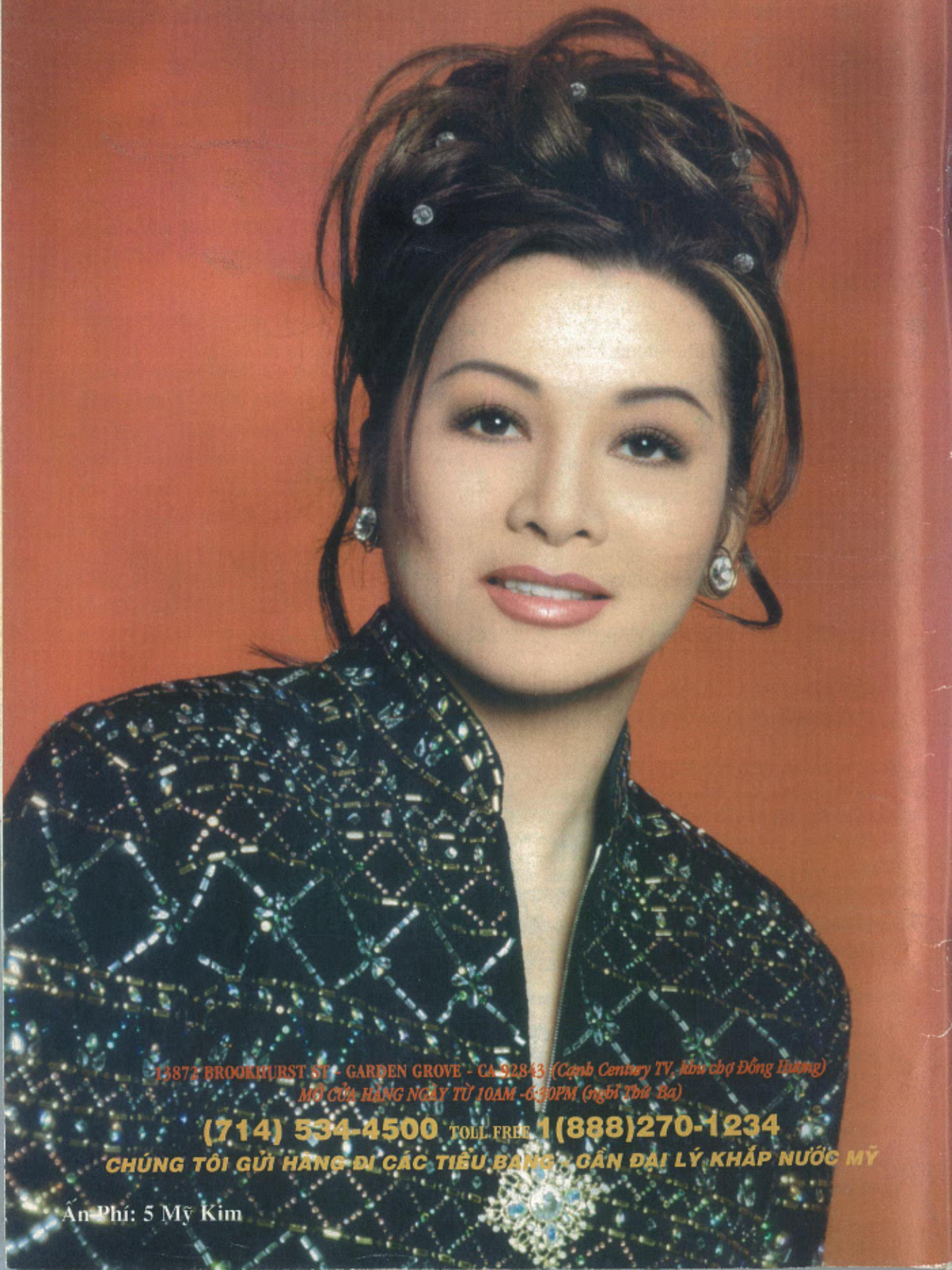

13872 BROOKHURST ST - GARDEN GROVE - CA 92843 *(Cạnh Century TV, Khu chợ Đông Hương)*

MỞ CỬA HÀNG NGÀY TỪ 10AM - 6:30PM (nghỉ Thứ Ba)

(714) 534-4500 TOLL FREE **1(888)270-1234**

CHÚNG TÔI GỬI HÀNG ĐI CÁC TIỂU BANG - CẦN ĐẠI LÝ KHẮP NƯỚC MỸ

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim